VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

lại bàn về nguyễn đình chiểu
nguyễn hữu lê ● đỗ ngọc yên
huyền thoại về cao bá quát
nguyễn đạt vận
tản mạn về chí phèo
lê minh hà
bên bờ suối
thảo trường

truyện
quỳnh giao ● trúc chi ● tâm thanh ● hoàng liên
tưởng năng tiến ● hà thúc sinh
inna malkhanova ● nhật nguyễn
thơ
ngu yên ● triều hoa đại ● nghiêm xuân hồng
nguyệt thu ● tường vũ anh thy ● phan minh khánh
cao thị nguyệt lãng ● lâm chương ● thiên yên
tạp ghi
nguyễn quốc trụ

SỐ 148 ● THÁNG 8 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 148 ● tháng 8, 1998

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN HỮU LÊ	3	quan hệ tư duy nghệ thuật và hình thái ý thức xã hội
ĐỖ NGỌC YÊN	11	di chứng chiến tranh...
NGUYÊN	19	*ai là tác giả?*
NGUYỄN ĐẠT VẬN	20	huyền thoại về cao bá quát
TRIỀU HOA ĐẠI	28	*cùng như lai*
LÊ MINH HÀ	29	tản mạn về chí phèo
NGHIÊM XUÂN HỒNG	35	*đường vào thiên thu*
QUỲNH GIAO	39	tìm về thiên thai
NGUYỆT THƯ	47	*yêu dấu*
TRÚC CHI	48	cành phượng tím
TƯỜNG VŨ ANH THY	63	*mơ hồ*
TƯỜNG NĂNG TIẾN	64	những phút ngã lòng
PHAN MINH KHÁNH	70	*bên chén mù sương*
HÀ THÚC SINH	71	đối đầu
CAO THỊ NGUYỆT LĂNG	79	*lá cỏ non*
TÂM THANH	80	không nỡ
HOÀNG LIÊN	98	cái còn lại
LÂM CHƯƠNG	106	*mưa rừng miền đông*
THẢO TRƯỜNG	108	bên bờ suối
INNA MALKHANOVA	123	các bạn đang làm gì nhỉ?
THIÊN YÊN	130	*bầy chim đen*
NHẬT NGUYỄN	131	rồi cũng qua đi
NGUYỄN QUỐC TRỤ	142	tạp ghi
VĂN HỌC	153	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	156	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

Thư Tòa soạn
Văn Học

Một trong những đặc điểm của văn chương hải ngoại là tầm rộng mênh mông của không gian. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc chúng ta, có một cuộc di dân lớn lao như thế. Người Việt có mặt hầu như khắp nơi trên thế giới, làm quen và thích nghi với những nếp sống lạ, tiếp thu những kinh nghiệm mới, lấy vợ lấy chồng người địa phương; tất cả những sự kiện ấy dĩ nhiên phản ảnh qua văn chương, tạo ra một sắc thái chưa hề có trong văn học Việt Nam. Chẳng những người Việt viết văn, cả những chú rể nàng dâu dị chủng của gia đình Việt Nam cũng đóng góp vào sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu chúng ta khám phá ra rằng đa số những nhà nghiên cứu Việt học hiện nay trên thế giới đều có vợ hoặc chồng người Việt Nam.

Cho nên trên số Văn Học này, bạn đọc sẽ tìm thấy một không gian bao la trải rộng từ lục địa này sang lục địa kia, từ truyện ngắn của nàng dâu Việt Inna Malkhanova viết ở Moscow cho đến cuộc tình thầy trò diễn ra trên một xứ sở cực bắc của Châu Âu (Na Uy), từ một trại học tập heo hút ở Miền Bắc Việt Nam cho đến một dạ tiệc họp bạn xảy ra trên đất Mỹ.

Không gian đã rộng, tâm sự của người viết còn rộng và rối rắm , dị biệt nhiều hơn. Kinh nghiệm đời khác nhau nên cách cảm nhận, suy nghĩ, cả cách dùng chữ cũng khác. Thay vì tự cô lập trong những nhóm nhỏ và mất hút trong cộng đồng thế giới, người viết đã tìm những diễn đàn chung như Văn Học để tìm sự cảm thông. Đó là lý do vì sao càng ngày Văn Học càng có nhiều người đóng góp bài vở, ý kiến, và bạn đọc cũng sẵn sàng đón nhận những ý kiến khác biệt để tự mình phán đoán và rút ra một kết luận. Không khí thảo luận về học thuật trở nên thân tình hơn. Đời sống phản ảnh qua các sáng tác cũng đa dạng phong phú hơn. Người này kể, người khác biết lắng nghe. Không gian rộng rinh cũng trở thành gần gũi. Văn Học xem đó là những dấu hiệu đáng mừng, cho sinh hoạt văn chương của cộng đồng người Việt ở xứ người.❐

Mối quan hệ cơ bản giữa tư duy nghệ thuật trong văn học và các hình thái ý thức xã hội

Nguyễn Hữu Lê

Tư duy nghệ thuật trong văn học có mối liên hệ chặt chẽ với mọi hình thái ý thức xã hội khác. Tuy nhiên, các ý kiến tranh luận học thuật xưa nay vẫn chưa gặp nhau ở chỗ chưa vạch ra được thực chất mối liên hệ lẫn ranh giới giữa tư duy nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội ngoài nó. Chỉ ra dấu hiệu quan hệ giữa văn học và chính trị chẳng hạn, các xu hướng mưu toan chính thống hóa văn học lại thường đồng nhất văn học với mục tiêu chính trị. Đó là chưa kể những đại diện của thể chế chính trị thường đứng trên văn học để chỉ tay năm ngón, gò cương bắt "con ngựa nghệ thuật" phải đi theo hướng chỉ của mình. Ở hướng ngược lại, như là một phản ứng tự nhiên đối với chính thống, người ta chối thẳng thừng mối quan hệ giữa văn học và chính trị, cổ động xu hướng "thuần túy văn chương" và xem văn học như một ốc đảo độc lập, không phiền nhiễu gì thiên hạ xung quanh nó cả.

Ở mỗi khuynh hướng trái ngược nhau kể trên đều chứa một phần sự thật.

Nếu đứng trên góc độ quyền lợi của chế độ toàn trị, văn học đóng vai trò tuyệt đối quan trọng trong quá trình chính thống hóa hệ tư tưởng thống trị xã hội.Chế độ phát xít quốc xã Hítler chẳng hạn, từng đánh giá rất cao giá trị thực dụng của văn học nghệ thuật đối với đảng quốc xã: "Tổ chức những người trí thức vào các hiệp hội không chỉ là mục đích mà trước hết là công cụ, nhằm nhồi nhét tư tưởng và tiêu chuẩn của đảng cho nghệ thuật và văn học. Sau khi đạt được sự thống soái chính trị tuyệt đối trên mọi lĩnh vực của đời sống nhà nước và xã hội, đảng phát xít không thể cho phép văn học và nghệ thuật đi ngược lại những quan niệm của đảng về cái hay, cái đẹp, cái xấu, cái tốt, anh hùng, lẽ công bằng...Ngược

lại đảng cần phải thấy những tư tưởng thẩm mỹ và tinh thần của mình bao trùm trên mọi sáng tạo nghệ thuật.

Trên cơ sở lập luận như vậy, đảng phát xít tự cho là có quyền giao nhiệm vụ cho những người trí thức; đồng thời đòi hỏi những tác phẩm của họ phải phù hợp với thị hiếu của đảng. Đảng phát xít xem văn học và nghệ thuật như những thứ vũ khí đấu tranh hay sự nghiệp giáo dục. Văn học và nghệ thuật chỉ có lợi cho đảng phát xít trong trường hợp duy nhất: dùng những phương tiện nghệ thuật để giáo dục nhân dân theo tinh thần và ý nghĩa tư tưởng phát xít, nghĩa là mang đến cho nhân dân những tư tưởng quốc xã dưới hình thức nghệ thuật." (Tr.76-77. Chế độ phát xít. Tác giả Jeliu Jeliev. Dịch giả Phạm Văn Viêm. Nhà xuất bản Saigon Press 1993)

Với một tinh thần triệt để không thua kém chế độ phát xít, các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây và những nước còn sót lại của hệ thống này cũng đã và đang đối xử với văn học nghệ thuật trên tinh thần như thế.

Cái sai lầm căn bản của chính sách nô dịch văn nghệ là ở chỗ ý nghĩa thực dụng tầm thường của nó. Văn học nghệ thuật xét trên ý nghĩa khách quan có thể có lợi hay có hại cho một thể chế chính trị nào đó hay một giáo phái nào đó. Điều này không bao giờ trở thành tiền đề cho cái hệ quả tiếp theo là văn học nghệ thuật phải chịu sự nô dịch chính trị hoặc tôn giáo. Chính trị và tôn giáo có thể lợi dụng những lợi khí của văn học làm phương tiện tuyên truyền cho mình nhưng đó là việc riêng của họ. Văn học nghệ thuật nói chung và tư duy nghệ thuật trong văn học nói riêng chỉ có mối liên hệ với ý thức chính trị hoặc tôn giáo với tư cách bình đẳng trong cùng dãy ý thức hệ tư tưởng. Đối với cơ chế chính trị thống trị xã hội, văn học nghệ thuật không có mối liên hệ khả dĩ ràng buộc nào ngoài tinh thần tự nguyện.

Với tư cách bình đẳng trong cùng dãy ý thức hệ tư tưởng, văn học nghệ thuật có mối liên hệ khá bền chặt với các hình thái ý thức xã hội khác trong đó có ý thức chính trị. Quan niệm văn học độc lập với chính trị chỉ đúng trong trường hợp trên: Mối quan hệ giữa văn học nghệ thuật và thể chế chính trị. Trong trường hợp tiếp theo, mối quan hệ cùng dãy ý thức hệ, văn học nghệ thuật tự nó tự nguyện đánh mất vị trí độc lập của mình. Nói cách khác, không thể có cái gọi là "văn chương thuần túy" nằm lơ lửng đâu đó bên ngoài các hình thái ý thức xã hội. Chỉ có điều văn học nghệ thuật quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác theo chiều ngược lại, chiều "có lợi" cho nó. Tư duy nghệ thuật trong văn học chẳng hạn biết đồng hóa ý thức chính trị, triết học, tôn giáo, đạo đức...cho mục tiêu gây hứng thú cho công chúng nghệ thuật của nó chứ nó không thể gánh chức

năng ngược chiều là làm minh họa cho các hình thái ý thức xã hội khác.

Đây chính là chỗ khác biệt giữa hai chiều ngược nhau khi khai thác ý nghĩa của một tác phẩm văn học. Nhà chính trị thực dụng thường soi mói xem trong hình tượng nghệ thuật có chứa nội dung chính trị gì, nó có lợi hay có hại cho chính thống chính trị để quyết định thái độ ứng xử kịp thời đối với tác phẩm và tác giả của nó. Trong khi đó công chúng nghệ thuật không giải mã theo cách đó.Đối với họ, điều quan trọng là tác phẩm có gợi cảm không, có gây được hứng thú hoặc khoái cảm nghệ thuật trong họ không. Bài thơ "Đạo phủ ngồi thiền" trong tập "Thơ vụt hiện trong phòng thẩm vấn" của Bùi Minh Quốc mới xuất hiện gần đây, gây sóng gió ồn ào trong nước là một ví dụ:

Đạo phủ giọng thật mềm:
Chuyện đã qua rồi, thôi cho qua mãi mãi
Xới lại làm chi những điều oan trái
Người chết cũng chết rồi, hãy để họ nằm yên
Mắt lim dim. đạo phủ ngồi thiền...
1995

Rõ là trong đoản thơ vừa nêu mách bảo bạn đọc một nghịch lý ít xảy ra trên đời này: Gã đao phủ sát sinh chuyên nghiệp bỗng đốn ngộ và... ngồi thiền. Đó là một phát giác thú vị. Nếu không bỏ trong ngoặc kép giọng của đao phủ mà thực ra là tác giả cố tình giữ nguyên lời lẽ đường mật của một thế lực chính trị nào đó, bài thơ này sẽ là một bài thơ vô thưởng vô phạt, không liên quan gì đến các ý tưởng chính trị. Điều quan trọng là biểu tượng đao phủ và lời lẽ đường mật của nó không phải ngẫu nhiên trùng hợp với một biểu tượng chính trị nào đó ở ngoài đời.Rõ ràng tác giả cố tình đồng hóa một biểu tượng chính trị thành một biểu tượng nghệ thuật: Sự trùng hợp của thói lừa đảo, dối trá trong biểu tượng đao phủ ngồi thiền (biểu tượng ảo) được khai thác từ lam bản của một biểu tượng chính trị có thật. Cái thành công của bài thơ không phải là hiệu năng ám chỉ một thế lực chính trị nào đó, cho dù hiệu năng này là thực tế không thể chối cãi.Bài thơ gây được hứng thú nghệ thuật trong công chúng vì khả năng chắp nối biểu tượng để có sự trùng hợp đáng kinh ngạc giữa biểu tượng ảo và nguyên mẫu của tác giả. Sau này, khi các xung đột chính trị đã thuộc về quá khứ, bài thơ này vẫn sống vì biểu tượng nghệ thuật thú vị của nó, nghĩa là sức sống của nó bền lâu hơn các tranh chấp chính trị thực dụng nhất thời. Nếu chỉ xét về ý nghĩa chống đối chính trị, bài thơ này hoàn toàn không gây nguy hiểm cho chế độ vì nó không nói lên được

điều gì mới mẻ hơn cái hiện hữu và nó chỉ gây cười chứ không cổ động hoặc thúc đẩy một động cơ nào khác. Nhưng xét về phương pháp tư duy nghệ thuật, đây là một bài thơ biết khai thác yếu tố chính trị để "làm lợi" cho nghệ thuật, gây được khoái cảm thẩm mỹ cho công chúng bạn đọc.

Thế nhưng nhà chính trị không khai thác bài thơ từ góc độ nghệ thuật. Ban văn hóa tư tưởng chỉ săm soi cái nghĩa bóng của nó và ra sức chứng minh hình tượng đao phủ nhằm ám chỉ ai.Đôi khi, sự lo xa của nhà chính trị lại giúp quảng cáo không công cho tác phẩm văn học mà nếu để một cách hồn nhiên chưa chắc đã được công chúng đặc biệt chú ý. Tôi dám đoan chắc rằng thay vì cứ lùng sục đe nẹt úp úp mở mở với tập thơ chui này, ngành văn hóa tư tưởng cứ lờ đi, thậm chí tiếp tay cho nó xuất hiện, sự thể sẽ không đến nỗi tồi tệ như bây giờ. Công chúng sẽ không bị chính trị kích động, mà sẽ đọc tập thơ như là một cách suy ngẫm về nhân tình thế thái để thở dài chấp nhận. Thế thôi.

Trong trường hợp ngược lại, khi người nghệ sỹ có thái độ đồng thuận với ý thức chính trị, hoạt động nghệ thuật của anh ta cũng không chỉ thuần túy minh hoạ cho học thuyết chính trị chính thống như cách hiểu của các nhà chính trị. Điều đáng thú vị là ngay trong trường hợp ngoại lệ, chế độ toàn trị dưới mọi hình thức cố nô dịch văn học cho mục tiêu chính thống của nó thì văn học vẫn cứ len lỏi được để tìm một chỗ đứng chật chội cho mình. Văn học chính thống không chỉ khai thác ý thức chính trị chính thống từ cái học thuyết xơ cứng khô khan của nó mà chủ yếu là khai thác từ tâm lý xã hội, lối sống cái ý thức hệ đã được chính thống hóa trong công chúng nghệ thuật.

Bây giờ đọc lại một số tuồng tích cải lương hoặc truyện Nôm giai đoạn trung thế kỷ, ta có cảm giác như đấy chỉ là những tín điều đạo lý học thuyết phong kiến được ghép vần phổ nhạc cho dễ nhớ, hoặc thông qua các tuồng tích để "chở đạo" cho sinh động hơn mà thôi. Tuy nhiên, những dư âm của công chúng nghệ thuật các thế kỷ trước còn sót lại với thời đại chúng ta không xét đoán như vậy. Đó là các cụ già không hội nhập nổi với nền văn minh thời đại chúng ta, vẫn cứ phải quay lại tuồng tích cổ để khóc thương cho một thời đã mất. Rõ là có một thời đạo lý học thuyết phong kiến không chỉ tồn tại trên bản khắc khô khan mà quan trọng hơn đã xâm nhập một cách mạnh mẽ vào đời sống tâm lý xã hội của công chúng nghệ thuật. Các truyện Nôm hoặc tuồng cổ kể trên chiều theo thị hiếu thẩm mỹ của thời đó: Cái đẹp phải gắn với cái đạo đức (cụ thể hơn nữa ở đây chính là cái đạo lý học thuyết phong kiến).

Chính vì thế, nếu như sai lầm của phương pháp luận nghiên cứu văn học trong thể chế toàn trị là chỉ lấy điều "lợi" cho cơ chế chính trị làm

mục tiêu nghiên cứu, vì thế nó không đạt tiêu chuẩn đặc thù chuyên ngành trong nghiên cứu thì ở một hướng ngược lại, ở các xứ sở tự do khi muốn khái quát đặc trưng của văn học trong chế độ toàn trị, người ta lại thiên về tính "nô bộc chính trị" của nó mà quên mất đặc thù của nền văn học này và vì thế đến lượt mình khuynh hướng nghiên cứu này cũng thiếu tính khách quan.

Ý kiến vừa nêu của tác giả bài viết này dựa căn bản trên các cuốn sách và bài báo của các phê bình gia hoặc bạn đọc người Việt hải ngoại khi nhận xét về nền văn học của phía Hà Nội. Đọc các bài phê bình này người đọc có ấn tượng là dường như công việc phê bình văn học đối với nền văn học dưới chế độ cộng sản thật dễ dàng. Người ta chỉ cần chỉ ra đặc thù nô bộc chính trị, tính công thức, sự thiếu vắng cá tính của nó là đã quá đủ, ngoài ra không cần biết gì thêm.

Khi thẩm định nền văn học dưới chế độ toàn trị, người phê bình trong trường hợp này chỉ so sánh đối tượng nghiên cứu với cơ chế chính trị hoặc hệ thống lý thuyết chính thống chính trị mà quên mất việc khảo sát đặc trưng của công chúng nghệ thuật của nền văn học này.

Những ngộ nhận tương tự không chỉ xẩy ra khi bình giá văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản mà còn xẩy ra cả đối với văn học quá khứ, ví dụ đối với văn học Việt Nam dưới thời phong kiến.

Cuộc tranh luận trên tờ *Văn Học* ở Mỹ vừa qua về tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là một ví dụ. Người khởi xướng tranh luận, anh Nguyễn Hưng Quốc phân tích một số bài ca dao dân gian có liên quan đến các nhân vật của Đồ Chiểu, từ đó cho rằng cần có một cách đánh giá khác truyền thống về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Cụ thể là thơ Nguyễn Đình Chiểu là loại thơ đạo lý, minh họa công thức và nó không phù hợp với thẩm định nghệ thuật chí ít là của thời đại chúng ta.

Nhận định này nghe ra phải tai quá và mới quá. Liền sau đó Thế Uyên nhiệt tình tán thưởng.

Thực ra, nhận định trên của nhà phê bình chứa một phần sự thật.Cái phần sự thật đó là: ở thời đại nào có chính thống chính trị cũng sẽ có sự xuất hiện đối cực của nó là phi chính thống chính trị; có chính thống văn nghệ thì tương tự cũng sẽ xuất hiện đối cực của nó là phi chính thống văn nghệ. Loại thơ dân gian cười cợt chính thống thời nào cũng có. Minh Huệ cho ra mắt bài thơ tụng ca lãnh tụ "Đêm nay Bác không ngủ" thì ngay sau đó dân gian có ngay bài thơ nhại lại đối lập với ý nghĩa nghiêm trang của bài thơ "thứ thiệt":

Đêm nay Bác không ngủ

Ngày mai Bác ngủ bù
Anh đội viên gật gù
Thì ra Bác khôn thật
Bác vuốt râu cười ngất
Khen Bác khen cả ngày...

Nghiêm trang đường bệ như chính thống tôn giáo mà dân gian vẫn không tha chòng ghẹo:

Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư
Ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu.

Loại văn học phi chính thống được chúng ta bây giờ tán thưởng là điều dễ hiểu.

Tuy nhiên, cần lật ngược lại vấn đề: Tại sao văn học chính thống từng một thời có công chúng nghệ thuật đông đảo của nó? Không có sức mạnh bạo lực nào cưỡng bức được công chúng yêu hay ghét một tác phẩm văn học. Trong trường hợp này câu trả lời chỉ có thể là: Đã có một thời văn học chính thống bắt gặp được công chúng lý tưởng của nó. Đây chính là đám đông đã bị chính thống hóa về mặt tư tưởng lẫn tình cảm. Đối với cộng đồng đã bị chính thống hóa về mặt tư tưởng, ý thức chính trị, đạo lý học thuyết ...không chỉ là bảng giá trị được gán ghép từ bên trên xuống mà còn là niềm tin, sự tự nguyện của mỗi cá nhân.

Đứng trên một hệ giá trị khác, người đời sau chê những kẻ tự chôn mình chết theo vua là "ngu trung", nhưng người trong cuộc lại chỉ thấy đó là hành vi hy sinh cao cả, lẫm liệt. Kẻ đứng trên hệ giá trị "tiền trao cháo múc" không sao chia sẻ nổi với đám đông "mù quáng" đã một thời giốc hết vàng trong túi ủng hộ Việt Minh, hoặc động viên đến giọt máu cuối cùng trong gia đình dâng hiến cho cuộc chiến chống Mỹ nhưng với người trong cuộc đó là một cử chỉ nghĩa hiệp, một cách ứng xử đẹp, một sự lựa chọn cao cả.

Cách nhìn từ bên ngoài, thiếu sự sẻ chia với người trong cuộc thường lấy bảng giá trị nhân bản thời đại mình để cưỡng hiếp quá khứ.

Cái trớ trêu của lịch sử chế độ cộng sản là được khởi đầu bằng những mục tiêu nhân đạo cao cả và kết thúc bằng thực trạng phi nhân, đáng cho muôn đời phỉ nhổ. Nghịch lý này phản ánh trong nền văn học nghệ thuật cộng sản: Một nền văn học một thời biểu dương cái cao đẹp, cái hướng

thượng để rồi sau đó chính nó tự vật vã với cái ngộ nhận đớn đau của mình.

Nhưng sự phá sản của một ý thức hệ không phải bao giờ cũng đồng nhất hoặc trùng khớp với sự phá sản của một nền văn hóa, văn nghệ. Không ai chối cãi rằng chính nền chính trị có cái khởi đầu hướng thượng cao cả đó đã khai sinh một nền văn học được công chúng nghệ thuật một thời tán thưởng. Công chúng nghệ thuật và là những người công dân say mê lý tưởng nhân đạo cao cả là chỗ bắt gặp bùng nổ đam mê với tác phẩm nghệ thuật. Người đọc bây giờ chê tác phẩm thời chiến tranh của miền Bắc là công thức, là thiếu cá tính, là đầy biểu tượng ước lệ, nhưng lại quên là cách tư duy của công chúng một thời cũng như thế.

Công chúng thời chiến tranh bên kia cầu Hiền Lương mê mệt đắm đuối một Chế Linh hay một Duy Khánh với giọng ca "ru ngủ" cả một thế hệ, nhưng ngược lại công chúng bên này cầu Hiền Lương lại mê mệt đắm đuối những lời ca đầy biểu tượng của lý tưởng "vì miền Nam ruột thịt". Không phải giọng ca Chế Linh, Duy Khánh không thể lọt qua mạng lưới bưng bít truyền thông để hướng sang bên này cầu Hiền Lương, mà cái chính là sức mạnh của chính thống chính trị đã lấn át được cái yếu mềm của con người cá nhân.

Chính vì thế, thay vì chỉ đứng ngoài chê bai cái công thức, biểu tượng của một nền văn nghệ, nhà nghiên cứu nghiêm túc cần tìm hiểu tại sao thời điểm đó cách tư duy nghệ thuật chắp nối biểu tượng thường gây được xúc cảm đam mê hơn là chỉ tả chân tỉ mỉ chính xác. Bản thân công chúng nghệ thuật thời đó không coi những bận tâm đời thường là lĩnh vực đáng quan tâm của nghệ thuật.Dưới mắt họ, biểu tượng tổ quốc giang sơn một mối; hình ảnh những đoàn quân rầm rập ra trận vì nghĩa lớn đẹp hơn tất cả.Những người đàn ông bị coi là bất hạnh khi vì một lý do nào đó không được ra "tiền tuyến" mà phải luẩn quẩn sân nhà với "vại nước cây cau". Bảng định giá này tồn tại khá bền bỉ trong công chúng và chỉ bị sụp đổ gần như tuyệt vọng sau năm 1975.

Tương tự như thế, Nho giáo khi đã được chính thống hóa trong công chúng nó mất đi vẻ ngoài tín điều khô khan và trở thành niềm tin thánh thiện của công chúng.Không chỉ riêng dân Nam Bộ mê các tích cổ trong cải lương chỉ quanh quẩn với đề tài Trung Hiếu Tiết Nghĩa...Ta cười cợt chàng Vân Tiên vì ta đã đứng ở một bảng định giá khác, nhưng dân Nam Bộ từng khóc vì Lục Vân Tiên vì họ đứng chung cùng bảng định giá giá trị của Đồ Chiểu. Không cần phải biện hộ cho Đồ Chiểu bằng lý thuyết "con người hảo hớn nghĩa hiệp Nam Bộ". Nhân vật của nhà thơ mù lòa này cũng chỉ là sự cụ thể hóa những giá trị của đạo lý học thuyết phong

kiến theo cách hiểu của người Nam Bộ, nhưng nó có sức hấp dẫn lớn vì nó bắt gặp những quan niệm về giá trị đã được chính thống hóa trong công chúng nghệ thuật.

Tương tự như vậy ta có thể khách quan đánh giá nền văn nghệ cộng sản dưới một nhãn quan thực sự biện chứng, những vấn đề thú vị của tư duy nghệ thuật sẽ tìm đến với chúng ta. Có rất nhiều tác phẩm minh họa chính trị một cách thô thiển trong nền văn nghệ cộng sản, điều đó không ai chối cãi nhưng những tác phẩm lớn từng thôi miên công chúng một thời cũng không phải là ít. Điều quan trọng là làm sao phân biệt chính xác chính thống chính trị với tư cách lý thuyết xơ cứng và chính thống chính trị đã được xã hội hóa trong tâm lý xã hội và lối sống của công chúng nghệ thuật. Nếu quên mất điểm này những khái quát ngỡ là sắc sảo của nhà phê bình thực chất cũng chỉ là một sự ngộ nhận đáng tiếc. Chính vì thế quá trình chuyển hóa của các hình thái ý thức xã hội từ tầng thượng xuống tầng trệt tâm lý xã hội-lối sống và ảnh hưởng hỗ tương giữa quá trình chuyển hóa này với tư duy nghệ thuật trong văn học cũng sẽ là một hướng khai thác cần được quan tâm đúng mức. ❐

Phân ưu

Nhận được tin thân mẫu của nhà văn Trần Doãn Nho

Bà Trần Hữu Trí,

nhũ danh Phan Thị Hỷ

pháp danh Nguyên Hương

vừa từ trần tại Huế ngày 18 tháng 7 năm 1998 (nhằm ngày 25 tháng năm Mậu Dần), hưởng thọ 91 tuổi.

Toàn thể Ban chủ biên và các văn hữu cộng tác viên Văn Học xin thành thật phân ưu cùng Anh Chị Trần Doãn Nho, và cầu chúc cho hương hồn Cụ Bà sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

Nguyễn Xuân Hoàng, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Mộng Giác, Châu văn Thọ, Võ Thắng Tiết, Nguyễn Minh Đức, Thụy Khuê, Nguyễn Khắc Phú, Ngu Yên, Nguyễn Khánh Hòa, cùng tất cả các văn hữu cộng tác viên.

Di chứng chiến tranh trong tư duy học thuật

(Trao đổi với ông Nguyễn Hoàng Đức)

Đỗ ngọc Yên

Bài: *''Đọc chơi... các bài luận về ca dao''* của Nguyễn Hoàng Đức in trên Văn học, Cali - USA số tháng 7/1998... phê phán một số luận điểm trong bài viết:*'' Nguyễn Đình Chiểu: Nghệ sỹ hay hủ nho''* của tôi đăng trên Văn học, Cali - USA, số tháng 6/ 1998 và một số ý kiến về ca dao và Nguyễn Đình Chiểu của các tác giả Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Minh Tường và Thế Uyên . Có thể nói,bài viết của Nguyễn Hoàng Đức là một ''bản tình ca phi cấu trúc'', gây ấn tượng tác giả gặp đâu nói đó, thích gì nói vậy; nói cốt cho xong, không đặng sướng, cũng không đặng đúng. Toàn bài là một hoạt kê danh sách người tham gia cuộc chơi với những lý lẽ dễ dãi, bông phèng. Nếu chúng ta cứ tiếp tục trao đổi kiểu này thì chỉ là một cuộc chơi vô phương đích, dù đích đó chỉ là chơi cho khoái. Để tiện theo dõi, tôi xin điểm lại mấy vấn đề theo trật tự bài viết của ông Đức.

1. **Về vấn đề văn chương bình dân và văn chương bác học** -Ông Nguyễn Hưng Quốc có lý khi ông cho rằng: *''Cái tục của ngôn ngữ, cái thô của hình tượng ở đây lại là những cái thực và là một sự sáng tạo. Nó phá đổ những khuôn sáo cũ kỹ và giả tạo trong văn chương bác học. Nó vứt bỏ những son phấn, mũ mão, đai hia để làm hiện hình những con người gần gũi với cuộc đời hàng ngày''*. Đây là một cách diễn đạt khác đi của Nguyễn Hưng Quốc khi nhận định về văn học dân gian nói chung và ca dao nói riêng. Trước đó, các nhà nghiên cứu văn học dân gian lâu năm, có nhiều đóng góp về lĩnh vực này và có uy tín trong nước và quốc tế như Vũ Ngọc Phan, Cao Huy Đỉnh, Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Lê Chi Quế, Bùi Văn Nguyên... đều có chung một nhận định tương tự như vậy. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hoàng Đức có quyền đưa ra nhận định riêng của

mình về vấn đề này, có thể hoàn toàn trái ngược với những nhận định trên, miễn là nó đúng và thuyết phục được người đọc.Nhưng tiếc thay,lý lẽ Nguyễn Hoàng Đức dưa ra phản bác Nguyễn Hưng Quốc lại quá dễ dãi và tư biện.

Ông Đức cho rằng: *"Trước kia có hơn 90% người Việt làm nghề nông khi cần phải viết đơn từ mọi người đều phải tìm đến người biết chữ với thái độ rất trọng vọng"*. Đúng là người Việt rất "Tôn sư trọng đạo". Nhưng vì hơn 90% là nông dân và thái độ trọng vọng người có chữ của người Việt mà đi đến quan niệm cho rằng giữa "dân quê" và "trí thức" không có mâu thuẫn là sai. Cái thói đời :

Trâu buộc thì ghét trâu ăn
Quan võ thì ghét quan văn dài quần

là thường thấy ở bất cứ xã hội nào của người Việt. Ngay trong tầng lớp kẻ sỹ còn có mâu thuẫn huống gì là giữa hai tầng lớp sỹ và nông. Mâu thuẫn ở đây là thói đời, chứ không phải là mâu thuẫn mà ông Đức mượn lời thần chú của cụ cố họ Các nói về mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Mặt khác, trọng vọng người có chữ là khi cần viết đơn, vì người Việt xưa kia không biết chữ. Nhưng như vậy không phải họ không biết mấy anh kẻ sỹ khi cần hành động thì nhát như cáy, nhưng lúc nào cũng nói liến thoắng mấy câu thánh hiền sáo rỗng, đi đứng thì mũ cao áo dài, xông xênh trông mà ngứa cả mắt (!).

Sự mâu thuẫn giữa ca dao và văn chương bác học trước đây không phải là mâu thuẫn giữa hai loại hình, hai phương pháp sáng tác, cũng không nằm trong mục đích chủ quan của chủ thể sáng tạo như cách suy nghĩ và lý giải của ông Nguyễn Hoàng Đức, mà nó nằm ngay trong bản thân nội dung cuộc sống của hai lớp người ấy với tư cách là cái được phản ánh trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Nội dung đối tượng khác nhau ắt sẽ phải có phương pháp và hình thức phản ánh khác nhau. Cách suy nghĩ như trên chứng tỏ Nguyễn Hoàng Đức còn đứng ngoài quá trình sáng tác và tỏ ra chưa từng trải nghiệm tâm lý của người sáng tác.

Tuy nhên,sau những cái sai cơ bản về học thuật ở trên, Nguyễn Hoàng Đức lại tỏ ra có lý khi ông cho rằng: *"Càng lao động mệt nhọc thì người ta càng thích nói tục... Nói tục đồng nghĩa với thả lỏng, thư giãn cơ bắp. Nói tục làm người ta liên tưởng tới khoái lạc, hay thú vui khi nghĩ về khoái lạc, hoặc giải toả sự căng thẳng về lý trí bằng cách xuôi con đò dục vọng xuống miền nhục thể, càng thấp càng tục, càng tục càng nhàn"*. Tôi thú vị cách lý giả này, nhưng không cho rằng nó có thể bác bỏ cách lý giải mà Nguyễn Hưng Quốc đưa ra.

2. Nguyễn Hoàng Đức cũng làm cái việc xây lâu đài trên cát khi bác bỏ cách thẩm âm hai câu ca dao mà Nguyễn Hưng Quốc đưa ra. Khi Nguyễn Hưng Quốc nói về vần ''ch'' trong ca dao Việt Nam thì Nguyễn Hoàng Đức lại nói về vần ''ch'' và ''ts'' trong tiếng Anh. Nếu không phải vì khoe vốn chữ tây của mình như là một bùa phép, thì đúng là râu ông Nguyễn Hoàng đã cắm vào cằm ông Nguyễn Hưng! Có thể biện hộ rằng râu họ Nguyễn lại cắm cằm họ Nguyễn, theo văn hoá phương Tây thì họ là quan trọng. Nếu không phải thế sao Nguyễn Hoàng Đức cứ gọi đối phương của mình là "họ Nguyễn",đó chẳng phải là cách ông lấy cái đại đồng thay cái tiểu dị, biến sự phê bình mang tính khách quan ,xã hội thành sự tự phê của dòng họ các ông ?! Trong chiến tranh việc huy động biểu dương sức mạnh dòng tộc là rất cần,nhưng tiếc thay đây lại là những vấn đề học thuật liên quan đến tư duy và trách nhiệm cá nhân...

Thực ra thì Nguyễn Hoàng Đức đã xây tiếp ngôi nhà của mình trên mảnh đất Nguyễn Hưng Quốc khai phá, nghĩa là bám vào tiền đề mang tính dị bản của Nguyễn Hưng Quốc để phản bác .

Ai cũng biết rằng văn học dân gian nói chung và ca dao nói riêng có đặc tính là sáng tác tập thể và truyền miệng. Tính ''tam sao thất bản'' của nó là khả lý. Một bài ca dao có thể có rất nhiều dị bản. Nguyễn Hưng Quốc bám vào dị bản:

Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó chạy rông trên bờ

để biện minh rằng: ''ở giữa hai câu bát là hai từ bắt đầu bằng phụ âm ''ch'' ''chó chạy'' mềm mại, ngân vang như một nỗi buồn tênh''. Thực tế ngoài dị bản trên còn có không ít hơn một dị bản khác thay cụm từ ''chó chạy rông'' bằng cụm từ ''chó ngồi trông'' hay "chó ngồi không'' mà nội dung ý nghĩa của bài ca dao vẫn không thay đổi. Như vậy ở đây chẳng có trắc cũng không có bằng, không có ''ch'' nhẹ cũng không ''s'' nặng nào cả mà chỉ là chuyện hai ông đã đối đầu trên chiếc cầu độc mộc của một con đường sai, chẳng khác nào chuyện hai con dê cùng qua một chiếc cầu trong sách tập đọc lớp Một phổ thông.

3. Nguyễn Hoàng Đức là tiếp tục dấn sâu vào sai lầm khi ôngviết : ''Nói đơn giản, cơ thể người ta quan trọng cái đầu hơn cái đuôi'', rồi viện dẫn câu thành ngữ: ''Đầu xuôi đuôi lọt'' để chứng minh cho luận điểm của mình . **Đầu** và **đuôi** ở câu thành ngữ này có gốc nghĩa đen là khi sinh nở nếu cái đầu ra được thì phần còn lại của cơ thể đứa trẻ cũng ra được , nhưng nghĩa bóng của nó không phải là ám chỉ cái đầu người, càng không phải là chỉ về cái đuôi của tổ tiên loài người để lại nơi cơ thể chúng ta mà các nhà khoa học gọi là xương cụt; mà có ý nghĩa nói về quá trình diễn

biến trong thời gian - đầu là cái trước, phần trước; đuôi là cái sau, phần sau, không liên quan gì đến ''những hình ảnh thượng tầng kiến trúc lý tưởng hoặc những đẳng cấp dẫn dắt tinh thần cho xã hội trong sạch, lành mạnh'' như Nguyễn Hoàng Đức đã tán. Nguyễn Hoàng Đức hình dung một nhà nước hình nhân cũng y như người nguyên thuỷ hình dung Chúa Trời hình nhân vậy. Nhưng cách ông coi thượng tầng kiến trúc là cái đầu, còn nhân dân là cái đuôi thì quả là ông có một trí tưởng tượng bảo hoàng! Cũng theo cách suy diễn và tưởng tượng tuỳ tiện này, Nguyễn Hoàng Đức còn tán tiếp về câu ca dao : "Em là cô gái đồng trinh, em đi bán rượu qua dinh ông nghè "rằng : ''Ngôn ngữ bập bềnh, nhún nhảy, reo vui như một chiếc yếm thắm, hay kín đáo ''chủ quan tính'' như một đồng trinh được đem ra khoe''. Sao cô gái đồng trinh lại biến thành một đồng trinh được ? "Cô gái đồng trinh" ở đây ý nói là cô gái nhỏ tuổi còn trinh tiết, chứ đâu phải cô như một đồng trinh, với ý nghĩa là đơn vị tiền tệ được đem ra khoe với các ông nghè ! Có lẽ Nguyễn Hoàng Đức quá đắm đuối đến mê muội với cách suy lý cổ điển của phương Tây, nên vớ được cái gì là ông suy diễn một cách tuỳ tiện theo logic hình thức dưới bộ mã có màu nghịch lý, bất chấp nội dung ổn định của đối tượng và khái niệm trong tư cách những tiên đề đối thoại hiển nhiên.

4. Cảm nhận của Giáo sư Nguyễn Minh Tường khi đọc thơ của cụ Đồ Chiểu là xác đáng và đúng với cách cảm của người đọc thơ. Giáo sư viết: *''Tôi đọc đời và thơ của cụ Đồ Chiểu thường bị một tâm trạng xót xa, thương cảm ngập cõi lòng. Đôi khi nghĩ tới cụ như một ông già mù loà với cấu trúc nhân cách hết sức độc đáo có thể sánh với bất cứ một nhân cách Cổ, Kim, Đông, Tây''*. Đấy là sự đồng cảm văn hoá mang tính chủ quan của Nguyễn Minh Tường với cụ Đồ Chiểu - một sự đồng cảm lành mạnh,t ỉnh táo, hợp tình hợp lý. Vậy mà rất tiếc Nguyễn Hoàng Đức lại đem lưỡi dao lạnh lùng của sự phê phán lý trí để mổ xẻ cảm xúc của người khác. Như vậy là ông không chỉ dùng dao giết trâu để thịt muỗi, mà còn tỏ ra nhẫn tâm với ông Nguyễn Minh Tường. Ở trên, Nguyễn Hoàng Đức cao giọng tuyên bố tôn chỉ của mình là ''Nhập cuộc như một kẻ đi chinh phục Nàng thơ - cuồng si - náo nức - và chẳng thiếu rụt rè''. Đến lúc Giáo sư Nguyễn Minh Tường làm đúng như tuyên ngôn của ông thì ông lại cho rằng đấy là: ''nước mắt trại tế bần'' với ý nghĩa là thứ cảm xúc thấp hơn khoa học. Trong khoa học có thể ít cần đến sự mủi lòng, nhưng trong nghệ thuật thì lại rất cần những xúc cảm mang tính văn hoá. Nguyễn MinhTường có thể là sai nếu quả ông đã đánh đồng nhân cách với lòng yêu nước và tinh thần tiến bộ, như Nguyễn Hoàng Đức chỉ ra. Nhưng theo tôi hiểu thì Nguyễn Minh Tường muốn nói đến nhân cách sáng tạo trong

nghệ sỹ Nguyễn Đình Chiểu, chứ không phải là nhân cách cá nhân trong con người công dân Nguyễn Đình Chiểu như Nguyễn Hoàng Đức đã hiểu. Bất cứ ai là người Việt cũng ít nhiều đều yêu đất nước mình cả. Nhưng từ sự yêu nước ấy chuyển thành nhân cách văn hoá,t hành tư duy nghệ thuật, phù hợp với tinh thần và khát vọng nhân văn của cả xã hội lại là một quá trình đặc thù chỉ có ở một số người trong đó có các nghệ sỹ lớn như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu.v.v.. Nguyễn Hoàng Đức có lý và sắc sảo khi ông cho rằng: *''Lịch sử cần những mảnh áo cũ để cất vào viện bảo tàng, nhưng cũng cần những mảnh áo mới để mặc... nếu quá khứ là một tài sản tất yếu của một dân tộc thì tương lai cũng là một tài sản tất yếu của dân tộc đó''*. Đúng, tôi nghĩ còn hơn thế nữa - một dân tộc nếu không lao tới chiếm lĩnh tới tương lai mà chỉ ngồi ôm khư khư lấy cái quá khứ, dù nó có huy hoàng đến mấy, thì đích thị đấy là một dân tộc thiếu bản lĩnh, luôn run sợ trước cái mới, trước mọi đổi thay, chỉ thích chui vào cái lọ sành đựng hài cốt của tiền nhân để ngủ say trong giấc mộng hão huyền. Nhưng Nguyễn Hoàng Đức đã sai lầm khi coi nhân cách văn hoá của Nguyễn Đình Chiểu chỉ là lòng yêu nước và chỉ là thứ tài sản thuộc về quá khứ. Nếu các biểu tượng văn hoá chỉ là quá khứ, thì chương trình văn hoá vì sự phát triển mà UNESCO đang chủ trương chỉ là một chương trình ngộ nhận và bịp bợm hay sao ?!

5. Tôi thật sự thất vọng khi ông Nguyễn Hoàng Đức cho rằng tôi: ''bị mắc lưới vào cái gọi là nhu cầu giải toả bức bách tâm lý'' của Nguyễn Minh Tường. Đây cũng là một sự áp đặt tuỳ tiện và dễ dãi và vô căn cứ. Bài của tôi và bài của giáo sư Nguyễn Minh Tường cùng in trên một số báo,sao lại có thể nói người này nói theo người kia ? Nếu có thể nói vậy,sao Nguyễn Hoàng Đức không nói giáo sư Nguyễn Minh Tường mắc vào lưới của tôi mà nói ngược lại ? Hay là ông bị ám ảnh bởi bằng cấp và học vị của giáo sư Nguyễn Minh Tường nên khăng khăng rằng kẻ có học vị thấp hơn hoặc không có học vị nhất định là phải bị ảnh hưởng hay a dua người có học vị cao hơn ? Tâm lý ngưỡng vọng các chức vụ khoa học,các bằng cấp là tâm lý vị thành niên trong khoa học,có thể hiểu và châm chước được, miễn nó không phải là tiền đề dẫn tới những kết luận áp đặt, vô căn cứ về người khác.Và đáng trách hơn là, quá tự tin với những suy diễn dễ dãi đó, ông đã xông vào tranh luận những vấn đề học thuật y như các nghĩa sĩ cần Giuộc ngày xưa"đạp rào lướt tới coi giặc cũng như không,phá cửa xông vào liều mình như chẳng có".Ta hãy xem vài luận điểm của triết gia liều mạng này.

Nguyễn Hoàng Đức cho rằng *''đánh giặc không cốt thắng mà cốt để giải toả các xung năng tâm lý là sự xung đột tiểu khí''*. Theo ông ''mọi

cuộc chiến tranh đều xoay quanh chiếm đất, tiền tài, vật chất, tôn giáo hay hệ tư tưởng'' rồi ông dẫn ra một ví dụ về cuộc chiến tranh thành Tơ-roa ''cũng là đi chiếm lại nàng Hêlen''. Thế mới hay ông Đức khá am hiểu về lịch sử phương Tây đấy chứ ! Chỉ tiếc rằng ông là người Việt Nam mà lại không chịu hiểu về lịch sử Việt Nam nói chung và lịch sử văn học Việt Nam nói riêng.

Cuộc kháng chiến chống Pháp hồi cuối thế kỷ XIX của nhân dân ta không hề xoay quanh một trong bốn điểm nóng trên, mà NguyễnHoàngĐức đã khéo xoay xoả cho nó trở thành tính phổ quát toàn cầu. Ông đã tỏ ra không có ý thức phân biệt những kẻ gây chiến tranh và những người chống lại chiến tranh . Bà con lục tỉnh vùng dậy chống lại thực dân Pháp chỉ đơn thuần là họ không muốn cho kẻ lạ mặt đến nhà mình, quê hương và đất nước mình. Đấy là cuộc khởi nghĩa nông dân tự phát do nhu cầu tự vệ tự nhiên của con người vì sự tồn vong của chính mình và của giống nòi, không hề là hành vi gây chiến nhằm vào các mục tiêu ''chiếm đất, tiền tài vật chất, tôn giáo hay hệ tư tưởng'' như ông Đức đã gán cho họ một cách sách vở và công thức.

Nguyễn Hoàng Đức chắc chắn chưa bao giờ đọc hoặc nghe ai kể về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của cụ Đồ Chiểu nên ông mới quả quyết như vậy. Tiện đây tôi xin lưu ý rằng: Cụ Đồ Chiểu là người vừa làm nghề bốc thuốc, vừa làm nghề dạy học. Khi Pháp chiếm lục tỉnh Nam kỳ và sự nổi dậy của bà con nông dân chống lại quân Pháp lúc bấy giờ thì cụ Đồ của chúng ta đã mù loà, không nhìn thấy gì, mà chỉ cảm nhận bằng tai cuộc chiến. Cụ không phải là người trải nghiệm trực tiếp chiến tranh mà chỉ cảm nhận và đồng cảm với bà con xóm giềng. Hình ảnh các nghĩa sỹ Cần Giuộc trong Văn tế của cụ là một minh chứng sinh động. Đây không phải là một phóng sự phản ánh trực tiếp cuộc chiến tranh lúc đó, cũng không phải là hồi ký của một nhà quân sự, mà là một tác phẩm văn học, một bài văn tế của cụ Đồ vì mù loà không ra trận được nhưng cụ muốn chia sẻ với các nghĩa sỹ, gia đình và người thân của họ về sự xả thân quên mình vì nghĩa cả, lòng nhân. Nói đúng hơn, các nghĩa sỹ Cần Giuộc chỉ là những hình tượng nghệ thuật , là cái cớ để tác giả giải bầy những cảm xúc, cùng nỗi niềm xót xa tiếc thương vô hạn của mình đối với thân phận đồng bào :"nợ áo cơm phải trả đến hình hài". Không rõ kiến văn lịch sử và quận sự của Nguyễn Hoàng Đức thế nào mà ông đã khái quát một cách hùng hồn rằng: ''Phương châm cốt tử của mọi cuộc chiến tranh là đánh nhanh, thắng nhanh''. Ông lý giải thế nào về việc từ những năm 40 dân tộc Việt Nam đã ''trường kỳ kháng chiến'' để giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp ?

6. Điểm cuối cùng cần trao đổi với ông Nguyễn Hoàng Đức là những vấn đề tâm lý học. Các nhà tâm lý học trên toàn thế giới từ Sigmund Freud, giáo sư trường Đại học Vienne (Áo) đến các giáo sư Phi líp G. Zimbardo, trường Đại học tổng hợp Stanford (Mỹ), giáo sư Ann L.Weber, trường Đại học tổng hợp Bắc Carolina (Mỹ), giáo sư Vư gốt xki (Nga) đến Giáo sư Nguyễn Khắc Viện và giáo sư tiến sĩ Hồ Ngọc Đại (Việt Nam) ... đều cho rằng các biểu hiện sợ hãi, lo âu, bồi hồi, xúc động, trầm uất, lãnh cảm, hoảng hốt, thích thú, khoái lạc... chỉ là các khía cạnh khác nhau biểu hiện các trạng thái tâm lý của con người. Vậy mà ông Nguyễn Hoàng Đức đã buông một câu xanh rờn: ''và sự giải toả sợ hãi (chứ không phải giải toả tâm lý) giải toả nỗi lo âu sinh tử đều được thực thi trước bởi ngoại giao nhằm kết thúc chiến tranh ở ranh giới cần thiết''. Ông Nguyễn HoàngĐức định làm một cuộc cách mạng trong tâm lý học hiện đại chăng, mà ông nói một cách thản nhiên như một ý niệm tiên khải được tư duy duy lý của triết học cổ phương Tây chắp cho nó đôi cánh của nữ thần tự do, để rồi nó bay lơ lửng trên bầu trời vô định, đến nỗi những khái niệm cơ bản nhất của tâm lý học thì dường như ông Đức chưa một lần biết tới ? Ông quả là một nhà khai sáng liều mạng vĩ đại.

Về vấn đề Stress, quả ông Đức hoặc đã dị ứng với nó hoặc là trước khi đọc bài của tôi ông Đức chỉ biết tới khái niệm Stress như một khái niệm bệnh lý mà chưa hề biết tới khái niệm này trong tư cách khái niệm tâm lý học. Trong bài viết *''Nguyễn Đình Chiểu: Nghệ sỹ hay hủ nho''* tôi đã trình bày một cách rõ ràng quan niệm của mình về Stress từ góc độ tâm lý học,phân tâm học. Vậy mà ông Đức vẫn cố tình không chịu hiểu nên trong bài viết của mình ông gọi Stress là một chứng bệnh. Xin thưa với nhà khai sáng vĩ đại Nguyễn Hoàng Đức rằng: Stress không còn là một chứng bệnh sinh lý, tâm lý cá nhân mà nó đã trở thành một vấn đề xã hội - nhân văn rộng lớn. Đối với các cộng đồng, dân tộc đã từng trải qua chiến tranh, hay trải qua những đột biến kinh tế xã hội thì Stress là một vấn đề không thể nào tránh khỏi đối với mỗi cá nhân cũng như toàn thể cộng đồng, như là biểu hiện của tính không thể thích ứng của tâm lý cá nhân, cộng đồng trước sự biến đổi mau lẹ của hoàn cảnh.

Đặc biệt Stress còn có mặt trong đời sống tinh thần của các nghệ sĩ, các nhà khoa học, các nhà sáng chế, phát minh với tư cách như là bà đỡ cho mỗi đứa con tinh thần của họ. ở họ nếu không có Stress thì cũng không có phát minh và sáng tạo. Nếu Stress là sự dồn lắng tích tụ các nhu cầu về mặt tâm lý, sinh lý thì quá trình sáng tạo chính là sự bùng nổ, sự giải Stress và kết quả của nó là các tác phẩm văn học nghệ thuật, các công trình khoa học hay các phát minh. Do vậy, cách đánh giặc của các nghĩa

sỹ Cần Giuộc ở trong Văn tế của cụ Đồ Chiểu chính là cách đánh giặc của nghệ sỹ Nguyễn Đình Chiểu, cái cách mà nhờ đó cụ đã tạo nên tác phẩm văn học, chứ không để tạo nên hiệu quả quân sự và chính trị như ông Đức hiểu một cách đơn giản,thật thà. Chỉ có quan niệm như vậy, chúng ta mới có thể hiểu được tạo sao các nghĩa sỹ của cụ Đồ Chiểu trong *Văn tế* (chứ không phải là các nghĩa sỹ bằng xương bằng thịt ở ngoài đời) đánh giặc lại :

Phá cửa xông vào liều mình như chẳng có
Đạp rào lướt tới coi giặc cũng như không

Đấy chính là yếu tố ''phi lý'' có thể chấp nhận trong các tác phẩm văn học nghệ thuật, còn ở ngoài đời lại không thể chấp nhận được. Sự khác nhau giữa văn học nghệ thuật và cuộc sống chính là chỗ này. Tác phẩm văn học nghệ thuật luôn vươn tới cái cần có, chứ không dừng lại ở cái đã có và cái đang có. Có như vậy nó mới khơi dậy trong lòng bạn đọc khát vọng vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn. Gorki, một văn hào Xô Viết có lý khi ông cho rằng nếu một bài thơ viết về một cái bánh mỳ mà không có gì khác cái bánh mỳ thì người ta sẽ chọn cái bánh chứ không ai chọn bài thơ cả.

Khát vọng muốn ăn sống nuốt tươi đối thủ là sự tiếp nối tính cách cương trực của người dân Nam bộ với nhu cầu sáng tạo trong con người nghệ sỹ Nguyễn Đình Chiểu mà trước đây còn ẩn chứa trong ông như những bức xúc văn hoá tích tụ từ những phản ứng lịch sử,xã hội. Phải chờ đến khi cảm nhận được gương quên mình quả cảm của người dân Cần Giuộc thì ông mới có cơ may để giải toả cái xung năng tâm lý ấy hay còn gọi là giải Stress. Động lực nội tâm trong quá trình nhào nặn các chất liệu đời sống trong lòng nhà nghệ sỹ là cái cốt tử để tạo nên các hình tượng và tác phẩm nghệ thuật. Nếu như chất liệu đời sống tuôn chảy tự nhiên, không thông qua quá trình sàng lọc, nhào nặn chủ quan của nhà nghệ sỹ thì cùng lắm cũng chỉ tạo ra được một bản photocopy về cuộc sống thực. Để có thể tạo nên được một hình tượng nghệ thuật vừa cụ thể độc đáo và sinh động, vừa phổ quát rộng lớn thì nhà nghệ sỹ không còn cách nào khác là phải huy động toàn bộ động lực nội tâm để vừa nhào nặn các chất liệu đời sống theo cách riêng của mình, vừa loại bỏ những yếu tố phi thẩm mỹ - nghệ thuật ra khỏi hình tượng, tác phẩm. Đấy chính là quá trình sáng tạo nên những áng văn bất hủ. Và về khía cạnh tâm lý đó chính là quá trình giải Stress.

Tinh thần xông xáo của ông Nguyễn Hoàng Đức khi xông vào những vấn đề học thuật là một nhiệt tình đáng quý,song nó đã phản tác dụng vì nó đã đem sự liều mạng thay thế những tri thức chính xác và những lập

ai là tác giả?
NGU YÊN

khi sinh ra
tôi có một tên cha mẹ gọi
khi chết
tôi có hai tên
một tên ghi lên mộ
một tên in trên sách
một tên trong danh sách đầu thai
một tên không bao giờ chết
tôi đầu thai đọc lại tôi

hai tên có chung một tiểu sử
có riêng hai cuộc đời
một người có tội với vợ con xã hội
một người có tội với thơ ca
họ ở bên nhau mà cô độc
vui buồn với nhau mà cô đơn
họ thương mến nhau rồi nguyền rủa
họ dày vò dù chấp nhận nhau

trước giờ phán xét
xin hỏi thượng đế gọi tên nào?
ai là kẻ có tội?
ai đáng được lên trời?

dưới trần gian
sách này của ai?

luận thuyết phục .Đây cũng là sự biến dạng của tác phong quân sự trong tư duy sáng tạo , nghiên cứu và hoạt động văn hoá - một thực trạng phổ biến trong nước hiện nay trong tư cách một di chứng của chiến tranh trong tư duy giống như di chưng của thuốc độc màu da cam vậy. Bài viết này ngoài mục đích đối thoại với Nguyễn Hoàng Đức về những vấn đề cụ thể còn có mục đích nhận dạng hội chứng liều mạng trong khoa học ở dạng thức bác học tinh vi của nó.❐

Lật trang sách cũ
Huyền thoại về Cao Bá Quát

Thanh Xuân-Nguyễn Đạt Vận

CAO BÁ QUÁT là một văn nhân hay chữ, viết đẹp, sống vào đầu thế kỷ trước; vì đường khoa cử gập ghềnh, đường hoạn lộ hẩm hiu, lại thêm cái án phản nghịch lúc cuối đời, nên đã nẩy sinh nhiều huyền thoại về con người tài hoa ấy. Những huyền thoại ấy không hoàn toàn đúng. Ngày nay dựa vào một số tài liệu đáng tin cậy mới được phổ biến ta có thể xác nhận huyền thoại nào sai. Còn vì lẽ gì người sau đã bầy đặt những huyền thoại về Cao Bá Quát thì chưa được rõ lắm.

Cao Bá Quát là anh em sinh đôi với Cao Bá Đạt, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc thuộc Bắc thành, con cụ đồ Cao. Vốn dòng thi thư, cụ đồ hay chữ đã lựa điển trong cổ thư Trung Hoa đặt tên cho hai đứa con trai những mong cho hai trẻ sau này cũng được hiển đạt như anh em Đạt-Quát thời nhà Chu bên Trung quốc. Tương truyền Đạt học giỏi và rất thông minh, nhưng Quát lại còn sắc sảo và linh mẫn hơn anh nhiều.

Muốn khảo về huyền thoại Cao Bá Quát, ta cần biết rõ là anh em Đạt Quát sinh vào năm nào? Có sách viết cặp anh em ấy sinh vào năm Canh Thân (1800). Có sách lại viết cặp anh em đó sinh vào năm Mậu Thìn (1808). Ai viết đúng, ai viết sai, hiện chưa có bằng chứng cụ thể chứng minh.

Trong đời, Cao Bá Quát đã đụng độ với sáu (6) người: người thứ nhất là Nguyễn Văn Siêu, người thứ hai là vua Minh Mạng, người thứ ba là vua Thiệu Trị, người thứ tư là vua Tự Đức, người thứ năm là Tùng thiện vương và người thứ sáu là Tuy lý vương. Sáu người này, sử sách có ghi rõ năm sinh và năm mất nên việc kiểm chứng huyền thoại không gặp nhiều khó khăn.

A. Huyền thoại liên quan tới tuổi tác

1. Anh em Đạt-Quát cùng đậu Hương tiến năm 14 tuổi.

Đậu Hương tiến tức là đậu khoa thi Hương, trước gọi là Hương Cống sau năm Mậu Tý, Minh Mạng thứ 9 (1828) đổi gọi là Cử nhân. Giả thiết hai anh em Quát sinh năm 1800 (Canh Thân), năm 14 tuổi đậu Hương tiến tất dự khóa thi Hương năm 1814 (Giáp Tuất) niên hiệu Gia Long thứ 13. Còn như anh em Đạt sinh năm 1808 (Mậu Thìn), năm 14 tuổi anh em cùng đỗ Hương tiến, tức phải dự khóa thi Hương năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Minh Mạng thứ 3 (1822).

Sự thật thì năm Giáp Tuất (1814) cũng như năm Nhâm Ngọ (1822) không có khóa thi Hương; các khóa thi Hương đều mở vào năm trước tức "khoa Quý Dậu" niên hiệu Gia Long thứ 12 (1813) và "khoa Tân Tị" niên hiệu Minh Mạng thứ 2 (1821). Lại nữa anh em Cao Bá Quát không đậu cùng một khoa; Cao Bá Quát đỗ trước anh một khóa, bằng chứng có thể tìm thấy trong cuốn "Quốc Triều Hương khoa lục".

– Cao Bá Quát đỗ Cử nhân khóa Tân Mùi, niên hiệu Minh Mạng thứ 13 (1831) tại trường thi Thăng Long. Lúc xướng danh, Cao Bá Quát đậu Á nguyên trên 20 người; khi bài thi đem về bộ Lễ duyệt lại, hội đồng đã giáng Quát xuống hạng chót, nên thay vì ở phương vị Á nguyên trường Thăng Long khoa ấy, Quát tụt xuống vị trí Điển quân của trường. Anh song sinh với Quát là Đạt không đỗ khoa ấy; làng Phú Thị có người cũng họ Cao nhưng mang tên Cao Xuân Nguyên đỗ cùng khoa với Quát, trước ở vị thứ 14, nhưng vì Cao Bá Quát bị giáng nên được đôn lên đỗ thứ 13 trên 20 người.

Năm Đinh Mão, niên hiệu thứ 6 (1807), vua Gia Long tái lập khoa thi Hương đã ấn định 6 năm mở một khóa vào năm Mão, năm Dậu, bộ Lễ chưa được lệnh duyệt hồ sơ quyển thi của những người vào "trường đệ Tứ"; danh sách "Cống sĩ" và "sinh đồ" được niêm yết trước cửa trường thi coi như là kết quả chính thức. Nhưng từ năm Ất Dậu, niên hiệu thứ 6 (1825), vua Minh Mạng đã đem lại cho trường thi Hương nhiều thay đổi: từ nay Hương thí trở lại ba năm mở chính khoa vào các năm: Tý-Mão-Ngọ-Dậu, ngoài chính khóa đôi khi còn mở thêm "Ân Khoa"; sau khi yết bảng lấy đỗ Cử nhân, Tú tài thì hồ sơ những người dự "Trường đệ Tứ" phải chuyển về bộ Lễ duyệt lại. Việc duyệt lại quyển của bộ Lễ đã đem lại cho sĩ tử Hương thí nhiều chuyện vui buồn vì có những ông Giải nguyên, Á nguyên bị giáng xuống hàng Điển quân, có ông Cử nhân bị cách xuống làm Tú tài, và cũng có ông bị cách tuột trở thành "Bạch Đinh" về làng chịu sưu dịch như người dân thường! Nhưng trái lại cũng có những ông Tú tài may mắn được nhắc lên hàng Cử nhân.

Một trường thi Hương nọ có "Mười" ông Cử nhân bị cách tuốt cho về làm bạch đinh, trong mười ông này sau chỉ có bốn năm ông thi lại đỗ Cử nhân mà thôi. "Thánh Quát" chỉ ấm ức là bị giáng hạng mà thôi.

Nay đan cử một ông Tú gặp vận may:

Khóa thi Hương năm Giáp Ngọ, niên hiệu Minh Mạng thứ 15 (1834), trường thi Thừa Thiên đã xảy ra một việc rất đáng ghi: Ban giám khảo lấy đỗ 30 Cử nhân, hồ sơ các thí sinh tham dự "trường thứ Ba" được chuyển lên bộ Lễ xét lại (từ khoa này vua Minh Mạng đổi thể thức thi Hương, thi Hội, các khóa sinh chỉ còn phải thi "Ba trường" thay vì "Bốn trường" như trước). Bộ Lễ thấy văn bài của "Tú tài Nguyễn Thể Trị" thông suốt nên đề nghị lên nhà vua cho lấy thêm Cử nhân và ông này được xếp vào hạng chót Cử nhân; năm sau ông ta thi Hội trúng cách, sau vào thi Đình đậu Tiến sĩ năm Ất Mùi niên hiệu Minh Mạng thứ 16 (1835).

– Cùng khoa Giáp Ngọ, niên hiệu Minh Mạng thứ 15 (1834), Cao Bá Đạt đậu Cử nhân thứ 5 trên 25 người tại trường thi Hà Nội; sau bổ Tri huyện Nông Cống, Thanh Hóa, được khen là người hay chữ và giỏi chính trị. Sau vì việc của Cao Bá Quát, ông tự tử. Dân huyện thương tiếc đã dựng đền thờ ông!

2. Cao Bá Quát gặp vua Minh Mạng khi nhà vua Bắc tuần.

Sử liệu xác nhận vua Minh Mạng đã tuần du Bắc hà vào năm thứ 2 tức năm Tân Tị (1821), vào quãng cuối năm, từ cuối mùa thu cho hết mùa đông và trở về đến kinh đô Huế vào đúng ngày cuối năm. Triều thần đã huy động khoảng vài nghìn binh lính từ kinh đô đi hộ giá.

Huyền thoại kể rằng: "Khi vua Minh Mạng ngự giá Bắc thành, Bá Quát không chịu lẩn trốn còn nhẩy xuống hồ bơi lội. Thấy đứa trẻ có tư chất thông minh, nhà vua truyền quân sĩ bắt dẫn tới trước mặt rồi ra câu đối..."

Theo nghi lễ phong kiến thì khi vua đi qua đâu, dân chúng hai bên đường và hương chức sở tại phải đặt hương án đốt trầm hương mà vái vọng. Xa giá đi tới đâu thì đoàn quân tùy tùng bao phủ chung quanh, nhà vua ngồi trên kiệu hay nằm trong cáng mắt làm sao có thể nhìn thấy nước hồ trong veo lại có con cá lớn đuổi con cá bé mà ra câu đối được?

Tại miền Bắc, cuối mùa thu suốt mùa đông thời tiết rất lạnh, mặc quần áo còn thấy rét mấy ai dám nhẩy xuống ao mà bơi lội, trừ những hôm trời nắng và nồm người trai tráng mới vội tắm trộm ngoài ao hồ một chút.

Khi vua Minh Mạng đi kinh lý Bắc thành thì Cao Bá Quát bao nhiêu

tuổi? Nếu sinh năm 1800, thì năm ấy cũng đã là một chàng trai 21 tuổi, có thể được sung vào đoàn người giữ trật tự trên lộ trình nhà vua đi qua; còn như sinh vào năm 1808 thì Cao Bá Quát mới lên 13 tuổi, ông đồ Cao vốn người thông nho học, ông có thể cho con mình chơi dại như thế không, vì khi mặt rồng nhăn lại thì cái án lưu đày dành cho người cha không biết dạy con cái khó tránh được. Gia đình cụ đồ Cao có dám mạo phạm đến ông vua mới không?

Tiện đây bàn luôn việc Cao Bá Quát tựa cửa trường học Nguyễn Văn Siêu để nghe "Thần Siêu" bình giảng bài cho đệ tử. Các sách đều xác nhận Nguyễn Văn Siêu sinh năm 1798 và mất năm 1872. Nguyễn Văn Siêu đậu Hương thí khoa Ất Dậu, niên hiệu Minh Mạng thứ 6 (1825) và xếp hạng Á nguyên trên 28 Cử nhân trường Thăng Long khoa ấy. Năm Mậu Tuất, niên hiệu Minh Mạng thứ 19 (1838) ông đậu Phó bảng. Thần Siêu đậu Hương thí trước Thánh Quát sáu năm, còn tuổi đời thì "Phó bảng Siêu" hơn "Cử nhân Quát" bao nhiêu? Hơn hai tuổi hay hơn mười tuổi?

Cao Bá Quát có thể kém Nguyễn Văn Siêu "mười" tuổi nên mới đứng lấp ló ngoài cửa trường ngóng nghe Nguyễn Văn Siêu đang giảng bài cho học trò.

2. Huyền thoại về con đường hoạn lộ của Cao Bá Quát

Có tài liệu viết rằng: tuy đỗ Cử nhân năm Tân Mão (1831) nhưng 10 năm sau, tức năm Tân Sửu (1841) Cao Bá Quát mới được bổ làm hành tẩu tại bộ Lễ. Tài liệu này được nhiều sách chép lại.

Trước hết ta cần hiểu "Hành tẩu tại các Bộ, Tào" là chức vụ gì?

Theo Hội điển của nhà Nguyễn thì "Hành Tẩu" không phải là chức quan. Đây chỉ là một danh từ đặc biệt để gọi chung các Sĩ nhân đã có học vị từ Cử nhân trở lên được lưu giữ tại kinh đô Huế, bộ Lại phân phối đi các Bộ hay các Tào để Sĩ nhân học việc trước khi được thực thụ bổ nhiệm đi làm việc tại các nơi, có thể là tại kinh đô, có thể là tại các trấn tỉnh.

Dưới triều Nguyễn có ba hạng nhân viên phải tập sự trước khi bổ dụng:

– Hạng thứ nhất là "Vị lưu thư lại" dành cho những người không có học vị, hoặc những người đã có học vị mà bị giáng. Sau một thời gian làm việc do thi tuyển hay do được cấp trên đề bạt, người "Vi lưu thư lại" mới được nhập ngạch và xếp hạng vào loại "Thư lại chính thức".

– Hạng thứ nhì là "Hành tẩu tại các Bộ hay các Tào" ở kinh đô. Nhiệm vụ này chỉ giao cho các "Cử nhân mới đỗ" hay các cử nhân khác còn nuôi ý chí tiến thủ đường "Thi cử Đại khoa".

Nhiệm vụ các Hành tẩu tuy là giúp việc tại các Bộ, các Tào nhưng chưa phải là "nhân viên có chức vụ"; hàng tháng mỗi Hành tẩu được cấp "hai quan tiền và hai phương gạo", không được cấp tiền quần áo hàng năm như viên chức chính ngạch. Các Hành tẩu có thể được đến Quốc tử giám đọc sách, nghe giảng hay bình văn để chuẩn bị "thi khóa Hội mới".

Triều nhà Nguyễn đặt lệ: tất cả các Cử nhân tân khoa đều phải về kinh tham dự thi Hội, người nào có lý do chính đáng mới được xin miễn, ai bất tuân bị coi như phạm pháp và bị cách tuốt học vị và có khi còn bị cấm thi nữa. Thí sinh trúng cách thi Hội được vào thi Đình. Lúc đầu những người vào Đình đối là "Học vị Tiến sĩ" nắm chắc trong tay, Phó bảng vào thi Đình; nhưng sau có lệnh những người thi Hội trúng cách đều được vào thi Đình và chính tại Đình thí mới có quyết định sắp hạng "Tiến sĩ" và "Phó bảng"; Tiến sĩ thì được cấp "cờ biển, quần áo", dự lễ truyền lô, danh sách được viết trên bảng rồng và treo ở Phú Văn Lâu ba ngày, còn danh sách Phó bảng được viết trên giấy thường, treo tại Phú Văn Lâu một ngày, sau đó gỡ đi.

– Hạng thứ ba là "Hậu bổ tại các Trấn thành". Lệ nhà Nguyễn ấn định là sau khi thi Hội xong, bộ Lễ duyệt lại điểm số những quyển không đậu "Đại khoa" chuyển qua bộ Lại cùng với điểm số kỳ thi Hương của các Cử nhân, hai bộ cùng nhau họp bàn xem ai nên khuyến khích cho vào Giám theo học thêm ba năm để ba năm sau dự thi Hội trở lại, ai có thể cho đi các trấn để "Hậu bổ", chờ địa phương có khuyết Giáo thụ hay Tri huyện thì địa phương trình về Bộ đề nghị bổ dụng. Hậu bổ chưa phải là một chức vụ và hàng tháng được trợ cấp ba quan tiền và ba phương gạo.

Hành tẩu và Hậu bổ đều là các Sĩ nhân "đã có học vị Cử nhân" nhưng chưa đậu Đại khoa, nay còn phải học việc trước khi được bổ chức quan; người Hành tẩu được trợ cấp ít hơn nhưng có cái lợi ở lại kinh đô gần nhà Giám tiện bề học hành chuẩn bị cho khóa thi Hội sau, còn người Hậu bổ học lực cứng hơn, cho đi các trấn tỉnh học việc để chờ bổ dụng ngay tại địa phương mình đang "Hậu bổ".

Còn "Vị lưu thư lại" chỉ là những nho sinh, thông văn tự, chữ đẹp giúp việc tại các bàn giấy và được trợ cấp mỗi tháng tiền một quan, gạo một phương và chờ đợi những kỳ thi tuyển lại dụng để được nhập ngạch "Cửu phẩm thư lại", lúc đó mới được coi là nhân viên thư lại chính ngạch.

Việc Cao Bá Quát làm Hành tẩu tại Huế sau khi đậu Cử nhân phải về kinh dự khóa thi Hội năm Nhâm Thân (1832) là điều đương nhiên và bắt buộc nếu đương sự không muốn gạch tên trên "danh sách Cử nhân năm Tân Mùi". Cao Bá Quát dự mấy khóa thi Hội mà không đỗ đại khoa thì chưa biết, như Nguyễn Văn Siêu, tuy được nổi danh là "Thần" và đậu Á

nguyên trường Thăng Long khoa Ất Dậu (1825) thế mà mãi đến năm Mậu Tuất (1838) tức 13 năm sau mới đậu được một chút "Phó bảng". Còn Cao Bá Quát làm Hành tẩu bao nhiêu lâu, bổ đi Giáo thụ Quốc Oai năm nào hiện chưa có tài liệu tra cứu rõ ràng.

Cao Bá Đạt đỗ sau em mà được bổ Tri huyện Nông Cống, còn Cao Bá Quát đỗ trước thì chỉ được bổ sung làm "Giáo thụ phủ Quốc Oai". Tại sao lại có sự kiện ấy? Có thể giải thích được là Cao Bá Quát vẫn mộng tưởng học vị "Đại khoa" vì triều Nguyễn ấn định rõ là: các Cử nhân đã có chức vụ rồi, dù là chức Chủ sự đều không được dự thi Hội nữa, nhưng những Cử nhân làm học quan như Huấn đạo, Giáo thụ, đang làm Hành tẩu hay còn Hậu bổ thì mới được ghi danh thi Hội.

3. Huyền thoại về con đường văn chương của Cao Bá Quát

Người đời truyền tụng câu "Thần Siêu Thánh Quát" và đồ rằng vua Tự Đức có câu khen:

"Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán; Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường."

rồi trong thời kỳ làm Hành tẩu tại Huế, Cao Bá Quát đã có nhiều câu nói ngông cuồng liên quan đến thi đàn của Tuy Lý vương và Tùng Thiện vương.

Theo sử liệu thì từ khi Cao Bá Quát đỗ Cử nhân đến khi chết, Cao Bá Quát đã làm việc với ba vua nhà Nguyễn: Minh Mạng (1820-1840); Thiệu Trị (1841-1847); Tự Đức (1848-1883). Trong ba vua ấy thì Thiệu Trị hiền nhất, Minh Mạng củng cố vương quyền, chính Minh Mạng đã ra lệnh đúc "Cửu đỉnh" đặt trước nhà Thế miếu tức là miếu thờ từ vua Gia Long trở đi; còn Tự Đức là ông vua hay chữ nhưng ôm mộng vọng đưa "Ấp thang mộc" đề trùm thiên hạ. Bằng chứng cụ thể, chính Tự Đức đã sửa lại cuốn truyện Kiều của Nguyễn Du vì cho rằng có nhiều câu không thích hợp cho vương triều rồi cho khắc bản in mới để phổ biến trong dân chúng, ngày nay được mệnh danh là "Bản Kinh" khác với những bản in tại Bắc hà phổ thông trong dân chúng được gọi chung là "Bản phương". Gán hai câu thơ trên cho Tự Đức chưa chắc đã đúng; nhà vua có khen chăng là chỉ khen thơ của chú ruột mình là Miên Thẩm, tức Tùng Thiện vương (1819-1870) và Miên Trinh, tức Tuy Lý vương (1820-1897).

Những lời phê bình cay độc về "Mạc Vân thi xã" của Tùng Thiện vương và Túy Lý vương có lẽ do người sau đặt điều ra vì mục đích gì thì chưa biết, còn như việc Cao Bá Quát chữa văn của vua Tự Đức hay viết trướng phúng triều Thanh không thể có được vì không phải lúc nào và bất

cứ ai cũng có thể gặp mặt vua nhà Nguyễn được, dù cho Cao Bá Quát văn rất hay, chữ tốt.

4. Cái chết bi thảm của Cao Bá Quát

Sau một thời gian làm Hành tẩu tại kinh đô Huế, Cao Bá Quát được bổ đi Giáo thụ phủ Quốc Oai. Về cái chết của Cao Bá Quát, chính sử có ghi rõ, nhưng không hiểu sao người đời còn đặt ra nhiều huyền thoại.

Việc thứ nhất là năm Giáp Dần, niên hiệu Tự Đức thứ 7 (1854), Cao Bá Quát đang làm Giáo thụ tại phủ Quốc Oai đã theo Lê Duy Cự làm quân sư và nổi quân chống triều đình nhà Nguyễn. Cuộc nổi loạn thất bại, ông bị bắt và tống ngục để chờ ngày xét xử; ngẫu cảnh sinh tình, Cao Bá Quát đã làm đôi câu đối:

"Một chiếc cùm lim, chân có đế; Ba vòng xích sắt, bước còn vương."

Rồi khi bị kết án xử trảm, Cao Bá Quát còn khẳng khái đọc câu:

"Ba hồi trống giục, mồ cha kiếp; Một lưỡi gươm đưa, bỏ mẹ đời!"

Cuối đời Gia Long, dụng cụ ngục thất được ấn định như sau:

– gông cổ nặng, dài lối 4 thước 7 tấc (1m88), nặng lối 20 cân trở lên, 21 cân trở xuống (12kg đến 12kg6) dùng cho những tù nặng đã xử án phải đem chém, đem thắt cổ chết ngay hay là giam lại đợi xét;

– gông cổ thường, dài lối 4 thước 7 tấc (1m88), nặng lối 17 cân trở lên, 18 cân trở xuống (10kg2 đến 10kg8) dùng cho những tù nhân về tội thập ác và tội ăn cướp, trộm cắp còn đương tra hỏi chưa xét án xong;

– gông cổ hạng ngắn, dài lối 2 thước 2 tấc (0m88), nặng lối 9 cân trở lên, 10 cân trở xuống (5kg6 đến 6kg) dùng cho tù phạm tội lưu giải đi ngoài đường hay đàn bà phạm vào tội phải xử tử còn giam lại đợi xét;

– xiềng khóa sắt dùng cho tù tội đồ giải đi đến chỗ phạm dịch;

– xiềng khóa sắt kép dùng để giải tù phạm tội đồ đến sở phục dịch;

– cùm chân, dài lối 1 thước 3 tấc (0m52), nặng 8,9 cân (4kg8 - 5kg4) cho đàn ông, 6,7 cân (3kg6 - 4kg2) cho đàn bà, dùng cho các tù phạm tội nhẹ chưa phải dùng thứ gông giải đi đường và các đàn bà bị bắt.

Cao Bá Quát dấy quân nổi lên chống lại vương quyền nhà Nguyễn là phạm tội nặng nhất trong "Thập Ác" đâu có được hưởng cái phong vị cùm chân, xích cổ như các trọng tội khác. Quát phải biệt giam trong "Tù xa" mới hợp lý. Cao Bá Quát tuy mới là Giáo thụ, chưa làm quan ngồi xử án nhưng cũng hiểu tội mình sẽ phải trừng phạt như thế nào rồi đâu có thể ngẫu hứng làm đôi câu đối tức cảnh:

"Một chiếc cùm lim, chân có đế; Ba vòng xích sắt, bước còn vương."

Có thể câu này do người sau làm ra trong một hoàn cảnh khác, nhưng

nhằm mục đích tuyên truyền nên đã mượn tên người xưa để khích động quần chúng.

Dưới triều Minh Mạng, Tự Đức, người phạm tội thập ác bị kết án tử hình và án tử hình được xử lý theo nhiều cách tùy theo án hình nặng hay nhẹ. Tử hình có bốn bậc: xử trảm, xử giảo, xử lăng trì, chém bêu đầu. Cho nên khi việc phản loạn của Cao Bá Quát mà đem ra xử thì cái "án lăng trì" nắm chắc đâu có được "hưởng một nhát dao" để có thể thốt ra câu:

"Ba hồi trống giục, mồ cha kiếp; Một lưỡi gươm đưa, bỏ mẹ đời!"

Cùm lim, xích sắt và án trảm quyết chưa phải là hình phạt triều Nguyễn dành cho Cao Bá Quát. Vua Tự Đức đang cần thị uy để trấn áp mọi mưu toan giành giật quyền hành của ông ta thì Cao Bá Quát phải lĩnh cái án lăng trì hay bêu đầu để mong hòng làm khiếp sợ những ai còn mưu toan chống đối.

Sự thật thì:

1. Theo Quốc Triều Hương khoa lục, thân thế sự nghiệp của Cao Bá Quát được ghi lại như sau:

Cao Bá Quát

(Anh em cùng thi đậu)

Người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm. Em Cao Bá Đạt. Nguyên đậu thứ hai (Á nguyên trên 20 Cử nhân). Bị bộ duyệt truất xuống thứ 20/20 (Điến quân). Rất có tiếng về văn học.

Làm quan tới chức Giáo thụ Quốc Oai, bị bệnh về nghỉ. Năm Giáp Thân nổi loạn, bị quan quân bắn chết.

2. G.S. Trịnh Văn Thanh trong bộ "Thành ngữ, Điển tích, Danh nhân tự điển" dẫn rằng theo "Đại Nam thực lực chính biên" cuốn sử do triều đình nhà Nguyễn viết và ấn hành thì viên Xuất đội Đinh Thế Quang có công bắn chết Cao Bá Quát tại trận được thăng lên chức cai đội.

3. Hoàng Ngọc Phách và Kiều Thu Hoạch trong cuốn Giai thoại Văn học Việt Nam viết: "Cao Bá Quát tên chữ là Chu Thần, quê ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh... Sau khởi nghĩa chống lại triều đình, bị tử trận, con cháu đều bị Tự Đức bắt giết hết."

Sử liệu rõ ràng như vậy nhưng vì sách vở không được phổ cập đến dân chúng nên người ta đã bóp méo sự thật, phổ biến hình ảnh sai để kích động quần chúng với một mục đích gì đó.

Nhân đây người viết cũng kể lại một huyền thoại về cái chết của Cao Bá Quát trong lúc thiếu thời: người ta bảo rằng khi lưỡi đao vừa chặt Cao Bá Quát thành hai đoạn thì có lính Hỏa bài lông gà đem lệnh từ Huế ra đại xá cho Cao Bá Quát! Nếu vậy thì cái án biệt xứ của Cao Bá Nhạ tính sao đây?❐

Cùng Nhu Lai

TRIỀU HOA ĐẠI

tôi, buổi sáng ra đời
tiếng kêu nghe rất lạ
chạm mưa trên ghềnh đá
ướt sũng giọt thiên thu

ở lại một ngày kia
tôi vừng trăng rất khác
giòng sông trôi khuất lấp
thổi tiếng hát di dâu

tôi biết tôi từ đấy
đã có nhiều Nhu Lai
một con mắt quạnh hiu
hai con không cụa nổi

chiều, trên đồi mua vội
còn lại một con ngươi
lũng thũng. bóng và tôi
đầy mặt sông lá biếc

ghé. chiều nay ẩm ướt
quên gói kín vừng trăng
đốt lửa qua mùa đông
sáng ra. tôi, bóng khuất

rừng , nở bông hoa . chậm
tôi ở cùng Nhu Lai
suốt cả buổi chiều nay
tôi ngồi. tôi khóc mãi

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc Triều Hương khoa lục, của Cao Xuân Dục. 2. Khâm Định Đại Nam hội điển, Nội các triều Nguyễn. 3. Thành ngữ, Điển tích, Danh nhân, của G.S. Trịnh Văn Thanh. 4. Giai thoại làng Nho, của Lãng Nhân. 5. Việt Nam tự điển, của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ. 6. Giảng văn về Cao Bá Quát, của Lam Giang.

Tản mạn về một điều không mới

(Nhân nghĩ về một thực tế giáo dục cũ)

Lê Minh Hà

Giản dị và đau xót như chính cuộc đời đã hiện hữu và đang hiện hữu, ấy là văn Nam Cao; với những "Trăng sáng", "Nửa đêm", "Nước mắt", với "Mua nhà", "Đời thừa", "Sống mòn", "Những chuyện không muốn viết"; với những "gã", những "y", những "mụ", những "thị", những mẩu đời cơ khổ; những mảnh hồn rách nát trong sự tự dằn vặt, chiêm nghiệm. Và đó còn là "Chí Phèo".

Trong chương trình giáo dục ở Việt Nam hiện nay, tác phẩm này chưa bao giờ thôi có mặt như là một tác phẩm tiêu biểu cho trào lưu văn học hiện thực phê phán phát triển mạnh thời trước 1945 và bị khai tử song song với sự khai sinh của cái gọi là Văn học Hiện thực Xã hội chủ nghĩa. Không chỉ thế, tác phẩm "Chí Phèo" còn được coi là tiêu biểu cho cá tính sáng tạo của Nam Cao.

Đúng! Không sai! Nếu như học sinh nhiều thế hệ qua không bị định hướng bởi một cách thụ cảm văn học dung tục, khởi đi từ một chuẩn mực chính trị có sẵn, biệt lập với văn học. Từ đó, người ta đã đi tới một kết luận mang tính võ đoán rằng kết thúc bi quan của tác phẩm là một biểu hiện của sự bế tắc trong cảm quan hiện thực của Nam Cao; rằng hiện thực đã không được mô tả trong bước phát triển cách mạng; nghĩa là nhà văn đã không xác lập được cho anh Chí (Phèo) đường tới với Cách mạng. (Hay Cách mạng đã không tìm thấy để giác ngộ Chí Phèo đây?)

Sự thụ cảm dung tục thế này là hết sức phổ biến suốt cả nửa thế kỷ qua ở miền Bắc Việt Nam nói riêng, suốt hai chục năm qua trên phạm vi toàn quốc nói chung. Trên con đường tới với văn chương - một hình thái

biểu hiện riêng biệt của cái Đẹp, mỗi người, từ thuở học trò đã phải gánh theo đủ thứ tiêu chí méo mó về chính cái đẹp đó: Hiện thực xã hội xã hội chủ nghĩa; Con người mới xã hội chủ nghĩa; Sứ mệnh của nhà văn dưới xã hội xã hội chủ nghĩa bất kể là, hay không là đảng viên v.v... Sự thiếu hụt trong khi xây dựng những chuẩn mực chấp nhận được về cái đẹp,sự thiếu hụt không nằm trong hiện thực đời sống mà là trong hiện thực tâm linh con người đã dẫn tới một thực tế bi hài: tất cả các tác giả lớn của văn học trước 1945 (dù là Nguyễn Trãi hay Nguyễn Du; dù là Vũ Bằng hay Vũ Trọng Phụng v.v...) đều ít hay nhiều bị coi là phản động.

Không thể phủ nhận những hạn chế lịch sử mà các tác giả ấy (kể cả những tác giả lớn nhất - những cá nhân vang danh nhất trong lịch sử dân tộc) không thể vượt qua. Nhưng cắt nghĩa căn nguyên những hạn chế đó bằng cách cho rằng các tác giả không được trang bị kiến thức về chủ nghĩa Mác Lênin nói chung và phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa nói riêng thì đúng là một sự võ đoán không thể chấp nhận. Nếu nói bằng những ngôn ngữ của những người cộng sản, đó chính là biểu hiện của lối tư duy siêu hình thô thiển ở mức siêu. Chủ nghĩa Mác rất cần và có thể được đặt đúng vị trí. Ở vị trí đúng ấy, chủ nghĩa Mác là triết thuyết cần có trong hành trang của bất kỳ ai thời hiện đại và tác giả của nó là một con người vĩ đại, dù đầy ảo tưởng, cũng như Hegel, Kant v.v... với những triết thuyết đã và vẫn đang làm đầy lên kho tri thức của nhân loại.

Người ta có thể và cần phải được tự do lựa chọn cho mình một triết thuyết, cũng như có thể tự do chọn lựa tôn giáo nếu các tôn giáo ấy, triết thuyết ấy không cổ võ cho sự tàn diệt con người. Ấy là một thực tế ở những xã hội pháp trị - nơi mà dân chủ (trong ý nghĩa không tuyệt đối của nó) là một tiêu chuẩn không thể không có. Thực tế đó - tiếc thay - chưa bao giờ là thực tế ở Việt Nam, vẫn chỉ tồn tại trong các cương lĩnh đấu tranh của các tổ chức (chưa phải là lực lượng) đối lập; hoạt động hầu như mới chỉ ở ngoài Việt Nam. Trên bình diện văn chương, đây chính là căn nguyên sâu xa làm cho các tác giả lớn, kể cả các tác giả mới được phục hồi gần đây (như Lê Đạt, Trần Dần; Hoàng Cầm, Phùng Quán; xa hơn nữa là Vũ Trọng Phụng v.v...) hay các tác giả mới bị vùi dập cũng gần đây (Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Dương Thu Hương v.v...) luôn bị đánh giá vừa nghiệt ngã, vừa hời hợt. Với những nhân cách lớn; lời ca ngợi không sát thực luôn là một sự sỉ nhục . Nhưng trong một thể chế chính trị như thể chế đang hiện hành, họ hầu như chỉ có thể im lặng, chết đã đành mà sống cũng thế. Như thế, suốt mấy chục năm qua.

Nam Cao cũng không phải là một trường hợp dị biệt. Ông không bị "đánh" như người cùng thời với ông - Vũ Trọng Phụng - đã bị "đánh" bởi đã trót là kẻ sáng tác những tác phẩm để đời như "Giông tố". Song nếu ông không nằm xuống dọc đường chiến tranh, có lẽ, ông cũng khó có thể tránh được nỗi đau trước việc đứa con tinh thần của mình bị người ta làm cho xa lạ với mình, như đã trình bày ở trên về cách hiểu mang tính phổ biến ở Việt Nam về "Chí Phèo".

Tôi thử hình dung rằng ông không "nằm xuống" sớm, ông tiếp nhận tuốt tuột đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng ở mọi thời kỳ, ông viết lại Chí Phèo và cho in lại (lần 1; lần 2; v.v...) sau khi kháng chiến chống Pháp thành công. Ở tác phẩm Chí Phèo giả tưởng này, anh Chí sẽ thôi không còn bị gọi kèm tên Phèo nữa, anh thất tình Thị Nở, anh bỏ làng ra đi và được Cách mạng giác ngộ, anh trở thành một cán bộ cộng sản với thành phần xuất thân được coi là "cơ bản", anh về làng nhen nhóm phong trào cách mạng và trở thành người lãnh đạo trong bóng tối "lực lượng đối lập" với Bá Kiến. Và nếu không hi sinh trên đường hoạt động, anh sẽ trở thành chủ tịch xã, chủ tịch huyện cũng có khi, với hàng mớ bằng cấp về quản lý, về lý luận Đảng (tại chức). Còn Thị Nở? Thị sẽ thành "rễ" trong "Cải cách ruộng đất", sẽ đấu tố, có thể sẽ đau xót bộc lộ rằng đứa con (có thể đã) có với Chí Phèo thực ra không phải là con của Chí Phèo, mà là... Theo bước phát triển Cách mạng, biết đâu Thị Nở lại chẳng trở thành cán bộ phụ nữ đi vận động chị em "khoan khoan hò khoan" (khoan yêu, khoan lấy chồng, khoan có con) trong cuộc chiến sau này v.v... Chẳng phải là một typ nhân vật rất phổ biến trong các tác phẩm được viết dưới ánh sáng của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa hay trong các tác phẩm mang tính phản kháng sau này (dù mang ý nghĩa khác) đấy sao.

Như thế, tác phẩm "Chí Phèo" giả tưởng này sẽ là một quái thai của văn học lãng mạn (dù rằng gần gũi với "Chùa đàn" về mô thức), cũng sẽ là một quái thai của văn học hiện thực phê phán, nhưng lại là một đứa con bình thường của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Và người ta đọc. Và người ta sẽ quên. Hoặc người ta đọc và sẽ sợ, khi soi tác phẩm (giả tưởng) vào thực tế lịch sử Việt Nam mấy chục năm qua mà sự khủng khiếp của nó đã được bóc trần qua hàng loạt tác phẩm may mắn ra đời vào thời văn nghệ sĩ được tạm nới dây trói: "Những thiên đường mù", "Ác mộng", "Thời xa vắng", "Bến không chồng", "Mảnh đất lắm người nhiều ma" v.v...

May thay cho những ai thiết tha với những giá trị văn học dân tộc, thực tế giả tưởng kể trên không phải là thực tế ngoài đời. Nam Cao - kẻ sinh thành "Chí Phèo" - đã chân thành theo kháng chiến chống Pháp - cuộc kháng chiến chính nghĩa từ trong bản chất dù Cộng sản hay ai lãnh đạo lúc bấy giờ. Nam Cao đã ngã xuống trước khi cuộc Cách mạng ấy bị phản bội công khai và đã không phải chứng kiến những tai họa mà dân tộc phải gánh chịu sau này. Nam Cao đã không rơi vào bi kịch bị tha hóa như Chí Phèo trước đó, hay như Chế Lan Viên - nghệ sỹ cùng thời với ông về sau. Ông chưa bao giờ viết những lời sám hối như thế này:

"Tôi đến Nha Trang ngắm trời biển đẹp
Có hay đâu hang Pắc Bó gió lùa
Giường lãnh tụ là hai hàng nứa ghép
Manh áo chàm Bác mặc quá đơn sơ..."
(*Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi* - Chế Lan Viên)

Hành trình nội tâm của Nam Cao hướng về nhân dân lao khổ chứ không hướng về lãnh tụ. Nhật ký "Ở rừng" là một minh chứng đẹp đẽ cho bản lĩnh sống và viết ấy. Có lẽ chính cái thiên hướng tinh thần của con người tự bình mình là "cái mặt không chơi được", con người vừa có khả năng tự diễu, tự ty lại vừa có khả năng tự hào - Nam Cao - đã đẩy ông viết "Chí Phèo" như đã viết. Điều ấy giống như lực huyền bí đã tác động lên bàn cầu cơ.

Và thế là chúng ta có "Chí Phèo" nguyên trạng, một tác phẩm tuyệt vời đã hội tụ trong nó khả năng cảm thông lớn lao của Nam Cao, khả năng phân tích tâm lý tinh tế, khả năng bao quát hiện thực của ông; một tác phẩm không giống với bất kể tác phẩm nào cùng đề tài, cùng chủ đề, đồng thời với nó hoặc ra đời sau nó.

Chí Phèo khác anh Pha, khác chị Dậu. Chí Phèo chưa bao giờ nằm trong một tổ chức chống đối dù lớn dù nhỏ, và sẽ không bao giờ, bởi Chí Phèo đã chọn cho mình cái chết. Nói về tác phẩm này, lời phê bình tác phẩm "Tắt đèn" của Nguyễn Tuân là không thể áp dụng. Không thể hình dung chân dung Chí Phèo "sừng sững trên đồng lúa ngày xưa", không thể hình dung Chí Phèo sẽ đi "phá kho thóc của Nhật" như Nguyễn Tuân đã thử hình dung về chị Dậu. Chí Phèo phải hiện diện trong trí người đọc với cái dáng lừng khừng, ngật ngưỡng, với cái mặt sẹo, nói tóm lại là phải trong bộ dạng của một thằng cao bồi thôn. Chí Phèo phải ăn vạ như Nam Cao mô tả. (Vừa liều vừa nhát). Chí Phèo phải yêu theo kiểu Nam Cao đã

cho yêu. (Vừa đè con người ta xuống vừa la làng, mà xung quanh là gió là trăng, là những tàu "lá chuối giãy lên đành đạch như hứng tình" một cách ma quái giữa trăng ấy gió ấy.) Chí Phèo phải nhớ nhung theo kiểu riêng: nhớ trong cảm giác hoang tưởng một mùi cháo hành, nhớ phải lầm nhầm chửi người tình là "con đĩ Nở". Phải thế thì cảm giác "mắt hơi ươn ướt" sau đó của Chí Phèo mới hàm chứa tác động nghệ thuật, trong sự bất ngờ, kỳ cục, hợp lý của nó. Phải nhận diện được anh Chí Phèo như một cao bồi thôn; một găngxtơ nhà quê Việt Nam thuở ấy mới thấy hết được tình thương, sự tinh tế của Nam Cao khi để cho anh Chí tỉnh rượu sau một đêm yêu hết mình đột nhiên nhận ra vẻ đẹp êm ả của đời thường vất vả, với tiếng người đi chợ bàn bạc về giá cả, với ao ước xa xôi "vợ cuốc mướn, chồng cày thuê, hai vợ chồng lại thả một con lợn bột...", để rồi sau đó hiểu ra rằng cuộc đời ấy, dẫu cơ cực cũng không phải dành cho mình - "con quỷ của làng Vũ Đại", rằng mình không thể hoàn lương để sống với người đàn bà mình ao ước - người đàn bà không ai (là đàn ông) ở làng Vũ Đại thèm ao ước. Nam Cao đã khắc họa Chí Phèo với bốn gương mặt, bốn tư cách: côn đồ; tình nhân; thi nhân; triết nhân. Trong ba tư cách sau, Chí Phèo đã nhận diện lại được mình, để rồi chết. Nếu không có sự tự hiểu mình này, sẽ không có cái gọi là bi kịch Chí Phèo. (Hiểu theo khái niệm đúng về bi kịch: Bi kịch không phải chỉ được cấu thành bởi máu và xác chết. Bi kịch chỉ xuất hiện khi con người hiểu rõ sự bất lực của mình khi hướng tới Thiện, Mỹ.)

Hiểu như thế, nếu giả tưởng được vẽ ra ở trên là thực tế, nếu Chí Phèo thành người cộng sản và dần thành đạt trên tư cách này, cũng dần quan liêu hóa trên tư cách này thì điều ấy có nghĩa là sự tự tha hóa lần thứ hai, có thể là vĩnh viễn của Chí.

Thực tế lịch sử mấy chục năm qua ở Việt Nam ta đã cho thấy có vô vàn con người bị tha hóa như thế. Tiếc thay, hiện thực này chưa được một tác giả nào phản ánh sâu sắc như Nam Cao đã làm ở "Chí Phèo ".

Thiếu một lời phê phán, quá thừa lời tôn vinh, những kẻ bị tha hóa mà không tự biết ấy suốt nhiều năm qua đã được xưng danh trong văn học nghệ thuật như là những con người mới xã hội chủ nghĩa - những kẻ ngu trung thời hiện đại - một biểu tượng mà thế hệ chúng ta buộc phải noi theo. Loại bỏ giả tưởng Chí Phèo đổi đời nhờ Cách mạng, dễ thấy Nam Cao đã có lý khi để Chí Phèo chết sau khi hiểu ra ý nghĩa đời mình. Nam Cao đã cho Chí Phèo tự "sát thân" để "thành nhân". Ông - với tư cách một nghệ sỹ - đã sống qua trường hợp của Flaubert khi viết "Bà Bôvary", của Lev Tolstoi khi viết "Anna Karenina", của Tsekhov khi viết "Người đàn

bà có con chó nhỏ", "Ngôi nhà có căn gác nhỏ" (dù hai tác phẩm này ở hồi kết không có xác chết).

Nghĩa là Nam Cao đã viết như một nhà văn lớn phải viết, sẽ viết.

Sẽ thật là vô nghĩa khi ai đó nghĩ rằng có thể tự đào luyện mình để đạt tới tầm cao tài năng của Nam Cao. Riêng ở góc độ nghệ thuật, sự lặp lại lối bịch là không thể và thật là hài hước nếu tự tước bỏ quyền được trở thành một tài năng không giống ai. Tuy nhiên, tạo cho mình một bản lĩnh sống, và viết, như Nam Cao, là điều cần thiết. Vào thời điểm viết Chí Phèo, Nam Cao đã có trước mắt những anh Pha (Bước đường cùng), chị Dậu (Tắt đèn)... và cũng biết tới âm vang của cuộc Cách mạng đương thời. Tôi còn không hồ nghi rằng Nam Cao cũng đã từng tiếp xúc với những tác phẩm văn học vô sản "thứ thiệt" thời đó,bởi Tô Hoài bạn thân của Nam Cao lúc đó đã là một thành viên của hội Văn hóa cứu quốc. Nhưng Nam Cao đã đơn thân tạo ra Chí Phèo, không để tác phẩm mang một dấu vết nào của triết thuyết mà ông mới biết và chỉ ít lâu sau đã chân thành tiếp nhận. Ấy là bản lĩnh Nam Cao mà chúng ta rất nên học theo.

Tuy nhiên, có lẽ sẽ thiết thực hơn nếu ta học chính Chí Phèo - anh Chí của làng Vũ Đại ngày ấy.

Chí Phèo khác Điền, Hộ, khác những nhân vật trí thức - sự ẩn thân trong nghệ thuật - của Nam Cao. Song Chí vẫn giống các nhân vật ấy ở khả năng biết dằn vặt, dám đối diện với chính mình, dám nhận diện mình, dám tự đập vỡ mình, hơn thế, Chí dám "chết" để "sống", để được đi qua cuộc đời như một con người đích thực - con người biết "cần lương thiện".

Chúng ta quen nhìn Chí Phèo như một nhân vật tiêu cực (không phải là phản diện). Chúng ta đã được dạy cách đem những tiêu chí của một triết thuyết mà văn học độc lập với nó - một triết thuyết đã bị vận dụng hết sức thô bạo vào xã hội Việt Nam - để thẩm định văn học, tác giả, tác phẩm, nhân vật. Theo cách định giá đó, do Chí Phèo không trở thành cộng sản, Chí Phèo đã bị "khai tử", dù Nam Cao đã để Chí Phèo được làm người. Điều ấy thật bất nhẫn. Nhân vật dở khùng dở dại vì đau khổ ấy hóa ra lại là một kẻ hết sức tỉnh táo.

Dám nhìn thẳng vào lòng mình, dám phân tích mình, dám kết án mình, ấy là sự tỉnh táo lớn nhất với mỗi người.

Tiếc thay, đấy là điều không mấy ai làm nổi.❐

Đường vào thiên thu

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Một ngày đến rồi một ngày lại đi
Trăng sao mọc rồi trăng sao lặn
Nhân duyên đến...một nụ cười nở ra rồi tắt lịm
Giọt nước mắt rơi chốn hoang đàng rồi mất hút
Chúng đến từ đâu đây rồi biệt tăm đi đâu
Vũ trụ này lúc nào cũng như mới như cũ
Chập chùng bồng bềnh nửa như khoan dung mời gọi
Nửa lạnh nhạt khước từ
Rộn ràng đi đi về về mà chẳng hiểu đâu...
Thân xác này cũng vậy, rộn ràng đi đi về về
Mái tóc bạc trắng xóa rồi liệu có đi về nẻo xanh
Ai trả lời đây?
Trời đất vẫn lặng thinh trăng sao như né tránh
Và con người từ ngàn xưa vẫn ngỡ ngàng quờ quạng
Chẳng biết nghĩ sao về thân phận mình
Nên nhiều kẻ đã tự ý rũ áo ra đi
Mong tìm một dòng suối nguyên sơ khác
Nguyên sơ gì đây?
Là dòng suối Hư vô, là ngọn lửa địa ngục
Hay là cánh rừng đào Thiên Thai?
Nhưng có người bảo rằng Hư vô không hề có
Địa ngục có ông vua râu dài canh giữ
Và rừng đào Thiên Thai chẳng phải là dễ tìm...

Kẻ lữ hành mỏi bước biết dừng chân nơi đâu?
Tất cả đều như xoáy tròn trong cơn lốc cuồng vọng

Mênh mang chập chùng bất tuyệt
Và hình như chẳng có cách chi ngừng bước ra khỏi...

Hắn nằm dài trên giường, lắng nghe gió mưa xào xạc
Lắng nghe con tim hụt hẫng dạ dày đầy vơi
Từ lâu rồi, năm năm hay bảy năm
Hắn loay hoay với cơn bệnh già suy
Các thứ bệnh như có như không
Lan man biến hiện
Như có một bàn tay vô hình trêu chọc...
Dạo này, nhiều bạn bè quen thuộc
Đã lũ lượt ra đi
Nhưng cơn bệnh của hắn vẫn ngất ngưởng ngập ngừng
Chưa chịu hạ dấu chấm...
Có lẽ ở đầu giường hắn
Cũng như trong truyện cổ
Có hai con tiểu quỷ mặt xanh đứng rình
Nhòm ngó với ánh mắt tinh quái
Múa may, săm soi, bàn tán gì đây...
Hắn chợt thấy trái tim nhói thót
Vội vơ mấy viên thuốc trắng trên bàn bỏ vào miệng
"Thuốc của Ma vương đây! Thuốc này chỉ là Vật
Mà bệnh của người thì có lẽ bảy phần Tâm
Và ba phần Vật
Nên thuốc kia cũng chẳng chữa được mấy nỗi
Uống cho vui thôi..."
Thầm nghĩ rằng cái xác thân chỉ còn là một
Đống thịt rữa nát
Vì rữa nát nên chững tế bào đã chuyển thành
Vô lượng những con Hộ trùng nhe nanh múa vuốt
Nhảy múa cuồng loạn trong những cơn luân vũ chập chùng
Và phóng ra vô số những tín hiệu lệch lạc
Gặm nhấm trái tim hắn
Trong cái không hư mênh mang của xác thân này
Chúng nhảy múa thênh thang như trong một cõi...
Hắn bỗng bật cười:
Một cõi u? Vậy là Thân hay là Cõi?
Mà có lẽ...không phải riêng chúng mới là Hộ trùng
Mà chính mình, mình đây, cũng chỉ là một con Hộ trùng

Khổng lồ
Lổm nhổm nhảy múa lăng xăng lít xít
Trong một cõi nào đó vốn chỉ là Thân hình
của một Bậc Thần linh...?

A ha! Mình cũng chỉ là một con Hộ Trùng Khổng Lồ...

Hắn nghĩ ngợi lan man, quên cả trái tim nhói thót
Bỗng nhớ được một câu trong cuốn sách cổ:
"Pháp giới này cùng các vật
Được tạo dựng nên không phải do những vi trần
Cũng không phải do một vì Thượng đế mờ mờ nhân ảnh
Mà chỉ được tạo dựng nên do chính
Những Tâm Niệm của chúng hữu tình...
Nên pháp giới chỉ được treo trên đầu một Tâm Niệm..."

Không hiểu sao hắn lại khởi được lòng Tin
Và thấy rằng rất đúng, không thể khác được
Hắn có cảm tưởng như kiếp sống chẳng có gì khác lạ
Chỉ là một Chuỗi Tâm Tưởng khởi lên bời bời không kẽ hở
Chập chùng bất tận
Dính nhau chằng chịt
Khởi lên từ một điểm không hư nào đó
Từ một thời vô thủy không thể tính đếm
Rồi thỉnh thoảng lại tàn lụi cắt ngang
Chìm ẩn trong một vùng quên lãng như thật như hư
Mà đời người mệnh danh là hóa thân đổi kiếp...
Rồi lại vùng lên, đột khởi thành
Một hình thù mới cùng một sức dam mê khác
Để tiếp tục chuỗi dài vọng tưởng xa xưa...
Ấy thế mà vũ trụ với tất cả đất trời trăng sao sông núi
Vẫn hiện lên, chiêu cảm bởi những vọng tưởng tích lũy kia
Rồi thì...vọng tưởng bên trong cùng cảnh giới ở ngoài
Lại tiếp tục cảm nhận
Làm loé lên đủ các ánh hư minh mù sa yêu huyễn
Vui buồn yêu ghét giận mừng...
Mà kỳ thực, nó chỉ là những vệt tối vệt sáng
Của một bức tranh vân cẩu
Vẽ người tang thương

Với dầy dủ những thiên tình sử lâm ly cùng
anh hùng ca chói lọi
Tuy nhiên, hắn có cảm tưởng rằng
Trong bức tranh đó
Chẳng có gì đáng yêu
Chẳng có gì đáng ghét
Chẳng có gì đúng, chẳng có gì sai
Và có lẽ, có lẽ chỉ có lòng xót thương là đúng hơn cả...

Hắn nghĩ đến những nhân duyên lũng thũng
Bỗng thở dài khoan khoái
Thấy trái tim nhu bớt thót, chiếc bao tử đỡ dầy sôi...
Hắn ngồi dậy trên giường, ngồi xếp bằng lặng lẽ
Đưa mắt nhìn qua song cửa
Thấy phương trời vẫn lồng lộng và nắng vàng
vẫn nguyên sơ:

Một hạt bụi dấy lên từ hư ảo
Một bông hoa lơ lửng nở ven trời
Một bóng người lướt qua tia nắng quải
Mộng cuồng si thôi thế đã lâu rồi

Hắn ngồi nhìn dòng nhân duyên lũng thũng
cùng những tâm tưởng nối lên.
Chẳng muốn chạy theo nắm bắt.
Chỉ ngồi đếm những tâm tưởng, và nghĩ tới những quái truyện Thiên Thu. Kéo dài sát-na thành một kiếp và thu ngắn nhiều kiếp thành một sát-na?!

Tháng 6.1998

Tìm về Thiên Thai

Quỳnh Giao

Alfredo

"Nếu như sinh chệch được vài giờ, biết đâu mình sẽ được như vậy."

Được như vậy là trở thành một nhà thơ. Alfredo thở dài buông tập thơ của mình xuống, uể oải đứng dậy. Cái nỗi dằn vặt chập chờn suốt đêm qua tới sáng nay thì đã tỏ: chàng không có duyên số với nàng thơ. Bước ra đẩy rộng sánh cửa sổ và quay về kéo cái lò sưởi nhỏ của căn phòng hẹp ra tới sát khung cửa, Alfredo nhìn ra ngôi vườn phía dưới.

Chàng ở trên một gác xép, ẩn dưới mái một ngôi nhà trông ra công viên trước mặt. Ngoài kia, mưa phùn phất từng luồng gió lạnh qua tàng cây bên dưới. Từ mờ sáng, mưa trải mỏng hơi sương, luồn lách từng lùm cây ngọn cỏ, làm cỏ cây xanh mướt hơn mọi khi, và mưa trùm lên không gian buổi sớm một vùng sáng dịu mà chỉ những người yêu hội họa mới thích. Cái thứ ánh sáng làm thay đổi màu sắc thường nhật của cảnh vật theo từng đợt gió rung trên những ngọn cây. Trời đẹp thế này thì mình chẳng nên tiếc.

Alfredo chậm xé từng trang thơ bỏ vào lò sưởi, đợi cháy hết mỗi trang mới đốt tiếp. Hơi ấm trong phòng cùng với làn khói xám từ lò sưởi toả dần ra ngoài, tan loãng ngoài vườn với màu sương lam nhạt. Nhìn mỗi trang cuộn cháy thành màu nâu xạm là một phần tim óc đang biến thành than, Alfredo biết rằng tim óc đó vẫn còn thiếu chất liệu gì đó để chàng có thể là một nhà thơ. Chàng để nàng thơ được giải thoát và đi tìm một cách gì khác. Mình chưa đến tuổi 20, tương lai còn bát ngát ngoài kia.

Ba năm sau khi giã từ nàng thơ, Alfredo đã trở thành một giọng *tenor* hạng khá.

Alfredo đi từ thơ qua nhạc như người đã chọn được cái áo vừa ý hơn. Chàng có sự mẫn cảm đặc biệt mà thiếu khả năng diễn đạt. Thơ chàng chưa hẳn là dở, nhưng chàng biết là vẫn chưa biểu tỏ được những rung động của mình. Chàng còn được trời cho giọng hát thật đẹp, và sau khi từ biệt giấc mơ là thi nhân, chàng quyết định trở thành ca nhân, để hát lên những lời ca đẹp như thơ của người khác. Alfredo nhớ tới câu chuyện mấy chục năm trước của đệ nhất danh ca Caruso... Lúc đó người ca sĩ này mới chỉ là một giọng *tenor* cho vai phụ, cho tới ngày được gọi gấp vào hí viện để thay thế giọng chính trong vai chàng họa sĩ Cavaradossi của vở *Tosca* của Puccini.

Hôm đó Alfredo mường tượng lại, biết đâu Enrico Caruso vừa hát thử ca khúc *Recondita armoria* của Màn I vừa như mình ngày nay đang mơ về ngôi vườn Milan, nơi Alfredo từ biệt nàng thơ ở căn gác xép. Trong vở nhạc kịch thì đứng trước giá vẽ, chàng hoạ sĩ Mario Cavaradossi hát lên nỗi nhung nhớ của mình cho đệ nhất danh tài Floria Tosca. Bất ngờ được gọi vào thay, như Alfredo giờ này, có khi Caruso không kịp tập trung tâm hồn cho vở hát. Chàng diễn tả mối tương tư của Cavaradossi mà nhớ tới nàng thơ đã lạnh lùng bỏ mình ra đi vào một sáng mưa phùn....

Người ta kể rằng Caruso vừa ngân dứt đoạn aria đó thì Puccini bước vòng qua đàn dương cầm :

"Ai dẫn cậu tới tôi vậy? Đức Chúa Trời hả? "

Lời khen như một câu hỏi, lại từ miệng bậc thầy như Puccini, đã kéo Caruso ra khỏi các vai phụ. Chàng được trình diễn trong vài vở ca kịch lớn và nổi tiếng từ đó. Alfredo nhớ mãi hình ảnh của Caruso và nghĩ đến hoàn cảnh của mình. Caruso không được thọ, mới 38 tuổi đã mất... Giờ đây, Alfredo sẽ cố theo đuổi sự nghiệp của Caruso. Từ Milan, Alfredo lên Venice theo học lớp luyện giọng nổi tiếng nhất trong vùng và bao đồn nén không thoát được ra thơ, Alfredo cố chuyển vào nghệ thuật ca hát. Alfredo yêu nghề và luyện giọng không biết mệt nên được giới yêu nhạc coi là tiếng hát có nhiều triển vọng trong làng ca kịch *opera*. Chàng có mấy năm háo hức như vậy vì chưa đi tới tột đỉnh nghệ thuật và chưa lên các sân khấu tráng lệ nhất của Ý trong một vở lớn.

Nhưng Alfredo biết chắc rằng sẽ có ngày chàng đi vào trong thế giới thần tiên đó.

Adelina

Trong thế giới thần tiên đó, Adelina là một ngôi sao sáng. Được học nhạc từ khi mới biết đếm, và lại học với chính phụ thân, nhà soạn nhạc trứ

danh của thế hệ trước, nàng còn có giọng ca thiên phú. Nhưng, hơn tất cả, nàng nổi tiếng là có nghị lực phi thường trong giới trình diễn *opera*.

Người ta loan truyền mãi rằng Adelina cẩn thận đến mức gàn dở mỗi khi chuẩn bị một vai mới. Trong một màn bi ca, khi nhân vật nữ trong chuyện vừa dứt khúc tình ca thì lao xuống nước từ trầm, đến cuối vở mới được người tình kéo lên, ôm xác nàng khóc nức nở, Adelina đã muốn làm như thật. Tức là sau khi lao vào giải lụa đen lộng gió trong bóng tối của sân khấu để tượng trưng cho dòng nước đục ngầu, nàng đòi phải có bồn nước lạnh phía sau màn phông. Để nàng ngâm mình trong đó đúng sáu phút 32 giây kế tiếp, cho tới khi được vớt lên thì người đã nhợt nhạt lạnh cứng, tóc rối chảy lên ngực với áo quần sũng nước, tới khi màn hạ nàng mới cựa tỉnh.

Cũng Adelina, trong một vở khác mà nàng không đồng ý về nội dung, nàng vẫn hát và diễn tả đúng ý tác giả mà ngược với quan niệm của mình về nghệ thuật sân khấu. Khi được huân chương khen tặng về vai rất khó diễn đó, Adelina ôn tồn chối từ giải thưởng ngay trên sân khấu, và nhấn mạnh rằng mình không vui với cách dàn dựng của tác giả. Chính tác giả mới đáng được khen thưởng. Cả hội trường hôm đó ngẩn ngơ không hiểu. Một số nhà phê bình thì nặng lời cho là Adelina Ruffini là ngôi sao lập dị muốn được khen hai lần, đến nỗi tác giả vở nhạc kịch phải có một bài viết kể lại những mâu thuẫn cãi cọ giữa hai người trong suốt mùa tập dượt. Bài viết kết luận là Adelina đã cố diễn xuất cho đúng với yêu cầu của ông, chứ không đúng với cảm hứng của nàng, và điều đó càng chứng tỏ sự yêu nghề thật kỳ lạ của Adelina.

Vì vậy, khi Adelina được Puccini mời thủ vai chính trong vở *Turandot* mà ông đang cố soạn, dư luận đều coi là đúng người. Đây là vở nhạc kịch dở dang vào cuối đời của Puccini, bậc thầy này bị ung thư cuống họng, và ông mất vì đau tim trong lúc đang chữa bệnh ung thư.

Adelina Turandot

Adelina đoán rằng công chúa Turandot của Trung Hoa là cả một tảng băng lạnh.

Do những ám ảnh từ tiền kiếp về một bà phi không may trong tình trường, nàng Turandot có lẽ thù ghét tình yêu và bọn ngoại tộc man rợ. Nàng đặt ra ba câu hỏi để kén rể, và các hoàng tử phương xa muốn ngấp nghé làm phò mã Hoàng đế Trung Hoa có thể rụng đầu như không, nếu giải không đúng ba câu hỏi của nàng. Bên giường bệnh của Puccini, Adelina hỏi chuyện rất nhiều về vở kịch, về nàng Turandot, triều đình

Trung Hoa mà Puccini chẳng cần nói là thuộc đời Tống hay đời Đường hay đời Minh. Puccini lấy cảm hứng từ một vở kịch Ý Đại Lợi của thế kỷ 18, và dựa trên giai điệu Trung Hoa ông nghe từ những hộp nhạc. Còn lại là sự sáng tạo cuối đời của mình. Adelina miên man hỏi tiếp, hỏi mãi, về từng ý từng cảnh và đi gặp cả hai nhà soạn lời và Franco Alfano là người bạn vong niên đã viết nốt tác phẩm từ di cảo của Puccini sau khi ông mất. Nàng còn tìm lên vở kịch cổ của Carlo Gozzi và cả bản phóng tác của von Schiller của vở kịch, để tìm hiểu về khung cảnh của câu chuyện và về lịch sử Trung Hoa.

Thời đó, các xứ Viễn Đông vẫn có ma lực của miền đất lạ và, đối với Adelina, truyện nàng Turandot độc ác quả là có sức quyến rũ mãnh liệt.

Hôm đó, thái tử xứ Ba Tư đang chờ lên đoạn đầu đài khi trăng vừa lên: chàng không giải được ba câu đố bí hiểm của công chúa Turandot. Nhấp nhô cùng đám đông bên dưới, có ông vua Hung Nô mất ngai đang lưu vong trên đất Hoa, có một nàng hầu tên Liễu và có một chàng trai mà không ai biết là con trai của vua Hung Nô, chàng Calaf. Khi trăng lên tới nóc hoàng cung trong Tử cấm thành, Turandot chối từ lời thỉnh cầu của thần dân ở dưới. Nàng đanh thép ra lệnh chém đầu thái tử Ba Tư, trong khi Calaf sững sờ ngắm nàng như vừa bị sét đánh. Adelina ngâm nga mãi đoạn kịch này và những lời ca khốc liệt của công chúa Turandot đã làm chàng Calaf thẫn thờ. Chàng quyết định ghi danh để xin lên trả lời ba câu hỏi của Turandot, mặc cho nàng Liễu khuyên can trong tiếng khóc ở phía sau. Đọc vở kịch tới đó, Adelina biết là nàng sẽ lạnh tanh trong vai Turandot, và nghiến răng nghĩ tới vẻ băng giá của mình khi Calaf bước lên đánh ba tiếng cồng để xin kết hôn với công chúa Trung Hoa.

Thành Bắc Kinh hôm đó lại qua một đêm rùng mình, khi màn từ từ hạ...

Adelina không biết là Turandot có là hậu thân của Vương Chiêu Quân hay một nàng Lã U-Linh nào đó, nhưng trong truyện, công chúa Turandot hận đời vì tổ tiên có một bà phi đã bị chúa Hung Nô bắt đi mất, rồi bị giam hãm ở xứ lạ đến chết. Trong tim Turandot, chỉ động lại tiếng khóc của tiền nhân như một tảng băng lạnh buốt. Nàng nguyện sẽ báo thù cho tổ tiên và ai oán cho Calaf biết về quy luật mình đặt ra. Câu hỏi thì có ba đấy nhưng mạng sống thì chỉ một, ngươi biết chứ? Adelina rùng mình hát nhẩm một mình bài aria và nghĩ tới nhân vật Calaf sẽ hoà chung tiếng hát với mình.

Khác với khúc hát của nàng Floria Tosca trong vở Tosca của Puccini, lời than khóc phải có giọng nồng nàn của tình yêu, với vở này nàng sẽ trổ giọng cao vút, mà sự đanh ác lạnh lùng vẫn đượm nét bi thương. Như ánh trăng soi trên sa mạc hoang vu, nơi mỹ nhân trút hơi thở cuối cùng, tiếng

hát phải tràn ngập oán thù và át cả ngàn sao vòi vọi trên kia, trong khi ban nhạc cùng tấu lên những giai điệu Đông phương. Cuộc đố bắt đầu ở giữa triều. Sân khấu lấp lánh giát vàng quanh ngai vua và nàng Turandot lộng lẫy với xiêm y áo mão rực rỡ. Adelina ướm thử cái mão nặng trĩu những châu ngọc giả, buông xuống đôi vai nhỏ bé của mình. Nàng mường tượng ra vẻ đẹp dữ dằn của công chúa Turandot, và cảm thấy là ánh đèn hồng ấm trên sân khấu sẽ không xua nổi khí lạnh, như toát ra từ người thiếu nữ đầy oán thù này.

Câu một: Bóng ma nào hiện ra mỗi đêm để chết ngay hôm sau? Calaf đáp nhanh như hơi thở: Hy vọng! Câu hai: Cái gì sục sôi như cơn sốt khi ngươi nghĩ tới những hành động cao cả, nhưng lại lạnh giá khi ngươi chết? Nhanh như điện, Calaf trả lời: Máu! Đám đông ở dưới càng ngày càng ồn ào kinh ngạc theo dõi cuộc tỷ đấu, khiến Turandot cau mặt không dấu được vẻ sốt ruột. Câu thứ ba: Tảng băng làm ngươi muốn bốc cháy đó là gì vậy? Turandot không giấu được vẻ mỉa mai đanh ác khi chàng Calaf vã mồ hôi đấn đo suy nghĩ. Nhưng, câu trả lời đã bật ra, làm rung chuyển cả triều đình: tảng băng đó là nàng Turandot!

Công chúa Turandot đời nào lại chịu lấy loại tứ di ngoại tộc như vậy. Nhưng, làm sao bây giờ? Luật là luật, vua cha ngồi trên ngai đã phán vậy. Nếu không thì mạng phải đổi mạng... Thái tử Hung Nô vốn rộng lượng, bèn đề nghị là sáng sau nàng sẽ chỉ trả lời một câu đố thôi, đoán đúng thì sẽ giải lời thề. Câu đố đó là: Tên ta là gì?

Thành Bắc Kinh đêm đó lại mất ngủ. Lệnh vua ban ra là không ai ngủ, cho tới khi tìm ra tên thái tử Hung Nô, nếu không là bị tử hình... Adelina lẩm nhẩm lời ca của chàng Calaf vào cảnh đêm cô tịch đó. *Nessun Dorma*, đêm nay không ai được ngủ. Trong cung cấm, công chúa Turandot đoán ra là ông già Hung Nô và nàng Liễu chắc là biết tên chàng trai lạ mặt này, nên ra lệnh giam cả hai để tra cho ra. Bị tra vấn, nàng hầu nhất định không chịu, và lảnh lót khúc hát báo trước là có ngày công chúa Turandot sẽ yêu chàng hoàng tử Hung Nô này. Rồi để khỏi tiết lộ tên người mà nàng đã trộm yêu từ lâu, Liễu rút dao tự vận trước sự khổ đau đầy phẫn nộ của ông già Hung Nô. Adelina cảm được là lúc đó nàng Turandot sẽ lần đầu tiên đối diện với một sức mạnh nàng chưa hề biết. Đó là mãnh lực của tình yêu. Lời ca và cái chết của Liễu làm công chúa Turandot run bật và chết trân nhìn gã Hung Nô vô danh mà ngạo nghễ kia.

Adelina rất phân vân với đoạn kết thực khó diễn tả. Calaf sẽ ôm chầm lấy nàng khi công chúa Turandot mềm nhũn trong tay chàng trai Hung Nô không tên. Nàng bật khóc khi đôi môi chàng thốt ra điều bí mật để trả lại đời sống cho nàng. Cả khối băng trong lòng nàng chợt sôi sục lửa tình và

công chúa dõng dạc tuyên bố trước thần dân trong ngoài. Rằng tên chàng lạ mặt này là Tình Yêu. Adelina biết rằng, khác với giọng *soprano* trong sáng của nàng hầu Liễu, và cũng khác với đoạn bi thảm oán thù ở màn trên, giọng *soprano* của công chúa Turandot ở đoạn kết phải hết sức trữ tình mới diễn tả được sự cảm hóa bàng hoàng của tình yêu ở cuối màn ba.

Thế rồi Adelina quên hết những vở đã diễn, những bài đã hát, để luyện giọng mỗi ngày cho vở ca kịch mới, trong khi để tâm tư phiêu dạt vào khung trời huyền bí và độc ác của Đông phương...

Nhập Thiên Thai

Khi sân khấu được dựng lên lần đầu cho vở Turandot, dân Milan lúc đó mới thấy ra hình ảnh tráng lệ của triều đình Trung Hoa vĩ đại mà xa lạ. Màn vừa mở trong tiếng trầm trồ thán phục của khán giả thì thế giới thần tiên của Puccini đã trỗi dậy dưới cây đũa thần của nhạc trưởng Arturo Toscanini. Adelina xuất hiện và hiên ngang đi lại trong thế giới đó như hậu thân của một nàng công chúa Turandot có thật. Tại buổi ra mắt, khi màn cuối đang diễn nửa chừng, Toscanini đặt đũa và quay xuống khán giả với giọng ngậm ngùi tiếc thương:

"Đây là lúc nhạc sư Puccini của chúng ta ngưng bút."

Quả vậy, ngược với lời nguyện ước, Puccini đã không kịp hoàn thành tác phẩm thì mất. Nhưng vở ca kịch của ông đã có đời sống riêng và sống mãi nhờ mãnh lực của giai điệu Puccini như ngọn nến bùng sáng lần cuối trước khi tắt. Adelina lột tả vai trò Turandot với tài nghệ phi thường và thành phố Milan bắt đầu nói về Adelina Turandot như một hiện tượng tuyệt vời của sân khấu. Riêng Adelina thì biết là Toscanini mới là người đã đem lại những cảm hứng vũ bão nhất cho nàng. Arturo Toscanini là nhạc trưởng mà loài người một thế kỷ may lắm mới có một. Hai mươi tám năm trước đó, khi ông mới 28 tuổi, giới yêu nhạc đã coi ông là bậc thiên tài. Đến nỗi một tay phê bình âm nhạc Hoa Kỳ, từ năm 1896 đó rồi, đã viết rằng Toscanini là nghệ sĩ duy nhất mà New York phải hãnh diện được mời qua điều khiển ban nhạc của họ. Ánh mắt có lửa của ông đã họa lên từng nốt nhạc, thổi lên từng ngân của diễn viên, làm Adelina thở hơi thở và nỗi cảm xúc của nàng Turandot trong mỗi buổi trình diễn. Adelina bay bổng và tung hoành trong vở Turandot dưới sự điều khiển của Toscanini. Nàng hạnh phúc vô cùng với thế giới nghệ thuật đó.

Chỉ có một điều là cả hai người đều không mấy hài lòng với ca sĩ *tenor* thủ vai Calaf. Anh ta đã cao tuổi và gần như không có mặt trong vở kịch mỗi khi trình diễn. Sự thiếu tập trung đó làm Toscanini không vui.

Có ai đó mới nói đến Alfredo, và chàng được mời đến như trong giấc mơ.

Sau hai buổi hát thử, Alfredo được nhận, và Adelina là người dẫn Alfredo bước vào triều đình Trung Hoa huy hoàng mà huyền bí.

Nàng dắt Alfredo giới thiệu với công chúa Turandot ở góc sân khấu bên này, đưa chàng qua đám đông để nhìn lên Turandot lộng lẫy dữ dội ở trên kia. Adelina nhìn vào đáy mắt chàng khi hai người đồng ca, và ôn tồn nhắc chàng về mỗi động tác dưới sự chăm chú theo dõi của Toscanini. Bậc sư này có vẻ hài lòng với người ca sĩ trẻ. Alfredo không còn là mình nữa, mà nhập vào vai Calaf. Chàng từ sa mạc lạnh lẽo ở cõi ngoài, hùng dũng vào triều để cảm hóa niềm băằng giá của công chúa Turandot, và cùng nàng sánh vai bước vào vương quốc Tình Yêu. Chàng hát lên những khúc tuyệt diệu nhất vì thấy mạng sống của mình chính là triều đình trong kịch. Khán giả thấy được sự xúc động đó, và chấm điểm họ là cặp AA của vở Turandot.

Điều mà Adelina không ngờ là từ đó, dù vở kịch đã hạ màn, Alfredo vẫn nhập vào vai trò Calaf. Alfredo không làm gì khác hơn là ăn nói đi đứng như một tráng sĩ Hung Nô uy dũng và tự tin, rằng mình sẽ đem lửa tình thiêu cháy hận thù trong tim nàng công chúa. Alfredo gây gổ với đồng nghiệp để bênh vực sắc dân Hung Nô vùng Trung Á trước đó chàng chẳng hề biết. Chàng khó chịu với sự ân cần của giọng *soprano* thủ vai Liu, và tỏ vẻ coi thường ba người thủ vai ba ông quan đại phu trong triều. Tại mọi buổi tiếp tân hay hội họp với các nghệ sĩ và nhà phê bình, chàng thường dắt tay Adelina với vẻ bảo bọc che chở và không biết nói gì khác ngoài Turandot.

Alfredo không phân biệt được Adelina với vai Turandot, và chưa hết mùa diễn, đã có lần thổ lộ mối tình của mình với Adelina, mà dùng toàn lời ông ả như câu hát trong kịch. Adelina có cảm tình với hiện tượng nhập thần đó, nhưng hoàn toàn không rung động vì mối tình của Alfredo. Nàng còn không hiểu, là dưới con mắt Alfredo hay trong trái tim của chàng, mình là Adelina hay là Turandot. Đến Toscanini cũng không thể giải được sự hoài nghi này, ông chỉ cười buồn khi nghe Adelina tâm sự:

"Dễ thương đấy chứ! Nhưng anh ta chưa trưởng thành, nghệ thuật không phải là như vậy."

Một năm sau, khi đoàn hát diễn qua vở khác, Alfredo đã được mời nghỉ. Vì trong mọi vở khác, chàng vẫn chỉ là một Calaf oai dũng mà lạc lõng, và nhất là không thể thuộc được lời ca.

Hơn ba mươi năm sau, người thày dạy nhạc của tôi vẫn còn nói về trường hợp Alfredo.

Ông ta có bỏ xứ Ý Đại Lợi để qua miền Viễn Đông của chúng ta. Ông ta lang thang mấy chục năm ở Bắc Kinh và sống đủ nghề lam lũ, nhưng ngạc nhiên là gặng hỏi mọi nơi mà chẳng ai ở đó biết tên một nàng công chúa nào là Turandot trong lịch sử. Rời đất Tầu về Âu Châu trong đói rách, ông ta ngần ngại tìm về một nơi đã đổi khác và không còn ai thân thiết sau mấy chục năm phiêu lãng, nên ông dạt vào xứ mình, lủi thủi sống ở đó như một nhà tu.

Nhưng, theo như lời người thầy của tôi, là người có nghe truyện Alfredo tại Hải Phòng trước Genève 54, đừng ai dại mà nói về *opera* hay Puccini cho ông già người Ý dở hơi đó ở bến Sáu Kho. Ông ta sẽ móm mém hát *Nessun Dorma* trong nước mắt, với bộ điệu hùng dũng đáng thương. Tảng băng lạnh lẽo trong tim nàng Turandot hình như đã nằm dưới đáy lòng của Alfredo, trong một khu bình dân tồi tàn ngoài bến tầu Hải Phòng.

Phải chăng vì vậy mà mỗi khi nghe vở Turandot tôi lại ngậm ngùi thương những người nghệ sĩ đã không tìm lại được chốn Thiên Thai của họ?

Quỳnh Giao
Tháng Bảy, 1998

Loan báo về dự định thực hiện một số đặc biệt về Văn nghiệp Võ Phiến

Ban Chủ biên Văn Học dự định ra một số đặc biệt về

Văn Nghiệp Võ Phiến

phát hành vào đầu tháng Mười năm 1998.

Để cho số báo được phong phú, tương xứng với vai trò của nhà văn Võ Phiến trong sinh hoạt hai mươi năm văn học Miền Nam (1955-1975) và hơn hai mươi năm văn học hải ngoại, Văn Học trân trọng mời quí văn hữu và bạn đọc đóng góp bài vở trong mọi thể loại. Hạn cuối cùng nhận bài là ngày **15 tháng 9** năm 1998. Gửi bản thảo viết tay, gửi bài ghi trong diskette hoặc gửi qua e-mail theo địa chỉ:
Văn Học, PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E-mail: vanhoc@saigonline.com

Yêu dấu

NGUYỆT THU

Dù cuộc đời mưa nắng
Chìm nước mắt nhạt nhòa
Anh là trăng yêu dấu
Trong em mùa hạ xưa

Bãi cỏ xanh trường cũ
Ngây thơ những bóng dừa
Ngày đó em chưa lớn
Sao anh đã đứng chờ?

Bao giờ ta về lại
Soi bên giòng trong veo
Để mắt em khờ dại
Trong mắt người đấu yêu.

Có phải mình hò hẹn
Từ thuở chưa trần gian
Băng qua ngàn vạn kiếp
Tìm ra nhau mà thương?

Tình yêu như xương tủy
Tình yêu như thịt da
Anh là nụ yêu dấu
Nở cho em mùa hoa.

Dù ngày mai tận thế
Chỉ là trò đùa chơi
Nếu anh ngồi bên cạnh
Cho em tựa bờ vai.

Cành phượng tím

Trúc Chi

Hoa phượng tím gần tàn rồi, mà như vậy là mùa xuân cũng không còn trẻ nữa. Tôi cũng theo bạn bè mà gọi nó là phượng tím, cho nó đẹp, cho nó Việt Nam, nhưng thật ra ở đây người Mỹ gọi nó là Jacaranda, mà bên mình, theo chỗ tôi biết không có loại cây này: lá nó giống như lá phượng tuy không xanh ngắt, mà hoa lại tím, gần như màu hoa cà. Đến mùa hoa nở, cây toàn hoa tím, che hết cả lá. Dịu và mát lắm. Không rõ vì ánh đèn trong vườn hay vì chính nó cũng đã gần tàn, mà cái màu tím này có lạt đi một chút.

Tôi bị dị ứng với một vài loại phấn hoa, không thích thưởng thức bằng khứu giác, nên tôi không biết hương của loài hoa này, nếu có, ngát đến mức nào và đã tan chưa, nhưng mà, phút này, bên bàn tiệc cũng đã gần tàn, đặt ngoài vườn nhìn xuống một vùng Thái Bình Dương bát ngát không có sóng bạc đầu, tôi đoán rằng sắc của cành phượng tím này đã phai nhiều lắm rồi.

Chủ nhân của khu vườn bọc lấy hai mặt tiền hậu của cái biệt thự giá hơn một triệu bạc này, là một người đã thành công ở nước Mỹ. Người khó tính, có vặn tôi về nghĩa của hai chữ *thành công*, tôi chỉ xin thưa rằng mười mấy năm về trước, bạn tôi đặt chân lên nước Mỹ với một vợ năm con, mười sáu đô la trong túi và với cái quyết định dứt khoát là làm giàu "cho nó sướng." Những năm tháng trước ngày đến Mỹ, tôi đoán gia đình anh cũng có những thời kỳ cùng khổ, túng quẫn. Bạn tôi, anh Viện, chưa bao giờ thổ lộ tâm tình với tôi cả. Nhưng mà một đôi lần anh cũng thốt ra dăm câu nói khiến cho tôi nghĩ rằng, ngay trước cái ngày mà hơn mấy chục triệu người ở phía nam sông Bến Hải chưa bị bần cùng hóa bởi một thiểu số vẫn hằng tin tưởng rằng lịch sử chỉ có một hướng đi tất yếu độc nhất, cuộc sống của anh cũng không hẳn là toàn nhung với lụa.

"Rồi thế nào tôi cũng phải tậu cho được một cái nhà ngay bên bờ biển, đứng ngay trong vườn nhà mình mà đái xuống Thái Bình Dương cho nó đã."

Tài cũng có, thời cũng có, nên nay anh cũng được toại nguyện. Hôi nãy, sực nhớ đến ý định của anh, tôi hỏi nhỏ Viện rằng anh đã tiểu tiện hay chưa xuống cái khối nước mặn vô lượng ấy, bạn tôi cười:

"Mình nói thế chứ nhà có bốn cái toa-lét, việc gì. Mà lỡ láng giềng nó thấy cũng kỳ. Không hiểu bên nước Mỹ này có cái thứ tội gọi là công xúc tu sỉ hay không, nhưng mà vô phúc có đứa nó đưa mình ra tòa thì cũng mất mặt cho cho bốn nghìn năm văn hiến. Mất cả thế đứng thế ngồi thế nằm ở trong nước, chứ ra nước ngoài cũng phải...giữ thể cho con Rồng Cháu Tiên chứ. Ông hiểu không?"

Viện và tôi mới quen nhau được chừng bảy tám năm nay. Thành ra cách xưng hô cũng phải mất đến mấy năm và nhiều lần gặp gỡ trong không khí tương đối cởi mở mới ổn định. Trong cái buổi sơ kiến tại nhà một người quen, chúng tôi đã dùng đến tiếng *ông*. Rồi thì đến một lúc nào đó, tôi cũng không nhớ, tiếng *anh* có vẻ thích hợp hơn. Lúc cái tiếng *anh* này nghe đã xuôi tai rồi thì, tùy đề tài câu chuyện, có lúc chúng tôi cũng tự xưng là *mình*. Ba hồi gọi nhau là *cụ*. Gần đây, có vẻ như đã đến lúc cần phải để ý đến tuổi tác của nhau một chút, loáng thoáng một đôi tiếng *bác* trong câu chuyện. Cái tiếng *ông* khách khí buổi đầu, bây giờ là tiếng ông thân mật.

Đại danh từ tiếng mình có rắc rối thật. Bước vào một tiệm cơm, một hiệu thuốc Bắc ở dưới Westminster, mà có người lí nhí hỏi mình bằng cái lối nói trỗng *ăn chi* hoặc *mua cái gì* thì có đánh chết đi, kẻ đó cũng là người Việt gốc Hoa, ngày trước chỉ quanh quẩn trong Chợ Lớn, gọi là nói được tiếng ta, nhưng mà chưa nhuyễn. Của đáng tội, không phải bất lịch sự hay vô phép đâu, người đàn ông đứng tuổi chạy bàn đó, chị bán hàng đó chỉ chưa thuộc cách xưng hô thôi. Đừng có bắt lỗi họ mà tội nghiệp. Dùng đại danh từ mà đặt vị trí của người mình đang đối thoại, cái tiếng Việt của mình nó lắt léo lắm, quả có đủ bốn phương tám hướng và khoảng cách nữa mới mệt chớ. Người nghe, có ngốc đến độ nào đi nữa, cũng biết ngay tọa độ của mình trong địa bàn của quan hệ, liên hệ.

Cách đây mấy năm, tôi đã được một học giả gay gắt tặng cho hai chữ *tiên sanh* sau khi tôi vô tình tò mò gặng mãi về một vài điều sơ đẳng trong lĩnh vực chuyên môn của ông mà tôi tưởng là ông biết rõ, nhưng sự tình lại không phải như vậy. Gần hết thế kỷ thứ hai mươi rồi mà hai tiếng *tiên sanh* vẫn chưa lỗi thời. Trong cái túi khôn của những người không phải là học giả - vì vậy mà ông Dương Quảng Hàm mới gọi tục ngữ ca dao là văn

chương bình dân - cái chuyện *trời làm một trận lăng nhăng* đem mà viết lại, mà chuyển sang một ngoại ngữ nào đó tưởng cũng không phải là chuyện vá trời, nhưng mà đến cái hồi *ông hóa ra thằng thằng hóa ra ông*, kể cũng nát óc đấy chứ không phải giỡn đâu. Viện vẫn có cái lối kết thúc một câu nói bằng mấy tiếng *ông hiểu không* nên lời giải thích của anh khi được tôi nhắc lại cho anh một cái ý định móng lên từ thủa hàn vi ở nước Mỹ, đã làm cho tôi nghĩ lan man về *ông*, về *thằng* suốt bữa tiệc thật thịnh soạn.

Hôm nay là một dịp vui trong gia đình Viện. Là ngày kỷ niệm ba mươi lăm năm chăn gối của vợ chồng anh. Hôm điện thoại mời tôi, anh nói rằng *chả có ai cả, chỉ trong vòng thân mật*. Vậy mà cái vòng thân mật ấy cũng chứa được đến ngót sáu mươi người. Vợ chồng tôi được xếp ngồi chung với bốn cặp nữa mà tôi không quen lắm. Gợi chuyện theo phép lịch sự thông thường, tôi đã không được đáp ứng đúng mức. Người ta đã không thích nói chuyện thì mình cũng không ép được. Buồn tình, hết nhìn kỹ một lớp phấn hơi dày và trắng quá trên một khuôn mặt mà tôi nghĩ là không cần phấn son cũng đã được rồi (đời, thiếu gì những thứ thừa thãi như vậy), tôi lại ngắm chiếc nhẫn ngọc trên ngón tay của cái ông có nước da trắng mà hơi tái ngồi đối diện.

Câu chuyện ở bàn bên cạnh đang ở vào lúc nở như bắp rang nhờ vào một đề tài nóng hổi mà lại có phần giật gân nữa: cuộc đời tình dục của tổng thống Clinton mà ít lâu nay báo chí không ngớt đào sâu bới rộng. Nghe giọng nữ nhiều hơn. Hình như các bà ở bàn bên cạnh đều đồng ý rằng, cứ nhìn những đám khói bốc cuồn cuộn trên mặt báo, thì chắc chắn là phải có lửa. Mà mấy người đàn ông bên đó tôi lại không nghe họ bình luận gì cả. Vắng hẳn giọng nam. Một sự im lặng đồng lõa chăng? Hay là một chút thông cảm giữa những thằng đàn ông với nhau.

Tôi nghĩ đến ngọn lửa dục nó vẫn ngùn ngụt từ thủa con người là con người. Bao đội cứu hỏa của nhiều nền luân lý đạo đức trên thế giới đã được động viên làm việc cật lực ngày đêm cả mấy nghìn năm nay, mà cái thứ lửa này có vẻ như bất trị. Chuyện xưa như trái đất. Mà hình như con người cũng không mới chút nào cả, ở bên thềm thế kỷ thứ hai mươi mốt.

Tôi vừa nghe lóm chuyện bàn bên cạnh, vừa tự rót cho mình một ly rượu vang hảo hạng - mà Viện nói là anh đã này lại được mười két trong cái kho rượu quí của người chủ cũ của cái biệt thự này- sau khi đã đưa tay mời mọi người mà trong bàn mà lại không có ai uống cả. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn cành phượng tím lả lơi đong đưa theo những đợt gió biển hiền hòa mang theo cái mát mẻ của một đêm xuân tím. Không phải tôi muốn hâm nóng lại khuynh hướng thơ của Malharmé hay của nhóm Xuân Thu Nhã

Tập mà học đòi theo cách viết những giòng chữ nghĩa trừu tượng đâu. Màn trời tím thẫm thật. Nhìn cành hoa Jacaranda, rồi ngước nhìn trời, tôi đã muốn tháo cái cà-vạt ra. Nể bạn rồi tôi thắng bộ vào mà đến dự tiệc, chứ còn gió biển và côm-lê là hai thứ khó đi đôi với nhau lắm. Tôi nhìn xuống những màu sắc không rõ rệt trên cái cà-vạt mà hồi chiều tôi đã chọn và thắt rất kỹ cho nó "ăn" với bộ côm-lê. Tự nhiên tôi thấy cái cà-vạt của tôi nó hơi trơ trẽn, hơi bẽ bàng, nếu không hẳn là lố!

Cái gió biển, nó vẫn khuyên mình nên mở bớt một hột nút áo sơ mi ra cho khỏe, cho thoáng nếu hoàn cảnh không cho đánh trần, hoặc cởi truồng như cái "cảnh" mà tôi đã từng được ngắm ở một đôi bãi bể bên bờ Địa Trung Hải giữa ban ngày ban mặt, chứ không phải là nắng quáng đèn lòa chi mà nhìn lầm rồi ngộ nhận như vậy. Mơ mộng chút nữa, lãng mạn chút nữa tôi nghĩ rằng gió biển là một tiếng gọi, nó rỉ vào tai mình một lời mời mọc đầy cám dỗ, nó khiến cho mình thầm nhủ với lòng rằng phút này nên tung hết cả đi mà say sưa với sóng viễn khơi, với mây trùng dương. Còn cái cà-vạt, đành rằng nó có vị trí xã hội của nó trong Âu phục, nhưng mà đàng nào thì cũng là một sợi dây, bản to bản nhỏ tùy mốt. Một sợi dây mà mình đeo trên cổ. Cái cà-vạt, đẹp có xấu có, nhưng khó dùng nó để làm một thứ tiêu biểu cho những gì là cởi mở, là thoải mái. Có vẻ như trong cuộc sống, có một vài thứ mà vào một lúc nào đó mình thấy nó thừa , nhưng mà không vứt nó đi được. Khổ!

Mà hình như cái khăn đóng của người mình cũng là một thứ trói buộc. Trong mâm cơm của các bậc trưởng thượng vào một ngày kỵ rơi đúng vào lúc mà cái nắng tháng tám đang nung nấm những trái bưởi ngoài vườn, tôi đã được nghe ông bác trưởng tộc lễ phép mời khách:

"Dạ, xin rước các cụ cất khăn cho mát."

Được lời đó, có vẻ ai nấy cũng đều cởi tấm lòng, vì mấy người anh em họ và tôi lúc ấy chừng chín mười tuổi với nhau, sau đó bị sai đem những cái khăn đóng đẫm mồ hôi đi treo ở cái móc áo trong nhà. Sực nghĩ rằng tôi chưa bao giờ được gia chủ mời tháo cà vạt giữa một bữa tiệc cả. Tôi lấy làm phục bác tôi, nay đã không còn nữa. Cái tinh thần trung dung của ông đáng mến lắm. Lễ nghi trịnh trọng khi cúng vái thôi, còn ngồi vào bàn ăn thì cũng nên "relax" không thì tội cho món ăn, tội cho người nấu nướng.

Nhưng mà tôi thấy không cần phải tội cho ông khách này của Viện ngồi đối diện tôi. Cái ông đeo nhẫn ngọc trên bàn tay trắng trẻo mà móng tay đã được trau chuốt bóng nhoáng này, từ nãy giờ có vẻ đói bụng vì như thường lệ, tiệc của An-Nam ta không bắt đầu đúng giờ, nên món nào dọn ra là ông cứ lẳng lặng mà gắp lia gắp lịa. Bây giờ, có vẻ như hoàn hồn rồi,

ông khoan khoái cất tiếng bình luận:

"Anh chị Viện đặt tiệc ở nhà hàng nào đây mà tôm hùm tươi thiệt. Ngon quá. Em nhớ hỏi chị Viện, sang năm đám cưới con mình cũng nên làm ở cái tiệm này."

Thuận tay, ông gắp cho vợ một cái càng nhỏ. Tôi để ý bà vợ chỉ nhìn cái càng dài chừng hơn một tấc tây, mà không ăn. Áo xống như vậy, nữ trang như vậy, son phấn như vậy, mà bẻ cái càng rồi cắn, rồi khới, rồi gặm...kể cũng không tiện. Thành ra, liếc nhìn qua mấy bàn tiệc xung quanh, tôi thấy đám phụ nữ có vẻ không chịu hy sinh cái công tô điểm của mình trước khi đi dự tiệc mà đổi lấy cái ngon của một loài tôm, nhập cảng từ bên Úc. Mà có ăn đi nữa thì cũng là lối tiêu thụ thận trọng kiểu cách của một bà chúa Huế cắn đôi một cọng giá được gắp ra từ một cái dĩa nội phủ vẽ rồng năm móng trên cái mâm đồng có ba chân gỗ mun chạm nổi.

Một người bạn mới đi Hà Nội về tháng trước thuật lại cho tôi rằng trong lối sống của một số người ngoài đó, loáng thoáng thấy cái ý định tồn cổ và học cổ. Nơi thì ôn lại, nơi thì chịu khó học lại cái cung cách của thời trước. Cũng không can chi. Miễn sao cho đừng rởm là được, không kệch cỡm là được (Chữ *được* của tôi ở đây, xin hiểu theo nghĩa dân chủ của nó, nghĩa là có đa số vui lòng chấp nhận mà tán đồng). Bởi vì, không lẽ vứt hết mọi thứ trong bốn ngàn năm đó hay sao. Đã thiệt thòi cho mình mà người ngoại quốc họ còn cười nữa. Không nên.

Nhưng mà, xin trở lại với miếng tôm hùm, dẫu sao thì cũng là một hải vị đắt tiền. Không nên phí. Tuy vậy, cũng phải cẩn thận một chút không thì cái xốt có nhiều gia vị này nó dính áo, dính cà-vạt. Mà kể như vậy là cái ngon cũng đã bị giảm đi nhiều lắm rồi. Tôi vẫn nghĩ rằng đồ biển tươi, không ăn sống như người Nhật, thì cứ luộc hay hấp lên theo lối ăn của người chài lưới bên mình là thượng sách. Ăn kiểu ấy, nó không có rắc rối sự đời đã đành, mà nguyên vị của thớ tôm, thớ cá cũng không bị tổn. Chấm thêm nước mắm, hay muối tiêu chanh ớt vân vân là tùy cái sở thích của mỗi người. Đậm đà nhất là dư vị của nước biển còn vương đâu đó trên một cái vỏ ốc, vỏ sò. Hình như cái giản dị vẫn là một phần của nghệ thuật, kể cả nghệ thuật trong cái ăn cái uống.

Nhớ một chén rượu chiều trong cái quán nhỏ ở Lăng Cô, có dĩa sò huyết, có một phút dừng chân, không phải trên *con đường ba sinh* trong câu vọng cổ già đã hơn nửa thế kỷ, nhưng mà trên con đường từ Huế vào Đà Nẵng, vào một thời kỳ mà công việc lu bù, đâu tắt mặt tối, ăn không ra bữa. Một ly rượu chiều độc ẩm. Có những ly rượu uống cho nó tỉnh người. Tôi gạt hết mọi suy nghĩ về cái đống việc phải làm cho xong trong một khoảng thời gian quá khít khao. Ghi vào quyển sổ tay một cái tứ thơ buồn

buồn, chưa quyết định được là câu đầu nên gieo vần bằng hay trắc. Tôi ngồi nhìn những sợi mưa của cái tiết nước nhảy lên bờ ở miền Trung từ mái tôn trút xuống vệ đường đầy cỏ dại lan từ mép đường nhựa có chỗ đã nứt nẻ. Con đường nhiều ổ gà.

Chủ quán là một người đàn ông có lối gợi chuyện lọc lõi, lối tò mò kín đáo của một người khôn ngoan theo kiểu láu cá. Câu hỏi nào cũng bâng quơ nhưng mà có mục đích của nó. Thân mật quá sớm mà không gây ác cảm.

"Lứa sò này tươi lắm. Dạ, ông làm viêc ngoài Huế?"

"Lấy thêm miếng chanh nữa mình ơi. Dạ, tình hình mấy bữa nay ở ngoài Huế ra sao?"

Tôi đồ rằng người đàn ông có đôi môi mỏng dí này nếu không phải là công an chìm thì cũng là Việt Cộng nằm vùng. Thời chiến tranh, không muốn mà lắm lúc cũng phải đa nghi. Cũng có thể là oan cho người ta. Nhưng mà biết sao bây giờ, trong cuộc sống có những lúc mình không thể để cho cái bản năng tự vệ nó nghỉ xả hơi dài dài được, chữ nghĩa rắc rối gọi là cảnh giác. Vợ người chủ quán là một người đàn bà có đôi lông mày thật sắc, mà đôi mắt lại hiền. Miệng cười tiếp khách cũng khá đon đả, nhưng mà vẫn có một chút gì thật tình, thật bụng.

Từ phía bên trong quán, vọng ra một bài hát của anh bạn nhạc sĩ. Lời ca trong bản nhạc mơ đến khi đất nước thanh bình, để cho anh có dịp đi thăm hầm chông cùng mã tấu và những thằng bạn vừa xanh nấm mồ. Trước khi rời Huế sáng sớm hôm ấy, tôi tạt qua An Cựu ghé thăm một người em họ xa mà chồng đã bị giết trong Tết Mậu Thân.

"O với mấy cháu cũng thường?"

"Dạ, thì cũng phải gắng sống chớ làm sao bây giờ anh."

À, ra thế. Hình như cái số người "phải gắng sống" vẫn nhiều hơn những người được may mắn"sống". Sống. Không cần phải thêm một cái dấu than hay dấu hỏi. Ly rượu chiều hôm ấy, đáng lý nó phải gợi hứng cho tôi trên con đường không có nơi đến của một tứ thơ buồn, nhưng mà vì lời ca trong bản nhạc của anh bạn, vì câu nói của người em họ góa chồng, nó không được đậm đà nữa. Tôi nghĩ đến một cái sáo cũ trong văn chương lãng mạn, đến ly rượu đắng. Đắng thật. Tôi cạn ly rượu mà ăn không hết dĩa sò huyết bởi vì chập chờn trong màu đỏ thẫm của loài ốc biển đã được nướng qua thật nhanh, là một màu đỏ khác, tươi hơn, cái màu đỏ của chất lỏng vốn có chức năng nuôi dưỡng sự sống. Mà hình như quanh tôi, lúc ấy, sự sống vẫn đang bị hủy hoại.

Từ cái dĩa sò khắc khoải ray rứt ở Lăng Cô cho đến miếng tôm hùm thản nhiên hôm nay...dùng đến những tính từ ấy, tôi biết lòng tôi cũng

bình tĩnh lại rồi. Hai mươi mấy năm rồi. Tôi đã phải từng tự khuyên mình rằng vui với quá khứ thì càng tốt, buồn với chuyện đã qua, như cái cố tật của tôi, thôi cũng được đi. Nhưng mà sống với quá khứ thì...

Tôi xin lỗi mọi người trong bàn tiệc mà bỏ đi hút thuốc. Tôi tựa mình vào lan can nhìn xuống ghềnh đá, nhìn ra biển cả. Nhìn trời nước bao la mênh mông bóng tối ngoài xa, đầu óc của mình nó có nhẹ đi thật. Viện từ nãy giờ bận chạy qua chạy lại hết bàn này đến bàn kia, có lẽ cũng đang nổi cơn thèm nhưng bỏ khách mà đi thì không tiện.Thấy tôi xung phong trước, Viện ra theo, châm một điếu Dunhill:

"Anh còn vào dùng tiếp chứ. Hôm nay không có trăng. Nhưng những đêm trăng tròn. Đẹp lắm. Mà cũng phải chờ đến khuya, vì bờ bể vùng California này xây ra hướng Tây, thường thì khuya trăng nó mới qua đến phía này. Mà dạo này trong người tôi nó thế nào ấy bác ạ. Cơm nước xong là có lấy sào mà chống, mắt nó cũng không mở ra được, cứ phải đi ngủ sớm. Trăng mọc trăng lặn gì cũng không thấy mặt mũi nó như thế nào cả. Thành thử cảnh **của mình** đấy (Viện nhấn mạnh hai tiếng **của mình**) mà rồi cũng không có dịp mà hưởng, bác hiểu không?"

Hiểu rồi. Khi ra kinh doanh thì Viện khôn ngoan đáo để, đố mà biết được anh sắp xổ ngón gì, tung chưởng nào. Nhưng trong chỗ bạn bè, anh thật lắm, nghĩ chi nói nấy. Anh đã không giấu cái chuyện không có thì giờ mà hưởng cái công của mình làm ra, thì tôi nghĩ mình có tiếc rẻ hộ anh, có níu lại được môt đôi tiếng đồng hồ trong cuộc sống bận bịu của một người đã hiến thân cho khôn ngoan cho lừa lọc trong rừng tiền, trong bể bạc thì cũng là chuyện thừa.

Cái thiên chân bẩm sinh trong mỗi người, cái thiên chân trong người anh bạn tôi, coi vậy mà cũng chưa bị cái nghề của anh nó làm cho hao tổn lắm. Con người này còn muốn ngồi yên mà nhìn một mảnh trăng, còn thích một nét đẹp về đêm của đất trời, của thiên nhiên, còn biết phóng cái nhìn của mình ra khỏi cái vòng chật chội của chuyện được thua trên thương trường, con người này còn có lối thoát, rồi cũng sẽ có lúc anh được nghỉ ngơi. Tôi lấy làm mừng cho bạn. Nẩy ra cái ý định ái ngại cho một đôi chỗ quen biết khác. Nhưng mà nghĩ lại, hơi đâu! Mà cũng không nên. Là cũng bởi vì biết đâu chính những chỗ quen biết đó họ lại chẳng ái ngại cho cái lối sống của chính tôi. Đời này tương đối cả.

Và câu nói của anh bạn tôi cũng khiến tôi nghĩ đến một chân lý kể như là muôn đời trong văn chương - do đó, trong văn hóa của nước mình - mà từ ngày qua California này rồi thì nó đâm ra sai hết cả, mà sai đến một trăm phần trăm chứ không phải ít. Tôi thấy cần phải mở ngay một cái dấu ngoặc thật lớn mà nói rằng cái loại chân lý này không phải là những

khuôn vàng thước ngọc kiểu tam cương ngũ thường, tam tòng tứ đức tức là những thứ mà đã từ lâu, ai có dửng dưng cho đến mấy đối với những gì xảy ra xung quanh mình, cũng phải nhận thấy là nay chúng bị xem là trật lất, dù giá trị nội tại của chúng vẫn không thay đổi. Đóng dấu ngoặc.(Tôi cẩn thận viết mấy chữ *đóng dấu ngoặc* là vì nhiều lần trong một vài bài thuyết trình, tham luận, diễn văn vân vân... tôi nghe diễn giả nói *xin mở một dấu ngoặc đơn* đàng hoàng, mà rồi thì chờ mãi không thấy nó đóng ở chỗ nào cả. Sốt cả ruột!)

Cái chân lý mà tôi định nói tới, thật ra nó do hoàn cảnh địa lý nước mình và nước Tầu nó tạo ra, do vị trí của đất nước trên địa cầu. Số là (hai chữ *số là* này nó nhập vào người tôi từ cái thời ghiền chuyện Tầu loại *Ngũ Hổ Bình Nam, Vạn Huê Lầu* vân vân) trước cái thời mà ông cha ta mở mang bờ cõi cho đến mũi Cà Mâu ngày nay, một công trình mà một thằng bạn cũ người Cam Bốt gọi là "chính sách thực dân của vua chúa nước mày" (thật tình, kể cũng không sai lắm), trước thời kỳ ấy nước mình chỉ có biển Đông. *Dã tràng xe cát biển Đông* xuất hiện tự thời nào tôi không rõ, mà cho đến mãi cách đây không lâu lắm, người tráng sĩ trong bài Hồ Trường, vào một phút nghĩ đến cái chí lớn không hoặc chưa thành, cũng chỉ mới nhắc đến *Nước bể Đông cuồn cuộn*...Ít khi thấy chữ nghĩa nói đến biển Tây, dù có cả mấy trăm cây số bờ bể vùng Rạch Giá, Hà Tiên. Ở bên Tầu thì khỏi nói. Mọi con nước lớn nhỏ đều đổ ra biển Đông cả, cho nên con người thật khoáng đạt là ông Lý Bạch đã từng viết rằng "nếu công danh phú quí mà tồn tại mãi được thì giòng sông Hớn thủy hẳn đã đổ ngược lên hướng Tây Bắc"*

Ấy vậy mà rồi qua đến California này rồi thì trăng đi ngủ trên mặt biển. Mặt trời cũng không còn gác núi nữa. Sau 75, có nhiều thứ thay đổi quá! Nhiều lúc không còn biết trời trăng gì nữa.

"Dạo này anh ra sao?"

Viện bất thần hỏi tôi. Tôi nhớ là hồi chiều, lúc mới đến dự tiệc, tôi đã trả lời câu hỏi đó rồi, lúc Viện bắt tay mà máy móc một câu hỏi thăm sức khỏe. Và như vậy là anh cũng nghe một cách máy móc mà không ghi nhận chi cả. Đành phải lặp lại:

"Ờ, cũng thường luôn. Còn ông?"

Vậy mà không ngờ câu hỏi cũng máy móc của tôi lại có vẻ như chạm vào một sợi dây nào đó trong lòng anh. Viện ngồi xuống một cái ghế sắt sơn trắng cạnh lan can rồi bảo tôi ngồi xuống cạnh đấy:

"Công việc cũng được. Mình mới thầu được một cái mối khá lớn bên Bangkok, tuần sau đáng lẽ đi Thái Lan nhưng phải hoãn lại vì...chuyện nhà."

Và chuyện nhà đây là chuyện con gái lớn của anh tuần trước đó, khăn gói qua tận bên Mễ Tây Cơ mà theo với một thanh niên người Đan Mạch. Thoạt nghe thì khá ly kỳ. Nghĩ lại, kể cứ như là cơm bữa trong cái sinh hoạt ở xứ cờ Hoa này.

Tôi trở vào bàn ăn, bây giờ đã dọn đến hai món cơm chiên và cá chiên. Theo như cái thông lệ của cách sắp xếp các món ăn trong một bữa cơm Tàu, thì hai món đó tương đương với cái chấm hết trong một bài văn. Và tôi nhận thấy cái ông đeo nhẫn ngọc, tuy tôi biết tên nhưng không tiện viết ra đây, vẫn và cơm rồi gắp cá liền tay một cách ngon lành. Ông ta quả là ăn thiệt tình. Và tôi cũng thiệt tình mà tự phụng cho mình một ly rượu vang nữa. Chai rượu ngon thật. Dư vị đậm đà của một mùa nho bên nước Pháp,(lần này tôi không mời ai cả) một mùa nho chín cách đây đã hai mươi lăm năm, mùa nho năm 1973 khiến tôi nghĩ đến những mùa nho cũ trong lòng.

Hình như...lâu lắm rồi... cũng có những trái chín mọng trong đời mình, những mộng mơ, ao ước xum xuê mà xanh ngắt, cũng có vị đường ngọt ngào đến ngây ngất. Ngày ấy, tay không lên đường, hành trang chỉ vỏn vẹn một niềm tin ở chính mình, ở tương lai. Tôi nhấp một hớp rượu để nhận thấy rằng cả mùa nho năm ấy ở Bordeaux bây giờ vẫn còn có cái vị ngọt của nó, còn những mùa nho trong lòng mình? Có những loại rượu vang càng già càng ngon và có những mùa cũ trong đời mình mà hương phấn đã bay đi mất hết cả rồi, có vớt vát lắm cũng chỉ còn ghi lại được một chút chán chường, một niềm tiếc nuối. Ấy là chưa nói đến những chuyện mà nay nhớ lại, nó vẫn khiến cho mình ân hận, áy náy...Người thiếu phụ ở tuổi thanh xuân ấy không từng phụ mình, mà rồi thành ra tôi là một kẻ ăn ở tuy không phải là bạc, nhưng cũng không được hậu lắm...Cha chết, không về được mà chịu tang, đành rằng bom đạn nó cản lối đi, nhưng mà cái chữ Hiếu, vỏn vẹn có mấy nét, mà tôi viết cũng không xong, nói chi đến chuyện viết cho đẹp!

Thành ra ngồi trong bàn tiệc, nhìn gió biển nhẹ khua cành phượng tím mà lật giùm tôi một đôi tờ giấy trên đó có những hàng chữ mà mực đã nhòe, đã phai trong mấy cái "chương" cũ của một đoạn hồi ký lộn xộn, đứt đoạn, chập chờn, tôi đã phải đóng kịch, hay hoặc dở không biết, nhưng mà đóng kịch rất nhiều. Người ta khen nhà anh Viện sang và đẹp. Tôi thật tình mừng cho bạn và hoàn toàn đồng ý với lời khen đó. Người ta khen cái lối dọn một món rau giữa hai món cá thịt thật là khéo, tôi cũng thầm cám ơn người đầu bếp của cái tiệm cơm Tàu phụ trách chuyện ẩm thực tối nay tại nhà Viện. Người ta khen anh Viện giỏi, một cách khá mơ hồ, thoáng một chút xíu tị nạnh nữa là khác.Tôi cũng thừa biết rồi, nhưng mà không

nghe ai nhắc đến cái chịu khó của anh. Người giỏi thì trong thiên hạ cả đống ra đấy. Còn phải chịu cực chịu khổ, thức khuya dậy sớm ở cái bước đầu nữa.

Cái ông khách gầy ngồi cạnh vợ tôi, nghe giọng nói thì hình như người Quảng Bình, ngày trước là một thương gia khá giả ở Đà Nẵng, nhưng từ ngày qua Mỹ thì không buôn bán chi nữa. Vốn thuộc lớp "Tây học" cũ, cho nên nên hồi nãy ông thốt ra lời nói hơi đá một nét ganh tỵ, ông đã dùng đến một thành ngữ trong văn chương Tây mà nói rằng chuyện làm giàu ở nước này, cũng như ở mọi nơi khác , còn phải chờ cho đến lúc "cơ may nó nhoẻn miệng"với mình nữa. Tôi cũng đồng ý luôn. Và định phụ họa với ông mà nhắc đến cái câu kết "hơn nhau cũng một chữ thời" trong một bài hát nói của nhà nho nổi tiếng là ngất ngưởng nhất trong văn học mình. Nhưng mà nghĩ sao, tôi lại thôi. Tôi tự thấy mình bặt thiệp lắm, ai hỏi câu gì cũng có ngay được một câu trả lời vô thưởng vô phạt, không mất lòng ai cả. Soát lại, tối hôm nay chưa có gì là thất thố cả. Nếu có chăng nữa thì chỉ là một cái nhìn hơi xoi mói mà tôi biết là tôi không giấu nổi trước cái lối ăn uống không được lịch sự lắm của cái ông đeo nhẫn ngọc. Nhưng tôi nghĩ rằng, bận ăn, ông đã không để ý.

Nhưng mà, phút này tôi muốn uống cho hết cả chai rượu Bordeaux quí giá này để mượn men của một mùa nho cũ mà trả cái vai trò bất đắc dĩ này cho bàn tiệc.Tội ích kỷ hay là khiếm nhã, hoặc cả hai, tôi xin chịu hết.

Bởi vì, giờ này là giờ của sóng âm, mà lại là một bài hát nổi tiếng mà tôi vẫn hằng ưa thích. Viện cũng sành điệu, cũng tâm lý lắm, cho nên phần đệm chỉ là một tay dương cầm tuy cỡ trung niên, nhưng lại có cái dáng ẩn dật mà hơi chán chường của một nghệ sĩ già đời, lặng lẽ vuốt phím.

"Lựu (tên vợ Viện) định mời cả một ban nhạc, nhưng tôi nghĩ bạn bè tối nay phần lớn đều ở cái tuổi tôi với bác cả rồi. Tôi sợ cái dàn nhạc có thể giống lên những hồi trống Tràng Thành. Có lung lay bóng nguyệt không thì không biết, nhưng mà thiên hạ sẽ bỏ về sớm là cái chắc. Muốn bạn bè ngồi lại chơi cho đến khuya mà vô ý chọn cái loại âm thanh trục khách đó thì không được. Một cây đàn dương cầm với một đôi giọng hát cũng là đủ cho cái chỗ văn nghệ giúp vui rồi, anh hiểu không?"

Nhìn người nhạc sĩ dương cầm miệng ngậm điếu thuốc, tôi đã nhớ đến một tay saxo lão luyện người da đen trong một hộp đêm về khuya vào một đêm mà trời sương bên cảng Amsterdam đổ vào lòng tôi một chút sầu lữ thứ. Người nghệ sĩ da đen này đã vì tôi mà thổi một bản nhạc buồn lắm. Anh còng người, cúi xuống mà thổi, mà sống riêng với mình trong cái bóng tối lờ mờ của sân khấu đời mình. Cứ cái nét dạn dày trên khuôn

mặt xương xương, tôi cũng có thể đoán non đoán già rằng anh cũng không còn thiết tha chi đến nữa với những chốn chói lọi hơn trong sân khấu của cuộc đời, những nơi mà có lẽ một thời anh đã từng mơ ước, hoặc đã từng xuất hiện. Tôi chỉ đủ tiền để mời anh một ly vodka. Nhưng mà cứ nhìn cái nét cười trong ánh mắt anh khi tôi quẹt cây diêm mà châm điếu thuốc cho anh, tôi biết rằng anh nghĩ là tôi đã không phụ tấm lòng của anh, không phụ tài nghệ của anh.

Tiếng kèn trầm trầm đục đục ấy giữa một đêm nhiều sương bên Bắc Hải đã đưa người lữ thứ là tôi lúc bấy giờ về với một...kẻ Chương Đài ở ngoài Huế. Tôi không biết mà cũng không nhớ con đường cũ ở cái chốn cũ xa xăm ấy có liễu hay không. Có thì càng tốt vì như vậy là tôi có thể dùng đến một cái điển cũ mà không đến nỗi quá gượng ép. Còn không thì cũng không sao. Bởi vì trong những ngày tháng mà tôi ngược xuôi ở bên này thì bên kia kẻ Chương Đài ấy cũng sang ngang! Cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Người ấy ở hữu ngạn mà đi lấy chồng ở tả ngạn giòng Hương. Nghĩ đến chuyện cũ về sau này tôi cũng không áy náy chi cho lắm là vì cái chuyến sang ngang ấy, có lãng mạn, sướt mướt đến mấy đi nữa, cũng khó gọi nó là lỡ bước. Bởi vì bạn bè tôi thuật lại cho tôi hay rằng không những đời sống gia đình của người ấy hết sức êm đẹp, mà cố nhân lại còn được chồng giàu có cưng chiều nữa. Người ấy, vào một sáng chủ nhật mát trời, tình cờ gặp tôi ở trong một tiệm bánh cuốn đường Lê Thánh Tôn, Saigon, đã toe toét mà tỉnh bơ: "Lâu lắm không gặp lại anh." Lần ấy, vừa băn khoăn suy nghĩ không biết tại sao một giọt cà cuống, dù là giọt cà cuống giữa chiến thời đi nữa, lại đắt gần bằng một đĩa bánh cuốn, vừa nghiệm ra rằng mình có chủ quan thật. Cứ nghĩ rằng mình sống mãi trong lòng cố nhân. Hóa ra...Thành thử có một đôi cố nhân thuộc vào loại *cố nhân vui*, chứ không phải là cố nhân nào cũng ngậm ngùi cũng bẽ bàng cả. Thôi, vậy cũng tốt. Kể như hòa cả làng!

Người nhạc sĩ Việt Nam này đang đệm cho một giọng hát tài tử. Theo lời Viện thì hồi còn thanh niên tay dương cầm này vẫn đàn trong các vũ trường ở Saigon, nhưng mà qua đây rồi giải nghệ. Bây giờ thỉnh thoảng, có chỗ quen biết mời, anh đến giúp vui thôi.Trên một cái bục gỗ được dùng làm sân khấu ở cuối bãi cỏ trong vườn, có một người đàn bà mặc một cái áo dài màu đỏ tươi vừa cất giọng khá trong mà cố sức diễn tả cho hết cái đẹp trong lời ca của một bản nhạc nổi tiếng.

Nghe hết câu đầu, tôi mừng lắm. Tôi biết người ca sĩ này có lòng với âm nhạc. Tôi mừng là vì, ngày nay, ngoài cái kỹ thuật âm thanh tân kỳ nó che giấu được nhiều chỗ khiếm khuyết trong giọng hát, trong cách trình bày, người đứng trên sân khấu nhiều khi lại còn lả lướt cả một vũ khúc.

Rồi uốn éo, rồi phô trương một đôi phần trên cơ thể. Cứ để tự nhiên thì khán giả, nhất là khán giả đàn ông như tôi đương nhiên là đã chú ý đến những phần đó trên mẩu xương sườn đã được phép lạ của Thượng Đế biến thành thứ cám dỗ thứ hai, theo lối sắp xếp của người Tàu. *Tửu* đứng trước *sắc*. Coi vậy chơ mà, dù đứng thứ hai, cái *sắc* cũng ghê gớm lắm. Tôi viết câu này với đầy đủ kinh nghiệm đau thương của tôi. Vẫn biết mách thì phải có chứng, nhưng mà trường hợp bất khả kháng. Xin được miễn đi vào chi tiết.

Cái lối trình bày vừa ca vừa múa này, tôi xin dựa theo cái tên của một tiết mục trong chương trình phát thanh của đài Saigon ngày trước, *Thi Nhạc Giao Duyên*, mà gọi là *ca vũ giao duyên*. Nhưng mà thật tình, với tôi, nó vô duyên lắm. Tôi đi nghe hát, chứ không phải đi xem múa. Mà múa cái kiểu đó, thì hiện nay, các chương trình trên đài Âu Mỹ, nghệ thuật của người ta đã đạt đến một cao độ rất gần với những cử động tự nhiên, không vướng cái chuyện làm dáng làm điệu. Một lần, tôi đã thấy cái cảnh một nữ ca sĩ ham múa quá, thành ra bài hát đang được trình bày, tự nhiên mà thành thứ yếu. Tội cho người làm nhạc. Mà cũng có lỗi với nghệ thuật nữa.

Người ca sĩ tài tử mặc áo đỏ này dáng mềm mại, cao hơn mức trung bình của phụ nữ Việt Nam. Trạc ngoài năm mươi. Hình như cái nét tròn trịa này thuộc vào loại thân thể mà Renoir thích vẽ. Giọng thì trong mà cách trình diễn cũng tròn lắm, gọn lắm. Láy dẻo mà ngân không gượng, không cứng. Ngắt tiếng, kèm hơi cũng chững chạc. Không phải là ca sĩ chuyên nghiệp mà người thiếu phụ này có cái dạn dĩ của một ca cơ đã từng thân thiết với ánh đèn sân khấu. Dáng điệu cử chỉ cũng khoan thai, thanh nhã, nó hợp với khung cảnh cổ của chuyện người lên non hái thuốc để mà chữa cái sầu thiên thu, chuyện Thiên Thai.

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng... Tôi lớn lên với tiếng hát ở ngoài trời nhiều hơn là giọng ca trên sân khấu, trong thính phòng. Một giọng hò bên bến, trên thuyền, tiếng hát giã gạo ngoài sân trăng, giọng ca ngoài đồng lúa chín, điệu chầu văn lơ lớ trên sóng nước, ngay cả những thứ tiếng lạ tai trong nhạc cầu đảo bên ngoài một nếp nhà sàn của người Ra-Đê hay Gia-Ray, những âm thanh đó, nó đi thẳng vào người tôi từ cái bao la của đất trời. Đúng ra, những âm thanh đó vẳng lại với tôi, và tôi đã nghe khi những lớp sóng âm ấy đã dịu đi, nhẹ bớt. Chúng luôn tạo ra trong lòng tôi một chút gì đó, buồn có, vui có, nhưng mà luôn được một nét xa vắng. Cũng một câu hò, điệu hát đó, mà một đôi lần, ngồi gần người trình diễn trong một thính phòng, tôi đã bắt được những chỗ hơi the thé, hơi lanh lảnh, thay vì cái trong vắt, cao vút nghe được ở ngoài trời. Có

một số câu hò giọng hát chỉ xoáy vào tim tôi qua một đợt gió chiều, một lớp sóng trăng, một làn hương cau, hương bưởi, một nhịp ve ran. Ngồi trong nhà, trong thính phòng, đố mà có được những rung cảm mạnh như vậy.

Thành thử cái câu mở đầu của bài *Thiên Thai*, một bản nhạc già cũng đã hơn năm mươi năm, không cần phải có nhạc, gieo giữa cái mênh mông của trời nước, đành rằng nó dẫn tôi vào cảnh thần tiên nọ của chuyện Lưu Thần và Nguyễn Triệu, nhưng mà thường nó cũng đưa tôi đi vào những khung cảnh khác, những lần mà âm thanh giữa đất trời đã từng khiến tôi ngơ ngẩn. Cái câu đó, dù không phải là một câu hát, vẫn có cái đẹp của một câu thơ, một lời mời người thích nghe hát bước vào thế giới của âm thanh. Man mác lạ.

Mà trong lòng ai mà lại không có một cõi Thiên Thai riêng, những ngày thần tiên cũ, để rồi đến cái câu *nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta* ở đoạn cuối, nó, câu hát đó vẫn thường đưa tôi về một đôi khung trời đã xa lắc xa lơ, một đôi mẩu vụn vặt trong những ngày lang thang của tôi. Giữa bữa tiệc vui này, mà lòng tôi đâu đó nghe thoáng một niềm hoài tư nhẹ nhàng lắm. Nhẹ đến độ, sợ mất nó đi, tôi lại rời bàn tiệc để được tự do châm cái tẩu thuốc mà sống riêng với nó, sống một mình với nó. Tôi lại đến tựa mình vào lan can bên ghềnh đá mà nhìn lên bầu trời tím thẫm, nhìn ra biển cả mù mịt. Đường đi đến tương lai có thể còn sóng gió, nhưng mà lối về quá khứ, dù là một quá khứ nhiều phong ba, tối nay lại hiền lành, trầm lặng như biển cả mênh mông vào giờ này bên bờ California, có những cành phượng tím đong đưa dưới ánh đèn của một buổi dạ tiệc.

Tôi nghĩ đến một chiều bên cảng Singapore. Một đêm vui trên chiếc thương thuyền mà chủ nhân là một người bạn Mã Lai rất hiếu khách. Chỉ bực có một chuyện là xa xa, phía Nam thương cảng, tôi thoáng thấy mấy cái chiến hạm của Đệ Thất Hạm Đội Mỹ, thường vẫn ghé vào cảng Singapore mà sửa chữa, tu bổ. Đi đâu cũng không tránh được những điều nó khiến mình nghĩ đến chiến tranh trên quê hương. Cái thiệt thòi của nước mình, lại là chỗ lời lãi của người khác. Cái thứ dịch vụ tu bổ chiến hạm này, vốn là một phần của kỹ nghệ chiến tranh, nó tạo công ăn việc làm cho một số công nhân cơ xưởng ở cái đảo quốc tí hon này, chưa nói đến những xưởng chế tạo vũ khí đủ các loại từ AK47 cho đến M16. Cái câu nói khá xi-nic của anh bạn đồng nghiệp người Ý có vẻ như cũng không sai lắm: " Liên Xô, Trung Quốc và Mỹ sẵn sàng chiến đấu cho đến người Việt Nam cuối cùng."

Nhưng mà...màn trời đầy sao ở cái đêm trăng trong vắt đó nơi miền nhiệt đới, quả là đẹp. Theo sóng, theo những con nước ngầm chiếc thương

thuyền nhỏ của bạn tôi cứ chầm chậm mà xoay quanh một cái trục vô hình. Ngồi yên một chỗ, lắng nghe giọng hát của một người ca cơ Hoa Kiều, lòng tôi hơi ngây ngất. Người con gái có một cái thân hình hấp dẫn này, cũng có một giọng hát hấp dẫn không kém. Bài hát lại là một bài lãng mạn, trữ tình hết chỗ nói...*mất về đâu con đường mang tên là đường cô đơn, con đường ở trên đó những mộng vỡ tan tành gặp lại bao nhiêu là kỷ niệm***...Nghe mấy câu hát tiếng Anh mà tưởng chừng như đang đọc lại"Một Chuyện Tình Mười Lăm Năm Về Trước" của Lưu Thị Hạnh. Trong một thoáng say sưa, tôi đã quên hết những món ăn cầu kỳ, quên hết cả tiếng cười nói xung quanh mình giữa buổi dạ vũ hôm ấy, để mà sống với cái cay cay ngọt ngọt lạt lạt đắng đắng của một ly whisky hạng tốt, với giọng hát khàn khàn đục đục đầy sương gió này của người con gái tên là Cathy mà lại là họ Lý.(Lee).

Dứt bài hát, tôi tiến đến quầy rượu nói chuyện với Cathy, lúc ấy cũng đang giải lao bằng một ly Gin Tonic. Cathy gốc người Thượng Hải, theo gia đình di cư (đi đâu cũng không thoát khỏi cái cảnh loạn lạc!) sang Singapore sau trận chiến Quốc Cộng bên Trung Quốc. Vào cái hồi anh bạn người Mã Lai tổ chức buổi dạ vũ nọ, Cathy là một ca sĩ rất ăn khách. Bạn tôi đã nói nhỏ với tôi rằng kéo cho được Cathy đến hát tối hôm ấy, anh phải trả giá gấp đôi để cho nàng từ chối một nơi khác. Phải rồi...*Ngũ Lăng niên thiếu thưởng đua... biết bao the thắm chuốc mua*...Trong đời của một con người, may lắm ông Trời ông chỉ cho được một lúc thôi. Thế nào gọi là nắm lấy thời cơ. Và khi người ta là một giọng hát từng được mời qua trình diễn "sống" trên đài phát thanh Kuala Lumpur, Jakarta, Bangkok, thì người ta biết cái giá của mình lắm chứ. Công ty của anh bạn người Mã Lai của tôi, ngoài những dịch vụ lương thiện ra, lại còn buôn lậu vặt vãnh nữa. Cho nên, nghe câu nói của anh, tôi mỉm cười:

"Tàu của anh cứ lọt cho được một chuyến vào Bombay hay là Calcutta thì anh trả gấp mười cũng được."

Bạn tôi cũng cười mà bảo tôi *shut up* (câm mồm đi).

Ngồi nói chuyện với Cathy, nhìn nàng đốt thuốc lá liên hồi kỳ trận, loại thuốc Senior Service của người Anh, tôi định yêu cầu Cathy hát một bản nhạc ngoại quốc mà tôi rất thích, thì nàng hỏi tôi:

"Tại tối nay ở đây không có người Trung Hoa, chứ có mấy bài hát Trung Hoa, mà tôi thích lắm, hát sướng lắm (I could sing them with all my heart)"

"Ai cấm Cathy hát đâu."

Không ai cấm cả. Nhưng mà cử tọa không hiểu, mình hát cũng không khoái. Anh nghe được tiếng Tàu không?"

"Không, nhưng mà tôi biết có hai bài đã cũ lắm thời trước rất thịnh hành bên nước tôi là bài Tô Châu Dạ Khúc và một bài mà người Pháp hồi đó gọi là Tango Chinois, hình như cái tên tiếng Tầu của nó là Hà Nhật Quân Tái Lai."

"Tô Châu Dạ Khúc thì tôi không thuộc, nhưng mà Hà Nhật Quân Tái Lai (Ngày Nào Chàng Trở Lại) thì quên thế nào được. Cha tôi hát cho tôi nghe từ hồi tôi còn nhỏ. Anh biết không, bài đó bị cấm vì hồi đó cha tôi nói rằng nó làm cho quân sĩ nản lòng."

Biết. Có lẽ vì bị cấm mà bài hát đó, tự thân nó đã có giá của nó, lại càng được phổ biến rộng rãi, lan tận ra nước ngoài. Nó là một tiếng địch của Trương Lương trong trận Cai hạ ở thế kỷ thứ XX. Vậy mà rồi tôi lại được nghe bài Hà Nhật Quân Tái Lai do Cathy hát đêm hôm ấy. Trước khi cất tiếng Cathy lại còn riêng chúc cho nước Việt Nam của tôi chóng có lại được hòa bình để cho các chiến sĩ được chóng trở lại với gia đình. Cái oái oăm, cái mỉa mai là tiếng súng vừa dứt thì có hàng vạn gia đình tan rã, tan vỡ.

Chao ôi binh lửa ôi binh lửa/Ai dẹp giùm ta trận giặc này. Tiếng than bi thống mà Trần Huyền Trân đặt vào miệng người tráng sĩ ấy là nỗi đau mất mẹ của Phạm Ngũ Lão. Còn lòng tôi, nghĩ đến thân nhân, bạn bè, quê hương xứ sở, lúc này là cả một trận binh đao mà hình như muốn dẹp nó đi thì chỉ có cách tự phụng cho mình thêm một ly rượu nữa. Tôi thèm sống cho được cái đong đưa hiền lành của một cành phượng tím dưới ánh đèn khuya.❐

*Công danh phú quí nhược trường tại
Hớn thủy diệc ưng Tây Bắc lưu

**Where is that street, called lonely street, where broken dreams and memories meet.

Sau khi xuất bản tập *Thơ Khoa Hữu*, tạp chí Văn Học lại sắp xuất bản tác phẩm đầu tay cho một nhà thơ hàng đầu khác từng đăng nhiều thơ trên Văn Học: Nguyễn Xuân Thiệp.

Xin bạn đọc đón đọc:

tôi cùng gió mùa

thi phẩm của

Nguyễn Xuân Thiệp

Bìa Đinh Cường. Tạp chí Văn Học xuất bản

Mơ Hồ

TƯỜNG VŨ ANH THY

đêm thao thức nghe tim và nhịp thở
nghe mưa trời mở cửa gõ hư không
nghe chiếc lá vòng vo rơi khe khẽ
nghe tiếng người trong bẹ chuối đang tươi

lòng không vội phấn hương cười lả ngọn
hai bàn tay thơm mùi lúa quê hương
chợt nhớ được hôm chào đời bật khóc
tóc sơ sinh còn đính nhựa hoàng hôn

lời mẹ gọi ru hồn vào nước suối
cuối giòng sông biển sóng vỗ mênh mông
biển rất rộng nhưng cõi người không rộng
nên thật thà cười mãi với mây xanh

máu rất đỏ nhưng lòng người không đỏ
nên nhiều lần chỉ khóc với trăng sao
lời của rễ xôn xao tìm mạch sống
nên suốt đời cây lá rất vô tư

nằm nhẩm lại ừ ta là hạt bụi
đã trôi lăn từ bao kiếp xa xăm
giờ hiu quạnh giữa những điều trông thấy
thấy là nghe một hơi thở mơ hồ

Những phút ngã lòng

Tưởng Năng Tiến

Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy!
1965. Phùng Quán

Tương tự như Phùng Quán, tôi "cũng" có làm thơ; và cũng có vô số lúc (chứ không phải "phút") ngã lòng. Khác với Phùng Quán, thơ của tôi "chưa" được ai tán thưởng; và vào những lúc ngã lòng - có lúc dài đến chục năm - tôi lục lọi mãi thơ mình mà không tìm ra được một câu, dù chỉ một câu thôi, để...vịn!

Vịn câu thơ mà đứng dậy!

Thơ không còn là món trang điểm đua tranh sức chói lọi nơi cung đình. Thơ không còn là món đưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho ngươì ta phùng xòe trước đám đông và che dấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng...Thơ là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...

Những giòng chữ in nghiêng mà bạn vừa đọc không phải do tôi viết đâu nha. Đó là lời giới thiệu của ông Nguyễn Mộng Giác về tập *Thơ Khoa Hữu*, do tạp chí *Văn Học* xuất bản hồi cuối năm rồi - năm 97. Thiệt ai mà dè thơ lại có nhiều công dụng hữu hiệu và thiết thực quá trời, quá đất như vậy!

Cũng cứ theo y như lời của ông Nguyễn Mộng Giác thì *"Khoa Hữu là Đỗ Phủ của thời hiện đại, ở một đất nước liên tiếp đau thương suốt nửa thế kỷ nay. Những lời Phùng Quán viết về thơ Đỗ Phủ rất đúng với thơ*

Khoa Hữu (Thơ ai như thơ ông/ Mỗi chữ đều như róc/ Từ xương thịt cuộc đời/ Từ bi thương phẫn uất)."

Nếu những điều ông Phùng Quán, ông Nguyễn Mộng Giác vừa lớn tiếng nói về thơ đều đúng thì thiệt là kẹt cho tôi, và - không chừng - dám kẹt... luôn cho bạn; nếu như, bạn không biết làm thơ hoặc - cũng như tôi - bạn chỉ chuyên môn làm những câu thơ không ra hồn, nghĩa là không vịn được, dù là chỉ vịn để ...ngồi.

Như thế, vào "những phút ngã lòng" thì chúng ta - những kẻ lạng quạng cỡ tôi và bạn - phải làm sao ?

Khi kẹt tiền thì chúng ta đi mượn; lúc kẹt thơ thì cũng vậy thôi. Tính chất tư hữu của thơ, nhờ Trời, rất mơ hồ và chưa bao giờ được luật pháp thừa nhận một cách nghiêm chỉnh. Thơ đã làm xong, đã in ra, đã lỡ dại ngâm nga giữa chốn đông người ... là kể như rồi. Chuyện tác quyền hay bản quyền vớ vẩn gì đó coi như là chấm hết!

Bạn có thể mượn thơ mà không cần credit, và cũng khỏi mất công điền đơn. Chúng ta cứ khơi khơi mang thơ của qúi vị thi sĩ tặng người này, cho người nọ; hoặc mượn thơ của họ để vịn mà đứng dậy khi ngã lòng, hay để leo trèo khi hữu sự.

Không bằng luật nhưng theo lệ, bạn cần phải đàng hoàng sòng phẳng khi mượn thơ người khác để khỏi mang tiếng ăn gian. Ngoài ra, cẩn trọng cũng là một yếu tố quan trọng khác nữa trong việc lựa thơ để mượn - nhất là khi bạn cần mượn câu thơ để vịn mà đứng dậy, trong những phút ngã lòng; nếu không, bạn sẽ tiếp tục té nữa, sẽ té đau, sẽ nằm lâu, và không chừng dám nằm luôn tới...chết.

Xin kể bạn nghe vài câu chuyện nhỏ để minh thị đôi điều tôi vừa xác định. Trước hết là chuyện liên quan đến sự đàng hoàng và sòng phẳng.

Cách đây hai mươi năm - năm 1978 - một hôm, có anh bạn chung tù với tôi vừa cầm tờ báo lên xem đã bực dọc chửi thề:

- Đ.M., sao "mâm" nào cũng có thằng chả hết vậy cà ?

Tôi quên tên tờ báo, chỉ nhớ trang đầu có in hình ông Hồ Chí Minh đang điều khiển một giàn nhạc. Hai chữ "thằng chả" trong câu chửi thề của người bạn tôi dùng để ám chỉ ông ta - một lãnh tụ anh minh lỗi lạc, một người quyền biến hùng biện, một nhà văn có tài, một thi sĩ ngoại hạng...Những điều mà thiên hạ đều biết và đều tán tụng. Bạn tôi chợt biết thêm là ông Hồ còn có khả năng điều khiển cả một giàn nhạc giao hưởng nữa. Thay vì xuýt xoa tán thưởng sự đa dạng của một thiên tài, anh lại thốt ra một câu chửi thề bực dọc y như là đụng phải... thiên tai vậy!

Không bao lâu đương sự tự dưng mà qua đời, lúc mới ngoài hai mươi. Anh ta lăn ra chết đột ngột, trong một đêm học tập, mắt trợn trừng, máu

trào thất khiếu, ngay sau khi nghe cán bộ quản giáo bình những câu thơ bất hủ "mà theo y như lời giới thiệu của gã quản giáo" là của Hồ Chủ Tịch. Kể từ đó, không ai bảo ai, từ cán bộ đến trại viên, chúng tôi "kiêng" nói đến thơ của Bác.

Vài năm sau, khi đã ra khỏi trại, tìm đến nhà người bạn để báo tin buồn tôi mới hiểu tại sao anh ta chết không nhắm mắt. Thân phụ của anh là một người tinh thâm Hán Học nên ngay từ khi còn bé anh đã được dậy học cho đến thuộc lòng vô số thơ Tầu. Anh biết là ông Hồ đã mượn nhiều câu thơ của thiên hạ để vịn mà leo trèo và lỡ quên tên tác giả, thế thôi.

Rồi vài năm sau nữa, tôi lại biết thêm được rằng ông Hồ không phải là người anh minh lỗi lạc như đã tự viết sách - làm bộ đề tên người khác - để ca tụng mình. Ổng chỉ xài bạc giả. Sở dĩ ông Hồ gạt được nhiều người, trong nhiều năm, vì ông ta được sự đồng lõa bởi cả một băng đảng chuyên môn làm bạc giả - Đảng Lao Động Việt Nam. Tôi xin lỗi vừa đi hơi xa vấn đề. Như bất cứ một người Việt bình thường nào khác, khi đề cập tới ông Hồ và cái đảng của ông ta, tôi khó giữ bình tĩnh nên đã nói năng hơi lung tung chút đỉnh. Câu chuyện tôi vừa kể chỉ để nói lên tính chất quan trọng của sự lương thiện trong việc mượn thơ thôi.

Điều cần thiết thứ hai, như đã thưa trước, là sự cẩn trọng. Vì quá mến mộ một thi sĩ, và vì cái tật ba chớp ba nháng, tôi đã lựa nhầm câu thơ sau đây để vịn trong những lúc ngã lòng:

Ta làm gì cho hết nửa đời sau ?

Đây thiệt tình là một câu thơ quá đã, đã nhất là đọc hết luôn nguyên cả bài, đọc trước mặt năm ba "tráng sĩ", khi rượu sắp cạn chai, vào lúc trời gần về sáng.

Sáng thức dậy, miệng đắng, môi khô; đầu óc bần thần, váng vất; cơ thể rã rượi, mệt nhừ ...Nắng len vào phòng từ lâu, chiếu một vệt dài vàng xẫm trên thềm. Lại một ngày nữa bắt đầu, thêm một ngày lảng xẹt sắp qua. Vào những lúc chán đời như chưa bao giờ chán thế, và như không thể nào chán hơn được nữa, tôi hay vịn vào câu thơ "ta làm gì cho hết nửa đời sau" để đi chậm chậm đến tủ rượu - hay tủ lạnh (nếu nhà hết rượu) - tìm bia ...uống nữa!

Tôi lại té, tất nhiên. Nhiều năm qua tôi té hoài theo kiểu đó. Lỗi, chắc chắn, không do tác giả - ông Cao Tần. Lỗi, đương nhiên, ở tôi - kẻ chỉ vì vịn trật có mỗi một câu thơ nên...tha hồ té!

Vẫn cứ theo như lời ông Nguyễn Mộng Giác khi viết tựa cho thơ Khoa Hữu thì thơ *"là lời mẹ ru dành cho đứa con ốm đau, là lời cầu kinh*

cho người sắp từ giã cõi đời..." Nói cách khác, tôi xin "diễn giảng" như sau: thơ khi dùng đúng câu, hợp cách, trúng chỗ, phải lúc thì công dụng kể như là...hết xẩy!

Bạn vừa nhíu mày, phải không ? Bạn có quyền không tin tôi, không tin ông Giác - một người làm thơ dở và một người chưa hề làm được một câu thơ nào, dù dở. Bạn nghi ngờ là phải. Chuyện đó không có gì đáng trách. Tuy nhiên, bạn sẽ trở nên đáng trách - hoặc đáng chết luôn nữa, không chừng - nếu như vẫn còn bán tin bán nghi vào sự vạn năng của thơ phú, sau khi đã đọc qua câu chuyện sau đây, về một câu thơ :"Cổ lai chinh hciến kỷ nhân hồi" (Xưa nay chinh chiến mấy ai về). Chuyện này tôi đã đọc lóm được trong cuốn *Thư Về Bloomington, Illinois* của ông Lê Tất Điều: ...

Phi tuần khu trục vừa xuất hiện thì cả một bầu trời biến thành biển lửa. Số lượng phòng không không biết là bao nhiêu cây, nhưng dòm hướng nào cũng chỉ thấy lửa và lửa. Trời đã về chiều nên những viên đạn lửa bay vút lên cao càng được thấy rõ ràng hơn. Phi tuần đầu nhào lên nhào xuống mấy lần vẫn không làm câm họng được mấy cây pháo vì phòng không và trời quá xấu. Những đám mây ...phản quốc vẫn chình ình khắp nơi. Khó khăn lắm họ mới kiếm được cái lỗ chui xuống, bay giữa những loạt đạn phòng không trùng điệp để tới mục tiêu, bấm rớt bom rồi kéo lên. Còn hai trái cuối cùng, người phi công A-1 'đề' vào ngay trên ổ súng chính xác như để bỉ vào lỗ. Ầm một tiếng vang lên rồi tiếp theo là nhiều tiếng nổ phụ. cha con nó đang đền tội. Xong một cây. Anh Ngọc hướng dẫn phi tuần thứ hai đánh cây thứ nhì.

Phi tuần đang làm ăn thì tôi nghe tiếng gọi:

"Bạch Ưng đây Thanh Trị."

"Nghe năm bạn."

"Báo bạn biết hầm chỉ huy tôi xập rồi. Tôi ra giao thông hào với mấy đứa con."

"Bạn nhớ giữ liên lạc với tôi nghe bạn..."

Không có tiếng trả lời. Tôi hoang mang. "Ra giao thông hào với mấy đứa con", vậy là bỉ đát lắm rồi.

Anh Ngọc bảo tôi:

"Anh đang bận hướng dẫn khu trục, em qua FM gọi thẳng trung tâm hành quân xin gấp cho anh ít nhất là hai phi tuần nữa lên liền lập tức. Nếu không kịp tụi nó sẽ 'over run' Daksaeng trong vòng nửa tiếng đồng hồ.

Tôi đổi tần số FM... Tôi gọi máy và có kết quả ngay. Anh Ngọc mừng

rú khi được thông báo có một phi tuần F-4 của Hải Quân Mỹ sẽ cất cánh ngay từ hàng không mẫu hạm bay vào làm việc.

Giọng nói từ dưới đất bây giờ nghe có vẻ hốt hoảng:

"Bạch Ưng đây Thanh Trị."

"Nghe bạn năm."

"Bạn cho mấy con chim sắt về đánh quanh đồn gấp đi bạn. Tụi nó đang 'à lát sô' lên."

..Đang đáng ngon lành thì tôi nghe tiếng gọi từ dưới đất: Bạch Ưng đây Thanh Trị." Giọng nói lúc này không còn vẻ hốt hoảng mà bình tĩnh lạ thường. Anh Ngọc bấm máy:

"Nghe bạn năm. cho biết tình hình đi bạn."

"Tôi yêu cầu Bạch Ưng đánh bom ngay vào trong đồn"

Cả hai chúng tôi giật nẩy mình, chỉ hy vọng rằng mình nghe... lộn. Chúng tôi sững sờ không trả lời được. Người chỉ huy phía dưới xác nhận lại:

"Bạch Ưng, tôi xác nhận lại tôi xin bạn đánh xuống đầu tôi."

"Bạn nói bạn xin đánh thẳng vào đồn ?"

"Đúng năn. Hết hy vọng rồi bạn ơi. Cứ đánh vào đây để tụi nó chết chùm luôn với chúng tôi."

"Bạn suy nghĩ kỹ chưa ?"

Giọng dưới đất lúc này nghe đã có vẻ hết kiên nhẫn:

"Không còn lựa chọn nào khác bạn ơi. Bạn đánh lẹ giùm. Chúc bạn may mắn. "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi" mà bạn..."

Đó là những tiếng nói cuối cùng tôi nghe được từ đồn Dakseang. "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi."

....

Chỉ có vậy thôi là đồn Dakseang biến thành một biển lửa sau hai đợt bom salvo của mấy chiếc Phantom...Những thịt, những xương, những máu của các anh hùng Dakseang đã tung bay khắp nơi rồi rớt xuống lẫn lộn với những bụi, những sắt để nằm yên trên mặt đất. Cũng trên mặt đất này của quê hương, ở một nơi nào đó, những vợ, những con, những bà con thân bằng quyến thuộc của các anh đâu có biết người thân mình vừa anh dũng đền xong nợ nước...

(*Đất Khách Trời Quê* - Trường Sơn Lê Xuân Nhị)

Mà không phải chỉ có thơ mới vịn được đâu nha. Văn, khi ngã lòng hay đứt ruột, vịn cũng đỡ lắm nha.

Có những phút ngã lòng. Tôi vịn câu "văn" mà đứng dậy!

Sở dĩ Phùng Quán không viết như thế chỉ vì ổng có lòng đố kỵ với

văn xuôi, hoặc chỉ vì chưa có dịp đọc đoạn văn sau đây của ông Võ Phiến:

Và một hôm, cạnh cái khách sạn ở bãi Kapaa trên đảo Kauai tôi thấy một cảnh ấm áp đau lòng. Ở một góc tường bên ngoài khách sạn có bụi chuối nhỏ, dăm sáu cây gì đó. Một bên là tường, một bên là sân cỏ, chia cách bằng một lối đi đúc xi- măng. Người qua kẻ lại rần rần. Thế mà vào khoảng tám giờ tối, đi ngang qua đó tôi chợt để ý đến một đôi cu giữa các gốc chuối. Bước chân có khua động giấc ngủ bất an, có làm chim cựa quậy vu vơ, có lẽ vì thế mà làm tôi chú ý. Ơ kìa, chim sao lại ngủ gốc chuối, ngủ bên lối đi của người ta ?

Lát sau, tôi chợt nhớ ra vào một lúc nào đó trong ngày có trông thấy một con cu mất đuôi kiếm ăn giữa sân cỏ. Lần hồi tôi dựng lên một giả thuyết: đó là một con chim cu bị mèo vồ hụt. Nó tàn tật, mất thăng bằng, mất phương hướng, không bay được. Bạn đời không rời bỏ nó trong hoạn nạn, cho nên đêm đêm cả hai kề nhau nép vào gốc chuối sát mặt đất, bất chấp hiểm nguy.

Chim chóc không có thói ái ân lén lút về đêm. Chim ngủ chay. Vậy thì sự cận kề đầy hi sinh mạo hiểm ở đây ...không phải vì sinh lý, chỉ cần sự "hiện diện".

Chao ôi, vì một sự hiện diện bên nhau con chim nọ liều mình vì con chim kia. Hai con chim, chỉ còn một cái đuôi. Ngủ nghê như thế, nội đêm nay hay đêm mai một chú mèo tình cờ dạo ngang qua, rất có thể đi đứt luôn cái đuôi nữa. Ấy là may mắn. Không may, dám mất toi cả hai tính mệnh lắm.

Mất đuôi, mất mạng gì cũng được, quí hồ hiện diện bên nhau. Con cu Hạ-uy-di như thế, không thương nó được sao ?

(*Cái Lạnh Nửa Người* - Võ Phiến)

Nếu bạn cũng có một cuộc sống lứa đôi bất ổn, nếu bạn cũng đang có một cuộc sống lứa đôi hơi lọng cọng, và nếu bạn cũng chỉ vì sự bất ổn còn con đó mà phải dựa vào thơ Cao Tần để lê đến tủ rượu cả ngàn lần trong gần mười năm qua, hy vọng bạn cũng sẽ vịn được vào hình ảnh cảm động của đôi chim cu Hạ Uy Di để mà gượng dậy - như tôi đang lom khom đứng dậy đây.

Tôi cảm ơn ông Võ Phiến biết mấy. Tôi cũng cảm ơn ông Lê Tất Điều vô cùng. Bằng tác phẩm *Thư Về Bloomington, Illinois* ông ấy đã cho tôi có dịp đọc lóm nhiều đoạn văn "chấn động sâu xa đến tận đáy tâm hồn". Ông ấy cũng chỉ tôi thấy được sự hùng vĩ của thiên nhiên qua Grand Canyon; và sự cao cả thầm lặng của con người qua những chiến

Bên chén mù sương

PHAN MINH KHÁNH

tặng Nghiêu Đề

Ta vẫn ngóng về trời Nam một lối
Nghe ngày qua gầy áo mỏng quê hương
Phố hoang mang những tâm tình chết vội
Đời chia tay mưa ướt mấy dặm đường

Người vẫn sống những âm thầm của đá
Mùa xanh xao rơi xuống buổi lầm than
Em phố cũ tội tình cơn vất vả
Gót son phai đau vết xuốt cơ hàn

Người đã vượt ngàn xanh mù bọt sóng
Cho bạc đầu trong đâu biển phiêu linh
Ta vẫn ngóng áng mây Tần cõi Mẹ
Sông núi tân toan năm tháng vô tình

Đêm nơi đây dầy cỏ xanh tóc rối
Và thời gian nôn nả bóng phù du
Không còn ai mơ trăng tròn trăng khuyết
Chỉ mình ta bơi mãi giữa sa mù

Có phải thâm tình như khói thuốc?
Thả khói đi rồi mắt vẫn cay
Có phải quê hương là rượu đắng?
Uống bỏng môi lòng vẫn không đầy...

binh anh dũng của đồn Dakseang - hay qua những nhân vật bình thường như ông ông Lưu, ông Phan, ông Nguyễn...Tất cả đã giúp tôi nhận ra nỗi bận tâm nhỏ nhen của mình trong nhiều năm qua. Tôi cũng vừa đọc xong tập *Thơ Khoa Hữu* với cùng tâm trạng ấy. Tâm trạng của một kẻ chợt nhận ra là mình ti tiểu khi cảm được nỗi bất hạnh cùng cực của tha nhân.❐

Đối Đầu

Hà Thúc Sinh

Có tiếng động. Anh giấu quyển sách xuống gầm bàn, lắng nghe. Một cảm giác bồn chồn nôn nả bất ngờ tràn ngập nửa đầu. Anh biết đã đến lúc. Lão Mộc có thể xuất hiện bất cứ lúc nào, và chưa chừng đã có mặt đâu đây, sát ngay anh. Con ma hèn yếu trong anh bấn loạn. Bằng giọng phù chú nó rít qua cổ anh một tràng cổ ngữ bí ẩn:

Diablecotamelia rubilukigoloa... daxa... Dieu... ohlala whywarwar!

Anh tự biết lúc này lão ta-pi anh sẽ thua. Anh giống một võ sĩ đã tung quả đấm cuối với tất cả gân cốt, và hụt. Làm mặt lạnh anh nhìn qua cửa chờ đợi. Chẳng lẽ mình kéo cờ trắng kiểu tác giả sách này? Không được, hèn lắm, anh nghĩ bụng. Nhưng nghĩ tới lui anh lại thấy ông ta không hèn. Ông đâu phải hạng sinh ra để thoả hiệp. Rõ là thế. Ông là con người đối đầu. Ông hiểu hoàn toàn trận chiến của ông, và hiểu muốn thắng một trận chiến trong đời phải như thế nào. Tôi không thể nào hiểu nổi cuộc chiến phi lý này, tôi không thể nào hiểu nổi sự thù hận buồn nôn kia! Không, hẳn là đời ông ta không có cái luận điệu gian lận ấy, không có cái lối moi tiền lẻ trong xác chết để khoe giàu ấy.

Với ông nhân ái đặt lên trên hết, nhưng xấu tốt bạn thù vẫn phải phân minh. Tác phẩm ông đã nói như vậy.

Có thể đến chết chưa chắc tác giả sách anh đang đọc đã được nếm mùi chiến thắng. Nhưng thắng bại nào phải thang điểm để chấm sự vẻ vang người chiến sĩ. Vấn đề là ông đã đánh trận đánh của ông thế nào. Nhìn vội qua một lăng kính tiêu cực, người ta dễ đánh giá sai về ông, cho là ông cay cú, kém mã thượng; nhưng cổ kim phát động một cuộc chiến bộ khùng sao chỉ để nhắm giật cái tiếng mã thượng!? Việc kéo cờ trắng của ông không đơn thuần là sự đầu hàng khiếp nhược. Và cái chiến thuật khoẻ đánh yếu hàng ông sử dụng thốt nhiên đầy sức cám dỗ và thuyết

phục với anh. Nó chỉ toát lên tính kiên cường. Ừ, anh tự nhủ, muốn thắng phải kiên cường. Trong đấu tranh phải nuôi nó như nuôi khói thuốc phiện trong nhà, đến con thạch sùng cũng nghiện mới thành chuyện được.

Cảm giác bồn chồn nôn nả lần nữa lại tràn vào đầu. Hay cấp thời ta cứ tạm rút về... Chí Linh? Anh cố nhỏ nhẹ tự thuyết phục. Không! Anh giận dữ phản đối. Ông tác giả hoàn cảnh khác mình hoàn cảnh khác. Hai xôi nhồi một chõ sẽ chẳng ra xôi gì. Anh đi tới đi lui, tìm kế, rồi buồn tay mở hộp kẹo nhón một viên nhai ngấu nghiến như nhai xương quân thù. Thốt nhiên anh thấy lòng hộp kẹo biến thành một lòng giếng cạn thăm thẳm, dưới ấy có đứa bé gái xanh xao, khàn giọng, ngồi bó gối chờ chết. Con bé chợt ngửa mặt nhìn lên, quắc mắt vùng dậy. Anh hoảng. Sao nó có râu? Rồi anh ngượng quá thấy khuôn mặt đó lại chính là của anh. Vẫn rán bám lấy tí kiêu hãnh vớt vát, anh thầm nhủ "phải thế chứ," nhưng ngay lập tức lại nản lòng. Nó vừa đứng lên đã rùng mình biến thành một gã thất thần. Gã đang oải ra y một tên vô gia cư nằm ngáp vặt ngoài ghế công viên.

Bây giờ anh mới thấy thực chất anh bết thế nào. Hoá ra hơn năm mươi năm sống trên đời anh cũng giả trá quá nhiều, tệ hơn, giả trá với chính anh. Ta là cái này, ta là cái kia; cái này và cái kia tất nhiên là cái gì đó nếu không công khai cũng ngấm ngầm phô ra, mà mục đích tối hậu là được những cái gọi là "đồng loại," là "đồng bào," mà trong hoàn cảnh hiện tại thu nhỏ hơn tí nữa gọi là "đồng hương," phải thừa nhận nó có một giá trị chắc chắn. Cái giá trị ấy tuỳ hoàn cảnh để được mang nhãn hiệu là hảo hán, là trượng phu, là kẻ sĩ, là quân tử, là kẻ tự thắng, là... tóm lại, so với đám đông, anh được đứng bên lằn phấn thiểu số sau tấm biển đề chữ hoa "Dân Xịn!" (Anh quên phéng rằng trước anh đã có bao tiền bối xịn tới đâu, thậm chí sừng sỏ tới đâu, thế mà rốt cuộc chẳng vị nào vật thắng một lão thần chết già khú!)

Hoá ra anh không xịn tí nào. Anh tệ lậu quá sức tưởng, tệ đến nỗi trận đánh chưa đâu vào đâu đã hoảng lên nghĩ tới cầu viện. Mà cầu viện là gì nếu không là quỵ luỵ, xin xỏ, cam kết, tự biến mình thành kẻ lệ thuộc? Chẳng lẽ anh đi lệ thuộc đám già Cơ, ba Lọ và bảy Bọng? Bạn cùng thời ở Bidong hai mươi năm trước cả đấy, nhưng sang đây một thời gian anh bớt dần chuyện qua lại. Từ cách con người nào phải thứ nhựa dẻo chôn ngàn năm chưa mục! Tránh họ là phải, hạng cờ bạc, rượu chè, trai gái. Nhưng khổ cái chính hạng người ấy lại hào phóng hơn ai để sẵn sàng đáp ứng lời cầu viện của anh, kẻ họ vẫn niềm nở đón tiếp bất cứ lúc nào. Lại nữa vùng này ngoài ba trự ấy còn ai khác? Không! Anh lại hét thầm. Anh lắc mạnh đầu như để rũ ra ba cái địa chỉ chết tiệt, đầy đủ cả số phone số beeper, đã lâu lắm quên đi, tự dưng nó trôi trở về trí nhớ anh cách đáng

kinh ngạc.

Anh lại đi tới đi lui, lại viên kẹo hớp trà. Có lúc anh hoảng hốt thấy như lão Mộc vừa chộp được cổ anh. Tất nhiên lão không phải hạng sở hữu những hành động bạo ngược như xua lâu la vào nhà anh, nhét giẻ vào họng mẹ anh, đánh thương tật cha anh, lôi đấu ông anh, hiếp chị anh, lấy vợ anh, xé Kinh Thánh làm đóm thuốc lào, gỡ bàn thờ gia tiên nhà anh làm củi nấu chó mèo của anh ăn khao ngày lão đại thắng; không, lão không phải hạng làm điều ấy. Với cá nhân anh cách nào đó lão hiểm độc hơn. Lão biết cách giết chậm mà chắc. Nhưng lần này do quá căm hờn, lão nắm tóc anh, trấn cổ anh vào tường, lên mấy gối tàn bạo, gầm vào bộ mặt nhợt nhạt của anh, hàm răng cải mả nhai từng chữ lạnh lùng: "Cuối cùng tao ăn thịt mày!"

Anh vùng lên. Con ma hèn yếu trong anh lại tự động nhả ra câu thần chú:

Diablecotamelia rubilukigoloa... daxa... Dieu... ohlala whywarwar!

Đã nhiều lần lão Mộc đến trước cửa quan sát gã nhà báo. Lão chưa muốn vào. Chẳng phải lão gờm gì hạng trói gà không chặt ấy. Gã bạc nhược như một đứa mất linh hồn. Đi tới lui trong nhà gã kéo lê chiếc dép lẹp kẹp như hủi đi chợ trưa. Xem gã còn gì? Không còn gì hết kể từ hôm gã công khai thổi một luồng hơi lạnh vào mối liên hệ giữa đôi bên. Quanh gã vẫn chỉ mớ chữ bò lổn ngổn như lũ vi trùng đói, lúc nào cũng thèm mấy cái món trong lục phủ ngũ tạng con người. Thế này thì bạn chết cửa tử rồi bạn ơi! Lão nghĩ bụng và đâm lưỡng lự chuyện phải xuống tay.

Nhưng sực nhớ vì khinh địch, tháng trước bị gã lén đá một phát giò lái đến suýt nhảy tàu suốt, lão Mộc lại nổi lôi đình. Không được, tên này giờ đáng ngại lắm. Không biết gã bới trong sách nào ra cái ngón sớm đâu tối đánh. Để che giấu sự tráo trở mà mới đây gã đem áp dụng như một nguyên tắc chỉ đạo căn bản trong cuộc tuyên chiến với lão, gã thường rêu rao: Đi với ma phải mặc áo giấy! Ha ha ha ha! Bây giờ chính hiện thân gã mới dật dờ như một xác ma!

Nhớ mấy chục năm trước còn là một chú lỏi tập tễnh viết lách, gã đã chạy đến làm quen với lão, rồi tự nguyện gắn bó. Trong giao hảo lão tuyệt nhiên không ỏ ép gì ai. Keo sơn là việc của thời gian. Lão không giành làm chuyện ấy. Vả cứ lục lại những gì gã viết mà coi. Chữ nghĩa còn rành rành ra đó. Gã gọi lão là tri kỷ trên đời, duy nhất, vì theo gã định nghĩa tri kỷ là những kẻ gợi hứng cho nhau. Ở điểm này lão đồng ý. Lão tự tin mình từng là nguồn cảm hứng lâu dài cho gã. Nhưng tại sao từ dạo đồng đất nước người cứ lâu lâu gã lại dở chứng? Xưa lão rất thành thật, từng nói

thẳng với gã mình nguồn gốc bưng biền lờ mờ, ra đời chỉ nhờ cung nô bộc tốt mà có được nhiều tay chân em út. Lão cũng báo trước đi với lão có vây cánh đấy, nhưng rất có thể lợi bất cập hại về sau, thế mà gã vẫn gào lên "Nhưng anh gợi hứng cho em, anh là tri kỷ của đời em!"

Gần đây gã đã vượt quá cái trò rỉ tai bêu diếu. Gã leo thang hành động tiểu nhân. Rõ phường tà đạo. Láo, sang đây gã dám trở mặt xoi bói tông ti họ hàng nhà lão, lấy mặt báo làm chỗ đặt điều chửi bới công khai. Đã mấy lần lão nhắn nhe gã rằng "quân tử tuyệt giao, bất xuất ác thanh," ấy thế mà xem ra gã không ngưng lèm bèm. Gã không hiểu tọc mạch và gièm pha là mặc cảm song sinh của kẻ rất thiếu tự tin một mặt nào đó trong đời sống, dù y có là gì chăng nữa. Thấy lão nhẫn nhịn gã lấn lướt, được đàng chân lân đàng đầu.

Lão Mộc rất hận về câu chuyện gã nhà báo kể tuần rồi trong mục "Khoẻ Vì Giớp" trên một tờ lá cải trong vùng. Dĩ nhiên chuyện ấy lão biết có thật, nhưng giữa lúc cả hai họ nội ngoại nhà lão đang lâm cảnh thù trong giặc ngoài, gã đem kể câu chuyện cũ rích với ý đồ gì? Thật là một hành động cạn tàu ráo máng.

Gã kể:

"... Năm ấy ở khu tư cuộc kháng chiến chống Pháp đang cao điểm. Thanh niên nam nữ lớp lớp nối nhau ra chiến trường. Ở hậu phương khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến" được chấp hành nghiêm chỉnh. Cán bộ động viên và kiểm soát nhân dân chặt chẽ trong mọi công tác sản xuất, từ lúa gạo đến đúc thép rèn gang (?), từ vận động tuyên truyền đến dân công tải đạn. Họ đặt bài hát ca ngợi đến cả "sư ăn thịt chó sư giết quân thù!"

Sau tiêu thổ một thời gian khá lâu cụ Vĩnh Bảo mới hồi cư về thị xã X.. Cụ đã non tám mươi, vốn giàu có, nhưng giờ thì gia sản chẳng còn gì. Miếng cơm manh áo đã khổ nhục mà thân già lại còn ho hen ốm bệnh rề rề. Một ngày cụ ra nhà sau, treo trên xà ngang một sợi thòng lọng, bày trà kẹo lừa tên tử thù bước vào, khoá cửa bẻ gãy chìa, rồi gọi cụ bà đến bên cửa sổ, nghiêm dặn: "Tôi thắng tôi sống, tôi thua tôi chết. Nhưng nếu bà can dự vào cuộc chiến của tôi, tôi sẽ treo cổ!"

Sau một tuần lâm trận, đánh có hiệp có hồi, có giờ giấc tử tế, và lắm phen bị kẻ thù vật đến lòi cứt ra đàng mũi, ông cụ tám mươi phá cửa bước ra, thều thào "Tôi đã thắng!"

Và kết luận của gã rõ là với mục đích gây một cuộc "chiến tranh tâm lý sâu độc" trong quần chúng:

"Chúng ta yếu hơn một ông lão tám mươi sao?"

Lão Mộc xắn tay áo, cầm một ống nứa vót nhọn bước vào.

"Ngừng!"

Nghe mệnh lệnh quen thuộc anh khựng tay dao, và lão Mộc cũng giấu nhanh vũ khí sau cánh cửa. Cả hai cùng nhận ra ông Samuel vừa bước vào nhà.

Tuy không rõ ông già này ở đâu trong khu phố, nhưng đã gặp nhau nhiều lần ngoài đường, chào hỏi, trò chuyện, nhờ thế anh biết ít điều về ông ta. Ông hay cười đùa, nhưng qua tiếp xúc anh biết sau chiếc mặt nạ cười đùa ông có một nhân sinh quan hết sức nghiêm chỉnh. Thời niên thiếu ông từng làm nghề in, trưởng thành làm hoa tiêu đường sông, rồi làm cả nghề phóng viên. Có lẽ ông có được sự lọc lõi là nhờ ở nghề sau cùng lắm ma mãnh này. Dù sao hàm râu quai nón bạc lởm chởm, chiếc mũ cát-két xanh cũ luôn đội lệch, dáng đi chậm mà vững nơi ông Samuel khiến anh thấy ông luôn mang hình ảnh một thuyền trưởng già mê phiêu lưu.

Ông Samuel đã hưu từ lâu. Giờ ngày bốn bận ông sang ngôi trường địa phương, cầm bảng "Stop!" làm công tác tình nguyện chận xe cho học sinh qua đường, và luôn tiện tươi cười gỡ mọi điếu thuốc khỏi môi lũ trẻ: "Ngừng! Ung thư!" Thấy mặt ông là người ta nghe thấy mấy lời cảnh cáo ấy. Ông có vẻ thích anh, giản dị là vì anh không thiếu kinh nghiệm đối với những nghề ông từng làm.

Ông hỏi:

"Bộ người này hết là đồng hương thân thích, là bạn chia phòng với anh rồi sao?"

Anh ném nhẹ con dao lên mặt bàn:

"Còn đã chẳng thế này!"

Ông đến bên lão Mộc vỗ vai, giọng ôn tồn:

"Tôi vẫn nhớ câu ông nói anh em chém đàng sống, cớ gì tính chém đàng lưỡi thế này, bạn già?"

Lão Mộc không đáp. Ông Samuel lại quay sang anh: "Cớ gì, bạn trẻ?"

Anh cũng không đáp nhưng theo dõi lão Mộc. Mặt lão lì đến bóng, giống một kẻ ức quá không buồn nói. Anh biết với lão giờ anh đáng giết chứ không còn đáng nói.

Ông Samuel cười tươi vào sự căng thẳng. Ông lan man kể thời trẻ ông là hạng giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha, nhưng đã lâu chừa lối sống ấy. Ông bảo ngày nay người Mỹ nói chung không giữ nếp cũ. Đèn nhà ai nấy rạng. Chính sách bất can thiệp được đánh giá cao ngang sự khôn ngoan. Và sự can thiệp chỉ được đặt ra khi quyền lợi Mỹ chắc chắn ăn trùm. Nhưng là lối xóm với nhau phải khác. Hà hà... phải

khác...

Đột ngột ông nói lớn:

"Nào, giờ ta thử dân chủ với nhau xem sao." Cứ như là chủ nhà, ông kéo ghế bảo: "Hai ông ngồi đây. Đây đây, ghế này, ghế lớn. Những nhân vật chính phải ngồi ghế lớn."

Anh nhanh chóng thấy khó chịu. Hay ho gì để một cái đầu vàng đến dạy bảo hai cái đầu đen. Nhưng khó làm khác lúc này. Chính lão Mộc là nguyên cớ để cả hai phải chuốc nhục cầm tay. Anh dặn lòng có dịp sẽ sửa lại hình ảnh mình sau.

Ông Samuel nhìn qua hai người đối diện, nói tiếp:

"Tôi nhớ các vị hay bảo lời nói không mất tiền mua, vậy sao ta không thử làm những nhà ngoại giao trên một bàn hội nghị? Cứ cho tôi vinh dự làm một trọng tài thiện chí. Phải nhớ chiến tranh giữa bất cứ ai người Mỹ đều có lợi, và hoà bình giữa bất cứ ai người Mỹ lại có một cái lợi khác. Hà hà... nhưng lối xóm, tôi không tơ hào gì, chỉ mong yên ắng nghỉ ngơi. Đừng ồn nữa. Hai vị nên dẹp bỏ bất bình. Giải pháp tốt chỉ đến với người bình tĩnh."

Giọng hơi xẳng, anh chận:

"Chúng tôi chẳng có gì bất bình. Chỉ loại nhau để tồn tại. Nhu cầu nó thế!"

Lão Mộc nhìn lên trần, bỉu môi:

"Ừ, nhu cầu nó thế!"

Ngờ đâu nghe vậy chính ông Samuel lại có vẻ bất bình và giọng thì mất bình tĩnh trông thấy.

Ông nói:

"Tôi hiểu tổ tiên nhà các anh là rồng là tiên, nhưng đó có phải lý do cho các anh giành quyền tự ban sự chia rẽ đến thế? Các anh đem nhau sang nước tôi để một hai ba chúng ta cùng chết? Trời đất ơi, bộ các anh tính để thế giới định nghĩa lại nước Mỹ giờ là nghĩa địa cho một nhúm người Việt Nam nhà các anh? Vừa phải thôi chứ!"

Nhìn thoáng hiện tình, như đoán biết ít nhất trong hai người đã có một thấm đòn, ông Samuel cố lựa lời để gài vào sự tỉnh táo cuối cùng của hai tên tị nạn đồng hương đang cố tranh hơn bằng được, giết nhau bằng được bởi một chuyện bá vơ đến nỗi giờ ông cũng chưa biết rõ nó là chuyện gì. Ông nghiêm chỉnh: "Vậy tôi đề nghị...."

Chưa dứt lời ông Samuel phải bật ngửa người ra sau. Lão Mộc đã vô hiệu hoá mọi nỗ lực tìm kiếm hoà bình của ông. Lão vùng lên, nhổ toẹt vào đối phương cả một chất hôi hám phát lợm mửa.

Biết chiến tranh sẽ là giải pháp sau cùng, anh vớ lấy vũ khí. Thôi phụ

lòng ông, ông Samuel. Ông hiểu sao nổi chúng tôi. Tổ tiên chúng tôi dạy hay hơn ông nhiều: "Ngu si hưởng thái bình!" Đó là lời dạy của một bậc đại bồ tát Việt khuyết danh, nhưng mấy ngàn năm nay người Việt chúng tôi chết thì thôi chứ hình như chưa thấy ai có gan nhận mình ngu si ông ạ! Thôi rán quên đi sự trầm trọng giữa những con rồng cháu tiên chúng tôi. Ông không hiểu cái triết lý "tha giặc vững ngôi, tha anh em mất thủ cấp" vốn lưu truyền như kinh nghiệm ứng xử khôn ngoan của giống Việt chúng tôi đâu. Thôi ông để chúng tôi giết nhau lần cuối. Dù gì chúng tôi đã phiêu dạt tới đây. Căn cước bị xoá sạch rồi. Chẳng đứa ma nào trên cái nước này đã, đang và sẽ biết chúng tôi là ai. Chết quân tử hay chết tiểu nhân đều chui xuống đất. Mỗi chúng tôi phải là một tiếng nổ càng to càng tốt. Ông chớ hỏi để tự tử hay để chứng minh sự hiện diện của mình cách tuyệt vọng nhất. Chúng tôi không trả lời được giá như chính chúng tôi có tự hỏi. Thế kỷ hai mươi sẽ khép lại và chúng tôi cũng tuần tự khép lại. Vĩnh biệt ông, ông già người Mỹ đang được sống trên nước Mỹ!

Con ma hèn yếu trong anh bỗng biến thành con quỷ hiếu sát. Xuất kỳ bất ý anh hét một tiếng, sả mạnh xuống đầu lão Mộc một dao. Đầu lão toác ra. Máu đổ chan hoà.

Lần đầu tiên anh thấy ông Samuel nếm mùi chạy toé phở!

Người Mỹ không bao giờ bỏ hẳn một chiến trường ở đó họ đã tham dự dù trong cương vị nào. Ông Samuel giữ truyền thống đó. Chỉ lát sau ông trở lại thăm dò tình hình.

Đây là cảnh ông thấy: Một căn phòng hôi hám. Một chiếc điếu cày vỡ đôi. Một khoảnh thảm dính nước điếu đen như nước cống. Một sô nước đầy bọt xà phòng. Một viên ngoại tay bàn chải đang bò lê chà rửa bằng thích.

Thôi kệ xác gã. Ông già nghĩ bụng. Gã đã nóng nảy dứt điểm một vấn đề của gã cách hạ sách gã rán chịu. Chỉ một điều ông không vui lắm. Sao quyển sách của ông lại dính bê bết cái nước điếu hôi hám thế kia! Ông đến nhặt quyển sách, chùi sơ, cầm ra cửa.

"Ông Samuel!"

Nghe gọi ông già Mỹ dừng chân.

"Cần giúp?" Ông hỏi, giọng giảm nhiều thiện cảm.

Anh ngước lên:

"Muốn hỏi ông một chuyện, nhưng để xong cái này đã."

Ông Samuel ra ngồi trên chiếc đôn trước cửa. Ông nhồi một cối thuốc, châm lửa nhả khói. Anh chợt quay ngoắt lại. Ông thấy hai dấu hỏi to tướng trong mắt anh. Ông cười tỉnh, nói kiểu chống chế:

"Can là can lũ trẻ. Chúng dù gì còn sống lâu, chứ mình..."

Anh lẳng lặng trở lại công việc, nhưng sực nhận ra ông Samuel lạ quá. Có gì thay đổi ở ông thì phải. Anh lại ngẩng lên. Không, vẫn là ông già ấy đấy thôi.

Anh buột miệng:

"Cai thuốc khó không?"

"À à... cũng tuỳ."

"Tôi muốn nói là với ông kìa."

"Ồ, vậy chả khó lắm đâu. Tôi đây đã cai nó cả ngàn lần!" (*)

Nói xong ông cầm quyển sách bước nhanh ra sân, vội như đã trễ một việc gì. Chợt nhớ chưa hỏi điều mình thực muốn hỏi, anh gọi lớn:

"Ông Samuel!"

Không có tiếng đáp. Anh gọi lớn hơn:

"Ông Samuel!"

Ông già đã khuất ở góc sân. Anh chạy ra. Mùi khói thuốc vương trong nắng chiều. Một lũ nam sinh rần rần chạy tới. Anh chận hỏi một đứa:

"Em thấy ông già Samuel vừa ra đó không?"

Nó ngơ ngác. Anh lập lại. Nó quay nhìn các bạn hỏi to:

"Biết có ai là ông già Samuel không tụi bay?"

Bọn trẻ lắc đầu. Anh hơi bực:

"Chứ cái ông nào vẫn cầm bảng "Stop!" đấy?"

Chúng ồ lên. Một đứa vội gỡ điếu thuốc khỏi môi, nói:

"Không, ông ấy là Twain, Mark Twain!"

Có cô bé từ sau cây phong chạy ra, nói như mách vào sự ngơ ngác của anh:

"Nhưng chết rồi, chết lâu lắm rồi, ông ạ!"

Nói xong nó nhanh chân đuổi theo lũ con trai mất dạng.

Về tới cửa anh khựng tựa trong nhà có một án mạng hiển nhiên. Anh không ân hận tuy có tự trách đã phản ứng hơi quá trong cuộc đối đầu. Dù sao kẻ thắng cũng cần một tác phong thích hợp, nghĩ thế anh cố ưỡn ngực lên, tí nữa, rồi tí nữa. Tốt, anh bắt đầu chu miệng huýt sáo một điệu quân hành. Có điều thử mấy lần mà tiếng huýt sáo vẫn tìn tịt, chẳng phát ra âm điệu gì rõ rệt để khả dĩ gọi được nó là quân hành.❐

(*) Mark Twain: "Quitting smoking is not so difficult, I myself have done it over a thousand times.".

Lá cỏ non

CAO THỊ NGUYỆT LĂNG

Bờ không tràn yên lặng
Mênh mông
Và ban mai
Cửa vườn bàn tay cũ
Gượng nhẹ trên nỗi buồn
Dấu giày pha sương loang
Một nửa đời hu mòn
Vuốt mặt
Về
Lạ lẫm
Đừng ôn chuyện ngày qua
Cung bậc gieo rời rã
Nhịp quay thở tang thương
Đời xoay xoay
Muôn hướng
Lòng ơi sao tơ chùng
Nắng xổ tung ngày tháng
Đã khâu trong đường tà
Chỉ đứt rời dài ngắn
Chút mộng lỡ
Bay xa
Góc vườn có ai đợi
Chỉ cánh bướm chập chờn
Màu xanh nào vẫn thắm
Hiu hiu lá cỏ non!

Không nỡ

Tâm Thanh

Mười ngón tay khẳng khiu, cáu bẩn, gần chạm tới các phím đàn, thì khựng lại như chân con hải âu đậu hụt trên mỏm đá. Ông sợ làm dơ các phím đàn bọc xương, trắng ngà, nhiều đường vân đã nứt nẻ, nên chà hai bàn tay vào bộ quần áo công nhân xanh, rồi thò một ngón tay ra -ngón út, ngón sạch nhất- gõ coong trên một phím đen nào đó. Ông vê phím đàn, và lắng nghe âm thanh ngân trong ngôi nhà thờ cũ đang được sửa thành hội trường.

- Anh Biên biết đàn không?

Ông giật mình quay lại. Cha sở Kovac vào hội trường từ lúc nào ông không hay. Ông Biên bẽn lẽn như một đứa con nít ngoan, lần đầu nghịch ngầm bị bắt quả tang.

- Dạ, chút đỉnh.

Cha Kovac nhăn đủ bảy nếp trên trán như những lúc ông ngạc nhiên thích thú:

- Hay quá! Anh đàn thử một bản, được không?

Ông tất tả chạy ra toa-lét rửa tay. "Quên, trước khi bỏ đi rửa tay, không nói với ông cha mình đi đâu" - ông nghĩ như vậy trong lúc chà xà-bông và kỳ cọ các ngón tay như muốn lột da. Ông không biết mình trở thành "dễ bảo" và rụt rè như thế này từ bao giờ? Và từ bao giờ miệng lưỡi cứng đơ, đến nỗi bị giẫm phải chân cũng không biết kêu "đau" một tiếng cho đúng ... văn phạm? Bảo sao ông nói ra một điều phức tạp trong lòng ông bây giờ, rằng từ chục năm nay ông không đụng tới cây đàn, tay cứng nhắc, ông sẽ chơi một bản để chiều ý cha, chứ không phải để khoe tài, nhưng trước hết phải rửa tay vì sợ làm dơ các phím đàn. Rửa tay xong, ông rửa mặt, như trước khi đi hẹn hò thuở xưa. Ông nhìn thấy trong gương một khuôn mặt phong sương, tóc hoa râm. Có ai quen xưa gặp lại mà

nhận ra được bóng dáng hào hoa của ông thời nào?

Cha Kovac đích thân kéo ghế đẩu cho ông. Ông ké né ngồi xuống. Một luồng cảm giác không tên ở đâu trở về, rung rất nhẹ dưới những sợi gân nổi chằng chịt trên mu bàn tay tựa trên hàng phím. Ông bắt đầu một bản nhạc thông thường nhất mà mọi trẻ em học dương cầm phải tập qua, và rất thích biểu diễn - bài Sérénade của Schubert. Ông kết bằng một tiếng cười xòa, nghe như tiếng xì từ một hộp đàn phong cầm lũng. Rồi tiếng vỗ tay của cha Kovac lăn lóc cóc trên vòm cao của hội trường.

- Hay tuyệt!

Luồng nhiệt hồi nãy chảy trong bàn tay, lúc này chảy ngược về tim, rồi lên hai vành tai nong nóng. Không ngờ qua 16 năm tăm tối, mà các ngón tay khô chai còn lần mò ra được các nốt nhạc quen. Kể cả ngón út tay phải, bị trật lóng vì cây đè khi đi tù cải tạo, mà cũng còn nhớ ... lên phiên.

- Anh chơi một bản nhạc Việt Nam, được không?

Hôm đầu ông Biên đi làm, ông cha này khoe có nhiều con chiên Viện Nam, biết ăn món Việt Nam, có nghe giáo dân đồng ca trong nhà thờ vào dịp Tết âm lịch, nhưng nhạc dương cầm Việt Nam thì chưa nghe. Ông Biên cũng muốn đàn cho cha nghe một bài. Mười ngón tay đặt trên đùi máy động như lần tìm một bản nhạc quen. Ông nghĩ nên chơi một bài có âm hưởng tây phương để ông linh mục gốc Nam-tư dễ thông cảm. Có lẽ ông chỉ còn nhớ bài Hương Xưa của Cung Tiến.

- Để tôi thử bài này.

Sau khi kéo dài chuỗi liên ba giáo đầu cho quen tay, ông vào giai điệu chính và ngâm nga nho nhỏ theo tiếng đàn:

"Người ơi! Một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa
Người ơi! Còn xa lắm con đường về làng dìu mấy chuyến đò
Còn đó tiếng tre êm ru, còn đó bóng đa hẹn hò ...'

Trong giây lát ông chìm trong giòng nhạc. Nhạc dứt, cha Kovac cũng khen hay, nhưng có vẻ gượng gạo. Dĩ nhiên ông Biên hiểu tại sao cha Kovac không cảm được bản nhạc. Bởi vì nếu không có làn hơi mượt mà của Mai Hương vuốt vào những lời thơ hoài niệm của Cung Tiến, thì bài Hương Xưa, qua tai người Tây phương, chỉ là một bài sérénade tầm thường.

Ông xuống xe buýt, cuống quít về nhà. Vừa mở cửa đã nghe thoang thoảng hương thơm, thứ hương khó gọi tên - thường nhiễm vào bầu không khí nào mà người đàn bà, người đàn bà ta yêu, hiện diện. Ông biết nàng đã tới và đang ở đâu trong nhà. Ông vào thẳng nhà tắm, cởi bỏ bộ đồ xanh công nhân, xả nước... Ông cuốn khăn ra khỏi phòng tắm và mở cửa ập vào

phòng ngủ. Châu nằm khỏa thân như một bông lan trắng tinh, mở hết cánh, vắt ngang giường, đầu thõng ra thành. Mái tóc đen lênh láng như giòng suối chảy từ vùng núi tuyết xuống tấm thảm xanh lá cây, quét nhẹ trên bàn chân ông trồng trơ trên sàn. Chờ cho đôi mắt ông dại đi, nàng mới làm bộ vội vàng kéo mền gấm mỏng che thân thể.

Ông bước sang mé giường đối diện, sụm xuống, chui đầu vào mền ...

Năng tháng năm nhảy múa trên những cành lá sồi rung rinh ngoài cửa sổ. Khi cả hai sắp chết ứ trong cơn thủy triều ngập sóng quằn quại và gió nức nở, nàng tung mền ra, và ông chỗi dậy, đưa nàng ra khơi.

Châu vốn tin phong thủy, từ đầu xuân đã đòi ông đặt một cái hồ cá 200 lít ngay đầu giường, và nàng đi mua bảy con cá vàng với hai con cá đen. Cá vàng thì lửng lơ. Cá đen thoăn thoắt. Có lẽ trên trái đất không có sinh vật nào chuyển động nhuyễn nhàng bằng cá dưới nước. Khoan thai trong gấp rút. Lửng lơ mà sâu thẳm. Hòa mà không đắm. Vì thế cái hồ cá đối với ông, vừa là "họa đồ bí kíp" vừa là tấm gương. Ông ngắm bóng mình và người yêu trong hồ cá, bồng bềnh, huyền ảo. Ông để cho bóng mình chuyển động theo từng chuyển động của những con cá, và thấm thía được cái thâm sâu của nước, sức mạnh của nước, ở mọi ngong ngách sự sống. Ông bơi lội nhịp nhàng theo đủ chín con cá phong thủy, cho tới khi Châu cũng đã mềm ra như nước. Mà ông chưa đắm.

Lúc đó Châu mới có hơi mà chào hỏi bằng lời. Nàng nói trong hơi thở đã lên men rượu đào, thơm nồng nàn:

- Tháng qua anh mạnh khỏe không?

Nàng gối đầu lên vai ông. Ông lùa âm thanh trong tóc nàng:

- Thì ... cũng làng nhàng vậy. Em thấy đó...

Ông dẫy nảy người lên dưới mền, kêu to:

- Ái! ...Còn em?

Ông tê mê vì đôi môi mềm mấp máy trên da ngực khi nàng trả lời:

- Nhớ nhung tới héo mòn.

Bàn tay ông kiểm soát:

- Đâu? Chỗ nào héo?

Lời đáp bị tắt lịm, ú ớ, mơ hồ. Ông mượn chính bàn tay nàng rà nhẹ trên ngực nàng:

- Em tự sờ xem có thấy kỳ diệu không? Không những không héo, mà còn căng lên như trái đào sắp chín, như cánh buồm no gió.

Nàng bẽn lẽn khi ông đã hiểu ám hiệu của thân xác nàng. Khi cánh buồm phần phật lên như thế là con thuyền vừa tới bến, chưa kịp nghỉ ngơi, đã nao nức một chuyến ra khơi mới, một chuyến viễn du dài dặc hơn, kỳ diệu hơn. Ông luồn tay xuống tấm lưng thuôn ẻo lả, nâng con

tuyền ...

Nàng chồm dậy, hất mái tóc thậm thượt ra sau lưng. Từ đôi môi hồng run rẩy, rượu đào nóng hổi lại rót vào môi, vào khắp thân thể ông. Nàng như một cô gái người cá vẫy vùng sảng khoái giữa đại dương bao la, không cùng đáy, không bờ bến. Cái hồ cá chật hẹp như muốn vỡ tung ra.

Chồng nàng tên Mùi, hiện nay trốn đâu không ai rõ.

Người con gái độc thân ở trại tị nạn giống như một con mồi giữa đám thợ săn hung hãn. "Con mồi" Châu lại nổi bật như một con thiên nga, với nước da trắng như ngọc và đôi môi đỏ như son. Hơn nữa, đôi cánh con thiên nga này lại có chấp tờ giấy bảo lãnh đi Mỹ của ông anh ruột. Đàn ông giành giật nàng một cách tự nhiên và tự tiện như một món đồ quí giữa chợ trời. Không những đàn ông trong trại, mà cả bọn giám thị địa phương cũng tìm cách chiếm đoạt nàng. Sở dĩ nàng chưa bị thợ săn "làm thịt", là vì người nọ còn giữ miếng người kia. Chỉ có một người không giữ miếng gì cả là Mùi. Mùi chỉ lầm lì đứng xa xa nhìn cuộc tranh giành. Nhưng cứ nhìn hắn ngồi ở quán cà-phê mỗi lần có Châu ra phụ bán, là đủ biết hắn "quan tâm" mức nào tới cô gái. Chẳng ai chọc ghẹo mà mặt cứ sưng lên, mắt lờ đờ. Vậy mà Châu đi đứng, làm gì, hắn biết hết. Hôm đó tên giám thị định làm hỗn với nàng trên văn phòng, Mùi xông ngay vào rút dao đuổi hắn ra. Mùi, sau đó, bị giám thị trù giập đủ điều. Châu bênh vực lại. Rồi tình thân sâu đậm dần. Mùi đối với Châu tận tụy dường như vô vị lợi, và trở thành một hung thần cho những ai quấy rầy Châu. Cuối cùng nàng quyết định kết thúc cuộc tương tranh bằng cách gởi thân cho ông "hung thần" đa tình. Nhưng "cưới vừa xong là..." chàng đi tù. Về tội tòng phạm giết người. Tới nay Châu cũng chưa một lần trách móc chồng. Tự cho là cái nghiệp: Mùi hung hãn, cũng là vì để bảo vệ Châu, và để sinh tồn, rồi tất cả thành nếp. Nàng thường nói:

- Con dao, cái búa cũng giống như cái thòng lọng, thắt một lần là siết vào mãi.

Chỉ xui là đơn đoàn tụ của Châu bị bác, sau khi nàng từ chối ly dị Mùi. Ba năm Mùi ngồi tù là ba năm khổ ải nhất đời Châu. Đứa con sanh ra được tám tháng thì bị sốt xuất huyết chết. Mùi mãn tù, Châu làm đơn đi Mỹ lại, tiếp tục bị bác. Trả về Việt Nam, chính quyền cũng không chịu nhận. Mùi không còn đường nào nữa.

Trời xui đất khiến, trong lúc tuyệt vọng, hai vợ chồng trẻ được phái đoàn Na-uy nhận đi định cư vì lý do nhân đạo.

Khi máy bay từ Hồng-công đáp xuống Bangkok rước thêm khách, ông Biên được xếp ngồi sau Châu. Sau này ông cứ bắt nàng thuật lại cả

chục lần câu truyện tha hương ngộ cố tri. Nàng kể:

- Con nghe người Việt nào mới lên ngồi sau mà nói tiếng Anh nhừ quá. Tự nhiên nghĩ chỉ có thể là thầy Biên.

- Sao không quay lại nhận họ hàng ngay?

- Ai mà làm kỳ vậy? Với lại, con muốn thử ...

- Thử cái gì?

- Thử xem ông thầy phong lưu ngày nào dở mòi gì với mấy cô tiếp viên xinh đẹp.

- Hết thời rồi, Châu ơi!

- Cái tướng thầy, con xin lỗi, chưa hết thời đâu. Còn nặng nghiệp lắm.

Một lần khác, cũng nhân dịp nhắc lại chuyến bay định mệnh, Châu diễn tả một tâm trạng phù hợp với ông Biên:

- Hôm đó sau khi thầy trò nhận nhau rồi, con có cảm tưởng lạ lắm: chúng ta lạc vào một hành tinh toàn người lạ, chỉ có hai người quen nhau trước.

- Tôi cũng có tâm trạng đó. Và tôi thấy vui sướng.

Tới quê hương mới, hai người ở cách xa nhau 500 cây số, chỉ thỉnh thoảng thăm hỏi qua điện thoại, với sự dè dặt. So với cảm giác nồng hậu mà cả hai cùng có khi mới gặp lại trên máy bay, sự liên lạc sau này phải nói là xã giao lạnh lùng. Chỉ có một lần vui chuyện và thân mật nhất là Châu hỏi Biên sao không tục huyền? Ông Biên đánh trống lảng, hỏi sang đời nàng thì nàng cho biết nàng sống vui vẻ. Mùi có vẻ khá hơn, và bớt cộc cằn với nàng. Hắn nói hắn cảm kích vì vụ nàng không ly dị trong ba năm hắn ngồi tù. Cho đến một hôm Châu khóc trong điện thoại:

- Thầy ơi! Anh Mùi bị bắt rồi. Lại giết người ...

Châu điện thoại cho ông trong cơn tuyệt vọng và cô độc.

- Con không có người thân nào ở đây... Trừ thầy.

Trừ ông? Rất tiếc ông chẳng giúp đỡ được gì được cho nàng. Chỉ thấy sự hiện diện của mình trên đời hơi có ý nghĩa một chút. Phần Mùi, anh tỏ ra rất giỏi ứng biến. Tuy bị nhiều bằng chứng khách quan trói vào, Mùi, nhờ quen với phương pháp thẩm vấn của cảnh sát Tây phương, đã cương quyết phủ nhận mọi chi tiết mà có thể đưa tới manh mối buộc tội, nên sau 48 tiếng được thả cho tại ngoại hầu tra. Được thả ra một đêm, Mùi trốn đi ngoại quốc. Đi đâu, không ai biết - Đan-mạch, Phần-lan, Đông Đức? Vụ án mạng có liên quan tới ma túy rất lớn, vụ ma túy lớn nhất tại miền Tây trong vòng ba năm nay, vì thế cảnh sát quốc tế Interpol đã ra tay.

- Con khổ quá, muốn chết cho rảnh nợ.

Trong tuyệt vọng và đau đớn, Châu thường tìm Biên để được an ủi. Rồi việc phải đến đã đến. Sau khi sa ngã, họ vẫn ráng tự kiềm chế để chỉ gặp nhau mỗi tháng một lần. Mỗi tháng chỉ có một cuối tuần ông được sống trọn vẹn. Hai ngày đêm mà sự sống giãi bày trên khuôn mặt nguyên sơ nhất của nó. Tràn trề. Sung mãn.

Và chỉ có thế, chiều chủ nhật Châu lại đáp xe lửa trở về Miền Tây. Còn ông, sáng thứ hai thức dậy trong nỗi cô quạnh, uể oải tròng bộ đồ công nhân xanh, đón xe buýt đi làm những việc tủn mủn. Sang Na-uy lúc đã đứng tuổi, ông không còn cơ hội đi học hay tái huấn nghiệp nữa, học ngôn ngữ mới không vô, ông được Phòng Lao động phối hợp với Phòng Xã hội xếp vào hạng công nhân khuyết tật, chuyên đi làm cho những hãng xưởng "được bảo vệ", hãng trả nửa lương, quĩ xã hội trả một nửa.

Châu thường tới vào chiều thứ sáu cuối tháng, dùng mã số mở cửa căn gác của ông Biên, dọn dẹp, giặt giũ, nấu nướng và chờ ông đi làm về. Lần đầu tiên Châu bày ra kiểu chờ đợi độc đáo của nàng là một chiều mùa đông, tuyết bay đầy trời. Ông Biên mở cửa bước vào phòng ngủ, thấy trong ánh đèn mù mờ, Châu trần truồng nằm xõng xoài, vắt ngang giường, đầu ngoẻo, tóc xõa, như xác chết. Ông bàng hoàng xuýt chết ngất. Ý nghĩ Mùi đã trở về thanh toán vợ ngoại tình khiến ông bủn rủn tay chân, ngã xuống ôm xác người yêu. Lúc đó nàng mới mở mắt và hôn ông túi bụi để đền bù. Ông nghẹn ngào:

- Em đùa dại quá!

Nàng cảm động:

- Từ nay em không làm như vậy nữa.

Rồi nàng phải dỗ dành đủ cách, sự sợ hãi mới rút lui khỏi những cơ mô nhạy cảm trong người ông. Và họ bù đắp cho nhau cơn đói khát lâu ngày, và nỗi sợ hãi, cô đơn chung.

Khi những con cá vàng, cá đen bơi lội chán chê, ông giụi đầu vào giữa hai gò ngực trần thơm ngát của người yêu mà ngủ như một đứa trẻ sơ sinh.

Dù lo sợ, ông Biên thích kiểu nằm chờ đợi như tế thần của Châu. Và họ càng ngày càng gắn bó tha thiết. Đối với ông Biên, Châu là sợi dây cuối cùng và duy nhất nối ông với cuộc đời này, hiện tại và quá khứ. Chỉ với Châu ông mới có sự liên tục trong đời sống. Châu cũng bày tỏ cùng tâm trạng:

- Chỉ khi ở bên anh, em mới thấy mình là mình, nguyên vẹn, từ cô nữ sinh áo trắng váy xanh, cho tới người đàn bà phong trần.

Ông xót xa khi nghe nàng nói hai chữ "phong trần". Nó không hợp

với Châu như người yêu của ông, nhưng không sai với Châu vợ một kẻ phạm pháp và đang lén lút với người đàn ông khác. Tuy không ai nói ra, cả hai đều biết mình đang ăn trái cấm. Ông Biên muốn vứt bỏ cái áo "thầy cũ" khi ăn trái cấm; đồng thời ông cũng hiểu rằng không có cái áo vô hình đó, không khi nào ông bước chân vào được khu vườn. Riết rồi trong những lúc cong lưng lau nhà, khuân vác, cạo sơn, ông chỉ còn một niềm an ủi là hình bóng Châu, không phải chỉ như một bông lan chờ đợi dâng hiến, mà như cả quá khứ êm đẹp - của *"một thời hoàng kim xa xưa chìm khuất trong mơ"*. Ngoài Châu và tiếng đàn, ông chỉ còn là một người tị nạn cùng khốn, người thợ không chuyên môn, công nhân khuyết tật, chỉ có thể làm việc trong các hãng được bảo vệ, đáng nửa đồng lương.

Dầu sao được nghịch cây đàn trong giờ giải lao, ông coi là một bù đắp, một "phụ cấp bằng hiện vật". Và cứ đàn đi đàn lại hoài bài Hương Xưa ... Mỗi lần đàn xong, ông thường cúi đầu, gọi nhỏ, như để nếm mùi dịu ngọt trong trong tiếng gọi của chính mình:

- Châu ơi!

Bỗng ông có cảm tưởng bị nhìn, và quay ra cái cửa sổ. Một khuôn mặt mà chỉ có đôi mắt là rõ nét, dính bẹt vào cửa kính vội vàng tránh đi khi bị phát giác. Nhưng trước khi đôi mắt kịp tránh, ông Biên đã chụp được cái nét xuất thần trong đó, như đứa bé vừa nhìn hay vừa nghe được một điều gì rất lạ lùng. Ông lấy làm lạ, nhìn quanh trong ngôi nhà thờ cũ trống trơn, không có gì khác lạ đáng cho đứa bé xuất thần như thế. Nó xa rồi mà ông vẫn còn hình dung mài mại: đôi mắt xếch - con mắt của trẻ em bệnh "mông-cổ".

Hết giờ làm việc, ông ra trạm xe buýt, thấy một đứa bé gái nhìn mình chằm chằm, ông đoán là con bé ban nãy. Lý do ông chưa dám chắc là vì trẻ đứa nào bị chứng "Down"s syndrome' cũng hao hao giống nhau - mặt dẹt, mắt xếch, cổ rụt, tóc lưa thưa. Lần này, có lẽ cậy đi với mẹ, nó nhìn ông chằm chằm, xe buýt tới mà nó còn nhìn. Mẹ nó cầm tay, kín đáo bảo nó không được nhìn người lạ. Khi xe buýt chuyển bánh, nó đưa tay ra hiệu như đánh đàn cho ông đứng dưới, cười tươi. Ông cười lại, với chút hãnh diện với những người cùng chờ xe.

Ngày chót của hợp đồng tu sửa cho nhà thờ là một ngày tháng sáu sáng trưng, nóng ấm. Ông ghé tiệm Việt Nam mua một vài món đặc sản. Ông bắt chước cái thói quen dễ thương của người Việt và người Tầu là tặng quà cám ơn cả nhân viên xã hội, bất cứ họ có làm đầy đủ bổn phận của họ hay không. Cả ông cha Kovac, chỉ vì đã yêu cầu Phòng Lao động cho một người thợ rẻ tiền nhất, cũng được ông Biên mang ơn. Ông Biên đã hẹn ăn bánh trái với cha Kovac trong giờ ăn trưa ngày làm cuối cùng,

được đặc biệt kéo dài cả tiếng đồng hồ. Bữa "tiễn đưa" đang đi tới hồi nhạt nhẽo, gượng ép, thì may quá, có điện thoại và ông cha phải đi giúp một con chiên hấp hối. Ông Biên ngồi lại một mình với những ý nghĩ vẩn vơ và những vỏ trái cây lạ.

Ông lại có cảm giác bị nhìn và quay về phía cửa sổ. Lại là con bé tò mò. Ông vẫy tay, nó không lánh mặt như mọi khi, mà vẫy tay lại. Ông làm hiệu hỏi nó có muốn vào chơi đàn không. Nó gật đầu một cách mạnh dạn, như đã chờ dịp từ lâu. Ông ra mở cửa cho nó vào. Con bé chừng mươi tuổi, tóc vàng óng như tơ, mỏng manh, yếu đuối.

- Tôi tên Biên, còn cháu?

- Anita.

Xưng tên xong, con bé nhảy ngay lại cây đàn. Nó xin phép mở đàn. Ông nghĩ là cha Kovac sẽ đồng ý, nên gật đầu. Nó khua bừa vào những phím đàn, không thành cung điệu gì cả.

- Cháu biết đàn không?

- Hông.

Nó lắc đầu. Rồi lại cục gặc đầu, các lọn tóc lưa thưa:

- Nhưng cháu thích bài của ông.

- Bài nào?

- Không biết.

- Bài này?

Ông đàn bài Sérénade. Nó lắc đầu:

- Không.

- Không lẽ bài này?

Ông nghi ngờ, bấm vài nốt bài *Hương Xưa*.

- Không.

- Lạ quá! Thế thì bài nào?

Con bé đưa hai bàn tay lướt qua lướt lại trên phím đàn, đầu nghiêng ngả, mắt lim dim, như một nghệ sĩ say. Chỉ coi bộ điệu của nó ông cũng đoán đó chính là bài *Hương Xưa*, và ông dạo lại bài *Hương Xưa*, lần này với tất cả tâm tình. Được vài câu, con bé đã khều tay ông, gật đầu. Thì đúng là Hương Xưa, nhưng phải đánh với cả tâm hồn, nó mới nhận ra. Giáo sư Anh văn Biên biết trong ngôn ngữ con nít không có bao nhiêu chữ, nhưng hiểu được con nít nói chuyện là nắm được căn bản một ngôn ngữ. Điều này, rất tiếc người lớn như ông mới bắt đầu học ngoại ngữ ít khi làm được. Nhưng không hiểu tại sao hôm nay tự nhiên ông hiểu hết con bé nói gì, và ngược lại. Rõ ràng là người ta hiểu nhau *trước* khi nói. Ông thường nói vậy. Ông hỏi:

- Tại sao cháu thích bản nhạc này?

- Cháu *nhìn* ông thấy hay.

Ông ngạc nhiên cảm động, vuốt tóc nó:

- Cháu muốn nghe lại không?

- Muốn! Muốn!

Ôi! Nó chỉ nghe nhạc mình bằng mắt. Qua cái cửa kính đục hai lớp. Nó đọc được tâm hồn ông sao? Ông đặt hết tâm hồn vào phím đàn, đàn cho mình, cho con bé "tri âm" ngồi bên cạnh, sát vào người ông. Dứt tiếng nhạc, hai bàn tay con bé với những ngón tay ngắn ngủn, tù tẫn, vỗ thành tiếng kêu bèn bẹt như tiếng nước mưa nhỏ trên nền đất thịt.

Ông cúi đầu làm như cám ơn, và cứ giữ tư thế cúi như vậy, rưng rưng cúi mặt, thầm nói:

- "Cả thế giới này chỉ còn bé nghe tiếng đàn của tôi... Và chỉ còn một người yêu tôi".

Đứa con gái này bằng tuổi con gái ông nếu nó còn sống. Ông bỗng xúc động nhớ tới vợ con chết ngoài biển. Ông muốn quàng tay ôm con bé vào lòng. Nhưng ông còn đủ tỉnh táo nghĩ đến những chuyện không hay giữa người lớn và trẻ con trong cái xã hội nhiều tâm bệnh này, lại để nguyên bàn tay trên phím đàn.

- Ông! Ông làm sao vậy?

Ông tỉnh hẳn:

- Không, không sao cả. Tôi nhớ đứa con gái của tôi, nếu bây giờ còn sống, cũng bằng tuổi cháu.

- Sao con gái ông chết?

Ông không muốn trả lời. Cười, lấy mấy trái nhãn còn lại đưa cho con bé.

- Cái gì vậy?

- Trái "long nhãn". Bé ăn thử đi.

Ông giúp con bé bóc trái nhãn và chỉ cách ăn.

- Ngon!

Nó ăn xong, ông giải thích:

- Long nhãn có nghĩa là mắt rồng.

Nó cười khanh khách, nhắc lại "mắt rồng", rồi cầm hai hột nhãn lên, đặt lên hai hõm mắt lồi lúc nào cũng như cười, hỏi:

- Cho cháu nhé?

Ông buồn cười:

- Cho trái tức là cho hột. Còn phải hỏi.

Ông cảm thấy bớt cô đơn, lần đầu tiên từ ngày đi định cư.

- Thôi, cháu ra đi, kẻo mẹ cháu đợi.

Một hôm ông nhận được một thư nặc danh mà giọng điệu chỉ có thể là của Mùi. "Thư" chỉ vỏn vẹn có bốn chữ:

"Giết thằng gian phu".

Ông không nói cho Châu biết, nhưng báo cho cảnh sát để họ liệu. Rồi một ngày thứ năm vào tháng bảy. Ông nhớ rõ, vì đó là một ngày đặc biệt và hãi sợ. Dù hãi sợ ông vẫn nhớ những chi tiết khác, như trời nắng rực rỡ. Có hơi gió, để bớt đi chút nóng nực mà ông Trời hiếm khi đổ quá tay xuống miền nam Na-uy. Chi tiết thứ nhì đương nhiên cũng dễ nhớ là ông vừa thất nghiệp. Khi ông ra Phòng Lao động trình diện, ngồi trong phòng đợi, mới tình cờ đọc báo thấy mẩu tin:

"Một người đàn ông 27 tuổi bị đâm trọng thương ... Cảnh sát nghi rằng vụ này có liên quan tới vụ giết người cách đây hai năm, mà kẻ bị tình nghi là hung thủ đã trốn ra nước ngoài. Nhiều dấu hiệu cho thấy người đàn ông bị tình nghi đang có mặt tại Na-uy".

Ông Biên tức tốc trở về nhà, điện thoại cho Châu. Nghe tiếng nàng trả lời ở đầu giây, ông thở phào nhẹ nhõm "Em vẫn bình an vô sự!". Nhưng nghe giọng run rẩy của nàng, ông biết nàng không hoàn toàn vô sự, nàng sợ. Nàng lo sợ cho ông. Không hiểu tại sao cảnh sát biết ông có liên hệ với Châu, họ điện thoại cho ông hỏi nọ hỏi kia. Câu chuyện câu được câu chăng, nhưng có vẻ thân thiện. Cuối cùng, khi biết ông biết tiếng Anh, họ sốt sắng chuyển cuộc điện đàm cho bà điều tra người Anh bên Interpol. Và ông Biên được dịp trình bày hết uẩn tình và hoàn cảnh nguy hiểm của cả Châu và mình. Bà điều tra viên tỏ ra quan tâm, tự động hứa bảo vệ cả hai người.

Lâm hoàn cảnh này, ông càng sợ mất Châu, cách này hay cách khác. Ông đề nghị Châu sang Mỹ lánh nạn, nhưng nàng không chịu đi, nàng không muốn bỏ ông một mình.

Bà điều tra viên người Anh, đã có thiện cảm đặc biệt với ông Biên, đề nghị ông nên đưa Châu đi chơi xa một chuyến. Ông nghe lời, đưa Châu đi Mallorca, một hòn đảo nghỉ mát của Tây-ban-nha ngoài Địa Trung hải.

Từ trại tị nạn sang Na-uy ông Biên chỉ có cái túi xách, đến nay chưa mua nổi cái va-li. Khi xếp mấy bộ quần áo của mình vào cái va-li của Châu, chung với xiêm y của nàng, ông cảm thấy lòng nao nao. Ông xua đuổi hai chữ vợ chồng lấp ló trong đầu.

Chỉ quen nhìn ngắm Châu trong trạng thái thiên nhiên nguyên thủy dưới ánh đèn mờ ảo phòng ngủ, ông Biên sững sờ trước nhan sắc nàng dưới ánh mặt trời chói chang trên bãi biển. Ông ngồi trên hai gót chân, ngước mặt nhìn lên Eva-sau-cơn-sa-đọa đứng nghiêng nghiêng trước mặt,

trong bộ đồ tắm màu vàng, hòa với làn da trắng rợn người, những đường cong thu hút hết các đường cong tối hảo của sóng biển Địa Trung hải và núi đồi trùng điệp của hải đảo Mallorca. Lúc nàng vươn hai cánh tay, búi mớ tóc lên cao, người đàn ông cảm thấy nóng rát cổ họng, đứng dậy, kéo nàng chạy xuống nước. Hai người bơi song song. Nàng sung sướng nói:

- Bao nhiêu năm mới được ngâm mình trong làn nước ấm và trong như thế này, phải không anh?

Ông chìm trong hạnh phúc, định nói: "Hạnh phúc nhất là được tắm chung một giòng nước với người yêu". Nhưng lại chỉ nói:

- Ừa, thích quá!

Ngụp lặn, bơi lội một hồi, bỗng Châu nhớ tới lần sau cùng tắm biển Phan Rang, hỏi:

- Địa Trung hải có ăn thông với Thái Bình dương không, anh?

Ông cảm thấy rùng mình vì một luồng nước lạnh luồn qua, trả lời gọn:

- Có.

Và ông rủ người yêu bơi vào. Hình như Châu linh cảm được tâm trạng ông. Nàng biết vợ con ông bị vùi thây trong giòng nước biển Đông mấy năm trước. Châu biết không bao giờ ông quên vợ. Nàng biết mối tình của hai người hồi đó ở Đà-Lạt ra sao, và tấm hình người đàn bà đẹp trong phòng khách căn gác của Biên quan trọng thế nào đối với ông. Họ nằm trên ghế bố yên lặng. Lim dim trong tiếng ru của gió lùa trên cát, tiếng sóng biển, và tiếng cười nói lao xao. Và mau chóng chìm vào giấc ngủ say sưa. Vì đêm qua, từ khi nhận phòng vào lúc chín giờ tối đến tám giờ sáng, họ ngụp lặn trong cơn sóng lũ hoan lạc vô tận, không biết mình ở đâu, không biết thế giới này còn hay mất. Khi nghe tiếng gà gáy, ông Biên mới bừng tỉnh:

- Mình đã trở về Việt Nam?

Nàng hào hển:

- Kệ gà gáy, đừng tỉnh dậy, anh ạ.

Nói rồi nàng vẫy vùng như muốn thoát khỏi vòng kềm tỏa của ông, mà ông vừa buông lơi ra nàng lại trì kéo vào. Cuối cùng, như nương theo tiếng con gà trống uốn éo gọi bình minh, Châu oằn người lên như cái cầu vồng. Và Biên trút hết sức lực ghì xuống, đè bẹp cơn bão tố bên dưới, cho tới khi nàng chỉ còn là một giòng nước mềm mại, một mặt biển thoi thóp, lênh láng lúc con nước đứng.

Hôm sau họ lái xe thuê lên phía tây bắc của hải đảo, nơi hiếm bãi tắm rộng, vì vách đá dựng đứng, nhưng nước xanh ngọc bích nhìn mà dịu ngọt cả mắt, cả lòng. Ông Biên đã nghiên cứu trước, nên thuê phòng trọ

trong một biệt thự nằm giữa vườn ô-liu (cây dầu), cây nào cây nấy sống mấy trăm năm, thân quằn quại vì phong sương vật vã. Lúc hai người ngồi uống cà phê trong vườn, ông chủ nhà mang đồ ăn sáng ra, nhìn Châu một cách ngưỡng mộ, rồi chỉ vào một cây có vẻ già cội nhất, khoe:

- Cây đó sống trên ngàn năm rồi. Những cây khác có cây 300 năm.

Rồi bỏ đi. Dáng Châu tươi mát nổi trên một thân cây ô-liu sù sì, vặn vẹo, xa xa bên dưới là biển xanh biếc, và một tường mây lụa ngà. Ông Biên nghĩ nếu bây giờ trong vườn này không có nàng thì sẽ còn gì? Nhưng ông lại nói về một đề tài khác. Về cây ô-liu già:

- "Cụ" đứng một mình 1000 năm, buồn chết.

Châu cười trong trẻo:

- Có mấy "cụ" 300 tuổi làm bạn vong niên mà.

Nói về cây mà ông Biên cứ ngắm tóc nàng xanh mướt trong nắng mới:

- Nhưng 700 năm đầu của cụ, không ai biết tới. Tăm tối quá.

Bỗng nắng dâng lên đỉnh các ngọn thông, kéo theo một tiếng kêu thánh thót, quen thuộc. Ông Biên reo lên:

- Ve sầu! Tiếng ve sầu! Em nghe tiếng ve kêu không?

Châu nghiêng đầu:

- Dạ nghe.

- Trước đây, em có nghe tiếng ve bao giờ chưa?

- Em có nghe, một lần, trên đường từ Đà Lạt ra Phan Rang.

Họ bùi ngùi lắng nghe tiếng ve, không phải trong vườn cây ô-liu mà như từ quá khứ vọng về. Ông hỏi:

- Lần đó, em thấy tiếng ve thế nào?

- Hôm đó ba má em cũng hỏi thấy thế nào. Em trả lời em chỉ thấy inh ỏi, lạ tai. Sau em thấy ba má cứ tấm tắc khen hay, em mới thấy hay hay.

Ánh mắt ông thu lấy đôi mắt đen to đang *lắng nghe tiếng ve* của Châu, và khép lại. Một lúc ông nói:

- Tiếng ve hôm nay trong vườn cây ô-liu cùng em, lại phải chờ mươi năm sau anh mới nghe thấy.

Châu cười hóm hỉnh:

- Sao anh không nghe ngay bây giờ đi? Người ta nói giây phút hiện tại mới là thật.

Ông thở dài:

- Một cách nói vậy thôi. Thực ra tiếng ve chúng ta đang nghe bây giờ chính là tiếng ve vọng từ quá khứ đấy chứ. Mà muốn nói bây giờ ta đang nghe tiếng ve của mười năm sau cũng được vậy...

Trên con đường quanh co dẫn lên tu viện Sa Cartuja, họ tiếp tục nghe

tiếng ve vang lừng trên cánh rừng thông khô khốc. Họ đi vòng quanh các hành lang âm u của tu viện. Tới một chỗ, ông Biên chỉ vào một căn phòng cửa sổ nhỏ tí, tường đá dầy lạnh lẽo:

- Đây là căn phòng mà nhạc sĩ Chopin và nữ văn sĩ George Sand trú ẩn mùa đông năm 1838.

Châu thấy một chiếc đàn dương cầm và một cái bàn viết cũ kỹ, bên trên có những bản thảo giấy vàng úa. Ông giải thích:

- Đó là bản thảo cuốn *"Mùa đông trên đảo Mallorca"* của George Sand.

- Sao họ lại ở trong tu viện?

- Họ phải trốn Paris ra đây, thời đó còn rất hẻo lánh, vừa để Chopin tĩnh dưỡng bệnh phổi, vừa để trốn dư luận, trốn xã hội, vì họ yêu nhau ngang trái ... George Sand đã có chồng.

Nói xong ông biết mình lỡ lời.

Tối về nhà trọ, Châu được điện thoại từ bà xã hội Na-uy nói Mùi đã bị bắt.

Mùi bị bắt trên chuyến tầu thủy từ Goeteborg, Thụy Điển sang Amsterdam, Hòa-lan. Bà xã hội vừa gặp Châu đã đề cập ngay việc ly dị. Bà không dám xúi việc ly dị nhưng cho biết trong hoàn cảnh của Châu hiện tại, ly dị là việc tự nhiên. Châu không có định ý gì cả, chỉ hỏi lấy có:

- Anh Mùi không chịu đâu.

Bà xã hội có nhiệm vụ bảo vệ các phụ nữ trong cơn gia biến, trả lời:

- Không thành vấn đề. Hai người trên thực tế đã sống cách ly hai năm, đủ điều kiện để đơn phương ly dị, không cần bên kia đồng ý.

Nàng bâng quơ:

- Anh ấy trả thù chết.

Bà đặt tay lên vai nàng:

- Em yên trí. Lần này cảnh sát đã có đủ bằng chứng, đã kết thúc hồ sơ, trình tòa án. Mùa thu này bắt đầu xử.

Thực ra tất cả những câu hỏi trên, Châu chỉ hỏi cho lấy có. Trong đáy lòng nhân hậu của Châu, Mùi vẫn là một người đáng thương, không nỡ bỏ. Nếu Biên chia sẻ với nàng những ngày vàng son thì Mùi chia sẻ những tủi nhục.

Mấy ngày sau anh trai Châu -tên Ngọc- gọi điện thoại rối rít nhiều lần hỏi thăm em và muốn lo thủ tục bảo lãnh Châu sang Mỹ ngay. Châu vào Oslo, cùng Biên ra phi trường đón Ngọc. Ngọc giống Châu như đúc, cũng da trắng và mắt sâu, mũi thẳng và cao. Nhưng nói chuyện với Ngọc dăm câu ông Biên đã thấy không hợp. Ông chỉ mời hai anh em họ đi ăn

nhà hàng một lần rồi tránh mặt, lấy cớ "để cho anh em quí vị tự nhiên".

Anh em bàn đi bàn lại, cuối cùng Châu buông thõng:

- Em không đi đâu cả. Em đi rồi ...

Châu bỏ lửng. Ngọc đoán em gái ái ngại cho Biên, vội nói:

- Thì em sang Mỹ, có thẻ xanh rồi bảo lãnh Biên mấy hồi.

Ông Biên chỉ gặp Ngọc thêm lần thứ nhì khi tiễn Ngọc ra phi trường về Mỹ. Nhìn Ngọc chững chạc đi giữa đoàn du khách đủ màu da bước vào khu chờ lên máy bay, ông Biên mới tần ngần nhìn ra điều gì làm cho ông và Ngọc không hợp nhau. Ngọc đã mang cung cách một thương gia Mỹ, từ cách tính toán việc đời đến bậc thang giá trị, không như ông vẫn là con cua nhỏ chỉ ru rú trong cái xác ốc cũ. Ông lại nghĩ lan man: Nếu Châu sang Mỹ, vài năm cũng sẽ lột xác. Lên xe buýt về thành phố, ông nói:

- Châu! Hay là em đi Mỹ đi.

Nàng ngạc nhiên:

- Sao vậy?

- Biết đâu ở đó mới là môi trường của em.

Châu im lặng. Như giận. Như suy tư.

Ngọc về Mỹ và Châu ra Miền Tây rồi, ông Biên được phòng Lao động kêu đi nhận việc mới. "Sở" mới cũng gần nhà thờ. Thỉnh thoảng ông ghé xin cha Kovac cho nghịch đàn. Và thỉnh thoảng một ngọn gió thu lùa vào cổ làm ông nhớ tới luồng nước lạnh đột ngột luồn qua biển nước ấm tại Mallorca. Và lòng ông xao xuyến như lá thu. Ông thiếu thốn Châu. Xót vợ con. Thương thân mình. Với Châu, sau những say đắm ngất ngây, ông thường tự hỏi "Rồi sẽ đi tới đâu?" Có lúc ông còn e rằng tình cảnh "tha hương ngộ cố tri" đã tạo ảo ảnh tình yêu chăng? Hay sự tuyệt vọng đã lôi kéo hai thể xác lại gần nhau? Điều chắc chắn là bao lâu Châu chưa ly dị xong, nàng và ông vẫn còn đi bên lề con đường luân lý. Và khi Châu ly dị rồi, ông có can đảm lập lại cuộc đời với người thiếu phụ trẻ tơ đó không? Ông hơn nàng 15 tuổi, và đã mỏi mệt cuộc đời. Có ngày nào cơn lãng mạn của cô nữ sinh hạ xuống, để nàng thấy rõ ông chỉ là một bến đậu tạm trong cơn giông tố gia đình, và nàng lại ra đi, để lại ông một mình với nỗi cô quạnh hơn xưa? Trong tất cả những nỗi khắc khoải đó, nỗi khắc khoải lớn nhất là: tại sao người đàn bà tuyệt vời này lại phải gánh chịu những khổ lụy nhường này? Tại sao nàng lại phải liên lụy với hai người đàn ông ... chẳng ra gì?

Ngặt là chính ông không rõ lòng mình. Mình có đủ cương quyết xa nàng không? Có can đảm dứt cơn mê?

Chiều thứ sáu mà theo lệ thường nàng sẽ tới, ông Biên "trốn" vào nhà

thờ. Ông không là con chiên, không biết cầu nguyện, chỉ biết quỳ trước tượng Chúa, nài nỉ toàn những điều mâu thuẫn mà chắc Đứa Chúa Cha cũng không biết xử ra sao. Cha Kovac vừa ngạc nhiên vừa vui mừng thấy một người bên lương cầu nguyện. Sau thấy ông Biên hỏi "có gì cho tôi làm ... chùa không", thì cha hiểu ngay là ông Biên đang có tâm sự bối rối, nhưng chưa tiện hỏi. Ông Biên làm mệt lại nghỉ. Nghỉ lại nghịch đàn. Tới khuya. Ông đã tập thêm vài bản mới, nhưng đàn bài nào rồi cũng quay về Hương Xưa. Khi bản Hương Xưa bắt đầu, ông nghe một mùi thơm quen thuộc -hương thơm mà ông vẫn cho rằng chỉ tỏa ra trong không gian nơi nào có người yêu hiện diện - đồng thời một giọng nữ cất lên, mà ông đoán biết ngay là của ai. Ông hồi hộp quá, nhưng chưa quay lại, muốn thưởng thức đơn thuần tiếng hát. Tiếng hát tưởng nghe lần đầu nhưng sao quen thuộc từ bao giờ. Tiếng hát không điêu luyện như của ca sĩ chuyên nghiệp, nhưng êm ái ngọt ngào. Tiếng rung thoát ra từ thanh quản nghe rào rạt như làn gió rót vào ngọc tiêu. Tiếng hát của Châu ông đã nghe một lần. Ở đâu, dịp nào nhỉ?

Người ơi còn nhớ mãi trưa nào thời nào vàng bướm bên ao ...

Tiếng đàn và tiếng hát vừa kết thì ông cảm thấy ấm nồng sau lưng. Ông ngả đầu ra sau, tựa vào khuôn ngực êm ái. Hai cánh tay nàng ôm vai ông. Ông sung sướng ngây ngất như tìm lại được kho tàng tưởng mất. Nói rất nhẹ, như sợ chạm tan giấc mơ:

- Em! Châu! Em đã tới? ... Em vẫn tới?

Rồi ông xoay người lại trên ghế đàn, ngước lên, thấy cằm nàng thanh thoát giống cằm Đức Mẹ trong nhà thờ. Ông kính cẩn áp môi trên mu bàn tay nàng, biết ơn. Ông thấy mình trẻ con - đi trốn, bị tìm thấy mà sung sướng như được tái sinh. Nàng xoa tóc ông vỗ về:

- Em tới từ chiều. Chờ đợi mãi không thấy anh về, em đi tìm.

Ông ngạc nhiên:

- Sao em biết anh ở đây?

Nàng kéo ông đứng dậy. Ông tắt đèn, khép cửa hội trường. Ra ngoài, ông nhắc lại câu hỏi, nàng mới trả lời:

- Mỗi con thú có chỗ ẩn nấp riêng. Mỗi người có một chỗ riêng để lui tới khi vui, một chỗ riêng để ẩn náu khi buồn, và một chỗ riêng để trốn chạy. Em có linh cảm anh đang trốn ở đây.

Ông hỏi:

- Tại sao vậy, Châu?

Châu trả lời:

- Ở xứ này, anh có chỗ nào khác để trú ẩn, ngoài căn gác và cái hội trường lúc vắng người này?

Ông ôm nàng gọn lỏn:

- Còn chỗ này nữa.

Nàng gỡ nhẹ tay ông, đột ngột hỏi:

- Anh còn nhớ chị Hạnh tha thiết như thế sao?

Ông ngơ ngác:

- Ủa, sao em hỏi vậy?

Trăng khuya heo hắt trên đỉnh trời. Lá thu vàng hai bên đường nhạt nhòa với đèn đường. Nàng trả lời:

- Em biết lúc nào anh cũng nhớ tới chị Hạnh (xin lỗi, lẽ ra em phải gọi bằng cô), vì bài Hương Xưa là bài anh đệm dương cầm cho chị kéo vĩ cầm.

- Ủa, vậy hả? Anh không nhớ.

Lúc buột miệng nói "anh không nhớ", ông Biên mới nhớ ra cái đêm hôm đó, đêm văn nghệ Giáng sinh năm 74 trong trường bà Sơ. Ông ngạc nhiên vì sự lãng quên của chính mình trong bao năm qua. Nhưng đó chỉ là lớp lãng quên phủ hờ bề mặt. Họ đi bộ dọc bờ sông Akerselva. Trên cây cầu cổ, gió lạnh từ mặt nước ùa lên, ông Biên kéo sát Châu vào người, giọng trầm:

- Hôm đó, đêm văn nghệ Giáng sinh cuối cùng trước khi mất nước, anh và Hạnh chỉ đệm thôi, người hát là em - Bích Châu.

Từ nãy tới giờ nàng chỉ chờ xem ông có nhớ chi tiết này không. Ông nhớ. Và nàng hài lòng. Châu ngước mắt nhìn người yêu, reo lên vì cảm động:

- Vậy là anh cũng nhớ có em hát sao?

Họ tựa trên thành cầu nhìn xuống giòng nước mờ dưới ánh trăng. Ông Biên nói:

- Lúc đầu anh đàn lại bài này chỉ do tình cờ. Đàn đi đàn lại chỉ vì một tiếng mời gọi thầm kín, không có ý thức gì cả. Bây giờ anh đã nhớ hết rồi. Nhớ tiếng hát em êm như nước chảy dưới ánh trăng. Và dáng Hạnh nghiêng nghiêng. Bóng cây vĩ cầm in trên tấm phông - anh không nhớ phông vẽ gì.

Ông Biên đè nén xúc động bằng một câu buông trổng:

- Hèn gì ...

Châu mỉm cười:

- Hèn gì, anh?

- Mấy tháng trời nay, không hiểu tại sao anh cứ mân mê khúc nhạc này. Thì ra tiềm thức cứ ấp ủ mãi, và anh đã thả hồn vào đó, tới nỗi con bé Anita, chỉ cần nhìn, đã nghe ra nỗi đam mê của anh.

Châu làm bộ hờn dỗi:

- Trong tiềm thức đó, chỉ có chị Hạnh thôi, không có em, phải không?

Ông nói chậm rãi để kịp phô bày chân tình:

- Không chắc. Có lẽ lúc đó anh chỉ biết một mình Hạnh thôi thật. Em chỉ là một cô học sinh có tiếng hát hay. Chính anh chọn em hát, và chọn bài hát cho em, phải không? Nhưng thời gian qua đi, bao nhiêu biển dâu đọng lại thành khúc nhạc chứa cả Hạnh, cả em, cả đêm hôm đó. Và sau này nếu anh đàn lại bài Hương Xưa, sẽ thêm hình ảnh con bé Anita. Nhưng cao điểm là đêm nay. Em coi: định mệnh đã an bài từ bao giờ để đêm nay chúng ta đứng trên cây cầu này, cách xa quê hương nửa vòng địa cầu để ôn một kỷ niệm xưa xa như ánh sao trên trời kia?

Ông im lặng để ngăn giòng xúc cảm. Nhưng khi nhìn những chòm sao lấp lánh lên trời, ông nghĩ Hạnh và con gái ông là một trong những vì sao đó. Rồi một ngày nào đó -ví dụ cái ngày ông qua đời ở xứ người này mà linh hồn không có nơi quen thuộc để trú ẩn, phải nằm trên một vì sao kia- nhìn xuống Châu đứng trơ vơ trên cây cầu này. Ông vội cúi xuống hôn nàng, thấy môi nàng mặn nước mắt.

- Tại sao em khóc?

Nàng không trả lời, mà hỏi lại, giọng ngậm ngùi mà nghiêm trọng:

- Anh có yêu em không?

Ông cũng nghiêm trọng, gần như thề thốt:

- Yêu trên hết mọi người còn sống trên đời. Yêu hơn mạng sống anh.

Nàng cũng nhìn lên những vì sao:

- Vậy anh có tin có tình yêu vượt ngoài không gian và thời gian?

- Anh cũng vừa nghĩ tới những ngôi sao xa xăm kia.

- Anh có muốn nếm thử thứ tình yêu bất diệt đó, ngay khi nó ở gần?

Ông đặt ngón tay trên môi nàng mềm mại:

- Anh vừa nếm rồi. Và muốn nếm hoài, nếm mãi.

Họ lại ôm nhau hôn cuống quít. Như sợ người kia sắp biến thành bọt nước dưới sông, hay một đốm sao trên trời xa. Con sông Akerselva không thơ mộng như sông Hương, không cuồng nhiệt như sông Hồng, không hùng vĩ như sông Cửu Long. Nó nhỏ bé len lỏi qua thành phố, nhiều chỗ thu mình thành một con lạch chui qua những dãy nhà cũ kỹ. Nhưng cũng như những con sông khác, nó chuyên chở bao hoài niệm, bao cuộc tình, và tuôn ra cửa biển bao quên lãng. Tới một chỗ con sông chui vào hầm tối, hai người dừng lại.

Nàng lại ghì ông xuống mà hôn tới tấp. Rồi lau nước mắt nói:

- Em yêu anh hơn tất cả mọi người, mọi thứ trên đời. Vì thế ước nguyện của em là tình yêu chúng ta không bị han rỉ vì thời gian hay héo tàn vì những phiền trược của cuộc đời. Nó phải kết tinh ở một nơi vĩnh

tin văn học

Đầu tháng Bảy vừa qua, Trung tâm Joiner Center thuộc University of Massachusetts ở Boston có tổ chức một cuộc hội thảo về văn học chiến tranh, có nhiều nhà văn nhà thơ thuộc các nước từng bị chiến tranh tàn phá tham dự. Phần Việt Nam, ban đầu Ban Tổ chức chỉ mời các nhà văn Việt Nam ở quốc nội, đại diện là nhà văn Bảo Ninh tác giả "Nỗi Buồn Chiến Tranh" và nhà thơ Nguyễn Đức Mậu. Sự thiên lệch trong cách mời người tham dự hội thảo của Joiner Center đã khiến cho cộng đồng người Việt ở Boston và Miền Đông Hoa Kỳ bất bình. Câu hỏi đặt ra là tại sao số phận người lính VNCH không được quan tâm đến, dù họ là một thành phần tham dự ttrực tiếp vào cuộc chiến, và chịu hậu quả khốc liệt bi thảm nhất của cuộc chiến đó.

Do phản đối của cộng đồng, Ban tổ chức cuối cùng đã thỏa thuận mời những nhà văn đại diện cho phía VNCH phát biểu trước hội nghị. Ngày 1 tháng 7 năm 1998, hai nhà văn Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư và nhà thơ Đào Trung Đạo đã lên phát biểu trước một cử tọa khoảng 70 nhà văn nhà thơ nhiều nước, và đã được cử tọa hoan nghênh nhiệt liệt.

Kinh nghiệm ở Boston đáng cho giới cầm bút suy nghĩ. Trước các diễn đàn văn học quốc tế, người Việt tự do có nên hiện diện để cất lên tiếng nói của cộng đồng tị nạn, hay giữ thái độ bàng quang, bất hợp tác. Kết quả đạt được của ba nhà văn trong hội thảo văn học chiến tranh vừa qua đã là câu trả lời.

viễn.

Ông mới mấy máy môi, nàng đã vội tiếp, như sợ bị cướp lời:

- Mùi vừa bị kêu án 19 năm*. Em không nỡ bỏ anh ấy lúc này.

Lời này của Châu đã giúp ông dứt khỏi nỗi do dự, nhưng khi tai nghe, lòng ông tan nát. Để ngăn một giọt nước mắt muốn trào ra, ông ngước mặt lên trời và nhìn thấy hồn mình bay lên một vì sao lẻ loi ở một góc trời ửng sáng.

Những đêm mặn nồng đã qua. Người yêu đã đến rồi đi. Từ nay và bao năm sau, về nàng, ông cố quên hết, trừ hai chữ rất hiền mà mãnh liệt hơn mọi đam mê:

- Không nỡ ...❐

** Luật pháp Na Uy không có án tử hình và chung thân. Tội nặng nhất chỉ bị kêu án 19 năm tù. Ghi chú của Tòa soạn.*

Cái còn lại

Hoàng Liên

Nga dừng chân trước phòng ngủ của Mai, hỏi vọng vào:

- Đã sẵn sàng chưa?

- Sắp xong rồi.

Đứng thẳng người, Mai đang ngắm mình trong tấm gương lớn. Trong chiếc áo dạ hội màu đen dài đến gần gót chân, thân hình Mai có vẻ thon lại và cao hơn ngày thường. Đưa tay lên cao để vén lại mái tóc vừa mới uốn, Mai mỉm cười, hài lòng với hình ảnh của chính mình, rồi quay lại hỏi:

- Nga coi mình có được không?

- Người Mai đầy đặn, đôi vai tròn nên mặc áo hở cổ trông xinh lắm.

- Răng Nga không đem áo soirée đi theo?

- Mình cứ tưởng chỉ tham dự một buổi họp bình thường nên không chuẩn bị cẩn thận.

Nga giả thích như thế, chứ thật ra chị không có một cái áo dạ hội nào cả.

- Bình thường răng được! Kỷ niệm 80 năm ngày thành lập trường Đồng Khánh, gần một thế kỷ mới tổ chức một lần. Đêm nay chỉ mới là đêm hội ngộ thôi, nhưng chắc cũng long trọng lắm. Nhóm Phượng Vỹ mình đảm trách mà. Không chê vào đâu được. Thôi, chúng mình đi.

Mai ngồi vào tay lái, mở máy lạnh, cho chiếc Acura ra khỏi cổng, rẽ qua phải rồi tăng tốc độ. Bóng đêm mượt mà đã bắt đầu bao phủ thành phố Houston. Đêm sâu thăm thẳm, mời mọc và quyến rủ. Đèn đường, đèn xe bừng sáng lên trên đại lộ dài dằng dặc với những dãy phố nối liền nhau, bất tận. Lúc ngừng lại ở một ngả tư, Mai nói như reo lên:

- Tối nay, đông lắm, vui lắm. Có Lan Anh từ Đức qua nè, có Như Quỳng từ Pháp qua nè. Có cả Khánh Hà từ bang Washington về nữa. Còn tụi bạn bên Cali thì khỏi nói, đông vô kể. Mấy anh Quốc Học tha hồ mà

quay phim, chụp hình.

Nga chợt hiểu tại sao Mai đã ăn mặc và trang điểm lộng lẫy như khi đi dự một dạ tiệc lớn. Nhìn Mai ngồi thoải mái trước tay lái với son phấn rực rỡ và mùi nước hoa ngào ngạt, chị nhận thấy rõ sự khác biệt giữa Mai hôm nay và Mai 25 năm về trước. Trong hai ngày vừa qua đến ở chung với bạn, Nga đã nghe Mai giải thích sự thay đổi ấy. Gạt bỏ khuôn khổ của nền luân lý Á Đông mà Mai cho rằng đã chặt chẽ ràng buộc người phụ nữ Việt Nam trong nhiều thế kỷ, Mai có một nhân sinh quan và một nếp sống phóng túng:

- Những quyền tự do trong xã hội Mỹ giúp mình phát huy bản ngã của mình và cá nhân mình được tôn trọng. Mai khẳng định.

Mai dễ dàng thích nghi với cuộc sống mới. Tin tưởng ở khả năng của mình, chị thích thú vẫy vùng trong những điều kiện sinh hoạt của xã hội Mỹ. Chị đã thành công trong một nghiệp vụ đòi hỏi người phụ nữ Việt Nam phải xông xáo tranh đấu, không e lệ rụt rè như hồi còn ở bên nhà.

Nga cho xe ngừng lại trên khoảng trống trước dãy phố dài, trong một khu buôn bán sầm uất của thành phố:

Tiệm ăn nằm xa vào phía trong, bên tay mặt.

Hai chị em cùng hướng về cái bảng hiệu Thanh Tâm đỏ chói đang nhấp nháy như niềm nở chào đón. Trên nền xi măng, tiếng giày dòn dã khơi dậy một niềm vui rạo rực trong lòng Nga: chỉ một lát nữa thôi, Nga sẽ gặp lại một số đông bạn cũ, cách biệt đã hai mươi năm, kể từ tháng Tư 1975 khó quên ấy. Có vài người từng có thư từ liên lạc với chị. Nhưng những dòng chữ ấy làm sao chuyên chở hết những điều muốn nói? Họ có rất nhiều chuyện cần được trực tiếp kể cho nhau nghe. Họ phải mặt nhìn mặt, ôm vai nhau mà tâm sự như những ngày xa xưa. Họ không chỉ nhớ lại, gợi lên cả một thời hoa niên, mà còn chia sẻ với nhau những kinh nghiệm của cuộc sống mới của họ từ hai thập niên qua, một cuộc sống khác hẳn cuộc sống ngày trước ở quê nhà. Nghĩ đến thời gian và những biến chuyển đã xảy ra, Nga bất giác đi chậm lại. Chị vừa nhận ra rằng mình không còn là một nữ sinh non dại mà là một người đàn bà đứng tuổi đã bị cuộc đời nhào nặn, vùi dập, đã đau khổ và mất đi khá nhiều ảo tưởng. Do đó, có thể Nga sẽ không còn giữ được vẻ hồn nhiên ngày trước, và khi tiếp xúc với những người bạn cũ cũng đã thay đổi như mình, liệu cảm thông có toàn vẹn và sâu sắc không? Hay họ sẽ dè dặt trong lời ăn tiếng nói, giữ kẽ với nhau, có khi còn giả dối đối với nhau?

Mai kéo tay Nga:

- Cứ tưởng rằng mình đến sớm. Người ta đã đứng ngồi lố nhố ở bên

trong kia kìa.

Ngừng lại trước cửa tiệm ăn, Nga đột nhiên có cảm tưởng mình là một người xa lạ. Đám đông đang rôm rả trò chuyện, có lẽ gồm toàn những người ở gần nhau, gặp nhau thường xuyên, còn Nga, Nga đến từ bên kia Đại Tây dương, sau hơn hai mươi năm xa cách.

Nhìn thấy Mai, một người vội bước ra:

- Ồ, Mai! Vào đây.

Mai vỗ nhẹ vào vai Thơ:

- Này, có nhớ ai đây không?

Cẩn thận nhìn Nga một lúc, Thơ hỏi lại:

- Có phải chị Nga đó không?

- Đúng rồi.

- Lâu lắm không gặp chị, kể từ ngày em rời trường Sư phạm. Chị nhớ em không? Em học sau chị hai lớp ở Đồng Khánh.

- Nhớ chứ. Làm sao quên được.

- Mà chị từ đâu đến?

- Từ Bỉ qua.

- Thật là quí hóa. Mời chị vào.

Thơ quay lại nói lớn với đám đông ở bên trong:

- Có chị Nga ở bên Bỉ mới qua này.

Nhiều người nhìn hai người mới đến. Một cô lên tiếng trước:

- Hoan hô Nga! Vô đây.

Một tiếng nói khác tiếp theo:

- Hoan hô người đẹp của xóm Gia Hội.

Không khí vui tươi và cởi mở làm cho Nga phấn khởi lên. Mọi dè dặt e ngại hầu như đã tiêu tan. Nga bước hẳn vào giữa phòng ăn mát dịu. Giữa những vòng tay bè bạn đầy nhiệt tình, lòng chị như ấm lại. Một vài người chạy lại ôm lấy chị, trong lúc một người khác chụp ngay một tấm ảnh. Nga không kịp trả lời các câu hỏi:

- Mi được mấy con?

- Đứa lớn nhất vào đại học chưa?

- Đứa nhỏ nhất mấy tuổi?

- Mi có đi làm không?

Một cô đem đến một ly nước cam:

- Ngồi xuống đây đã. Uống đi.

Nga vốn ít nói. Chị không khỏi lúng túng trước những câu hỏi dồn dập. Nhưng chị vui mừng khi được niềm nở đón tiếp và chị hoà mình vào không khí tươi trẻ, nghịch ngợm của buổi họp mặt. Một vài người nữa từ ngoài cửa bước vào. Các cô lại giãn ra, ùa ra đón những người bạn mới

đến. Nga chưa kịp đứng lên thì một bàn tay níu chị lại:

- Mình lại đằng kia ngồi

Nga gật đầu, cầm lấy cánh tay Dung bước đến cuối phòng ăn. Dung ôm lấy lưng Nga, giọng ân cần:

- Được thư Nga tuần trước, Dung mừng lắm. Báo liền cho Mai biết để thu xếp chỗ ở cho Nga và đi đón Nga. Mình ở xa Houston, đưa Nga về nhà mình thì không tiện cho việc đi lại của Nga. Vả lại, mình mới đi thăm đứa con trai và mới về nhà chiều nay.

Giọng Nga ôn tồn, lộ vẻ cảm động:

- Hai mươi năm rồi, chúng mình mới lại gặp nhau. Biết bao nhiêu nước đã chảy qua dưới cầu. Mừng cho Dung vẫn khoẻ mạnh và đẹp như ngày trước.

- Chỉ là bề ngoài thôi. Trong những bức thư gửi cho Nga, mình không nói hết được. Cuộc đời mình sao nhiều gian truân quá. Mình đã ly thân với anh Hân rồi. Chắc sẽ ly dị thôi.

Nga nhẹ buông một tiếng thở dài. Từ lâu, chị đã biết hai vợ chồng Dung lục đục với nhau vì Hân dan díu với một cô gái người Đài Loan làm việc dưới quyền anh tại bệnh viện L.W. Hồi Nga học chung với Dung ở trường Luật, mối tình giữa Dung với Hân là một trong những mối tình đẹp nhất trong giới sinh viên. Dung đứng đắn, học giỏi và rất duyên dáng với đôi mắt to diễm lệ chứa đựng một tâm hồn cao quý và giàu xúc cảm. Cao lớn, khỏe mạnh, Hân tốt nghiệp Y khoa và là một nhạc sĩ vĩ cầm có hạng.

Đặt tay lên vai Dung, Nga im lặng vỗ về, an ủi người bạn thân. Một lúc sau, chị mới lên tiếng:

- Các cháu ra sao?

- Hoan đang học Y khoa. Mai Trâm sắp tốt nghiệp kỹ sư hóa học. Chúng nó đi học xa, như Nga đã biết. Mình sống cô đơn một mình. Mình thương con nên đành chấp nhận hoàn cảnh bị tình phụ đã ba năm nay. Bây giờ thì hết chịu đựng được nữa rồi.

Dung và Nga ôm vai nhau, lặng lẽ. Nga thoáng thấy hai giọt nước mắt trào ra trên mí mắt Dung. Dung gục đầu xuống cánh tay Nga, thổn thức. Trong phòng ăn dài trang trí giản dị nhưng lịch sự, giữa đám đông người chuyển động không ngừng, Nga nghe tiếng chào hỏi nhau, tiếng cười đùa vang dội lại, náo nức như trong những ngày Tết thời thơ ấu. Mọi người như đã quên rằng nhiều năm tháng đã trôi qua. Họ như trẻ hẳn lại. Những ưu tư phiền muộn của cuộc đời như đã ngừng lại ở ngoài cửa phòng ăn. Chỉ riêng Dung vẫn cúi mặt để che giấu những giọt lệ không cầm giữ lại được. Giữa hai tiếng nấc, giọng Dung buồn da diết:

- Xin lỗi Nga. Trong đêm vui này, đáng ra Dung không nên phơi bày nỗi đau khổ của riêng mình.

- Không. Nga thông cảm với Dung lắm. Mình cũng bất hạnh, cũng đau khổ như Dung đã biết.

Dung siết chặt cánh tay Nga:

- Bây giờ chúng mình chỉ còn có nhau. Nhưng mỗi đứa lại ở một nơi, quá xa cách nhau.

- Chúng mình sẽ tìm cơ hội để gần gũi nhau, nương tựa vào nhau.

Nga chợt nhớ ra. Chị nói lên để làm dịu bớt sự căng thẳng trong tâm trí bạn:

- Nhóm Gia Hội của chúng mình hiện nay mỗi người ở một nơi nhưng vẫn tưởng nhớ đến nhau. À, mà Loan và Minh có về dự lễ kỷ niệm của trường không? Mình không thấy họ ở đâu.

Dung lắc đầu:

- Loan vừa mới mất. Mình chưa kịp báo tin buồn cho Nga.

Nga bàng hoàng không nói nên lời. Thế là hết, là tàn một cuộc đời. Nga xót xa nhớ lại hình dáng đầy đặn, mái tóc dài óng ả và đôi má bầu tròn trĩnh của Loan. Loan nghiêm trang, đôn hậu và rất chăm học. Vì nhà nghèo, Loan không thể tiếp tục học thêm sau khi tốt nghiệp trung học đệ nhất cấp, và vào làm việc tại Toà Hành Chánh tỉnh Thừa THiên. Loan lập gia đình và ở luôn tại Huế cho đến khi biến cố tháng Tư năm 1975 xảy ra. Chồng Loan, một sĩ quan tâm lý chiến bị đi cải tạo. Bị buộc phải thôi việc, Loan làm và bán bánh kẹo, buôn bán quần áo cũ, tần tảo nuôi bốn đứa con và tiếp tế cho chồng. Sinh được trả tự do năm 1983 và mãi đến năm 1989 mới cùng vợ con qua Mỹ. Từ sau năm 1975, khi Loan còn ở Việt Nam, và nhất là sau khi Loan định cư ở Hoa Kỳ, liên lạc giữa Loan và Nga khá đều đặn. Nga biết rằng cuộc sống của gia đình Loan ở bên Cali không mấy khá giả, và ở trên xứ người, Loan vẫn làm lụng vất vả như hồi ở trong nước. Chị quay sang hỏi Dung:

- Loan mất về bệnh gì?

- Vì đau tim, Loan đột ngột từ trần. Vừa rồi, Nga có nhắc đến Minh. Tội nghiệp cho Minh. Mới đây, nhân một lần đi khám bệnh, Minh biết mình bị bệnh ung thư.

Nga thở dài não nuột. Ôi! Minh, Minh vui tính, nghịch ngợm nữa, đánh bóng bàn rất hay, đóng kịch hài hước cũng xuất sắc.

Mọi người đã ngồi hết vào bàn. Trong lúc những món ăn được lần lượt dọn ra, họ uống nước trà, nước ngọt và tiếp tục những câu chuyện hình như không bao giờ chấm dứt. Họ nhắc lại những ngày đại học, những

kỳ thi, những bạn bè còn ở lại Việt Nam, những vị giáo sư, giám thị, những biến cố vui buồn, những trò đùa nghịch...Có những mẩu chuyện thật tầm thường mà khi họ cùng nhau nhớ lại, bỗng trở nên sinh động, hấp dẫn và mang một màu sắc khác, một ý nghĩa khác. Người kể cũng như người nghe muốn trân trọng gìn giữ những gì không còn nữa, những gì liên quan mật thiết đến một quãng đời chung của họ. Quá khứ xa vời đã trở về, gần gũi và thân mật.

Ngồi lắng nghe những cuộc đối thoại chung, nhìn những khuôn mặt rạng rỡ, Nga thầm so sánh: bữa cơm tối này không giống những buổi dạ tiệc long trọng được tổ chức nhân một lễ thành hôn. Cũng những chiếc bàn ăn tròn quay quần trong một phòng ăn lấp lánh ánh đèn, cũng có một sân khấu nhỏ xinh xắn. Cũng có những tà áo dài Việt Nam thêu hoa rực rỡ xen lẫn những bộ áo đầm trang nhã. Nhưng buổi họp mặt đơn giản này chứa chan tình bạn, không gò bó, kiểu cách và giả tạo như phần lớn những tiệc cưới mà Nga từng tham dự.

Bàn tay Dung bỗng chạm vào vai Nga:

- Nga đã gặp các thầy, cô chưa? Họ vừa mới đến. Có thấy cô Yến, cô Bảo và thầy Chương ngồi ở đằng kia không? Cô Yến và cô Bảo từ Cali qua; thầy Chương từ tiểu bang Washington về.

Nga đứng lên, đi về phía sân khấu, và đứng lại sau chiếc ghế của cô Yến:

- Chào cô.

Cô Yến quay đầu nhìn lại và đứng lên, ôm lấy Nga:

- Ồ Nga! Lâu lắm mới gặp lại.

- Em tưởng cô quên em rồi.

- Quên thế nào được. Nga là học trò cưng của cô mà. Đường sá xa xôi mà cố gắng qua họp, thật hay quá.

Cô Bảo và thầy Chương cùng quay lại:

- Chị Nga vẫn mạnh? Gặp lại nhau ai cũng mừng.

- Thưa cô, thưa thầy, xin cảm ơn cô và thầy, em vẫn khoẻ.

Cô Yến có già đi. Cô Bảo mập ra và thầy Chương vẫn tráng kiện. Họ vồn vã trao đổi tin tức với Nga. Sau hai mươi năm làm việc cho ngân hàng Bank of America, cô Yến đã nghỉ hưu. Cô Bảo vẫn tiếp tục điều khiển một tiệm giặt ủi. Thầy Chương còn cộng tác bán thời gian với một trường đại học. Con cái họ đã trưởng thành, hầu hết đều có công việc làm ăn khả quan. Nhân đề cập đến gia cảnh của một vài học sinh cũ, cô Yến kín đáo ám chỉ đến biến cố đau thương đã xảy ra cho Nga năm vừa qua. Cô dịu dàng an ủi Nga và cầu mong Nga sớm thoát khỏi tình trạng khó khăn hiện tại. Thầy Chương cũng khích lệ Nga:

- Thầy tin rằng Nga có đầy đủ nghị lực để khắc phục những trở ngại trên đường đời.

Cao quí thay tình sư đệ. Nga vẫn giữ nguyên trong lòng sự kính trọng và biết ơn sâu xa đối với những vị giáo sư đã dày công dạy dỗ mình. Chị nghĩ rằng có lẽ đó là một trong những tình cảm tốt đẹp mà chúng ta còn giữ được khi hòa mình vào xã hội mới nơi xứ người. Cùng một lúc, chị nhận thấy các thầy, cô đối với học sinh đã tỏ ra thân mật, cởi mở hơn ngày trước. Và chăng, Nga không còn là một cô gái bé bỏng, Nga đã chín muồi trong cuộc sống, cho nên Nga cảm thấy khoảng cách giữa mình và các thầy cô như được thâu hẹp lại.

Nga lại trở về ngồi bên cạnh Dung và Mai. Đang theo dõi những mẩu chuyện vui của các bạn, Dung bỗng nhìn về phía hai người đang len lỏi giữa những người phục dịch, những người quay phim và chụp ảnh để kiếm chỗ ngồi. Chợt thấy hai chiếc ghế còn trống ở bên trái, người đàn bà rẽ ngay vào. Người đàn ông bước theo, và cả hai người cùng ngồi xuống, đối diện với Nga và Dung. Mai đưa tay chào.

- Hai ông bà ở gần đây mà cũng đến trễ.

- Kẹt xe mà chị. Người đàn ông đáp.

- Mà anh Vinh có biết ai ngồi bên tay mặt tôi không?

Vinh nhìn Nga một lúc nhưng không nhớ ra.

- Từ Âu châu xa xôi qua đó.

Vinh quay nhìn vợ, dò hỏi. Người vợ hờ hững trả lời mà không nhìn thẳng vào Nga:

- Bà Nga đó.

- Thế mà Mai không giới thiệu ngay từ đầu. Xin lỗi chị Nga, có đến mấy chục năm không gặp chị nên tôi ngờ ngợ, không biết chắc nên không dám nói ra.

Không khí bàn ăn trở nên căng thẳng. Ngọc và Diễm không liếc thoáng cười nói nữa. Ai cũng đều hiểu rằng chữ "bà" của Cúc không có tính cách đùa cợt, mà để chỉ rõ một sự cách biệt giữa hai người. Ai cũng cảm thấy bối rối. Một vài người lặng lẽ nhìn Cúc, rồi nhìn Nga như để dò xét thái độ của hai người.

Hồi đó, trong giới sinh viên Dược và Văn khoa, hầu như ai cũng biết mối tình giữa Cúc và Phúc. Sau một thời gian có tin Phúc đính hôn với Nga, Cúc rêu rao rằng Nga đã cướp chồng chưa cưới của Cúc. Chỉ có một số bạn thân biết rằng Phúc đã đoạn tuyệt với Cúc trước khi gặp Nga ở trường Luật. Cúc vẫn yên trí rằng vì Nga mà Phúc dứt tình với mình và căm thù Nga, mặc dù trong bảy năm trung học hai người chơi với nhau

khá thân. Năm ngoái, khi được tin Phúc từ trần vì một tai nạn xe hơi, trên đường từ Bruxelles đi Paris, Cúc nhẫn tâm thốt ra những lời cay độc đối với Nga.

Nga nhớ rằng Dung đã cặn kẽ giải thích sự việc cho Cúc biết. Tin hay không tin là tùy ở Cúc. Sau một phút im lặng, Nga trả lời Vinh:

- Anh không nhận ra tôi cũng phải. Tôi đã thay đổi khá nhiều. Và cũng đã quên đi khá nhiều chuyện.

Làm như vừa nhớ ra, Mai cất tiếng nói để chấm dứt mấy phút căng thẳng:

- À, quên mừng anh Vinh và Cúc có cháu trai mới đậu Cao học Kinh doanh.

Câu nói của Mai như cất được gánh nặng cho bàn tiệc. Lại có tiếng nói lao nhao:

- Phải khao chứ!

- Mà phải cưới vợ cho con, phải có dâu hiền nữa.

- Có thích con gái của mình không?

Như không để ý đến sự ồn ào quanh mình, Nga nhìn lên sân khấu, rồi hỏi nhỏ Dung:

- Có phải Hồng Nhạn đang hát đó không?

- Còn ai nữa! Nó lăng xả vào công việc, làm đủ mọi thứ để giúp nhóm Phượng Vỹ tổ chức lễ kỷ niệm tám mươi năm thành lập trường Đồng Khánh này. Ngày trước, chúng mình cứ tưởng nó chậm chạp. Qua đây, nó thay đổi hẳn, trở nên lanh lợi và làm việc có qui củ lắm.

Giữa lời ca điệu nhạc, buổi hội ngộ tưởng như không bao giờ kết thúc. Thực khách ngưng trò chuyện để thưởng thức giọng hát ngọt ngào và điêu luyện đang đi sâu vào lòng người. Nga xúc động chú ý nghe cho rõ lời ca của Nhạn: Con sông Hương êm đềm và tươi mát, tà áo tím thướt tha trong công viên, ánh nắng chiều xao xuyến trên những lớp lá phượng mong manh, và mối tình thắm thiết của người nhạc sĩ đối với cố đô. Ngày nay, dù có đổi thay, Huế vẫn còn đó, kiều diễm và quyến rủ. Trong những đêm cuối năm băng giá ở châu Âu, với những lời lẽ chân tình ấm áp, Huế đã gọi Nga quay về. Đến bao giờ Nga mới gặp lại Huế, mái trường xưa và xóm Gia Hội? Căn nhà gạch cổ kính giấu mình trong một khu vườn rộng rợp bóng cây đã bị tịch thu. Ba mạ Nga đã khuất bóng. Phần lớn bà con xa gần đã phân tán đi định cư ở nhiều nơi trong nước và cả ở hải ngoại. Theo dòng đời, những nỗi cơ cực của đồng bào trên quê hương, những khó khăn vật chất và những trăn trở trong tâm thức của kẻ tha hương, những tấn bi kịch bên này và bên kia Đại Tây dương, nỗi hân hoan khi tái ngộ thầy cô và bạn bè, thái độ ham sống yêu đời của Mai, mối tình dang dở

Mưa rừng miền Đông

LÂM CHƯƠNG

tặng Tường Vũ Anh Thy

tám tháng nằm trong rừng miền Đông
bọn mình sắp mọc lông thành khỉ
tái bản hoài canh cá khô lá búa
mặt thanh niên xuống sắc da chì

đêm ngủ võng mơ toàn con gái
mở mắt ra chỉ thấy bọn mình
bọn chuyên môn chửi thề tán phét
chẳng ai thương nên quá khát tình

lặn lội mãi rừng sâu hắc ám
dời trại tơ quẩn trí muốn khùng
dù bạt mạng nhưng cũng cần lá lướt
mà chung quanh chỉ có cây rừng

khi được lệnh lệnh thường gấp rút
lệnh đổi vùng gấp như chạy giặc
rừng miền Đông ơi rừng miền Đông
bọn tiền sát giã từ mi nhé

→

của Dung, những lời thăm hỏi ân cần của cô Yến, thái độ lạnh nhạt và ánh mắt hằn học của Cúc, và cả những nỗi đau khổ riêng của Nga,...tất cả rồi sẽ trôi qua. Nhưng Nga vẫn sâu sắc ý thức và ghi nhận một cái gì còn bền bĩ đọng lại trong lòng mình, mãi mãi không tan biến, như hương hoa ngọc lan vương vấn thơm ngát trong đêm khuya, giữa những tàn cây cổ thụ mát rượi của góc vườn Gia Hội. Nó cũng là dư âm không dứt của một bản hòa tấu bất diệt, gợi lên hương vị vừa chua chát vừa ngọt ngào của cuộc sống.

Xoay người lại, Nga đưa mắt nhìn quanh phòng họp ấm cúng, và linh cảm rằng những giây phút phù du vô giá đang lướt thướt trôi qua đêm nay sẽ trở thành vĩnh cửu.❐

ngày quân đi mưa dầm rả rích
mưa theo về Cầu Khởi Vên Vên
mưa mấy bữa đồn điền thúi dất
mưa trên những hàng cao su thẳng tắp
lá dầm đìa sũng ướt mù mưa

dừng chân lại nơi đây nghỉ tạm
đốt lửa lên hong đỡ áo quần
lót nón sắt ngồi ăn cơm sấy
kể không nhàm chuyện tục tiếu lâm

bỗng cả bọn ngồi im nín thở
phía bên kia xanh khuất hàng cây
thoảng cái giọng ca dao sầu chi lạ
mưa rừng ướt lá cao su
ướt em em chịu, ướt mùa thu em buồn...

bao nhiêu năm qua rồi
rừng miền Đông còn trong trí nhớ
mà bọn mình tứ tán chia xa
những mùa thu những mùa thu mưa
gợi nhớ một mùa thu xưa
em công nhân cạo mủ đồn điền
có còn buồn mưa ướt mùa thu?

Bên bờ suối

(trích từ truyện vừa Đá Mục, Đồng Tháp xuất bản)

Thảo Trường

Lời Tòa soạn: *Nhà văn Thảo Trường vừa cho xuất bản truyện vừa "Đá Mục", tác phẩm thứ nhì (in ở hải ngoại) của ông sau tập truyện ngắn "Tiếng Thì Thầm Bên Bụi Tre Gai". Theo nhận định của Văn Học, "Đá Mục" là một tác phẩm xuất sắc về giá trị hiện thực, kỹ thuật văn chương và chiều sâu triết lý. Văn Học được nhà văn Thảo Trường cho phép trích đăng một phần của tác phẩm để giới thiệu "Đá Mục" với bạn đọc.*

...Có lần ông nhắc đến quãng thời gian ông làm đồn trưởng "đồn ba biên giới" rồi ông cứ xuýt xoa kể lại cái thời trai trẻ ấy. Sĩ quan mới ra trường, dẫn một trung đội mấy chục người lính, trấn đóng một đồn binh nhỏ trên một ngọn đồi cạnh một dòng suối giữa một vùng rừng núi bao la. Nhiệm vụ chỉ là cắm một ngọn cờ ở đó làm mốc cho cái lằn ranh gọi là biên giới của ba quốc gia. Khi ấy là thời bình, chẳng có ma nào là địch để mà đánh giặc, hóa cho nên ông và lính tráng rất là rảnh rang, tối ngày chỉ lo ăn với ngủ, bắn chim bẫy thú trong rừng hoặc là giăng câu đặt lờ dưới suối, mưu sinh.

Đúng ra là ông bị đi đầy, mới ra trường còn ngơ ngơ ngáo ngáo, sĩ quan độc thân lãnh nhiệm vụ tiên phong cao cả trấn đóng tiền đồn biên giới, cách hậu cứ đơn vị cả trăm cây số đường rừng, mấy tháng mới có một chuyến liên lạc hoặc thả dù tiếp tế quân nhu. Thế nhưng rồi cái số của ông nó "binh hình tướng ấn", chỉ mấy tuần đóng đồn đã có những tộc trưởng sắc tộc trong các "buôn" gần đó nghe danh quan một mà tìm đến chào xin thần phục. Ông cũng chẳng biết rõ những "buôn" người này thuộc lãnh thổ nước nào trong ba nước lân bang. Ngôn ngữ ngoại giao dùng tay ra dấu là chính, mãi sau mới có một người tộc trưởng bập bẹ

những câu tiếng Pháp thì hai bên mới lập được quan hệ bình thường. Ông đồn trưởng trở thành ông vua trong vùng, thường xuyên được các tộc trưởng tiến cống những phẩm vật núi rừng như chim chóc, muông thú, củ quả, kỳ hoa dị thảo...Mỗi tháng vào mùa trăng, họ còn đem voi đến đưa quan đi săn thú vào tận thâm sơn cùng cốc liền mấy ngày mới về...

Trung đội phó cũng là đồn phó, là một trung sĩ nhất nhiều tuổi, từng trải qua bao nhiêu chiến trận và bao nhiêu gian truân. Đồn phó quán xuyến hết đơn vị, quản lý từ quân số, súng ống đạn dược, cho đến thực phẩm quân trang và mọi sinh hoạt hàng ngày như canh gác, huấn luyện, giải trí...ông ta lo hết.

...Người trẻ nhất đồn là anh lính truyền tin sử dụng máy vô tuyến AN/GRC9 có cái máy quay tay phát điện GN.58 thường được lính tráng cõng trên lưng và chửi nó là cái "đầu bò". Đài truyền tin liên lạc với quân khu qua ăng-ten cột bằng phương pháp đánh morse đã quen ngụy trang bằng mật mã, hằng ngày báo cáo "tình hình vô sự" và nhận lệnh. Ông trung sĩ, ông lính già hầu cận và anh lính truyền tin ở chung một căn nhà sát bên căn nhà nhỏ của chuẩn úy làm thành bộ chỉ huy đơn vị...Thỉnh thoảng ông lính già hầu cận lại kể cho ông sĩ quan biết là "thằng truyền tin" nó hay thủ dâm. Ông sĩ quan nghe chuyện đỏ mặt. Ông lính già bảo ông sĩ quan:

- Thiếu úy còn trẻ nhưng dừng làm thế. Bệnh.

Có lần ông sĩ quan rù rì hỏi chuyện anh lính trẻ truyền tin thì anh ta nói:

- Thủ dâm là tốt chứ. Y khoa chỉ ra như thế. Cơ thể con người trời sinh phải điều hòa. Ở đây không có cái để cho đực điều hòa thì phải tự tạo...chuẩn úy thấy có gì là hại đâu. Nó ứ thì phải làm cho nó thoát ra.

Một thời gian sau, khi có những tiếp xúc với người địa phương, anh lính trẻ truyền tin tìm ra đàn bà. Người con gái Thượng gùi đồ trên lưng đi theo ông tộc trưởng lên đồn, trong lúc đồn trưởng mải lo tiếp khách anh ta chiếm ngay được cô gái Thượng bằng lễ vật là một cục pin. Anh chỉ cho cô gái châm hai đầu dây điện vào hai cực, cái bóng đèn bằng hạt đậu phọng sáng loé lên. Cô gái thích lắm. Anh gói cục pin và cái bóng điện bằng một mảnh vải kaki nhét vào cạp váy cô gái. Tay anh nằm lì trong váy cô gái luôn, mãi cho đến khi ông trung sĩ đồn phó đi tới. Khi cô gái Thượng theo ông tộc trưởng ra về thì hai người đã thân nhau lắm, anh lính trẻ còn dúi cho cô gái một cục đường phèn. Chẳng hiểu anh ra dấu hẹn hò thế nào mà từ đó cứ vài ngày cô gái Thượng và anh lính trẻ lại gặp nhau ở bìa rừng.

Anh lính truyền tin còn rủ luôn ông sĩ quan đi chơi gái với anh ta,

nhưng sĩ quan thường nhát hơn lính vì sĩ quan còn có cái để sợ mất, lính trơn thì không có gì lo mất. Hai người nói với nhau:

- Cậu...làm gì nó chưa?

- Quen là để...làm chứ chẳng lẽ để ngó.

- Được không?

- Tạm. ở đây không có phải xài đỡ. Khét lắm. Chuẩn úy muốn thử không?

Ông sĩ quan lắc đầu:

- Hôm nó lên đây cởi trần, phơi vú ra trông cũng được lắm.

- Nhưng da thịt nó dầy quá. Có lẽ ở trần giãi dầu mưa nắng gió sương từ nhỏ nên sờ vào nó không xúc động mà mình cũng không thấy cảm giác. Da tay sần sùi, gót chân nứt nẻ, chẳng có gì hấp dẫn.

- Thế phải làm sao?

- Thì cũng như cái ăng-ten truyền tin nó thâu tín hiệu khi mà nó được giữ sạch sẽ, nếu bị bùn đất bao phủ, hay mình sơn lên một lớp nhựa đường, hay là nếu ăng-ten bằng...cành tre thì làm sao thâu phát được.

Anh giảng giải thêm cho cấp trên:

- Người rừng không có thói quen hôn hít, sờ mó, nựng nịu. Người ta đi thẳng vào mục tiêu khi cần, và rất nhanh chóng. Chỉ nhấp nháy trong đêm tối là xong ngay. Không cần ánh sáng. Không cần kiểu cọ. Không cần rườm rà. Mỗi lần em gặp nó là để "làm vài ba cái cho khoẻ, đỡ "lao động chân tay". Dù sao thì da non trong kẽ cũng dễ chịu và thú vị hơn da tay dầy cứng...Chuẩn úy có công nhận như thế không?

Ông sĩ qan trầm ngâm không nói, ông thấy rằng quả thật người ta văn minh, giàu có, vẫn...sung sướng hơn là dốt nát nghèo khổ.

- Nhưng mình phải làm cho nó thích mình. Sau vài lần, bây giờ nó mê em lắm, nó đòi gặp hàng ngày, lại còn muốn xuất ngoại đi theo về miền xuôi. Mỗi khi gặp nó bảo gì nó cũng làm muốn gì nó cũng chịu, hơn là mấy con nhỏ ở thành thị kiêu kỳ, ỡn ẹo, làm phách làm lối. Con nhỏ đen đủi xấu xí, thấy em trắng trẻo nó lại cứ muốn...liếm mặt em, ớn quá.

...Gian díu với người con gái bên bờ suối một thời gian, anh lính tâm sự với xếp:

- Chơi riết rồi cũng chán ông thầy ạ, mà bỏ thì không được, thằng em phải bày trò đem nó xuống dòng nước mà tắm rửa kỳ cọ cho nó, lật qua lật lại, tuốt nó như tuốt lươn, mỗi tuần tốn một cục xà bông, dần dần nó cũng thơm . Thế cơ chứ. Ông thầy muốn thử không?

Anh ta khoe rằng hai đứa tìm ra một đoạn suối phình to như một cái hồ nhỏ hai bên bờ toàn đá hoa cương, dưới đáy lại là những viên cuội trắng phau, xung quanh hoa rừng nở rộ, đẹp vô cùng. Hai đứa gặp nhau ở

chỗ cái hồ đó, làm tình, tắm táp, đùa rỡn, thích lắm...

Một hôm, người lính trẻ đem về cho cấp chỉ huy một hòn đá rất lạ. Hòn đá to bằng nắm tay. Màu mận chín. Nhìn kỹ nó có vóc dáng một hình nhân, có khi lại thấy nó hao hao một loài thú.Cũng có lúc thấy nó như một thiên thần rồi lại chợt tưởng là quỉ sứ. Có lúc thấy nó hiền lành nhưng cũng có lúc thấy nó toát ra vẻ hung dữ. Lúc thấy đẹp, lúc thấy xấu. Lúc thấy dễ thương, lúc thấy rất đáng ghét. Lúc thấy có hồn, lúc thấy vô tri. Lúc thấy nó sống động nhưng có lúc thấy nó là tĩnh vật.

Có lúc thấy nó hiện hữu nhưng có lúc chẳng nhìn thấy nó đâu. Theo người tìm ra cục đá thì mảnh vỡ có thể từ cung trăng hay một hành tinh nào đó trên vũ trụ xẹt xuống. Sao băng nằm ở đáy hồ. Anh mò được trong một cơn nô đùa. Làm tình. Với người con gái Thượng. Anh nghĩ ngay tới "xếp", liền đem về tặng xếp làm vật kỷ niệm trang trí trên bàn giấy. Ông chuẩn úy cảm động, nhưng nói:

- Tôi là sĩ quan hạng "tép riu" chỉ biết đi đánh giặc, làm "chó" gì có bàn giấy mà trưng bày.

Người lính trẻ nói:

- Rồi cũng có ngày "thầy" lên...tướng chứ. Ông giữ cục đá này, khi ấy nhìn kỷ vật sẽ nhớ đến thằng em mà cất nhắc lên. Nhớ là đá cung trăng đấy nhá.

Ông sĩ quan giữ viên đá anh lính cho mãi đến ngày tàn cuộc chiến. Đổi đi đơn vị nào ông cũng mang theo, tuy không lên tướng nhưng sau này về làm tham mưu, có văn phòng, ông cũng luôn luôn trưng cục đá mầu mận chín đó trên bàn giấy. Có lần một bạn đồng ngũ hỏi:

- Cục đá có đẹp đẽ gì đâu mà sao cứ "na" theo hoài vậy ?

Ông trả lời rất nghiêm chỉnh:

- Vẫn thạch của vũ trụ rớt xuống. Qúi lắm đấy.

Rồi ông còn bình thêm:

- Cũng may chỉ là cục đá nhỏ, nếu là khối vẫn thạch lớn mà văng xuống, trái đất sẽ nổ tung. Tận thế là cái chắc.

Khi Mỹ phóng vệ tinh lên chiếm đóng mặt trăng, cắm cờ Mỹ và cờ các nước đồng minh trong đó có cờ Việt Nam trên đó, rồi lấy về một ít đá, lại còn chí tình trao tặng đồng minh Việt Nam một cục đá cuội, cũng là để trang trí kỷ niệm. Nay cờ trên cung trăng vẫn còn đó, nhưng lá cờ ở tiền đồn biên giới quốc gia ngày nào thì không còn nữa.Cục đá cuội do đại sứ trao tay cho ông tổng thống giữ chẳng rõ bây giờ ở đâu, hòn đá trưng bày ở thư viện Abram Lincoln đường Lê quí Đôn, Saigon, thì đã để lại cho Việt cộng bỏ túi. Riêng mảnh vỡ mầu mận chín, ông sĩ quan bại trận đã

không còn giữ được. Cũng chẳng rõ "vì sao xẹt" nay đang lưu lạc ở phương nào ?

Thời gian làm tù binh phá rừng ở vùng Việt Bắc tình cờ ông moi được một mẩu lõi cây chìm trong đất đồi, mẩu gỗ có hình dáng một cái hang đá, lại có mùi thơm, cạo một tý mùn ném vào bếp than khói bốc lên thơm lừng cả một gian nhà. Hỏi ra nó là trầm hương. Ông sĩ quan nhớ tới cục đá mầu mận chín đã thất lạc, bèn đem mẩu lõi cây về cất trong túi tư trang, di chuyển đi đâu cũng lại na theo. Sau gặp linh mục tù binh Vũ cát Đại, cha có quan niệm "hãy cứ nghĩ tốt cho kẻ khác, cố gắng biện hộ cho mọi người, đến khi nào đuối lý thì mới đành chịu". Ông sĩ quan rất quí trọng linh mục tù binh này bèn đem mẩu lõi cây trầm có hình hang đá đưa cha:

- Thế nào cũng có ngày cha về Nam đoàn tụ với Bà Cố, cha biếu Cố món quà rừng thiêng nước độc này, xin Cố cầu nguyện "cho những tù binh được chóng về quê" theo tinh thần của Kinh Năm Thánh 1950.

Linh mục Vũ Cát Đại nhận lời, chẳng rõ cha có đem được món quà về tới tay Bà Cố không ?

Anh lính thêm nhiều lần rủ "xếp" xuống núi, nhưng ông đốn trưởng mải lần lữa cho đến khi phải đổi về hậu cứ, để thỉnh thoảng nhớ lại mà tiếc nuối cái thời ngự trị trên vùng biên giới.

Thời cưỡi voi đã để lại nhiều ấn tượng trong tâm trí ông lão. Mỗi con voi có một quản tượng ngồi trên đầu cầm búa điều khiển. Voi ông đi đâu, ông chiếu ống nhòm, ông đưa súng nhắm. Đoàn voi đi săn bắn rầm rộ, chắc Tổng thống và ông cố vấn đi săn ở Buôn mê thuột cũng ồn ào lắm liệt đến thế là cùng. Sau này vào dịp dẫn đơn vị diễn hành ngày Quốc khánh qua khán đài nhìn lên, thấy tổng thống ngồi trên ngai nhìn xuống, ông cũng lại nhớ đến cái cảm giác thích thú cưỡi voi đi săn. Rồi sau này lâu hơn nữa, khi chiến tranh chấm dứt, nằm trong trại tập trung tù binh, có lúc ông cũng lại chợt nhớ đến thời cưỡi voi năm nào.

Chủ căn nhà là bạn lái máy bay với con trai ông trong hội AOPA, anh ta làm ruộng trồng cỏ trong vùng sa mạc miết cũng chán, mùa hè lại muốn đi tắm nước mặn và nhìn ngắm biển mênh mông. Con trai ông bèn làm một cuộc hoán chuyển, đón bạn ra ở thành phố biển và đưa bố mẹ với con gái anh ta lên nghỉ hè ở sa mạc. Khi nghe con mô tả căn nhà trên sa mạc có sông nước có jetski bà mẹ thích lắm, rồi lại nói ba biên giới ông bố cũng thích lắm, thế là cuộc "nghỉ mát" ở sa mạc được thực hiện ngay. Ở trong căn nhà này ông lão sẽ có dịp tìm về quá khứ với những biên giới và

lăn ranh. Nhiệt độ ngoài trời có lúc lên cao đến hơn trăm, trong nhà thì điều hòa mát mẻ ở độ 65. Thỉnh thoảng có việc phải mở cửa ra ngoài, ông lão thấy như bị một làn lửa nóng quạt vào mình, ông vội vàng thụt vào trong nhà đóng cửa lại và nhìn ra. Thế mà hai bà cháu thì lại thích đùa với trời nóng. Ngay cả trên sông nước hơi nóng cũng như hơi của nồi nước xông. Bà lão có lần nói với ông:

- Đi du lịch nghỉ mát mà Bố chỉ đứng trong nhà nhìn ra quang cảnh bên ngoài thì làm sao hưởng được thú vị của thiên nhiên ?

Ông lắc đầu:

- Ngoài đó nóng như lửa, trong này mát rợi, tội tình gì mà đem thân mình đi hấp. Mùa hè Bố đi nghỉ...mát mà.

- Bố phải ở ngoài trời nóng cho cơ thể nó bốc hơi, đến khi vào trong nhà mình mới cảm thấy cái tuyệt vời của sự mát mẻ. Nếu cứ ở trong nhà miết mình sẽ thấy lúc nào cũng chỉ như thế

Ông lão cũng nhận thấy nó là như vậy, nhưng ông vẫn cứ ở lì trong nhà nhìn ra. Hình như ông chỉ muốn không có gì thay đổi. Ông không thích xáo trộn. Ông không muốn quá khích. Có lần các con ông dẫn lên đỉnh Big Bear để thưởng thức cảm giác giá băng, ông lão cũng suốt hai ngày ngồi trong nhà nhìn qua cửa kính xem con cháu đùa rỡn với nhau cùng tuyết trắng. Lần ấy bà lão ở nhà chê tuyết giá không đi theo. Bà không chịu được thời tiết quá lạnh. Chuyến nghỉ hè trên sông nóng nực này thì lại hợp với bà, có thêm đứa cháu gái cùng sở thích, hóa cho nên ông lão nhận thấy là thuận tiện suông sẻ, nếu không chẳng lẽ ông để bà chạy ski một mình, còn nếu ông phải tham dự với bà thì không rõ rồi ông sẽ ra sao trên sông nước nóng bức lạ lùng. Ông đứng trong phòng kính nhìn xem bà cháu họ chán rồi mày mò tìm cách chế biến món ăn để khi về họ sẽ ngấu nghiến giải quyết bụng đói. Quả đúng như vậy, bà cháu đều đói bụng, ăn uống ngấu nghiến, tắm táp xong cả hai đều lăn ra ngủ say như thiếp. Ông lão lại chỉ còn một mình trong căn nhà mát, ông đi từ phòng này sang phòng kia, vào ngó bà ngó cháu ngủ chán rồi lại ra phòng kính nhìn dòng sông cây cầu. Tiểu bang bên kia sông dựa vào sa mạc của lục địa. Bên này sông thuộc tiểu bang có giải đất chạy dài theo bờ Thái bình dương. Qua bên trái căn nhà phía bên kia con đường và cây cầu là tiểu bang có một luật pháp khác hẳn với hai lân bang. Ở bên đó được bảo vệ tự do đánh bạc và thủ tục cưới hỏi cũng như ly dị được đơn giản đến mức dễ dàng nhất nước Mỹ. Và cũng là nơi để thử vũ khí đạn dược kể cả bom nguyên tử. Ngay cái mỏm đất đầu cầu và sát bên kia con đường đã có ngay một trung tâm du lịch lớn, có khách sạn, sòng bài, với nhiều tiện nghi tối tân, sang trọng, "đơm đó" chờ sẵn ở đấy. Cư dân lân bang chỉ

việc qua cầu, bước sang bên kia con đường, là có thể làm được những việc mà ở bên này không cho phép. Vào sâu trong nội địa của tiểu bang đó còn dài dài rất nhiều những cơ ngơi như thế, "giăng câu đặt lờ", sẵn sàng đón tiếp du khách qua thăm, nêu muốn ở lại luôn cũng không ai cản. Đi ra đi vào chán mà bà cháu họ vẫn ngủ say, ông lão thức một mình buồn phiền quá. Nếu như hồi chiều bà cháu họ chơi rỡn trên sông ông không cảm thấy trơ trọi vì rằng họ vẫn biết ông đang ở nhà, cả hai bên đều biết rằng cả hai bên đang có mặt ở đâu đó. Nhưng lúc này, một bên đã ngủ say, nghĩa là có một bên không biết có bên kia đang có mặt ở đâu đó, không biết gì cả, không hề biết một tí gì cả về sự có mặt của ông. Ông lão thấy mình trơ trọi trong cái thế giới liên bang, cái thế giới đa cực, cái thế giới đa nguyên, cái thế giới đa sự, đầy rẫy những mâu thuẫn và dị biệt. Bên này, bên kia, ông chợt nhớ tới Nguyễn mạnh Côn: "Bên này sông là giai cấp không buông tha. Bên kia sông là thực dân phong kiến. Về đâu tiểu tư sản ?"

Có lẽ phải vượt biên, nghĩ thế rồi ông mở cửa đi xuống mé sông. Trời tối rồi mà vẫn còn nóng, cái sức nóng của gió cát. Ông lão đi theo lối đi bằng cầu gỗ xuống bến sông. Hai chiếc jetski va một con tầu nhỏ neo ở bến lặng thinh. Ông lão đứng tì tay lên thành cầu tầu nhìn lên cây cầu xa lộ bắc ngang sông. Đèn sáng rực. Cây cầu sừng sững thẳng tắp. Những trụ cầu rất lớn nằm dưới nước đỡ cây cầu vắt ngang. Bên trên là những dòng xe cộ qua lại chiếu đèn thành những vệt sáng rực rỡ. Chợt ông lão giật mình. Những trụ cầu còn để trần chưa có lớp rào kẽm gai bao bọc ngăn chặn. Rồi ở trên những vì cầu suốt hai bên không thấy có một vọng gác nào với lính tráng bảo vệ. Thế này thì đặc công nó đánh sập mất thôi. Cầu cống cũng như tháp canh lô cốt cần phải mặc áo giáp. Phủ Tổng thống và phủ Phó tổng thống cũng còn phải bọc thép, những con "ngựa gai" ba cạnh cấu kiện đều nhau xếp thành bờ rào đẹp đẽ đeo trên lưng những tấm bảng thông cáo rõ ràng: "Khu quân sự, cấm vượt rào cản, bất tuân binh sĩ sẽ nổ súng!" Quả nhiên dân chúng không ai giám xâm phạm, sở dĩ còn lánh xa. Ngày 30 tháng Tư xe tăng của cộng sản nó vượt rào cản, nó quẹt đổ cánh cổng chính, thế mà chẳng có binh sĩ nổ súng, là vì tổng thống trung tướng ra lệnh bắn thì đã bỏ chạy để cho ông tổng thống đại tướng kế vị đứng đón chờ "kẻ bất tuân giám vượt rào cản" mà đầu hàng bàn giao. Ở Bộ tổng tham mưu, đại tướng tổng tham mưu trưởng cũng đã bỏ chạy, nhưng binh sĩ ở đó thì đã nổ súng M79 tiêu hủy chiếc xe tăng bất tuân giám vượt rào cản. Người lính quân cảnh đứng gác trước cửa văn phòng Tổng tham mưu trưởng thì đã dùng khẩu súng lục vẫn đeo bên hông để bảo vệ đại tướng, bắn vào đầu mình tự sát ! Ôi, thế thì ai quyền thế hơn ai?

Ai lớn hơn ai ? Ai to hơn ai ?

...Ông đồn trưởng gặp lại anh lính trẻ truyền tin ở trại tù binh sau hai mươi năm. Anh ta kể cho ông nghe những thay đổi trong đời, anh cũng được về học lớp chuyên môn binh chủng ít lâu sau, rồi đổi đi đơn vị khác, rồi sau xin theo học trường Đồng Đế, Nha Trang. Năm 1975 anh cũng đã là sĩ quan vì thế phải đi đầy ở tuốt Miền Bắc...mới có dịp gặp lại "xếp" cũ. Sự đời loanh quanh luẩn quẩn. Bằng đi từ ngày xa xưa đó, ông đồn trưởng đủ hai năm biên giới được rời tiền đồn về đơn vị ở đồng bằng, thầy trò tưởng sẽ không gặp nhau, nay lại hội ngộ trong hoàn cảnh sa cơ, thất thế, bẽ bàng, nhưng cũng rất mừng rỡ. Có điều xoay chiều là thay vì thẩm quyền nâng đỡ thằng em nay thằng em lại là kẻ có điều kiện giúp đỡ ông thầy. Anh ta nói:

- Nhìn ông thầy đi cuốc đất thấy tội nghiệp quá. Để thằng em lo cho.

Trong lúc sa cơ, gặp lính cũ mà thấy vẫn còn tình nghĩa thầy trò năm xưa, ông sĩ quan rất cảm động. Trong thời thế cào bằng một lứa, ông còn được nghe những lời an ủi, săn sóc của anh ta, đã giúp cho ông phần nào lấy lại được niềm tin ở cuộc đời. Anh ta là một kẻ tháo vát, nhanh nhẹn, siêng năng và rất sáng trí. Ngay tối đầu tiên ở chung với anh một phòng giam, anh ta đã đãi uống trà quạu, đặc quánh hổ phách, rồi ngâm cho nghe bài thơ tù có đoạn tả cảnh nơi bị đầy:

"..Ngày mới đến chỉ thấy rừng tiếp nối
Con sóc con cheo ngơ ngác nhìn người
Nắng hạ vàng mặt đất rịn mồ hôi
Lớp sỏi gan gà đau bàn chân nứt
Con suối không tên ngoằn ngoèo quanh quất
Nước dầm, lá mục, cành khô
Quốc lộ vươn xa không một bóng xe đò
Sương xuống chiều phai sắc núi
Dưới mạch đất như có hồn nước gọi..".

Hỏi thơ của ai, anh lắc đầu:

- Thơ tù, truyền khẩu. Chẳng rõ của ai.

Anh thông minh, việc gì cũng có thể học làm được. Anh chưa hề sao trà nhưng nay anh ta đã trở thành chuyên viên sao trà trong đội chăn nuôi. Cô cán bộ có bằng phó tiến sĩ nông nghiệp nhưng lại được giao trông coi đội nuôi heo và phụ trách thêm công việc quản lý ba cái chảo sao trà. Búp trà "hai tôm một tép" các đội hái trên đồi đem về đổ đống ở nhà lô, cô cán

bộ được phép tuyển chọn tù binh nào có chuyên môn, biết kỹ thuật sao trà. Hỏi ra, chẳng người nào biết cái nghề lạ lùng đó, có anh lại còn khai chỉ biết "đánh giặc", có anh lại khai chỉ biết "ăn", những chuyên môn đó bèn bị đem đi nốt. Anh ta giơ tay nói biết, thế mà anh ta làm được, sau vài chảo làm thử, "tay nghề" của anh đã lên cao và anh nghiễm nhiên trở thành chuyên viên. Sáng sáng cô cán bộ vào cổng trại giam ký sổ nhận lãnh một mình anh ra lò sao trà. Anh ta thuộc diện rộng, tự giác, làm thông tầm, hàng ngày có bồi dưỡng thêm hai củ sắn luộc. Chiều cô cán bộ dẫn anh ra hồ tắm táp, trước khi trao trả về trại.

Bao giờ cô cán bộ cũng dặn đi dặn lại anh là khi tắm phải giữ đúng văn minh văn hóa mới, không được tắm truồng. Vì anh không có quần đùi tắm nên cô cán bộ phải trèo lên cái lò gạch bỏ hoang bên bờ hồ, núp chờ ở đó. Thời gian qui định tắm giặt là mười lăm phút. Tù không được giữ đồng hồ, nộp cho trại quản lý hết ráo nên chỉ có thể đoán thời gian, cán bộ thì ít người có đủ ba món "đồng, đạp, đài" nếu chưa có dịp vô Nam. Cô cán bộ cũng chỉ đoán chừng thời gian và thời gian thì phải do cán bộ nhà nước ước tính để giữ thế chủ động, tù ước tính thì không tin được vì tù không có quyền công dân. Khi ước đoán đã đủ mười lăm phút cô cán bộ gọi vọng xuống hồ, hỏi:

- Xong chưa?

Nếu trả lời chưa, cán bộ sẽ chưa ra khỏi lò gạch, nhưng sẽ hối thúc "khẩn trương". Khi nào anh chuyên viên sao trà "báo cáo cán bộ xong", lúc ấy cán bộ mới được bước xuống. Cũng chỉ tại "văn minh văn hoá mới".

Anh có uy tín với cô cán bộ nên xin được cho cái bác tù già yếu bệnh tật chức nấu cám heo.Ông lão được gọi từ ruộng khoai về, sau khi xem giò xem cẳng, cô cán bộ bèn thuận cho bác già ở lại nhà lô, chuyên phụ trách nấu cám cho heo ăn và hàng ngày phải kín nước rửa chuồng, tắm cho đàn heo sạch sẽ theo đúng vệ sinh chuồng trại. Công việc cũng không phải là nhẹ nhàng nhưng được cái chỉ loanh quanh trong nhà lô, đỡ mưa đỡ nắng và đỡ mất sức vì cái cuốc nghị quyết 8. Anh bạn trẻ căn dặn xếp cũ:

-Ông thầy phải khôn một tí mới có hi vọng sống sót mà về Nam. Chậm chạp quá e không lọt. Phải biết nín thở qua sông.

Ông cựu đồn trưởng có lần nhắc tới cô gái Thượng, anh ta nghĩ mãi mới nhớ ra rồi toét miệng cười. Nhắc tới cục đá anh ta cũng không biết, phải kể lể mãi anh ta mới nhớ ra, cũng cười khì:

- Trời đất! Ông thầy lưu giữ nó thiệt à? Mặt trăng với vũ trụ khỉ gì, chẳng qua thấy nó ngộ ngộ thì tiện tay đem về cho thầy có cái mà tương tư. Nó cũng chỉ là một cục đá như những cục đá người ta ném nhau...

Công việc chăn heo của bác già không được lâu vì bác phạm sai lầm nghiêm trọng. Một hôm vợ trại trưởng dắt một con lợn cái đến đội chăn nuôi xin heo nọc nhảy đực. Chuồng lợn có một con heo nọc rất lớn, thuộc giống tốt. Cô phó tiến sĩ bảo ông lão mở cửa chuồng cho con cái của trại trưởng phu nhân vào. Hai người đàn bà cầm gậy đứng ngoài chuồng lùa con cái đến gần con nọc. Cũng chẳng cần phải đợi lâu, anh heo đực vốn đang sung sức lại thiếu cái lâu ngày, nó sấn sổ nhào tới gầm lên như cọp, hai chân trước chồm lên lưng lợn của trưởng trại phu nhân khiến con cái ngã dúi dụi muốn bỏ chạy, hai người đàn bà dùng gậy ấn đầu con cái xuống bắt nó khuất phục, bà trại trưởng còn dịu dàng vỗ về con heo của mình:

- Ngoan đi con. Chịu khó tí đi con.

Cô phó tiến sĩ thì thét người tù già:

- Anh vào hẳn trong chuồng phụ với con cái bắt nó phải quì xuống...chổng mông lên cho con đực nó dễ nhảy.

Nhớ đến lời căn dặn của thằng em, nó bảo phải chịu khó nhẫn nhục, nín thở qua sông, bác già vội vã trèo vào chuồng. Con heo nọcđang ngon trớn thấy có người thì nổi ghen, giận dữ kêu rống lên xông tới bác già, sợ quá người lại tháo chạy, phóng bay ra khỏi chuồng. Hú vía! Người đàn bà và cô phó tiến sĩ cười ngặt nghẽo.

- Anh thua con lợn à?

Bác già gật đầu:

- Thua! Tôi thua giống lợn

- Thế thì kiếm cây gậy, phụ với chúng tôi, ấn đầu con cái xuống cho con đực nó chơi.

Bác già đi kiếm cây gậy.Khi con nọc nhảy lên lưng con cái mà xục thì cả cô phó tiến sĩ lẫn bà trưởng trại đều nghiêng đầu xuống thấp để theo dõi xem nó đi có trúng không. Con cái nằm bẹp. Con nọc bỏ đi vòng quanh. Bà trại trưởng hỏi bác già:

- Anh thấy nó có vào trong không?

Cô phó tiến sĩ thì hỏi:

- Anh thấy trúng chưa?

Bác già trả lời cả hai: Được rồi.

Cán bộ lại nói:

- Anh cho nó uống miếng nước cho đỡ mệt.

Bà trại trưởng nói:

- Nghỉ một lát nhảy cái nữa

Cô cán bộ khoe:

- Lợn em chỉ cần nhẩy một lần là đậu.

Bà trại trưởng lại nói:

- Một công dẫn đến, cho tôi xin lần nữa cho chắc.

Cô cán bộ cười:

- Thế thì chết lợn em

Bà trại trưởng cũng cười:

- Khoẻ thế kia, nhảy chục lần, quần suốt ngày cũng không ăn nhằm gì.

Hai người đàn bà kéo nhau vào trong nhà lô giải lao. Con lợn cái cũng nằm bẹp một chỗ giải lao luôn. Con nọc vẫn đi vòng quanh chuồng. Bác già đứng lặng thinh nhìn nó. Hình như nó đi vòng vòng như thế để tiêu khiển một sự gì đó.

Độ nửa giờ sau, hai người đàn bà giải lao bằng mấy quả chuối luộc xong, trở lại chuồng heo, quẳng cho con nọc mấy cái vỏ chuối, nói với người tù già:

- Nào, ta làm thêm lần nữa.

Bác già mở cái cửa thông hai chuồng lùa con cái sang bên chuồng con nọc. Con cái đi chậm chạp, bác già dùng cây gậy đánh nhẹ vào mông đít nó. Trưởng trại phu nhân cự:

- Sao lại đánh nó. Từ từ rồi nó sang. Anh này ác quá! Thế ngày xưa, thời quốc gia, anh cũng thúc đẩy ác nghiệt...đàn bà như thế à?

Bác tù già cứ ngớ người ra. Bác lại nghĩ tới "thằng em", nó khuyên phải nhẫn nhục. Nhẫn nhục nhưng bác thấy nong nóng ở khoé mắt.

Cũng may lần này cả hai bên đều có kinh nghiệm, con cái ngoan ngoãn, con nọc từ tốn, cuộc tình diễn ra tốt đẹp. Thắng lớn! Thắng lợi sau lớn hơn thắng lợi trước. Càng đánh càng thắng. Tia nước phun vào trong hết, rất ít bị vãi ra ngoài. Bà trại trưởng thỏa mãn thấy rõ trên nét mặt. Cô phó tiến sĩ cũng vui:

- Kể như bảo đảm trăm phần trăm. Lứa này chị nhớ để rẻ cho em một cặp đấy nhá.

Bà trại trưởng lùa lợn của mình đi ra:

- Được rồi. Tôi nhớ cô.

Bà ta cũng nói với bác già:

- Chào anh nhá.

Bác già đóng cửa chuồng rồi đi xuống bếp nấu cám. Lát sau cô phó tiến sĩ xuống đưa cho bác già hai quả trứng gà, cô nói:

- Trứng bồi dưỡng. Anh coi "lô", không được đi đâu nhá, tôi đi có tí việc một lát về, "ban" có tới báo cáo là tôi đi liên hệ rau lang cho lợn ở đội nông nghiệp.

Bác già báo cáo "rõ". Và bác cảm động. Dù sao thì cán bộ cũng tốt bụng. Trứng gà là thức ăn cao cấp trong xã hội "xã hội chủ nghĩa", thế mà cán bộ bồi dưỡng cho bác những hai quả. Có thể là vì cô cán bộ đã thấy tận mắt bác suýt bị con heo nọc cắn nếu như không "bay" ra kịp. Nguy hiểm thế! Chết người như không chứ rỡn sao?

Nghe nói trong nấc thang cấp dưỡng của bếp cơ quan chỉ "ban" mới được hưởng mỗi tháng năm quả trứng, cán bộ cấp dưới không có tiêu chuẩn trứng trong mức ăn. Thèm muốn thì tự đi xoay xở cải thiện. Bác già chỉ muốn được yên thân, chả bao giờ giám nghĩ đến trứng gà trứng vịt. Cầu sao có củ khoai củ sắn cầm cự độ nhật qua ngày là được. Bây giờ tự nhiên được thưởng, âu cũng là cái lộc may từ loài lợn cái, heo nọc.

Bác già thả hai quả trứng vào trong cái ca, bác chế đầy nước sôi, căn giờ cho vừa chín tròng trắng, bốc vài hạt muối, bác ăn hai cái trứng bồi dưỡng theo đúng kiến thức sách vở mà bác đã học xưa kia, để đạt được độ bổ béo nhất mà không có hại gì cho lá gan vốn đang rất yếu. Thiếu thốn nhiều ngày, cơ thể chứa toàn khoai sắn, vị giác lâu chưa được thứ gì kích thích, đưa trứng gà vào miệng, sao mà nó thơm, sao mà nó béo, sao mà nó ngậy, sao mà nó ngon? Đến thế1 Cơ chứ! Hở trời?

Bác cầm cái chổi "sể" quét lá cây trên sân mà lòng phơi phới. Lá bạch đàn vẫn rơi theo gió. Nếu ở một nơi chốn nào đó những chiếc lá rơi này sẽ rất là đẹp. Nhưng ở đây, cô cán bộ lại muốn cái sân không có lá vàng, thì quét đi, cũng là vui theo cách khác mà thôi.

Công việc xong xuôi thì cán bộ về, cô đi thẳng xuống bếp:

- Anh cho lợn giống bồi dưỡng chưa?

- Báo cáo xong hết cả. Tôi phân phối cám nấu cho các chuồng như thường lệ.

- Thế còn hai quả trứng gà?

- Cảm ơn cán bộ bồi dưỡng cho, tôi đã ăn...

Cô phó tiến sĩ nhảy dựng lên, hai chân cô dậm bành bạch trên nền sân đất đã quét sạch lá:

- Tôi biết ngay mà. Ra đi một lát tôi chột dạ sinh nghi, trở về không kịp, thế anh đã...nuốt vào bụng rồi à?

- Dạ, tôi tưởng cán bộ cho tôi.

Cô phó tiến sĩ nói như hét:

- Đưa anh để anh cho vào chậu cám con lợn giống, tiêu chuẩn bồi dưỡng của nó sau mỗi lần nhảy đực. Anh ăn tranh của nó là anh bóc lột nó. Các anh bóc lột nhân dân quen rồi, bây giờ lại bóc lột cả lợn nữa.

Người tù già ngay đơ chết đứng, lắp bắp:

- Tôi tưởng cán bộ bồi dưỡng cho tôi.

Cô cán bộ lại the thé:

- Nó nhảy, chứ anh có...làm gì đâu mà bồi dưỡng.

- Tôi...xin lỗi...

- Xin lỗi, tư sản các anh có cái trò xin lỗi, xin lỗi là xong à? Thế còn hai quả trứng? Vấn đề là hai quả trứng chứ không phải là xin lỗi.

Bác già lại thấy nong nóng ở khoé mắt. Biết đường đời rắc rối thế này thà cứ đi cuốc đất cho yên. Quả nhiên cô cán bộ phán trước khi bỏ đi:

- Từ ngày mai anh về đội đi cuốc đất. Nghe rõ chưa?

Bác già lủi thủi vào chuồng heo đứng nhìn những con vật vô tư ủn ỉn.

Tối đó, trong phòng giam anh em bạn tù được một phen bàn luận sôi nổi. Các đồng cảnh nói với người tù già:

- Muốn được bồi dưỡng trứng gà thì phải nhảy đực, tại bác không chịu nhảy cho nên mới ra nông nỗi.

- Muốn có bồi dưỡng trứng gà thì phải "làm gì'. Không "làm gì" thì không được ăn.

- "Làm gì" là làm gì?

- Thôi thì ta lại về chỗ dựa vững chắc là cái cuốc.

Anh bạn trẻ an ủi ông thầy:

- Thấy "ông thầy" đi cuốc cực quá, tính cứu mà không cứu nổi. Hôi chiều, khi dẫn đi tắm, nó trách thằng em đã giới thiệu sai người.

- Thế anh nói sao, anh có bị phiền phức gì không?

Anh ta lắc đầu:

- Ông thầy khỏi lo cho thằng em. Nó còn đang cần tôi. Nó hỏi tôi sao da tôi trắng và mềm mịn, có bôi thuốc gì không. Nó than phiền da nó đầy và không mịn, nhất là da mặt có nhiều mụn trứng cá.

Bác già chợt nhớ tới người tình hai mươi năm trước của anh ta ở vùng ba biên giới, hỏi:

- Rồi anh mách thuốc gì cho cô phó tiến sĩ?

- Có. Nhưng ông thầy cứ gọi là "nó" cho ngắn gọn. Phó tiến sĩ là cái mẹ gì.

Anh ta móc ra một quả trứng gà luộc đưa cho bác già:

- Ăn đi. Đây mới là bồi dưỡng. Nó mắng mỏ ông thầy nhưng lại giấu cho em hai quả đã luộc sẵn. Em biếu ông thầy một quả gọi là đền bù việc bị nó sỉ vả hôi chiều.

Bác già uống trà đặc, ăn trứng gà luộc của anh bạn trẻ bồi dưỡng, nghe anh kể chuyện:

- Em nói phét với nó là cả nhà em từ nhỏ đều bôi kem dưỡng da Lait Candès của Tây nên da dẻ ai cũng mịn màng trắng trẻo đẹp đẽ. Trông chỉ

muốn...hôn.

Nó nói:

- Bây giờ nước nhà độc lập đào đâu ra đô quốc cấm đó.

Em tiết lộ:

- Đâu cần kem dưỡng da ngoại hóa, nước mình có môn thuốc dân tộc rất tốt.

Nó hỏi:

- Đâu, thuốc gì?

Em chỉ cách:

- Hái trái dưa leo, ngoài này gọi là quả dưa chuột, xẻ ra, chà xoa lên da tay da mặt, sáng trưa chiều tối, làm như thế một thời gian da dẻ sẽ mỏng ra, sẽ mềm mại ra, sẽ trắng trẻo ra. Phải kiên nhẫn xoa hoài sẽ đẹp ra.

- Cô phó tiến sĩ có nghe không?

- Đã bảo thầy đừng xài tiếng đó ở nhà, trước mặt nó bất đắc dĩ mình phải bốc lên thôi. Có chứ. Giàn dưa leo của đội rau xanh bị hái trộm dần dần hết sạch. Nó cũng thú nhận với em là da nó mềm ra và mịn ra trông thấy. Thế cơ chứ. Hiệu quả rõ rệt . Em có uy tín lắm.

Bác già cười với anh ta:

- Hỏi thật nhé, đã "làm gì" chưa?

Anh bạn trẻ xua tay:

- Ấy, chuyện này không thể nói được. Ngày xưa chuyện bên bờ suối, thằng em kể hết cho ông thầy nghe vì đó là chuyện tình riêng có thể đem ra mà tâm sự giãi bày. Bây giờ là vấn đề của...lịch sử, phải hai mươi lăm năm sau mới có thể công bố. Ghê gớm!

Anh ta có vẻ khoái chí với câu nói, bác già cũng vui lây, hai người lại châm thuốc lào rồi chiêu nước trà đặc. Chợt anh ta hỏi bác già:

- Thầy có đọc Nam Cao chưa?

Ông lão gật đầu:

- Có. Chí Phèo.

Anh ta gật gù:

- Tuyệt vời. Một tác phẩm tuyệt vời. Ông qua đời sớm quá. Nước Pháp phải chịu trách nhiệm về cái chết của ông. Không thể chối cãi được. Ông mất đi là một tổn thất lớn. Đúng ra người nào chết cũng là mất mát cả. Nhưng nhà văn Nam Cao mất đi chỉ để lại tác phẩm bất hủ "Chí Phèo" khiến cho độc giả là thằng em này thấy tiếc nuối và thèm thèm như còn thiếu một cái gì đó. Còn muốn một cái gì thêm nữa. Cho nên trường hợp này thật đúng là một mất mát lớn.

Ông lão nhìn anh bạn trẻ, ông nghĩ tới cái lò gạch. Anh ta châm một

bi thuốc lào nữa, phà khói, rồi chậm rãi:

- Nhưng cũng có những trường hợp sống lâu lại là một không may cho xã hội. Tác phẩm sau dở hơn và tệ hơn trước khiến cho người ta ấy náy, *phải chi đừng*... Cái đó là có ạ.

Bác già nói:

- Thôi mình đừng nói chuyện văn chương lúc đói. Bây giờ ở đây mình chỉ nên nói chuyện hiện thực. Này, liệu có giữ kín mọi chuyện mãi được không?

Anh ta chép miệng:

- Lịch sử rồi cũng sang trang. Đừng lo quá mức. Nếu cứ đắn đo lo xa quá sẽ chẳng giám làm việc gì. Điều cần là phải khôn. Ông thầy có cái đáng yêu là khờ dại, ngày xưa trẻ khờ dại bây giờ già rồi cũng vẫn còn khờ dại. Cộng sản vốn rất ma mãnh muốn chống lại nó mình phải khôn. hiệt thà, khờ dại, thua là cái chắc. Thầy cũng phải khôn ra một tí thì mới sống được, một lần nữa "đệ tử" xin có lời chân thành...khuyên thầy như thế.

Rồi anh ta xoa xoa vai bác già:

-Thôi, khuya rồi, ngủ lấy sức, mai còn đi cuốc đất, thưa thầm quyền.❐

Tình hình xuất bản và phát hành sách tại Việt Nam

Theo tuần báo *Văn Nghệ* (Hà Nội) số 28 (ra ngày 11-7-1998), cả nước Việt Nam có khoảng 7960 điểm bán sách, trong đó tư nhân chiếm 6705 điểm. Phần lớn sách xuất bản trong nước hiện nay là do tư nhân bỏ vốn liên kết với các nhà xuất bản để in sách. Ngành phát hành sách chỉ tập trung chủ yếu ở các thị xã và thành phố. Toàn ngành có 723 hiệu sách, trong đó, 275 trung tâm cửa hàng sách nằm ở các thị xã và thành phố, 448 cửa hàng sách tại huyện. Nhưng các cửa hàng sách ở huyện hiện đang bị xuống cấp, không bán sách văn nghệ, chỉ bán sách giáo khoa và văn phòng phẩm. Bộ Văn hóa-Thông tin của Nhà nước đề ra chỉ tiêu cho ngành phát hành sách (do Nhà nước tổ chức và quản lý) phải giữ 70% vai trò phát hành. Đây chỉ là mơ ước kiểm soát ngành xuất bản và phát hành của Nhà nước, và khó thành hiện thực, khi như bản tin trên tuần báo Văn Nghệ cho biết, vốn in sách hiện nay tại Việt Nam là vốn tư nhân bỏ ra. Bản tin giải thích được hiện tượng số ấn bản sách in ở Việt Nam hiện nay hạ thấp xuống khoảng trên dưới 1000 bản, không hơn con số ở hải ngoại bao nhiêu!

Các bạn đang làm gì nhỉ ?*

Inna Malkhanova

(truyện viết bằng tiếng Nga, T.M. dịch sang Việt ngữ)

Sveta yêu mến!

Mẹ nó đừng lo gì cho tớ cả, ở nhà thương điên của bọn tớ mọi sự đều tốt cả: thức ăn thừa mứa đến tận cổ, chỉ thỉnh thoảng mới phải tiêm thuốc thôi, còn những thằng y tá thì cũng ít khi đánh bọn tớ. Hơn nữa, ở đây thật vui. Có những thằng bệnh buồn cười bỏ bố. Mới đây người ta đưa đến hai thằng cha, tên là Fedia và Ivan, chúng bị bắt ngay trong chuyến đi công tác. Chúng còn nhớ được tên và ngày sinh của chúng, thế mà điên điên thế nào ấy hai thằng cứ bảo chúng là Penziuki hay Menziuki gì đấy, tớ quên khuấy rồi. Vì thế chúng bám nhau không rời, cứ bù khú chuyện về Penza (2) hay Menza (3) nào đấy. Chẳng rõ đó là tên hành tinh, hay tên bộ lạc, hay tên loài thú - tớ chẳng hiểu mô tê gì cả. Nhưng, nếu đó là hành tinh tưởng tượng của chúng thì nó cũng na ná thành phố Tveri (2) của chúng ta. Cũng đường phố chính tên Lenin, nhà ở trung tâm thì cao hơn, còn khắp nơi rặt là nhà 5 tầng, buồng xí chung với buồng tắm chật chội, v.v... Chúng tả tỉ mỉ như là chúng đã thấy thật. Mà cả hai đứa đều tả như nhau, cho đến tên phố, số xe điện. Lạ thật! Người ta cho cả hai thằng dùng gấp đôi liều lượng sindepal mà chẳng ăn thua mẹ gì. Còn tớ thì công hiệu ngay.

Chúng bảo rằng chúng đã từng sống trên Penza gì đấy và thậm chí đã sinh ra ở đó. Chúng kể rành rọt, cả gia đình, cả con cái, cả công việc làm ăn, hệt như cảnh dưới đất chúng ta. Mà chúng cũng giống hệt như mọi người chúng ta. Chưa xếp xong buồng cho hai thằng cha này, người ta lại đưa đến thêm những thằng Permiuki nào đấy nữa. Triệu chứng điên cũng giông giống như vậy. Chúng cứ kể mãi về cái quái gì gọi là Permi (2).

Bọn này giống người chúng ta, mà thật ra là dân hành tinh khác hay là người tuyết. Còn tàu vũ trụ của chúng đến giờ vẫn chưa tìm thấy, chắc gì chúng có thể quay trở về được nữa, nếu thật chúng là dân hành tinh khác.

Mẹ nó đừng quên muối dưa cải đấy nhá, chẳng bao lâu tớ sẽ trở về - không có dưa cải thì tớ chịu sao nổi. Gửi lời thăm dì Shura nhá. Còn thằng Vitiok thì cứ bảo nó là tớ cho nó dùng chiếc xe máy. Bọn trẻ con nhà thì phải rất nghiêm với chúng. Tớ về tớ sẽ kiểm tra đấy. Còn mẹ nó thì chớ có léng phéng đấy nhá, liệu chừng đấy, có chuyện gì người ta sẽ kể lại hết cho tớ biết đấy.

Chồng của Sveta đây,

Paska.

Ngày 13/6/1997.

Lidia Sundukova đang đi trên đường phố bụi bặm của thị trấn Udovinsk (3) mà chẳng để ý gì đến chung quanh cả. Bỗng ở đám cỏ xanh bên lề đường có vật gì đó lấp lánh. Cô nhìn kỹ và rất đỗi ngạc nhiên: đó là một chiếc nhẫn cổ kính tuyệt đẹp có mặt ngọc bảo lục. Cô chưa hề gặp may mắn như thế. Cô nhặt chiếc nhẫn lên, thổi bụi đi và đeo vào ngón tay. Lần đầu tiên trong đời cô thấy sung sướng vô cùng. Cô cảm thấy dường như mọi người trên đường nhìn ngón tay của cô và thèm chiếc nhẫn đẹp. Bây giờ thì còn có cái gì đáng ước mơ hơn nữa ?

Nhưng dần dần chiếc nhẫn thay đổi thế nào ấy, lúc đầu thì rất vừa cỡ ngón tay, nhưng rồi cứ siết chặt dần vào ngón tay. Mỗi lúc lại thấy đau hơn, nhưng tháo nhẫn ra thì không được nữa rồi. Cô đi ra bên đường, dựa lưng vào một thân cây và thút thít khóc. Cô kinh ngạc nhìn vào bàn tay và sửng sốt thấy cả chiếc nhẫn lẫn ngón tay dần dần bé lại. Cuối cùng cả chiếc nhẫn lẫn ngón tay đều biến mất, trên bàn tay chỉ còn lại bốn ngón. Hết đau, cô lại buồn rầu tiếp tục bước trên đường, băn khoăn nhìn mãi bàn tay tật nguyền của mình.

Lariska Ermolaeva đi trên đường phố của Udovinsk, bỗng thấy vật gì đấy óng ánh trong cỏ. Cô vui mừng vô hạn: cô tìm thấy một chiếc nhẫn cổ xưa có mặt đá xanh lá cây. Cô đeo nhẫn vào ngón tay, rồi hãnh diện bước tiếp. Tối nay, tiệc mừng ngày sinh của con bạn Zinka, chắc mọi người sẽ phải thèm rỏ dãi đây khi thấy chiếc nhẫn của cô. Bây giờ thì còn có cái gì đáng ước mơ hơn nữa ? Bỗng cô cảm thấy ngón tay đeo nhẫn đau nhói. Cô nhìn bàn tay và sửng sốt: cả chiếc nhẫn, cả ngón tay không còn nữa. Lúc đó thì cô sực nhớ, cách đây không lâu, cô thấy một người đàn bà trong tàu điện với ngón tay cụt, còn sáng hôm nay thấy một thằng nhỏ cũng có một

ngón cụt trên bàn tay phải. Hình như cô đã hiểu được lý do vì sao. ỏThôi được, - cô độc địa nghĩ thầm - bây giờ ta tật nguyền rồi, nhưng cứ để cho mọi người cũng tật nguyền như ta khi họ tìm thấy chiếc nhẫn tai quái này. Ta sẽ chẳng hé mồm báo cho ai biết cả đâu. Nếu ta đau khổ thì cứ mặc kệ cho mọi người cũng đau khổ như taõ.

Antonina Baranova đi trên đường đến cửa hàng mua sữa ở thị trấn Udovinsk... Sergei Figurnov đi trên đường đến vũ trường discotek ở thị trấn Udovinsk... Petka đi mua bia ở đường phố thị trấn Udovinsk... Grigori đi trên đường thị trấn Udovinsk đến thăm cô nhân tình... Người qua lại trên đường thị trấn Udovinsk mỗi lúc một nhiều...

Mới đây, có một tờ báo y học đăng một bài rất kỳ lạ, xin lược ghi dưới đây:

"Phái đoàn các nhà phẫu thuật thần kinh Nhật Bản đi thăm Viện nghiên cứu khoa học UDO SIM TOS ở thị trấn Udovinsk đã để ý đến hiện tượng đặc biệt mà các nhà y học địa phương chưa quan tâm đến: hơn một nửa dân số thị trấn này tay chỉ có chín ngón, chứ không phải mười. Nhưng đó không phải là dị thường của loài đặc hữu hay của sự di truyền. Ngón tay của mọi người bị cắt cụt rất khéo và dấu vết còn mới. Nhưng ai cũng quả quyết là do họ bị thương khi còn nhỏ và không ai chịu kể chi tiết. Các nhà y học đang bế tắc không giải thích nỗi bí ẩn thiên nhiên này. Chắc chắn là hiện tượng này đáng được theo dõi và nghiên cứu kỹ hơn không những bởi các nhà y học, mà cả các nhà xã hội học, kinh tế học, ngôn ngữ học, triết học, thậm chí cả những nhà ngoại cảm nữa. Đáng tiếc là như mọi khi, Viện nghiên cứu UDO SIM TOS không có tiền để tiến hành việc nghiên cứu tổng hợp cần thiết".

Những người đi trên đường phố thị trấn Udovinsk đâu có biết được rằng đúng vào giờ vũ trụ này, ở Phòng thí nghiệm "Tự vệ của các Nền văn minh vũ trụ và Thực hiện những quan hệ nhân văn giữa các cá thể toàn Không gian vũ trụ" trên hành tinh Vasturn, có hai nhà khoa học trẻ tuổi đứng bên mô hình điện tử của hành tinh Trái đất, đang báo cáo trước Hội đồng Khoa học về kết quả nghiên cứu của mình. Luận án tiến sĩ của hai chàng gồm có phân tích khoa học, rút ra những kết luận và rất nhiều dữ kiện lấy ở hiện trường đã thu được trong suốt một năm trời nghiên cứu hành tinh xa xôi đó. Cuộc đối thoại giữa các nhà khoa học đại thể như sau:

- Thưa các ngài, công trình nghiên cứu của chúng tôi cho chúng ta thấy rằng trên hành tinh ấy không những có sự sống, mà hiện đã có những

sinh vật có lý trí như bò, chó, chuột, người, dế, cây bồ công anh, cây củ cải đỏ, v.v... Chúng tôi đã chuẩn bị báo cáo về tình trạng tinh thần của những con người trên Trái đất và cho rằng phải có những biện pháp cấp bách vì chúng đang là mối hiểm họa đối với mọi sinh vật trên Vũ trụ.

- Thế hai ông đã hiểu rõ sự phân chia cấp bậc của những sinh vật trên Trái đất hay chưa ? Hay là những cấp bậc đó không còn nữa, vì chúng đã chuyển lên giai đoạn tiến hóa cao hơn rồi ?

- Đáng tiếc là không những có hệ thống cấp bậc, mà nó còn tăng mạnh hơn nữa. Trên hành tinh Trái đất, sinh vật chiếm ưu thế là con người, còn các sinh vật khác thì bị phụ thuộc vào chúng một cách tệ hại nhất. Con người giết tất cả các sinh vật khác, hoặc để làm thức ăn và lấy bộ da lông (bò, củ cải, gà, lợn, v.v...), hoặc chỉ vì thích giết để thỏa mãn cái thú vui hung bạo mà thôi - đi săn, đi câu, hái nấm. Thậm chí một con nhện nhỏ trên bãi cỏ cũng bị trẻ con giẫm chết theo lời xúi giục của mẹ chúng, mà người mẹ thì không đủ trí thông minh để biết rằng con nhện đó cũng là cư dân trên Trái đất như ả ta vậy.

- Thế thì các ông cho con người trên Trái đất mấy điểm về chỉ số bình đẳng và công bằng ? Chắc điểm này chỉ chênh lệch giữa điểm 1 và điểm 0, phải không ?

- Thậm chí không được điểm 1 đâu, chỉ được điểm 0 thôi.

- Thế là rõ. Còn bây giờ chúng ta hãy xem qua các thông số về phát triển trí tuệ theo tám chỉ số chính: quan tâm đến sự tiến hóa hài hòa của hành tinh và sinh thái của nó, quan tâm về mặt hoàn thiện gien của các cư dân trên Trái đất, vạch ra triển vọng tối thuận về phát triển kinh tế, trí tuệ, v.v... tức là theo phương pháp luận nổi tiếng của Nitorello. Có thể phân tích theo từng thông số, rồi lấy tổng số các điểm.

- Các ngài đã thấy chưa ? Con người đã đưa Hành tinh của mình đến tình trạng thảm họa và tình trạng ấy ngày càng tồi tệ hơn: lỗ thủng ozon lan rộng rất nhanh, diện tích rừng giảm xuống không ngừng, hàng nghìn loại sinh vật đã bị tiêu diệt và đang tiếp tục bị tiêu diệt, hải dương, đất đai và bầu khí quyển Trái đất bị nhiễm độc nặng nề, các loại chiến tranh tương tàn cứ kéo dài từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, do lỗi của con người nên đã xuất hiện hiệu ứng nhà kính và khí hậu nóng lên, trữ lượng tài nguyên ngày càng cạn kiệt và các thế hệ mai sau tiếp tục bị cướp đoạt vì con người hiện nay chỉ hướng tới hưởng thụ xa xỉ phẩm và tiện nghi, đồng thời tạo ra những nhu cầu giả tạo chỉ cho con người mà thôi, trong khi đó chúng tỏ rõ thái độ dã man và không thèm đếm xỉa gì đến mọi loài khác cùng cư trú trên hành tinh.

- Khi đưa những chỉ số trên vào máy tính thì các ông có tính hay

không đến những hằng số về sự thoái bộ về mặt di truyền của loài người do tình trạng sinh thái trên Trái đất bị xấu đi một cách nguy kịch, do đa số những con người trên Trái đất đã mất trình độ cao về tâm linh, do trình độ lệ thuộc không thể cứu vãn được của con người vào thuốc men, vào kích thích tố, vào tiện nghi kiểu nhà kính trong đời sống ?

- Có chứ, chúng tôi có tính đến những điều đó tùy theo hệ số ratoid cho từng lục địa một. Nhưng, ở các lục địa nơi thì chỉ số 0, nơi cao thì chỉ số 1, chứ không thể cao hơn. Nói tóm lại là triển vọng cực kỳ bi đát. Phép nội suy về thời gian cho biết rằng trong vài chục năm tới, loài người sẽ phải chờ đón cái chết đau đớn nhất do chính bàn tay của chúng gây ra. Loài người tự mình là đao phủ đối với chính mình và đối với mọi loài đang sống trên Trái đất. Những gì đã xảy ra trên Trái đất đều do tội lỗi của bản thân con người, hiện nay thì không thể vãn hồi được nữa, mà khốn thay, chúng còn là mối đe dọa trực tiếp cả cho chúng ta, lẫn các hành tinh và các nền văn minh khác nữa, vì con người đang chinh phục vũ trụ với tốc độ điên cuồng, vì chúng tới gần các hành tinh khác và có thể đưa đến đó các loài siêu vi trùng có khả năng hủy diệt lớn, đó là lòng tham lam, ích kỷ và không có tâm linh. Trong cơn hấp hối, loài người có thể tiêu diệt nhiều nền văn minh khác trên vũ trụ. Chúng không giải quyết được một vấn đề nào trên Trái đất cả, trong khi số người bất hạnh từ thế kỷ này qua thế kỷ khác cứ tăng lên mãi, thế mà chúng vung phí hết sức rồ dại nguồn tài nguyên cuối cùng của chúng để chinh phục vũ trụ.

- Thế thì công trình nghiên cứu của các ông đưa ra những kết luận thực tiễn gì ?

- Chúng tôi đề nghị một phương pháp nhân đạo nhất giúp loài người: để cứu chúng khỏi những đớn đau không cần thiết, và cũng để cứu các nền văn minh khác khỏi mối hiểm họa đang lơ lửng treo trên đầu họ, sắp tới phải nhanh chóng và dứt khoát hủy diệt hành tinh Trái đất.

- Hình như hai ông chưa tính đến cuộc đấu tranh trong nội bộ loài. Nếu như bọn cầm quyền trên Trái đất đã đưa hành tinh này đến tai họa sắp tới mà khác hẳn với thần dân của chúng thì sao ? Có khi thần dân của chúng không đến nỗi ngu dốt lắm, không đến nỗi nguy hiểm lắm, và nếu vậy thì lối thoát là chỉ cần thay thế bọn cầm quyền trên Trái đất mà thôi. Lúc đó, có khi những người mới này còn kịp cứu vãn hành tinh của chúng khỏi sự tiêu vong, hàng tỷ người khỏi phải chết, còn đối với chúng ta thì phương án này sẽ tiết kiệm chi phí được rất nhiều.

- Tất nhiên, chúng tôi có tính đến khả năng đó, Khi nghiên cứu hiện trường chúng tôi đã áp dụng phương pháp luận tuyệt vời và rất khôn khéo gọi là ởchiếc nhẫn bảo lục ngọcõ của đồng nghiệp chúng tôi là ông Rin

Brin. Kết quả nghiên cứu hiện trường ở hai thành phố Penza và Permi cho biết rằng không có một người nào báo cho đồng bào của mình biết về tai họa sắp tới. Trái lại, khi một người nào đó bị cụt ngón tay thì nó lại vui mừng rằng những người sau đó cũng bị như thế. Chúng đều tỏ ra hết sức ích kỷ và vô tâm. Thế mà ai cũng biết ởrau nào sâu ấyõ, thần dân thế nào thì bọn cầm quyền cũng như vậy thôi. Cho nên kết luận của luận án là hoàn toàn đúng. Bây giờ chúng tôi đang tiến hành đợt thí nghiệm kiểm tra cuối cùng tại thị trấn Udovinsk. Sau khi kết thúc đợt này, chúng tôi sẽ đệ trình phương án hủy diệt Trái đất lên Ủy ban hành tinh Vasturn và sau khi phương án được thông qua thì sẽ bắt tay ngay vào việc hủy diệt Trái đất. Còn bây giờ chúng tôi đã thử nghiệm hủy diệt chỉ hai thành phố Penza và Permi mà thôi.

- Thế thì khi áp dụng việc hủy diệt Trái đất, các ông dùng phương pháp nào để để thí nghiệm này được tinh khiết và tránh được sự thất thoát thông tin và sự hoảng hốt của con người trên Trái đất.

- Chúng tôi áp dụng phương pháp đồng bộ và triệt để xóa sạch thông tin trong mọi hệ thống thông tin trên Trái đất, cả hệ thống điện tử, cả hệ thống thư viện, cả hệ thống não bộ, cả hệ thống bản đồ, cả hệ thống điện ảnh, cả hệ thống ngôn ngữ, v.v... Bây giờ trên Trái đất không đâu còn từ Penza và Permi nữa, cũng như không còn những từ đồng căn với hai từ trên. Những từ đó hoàn toàn xa lạ với bất cứ thứ ngôn ngữ nào trên Trái đất và không đâu con người hiểu được những từ ấy nữa. Cũng như trước, những con người trên Trái đất hoàn toàn không nghi ngờ gì cả, vẫn cứ làm những việc thường ngày của chúng.

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, lúc 13 giờ, những con người trên Trái đất đang làm những việc thường ngày của họ. Lariska ăn cá rán, Antonina Fiodorovna xem ti vi, Miska Serdiukov đi xe đạp, Svetka mắng con vì chúng nghịch ngợm, Ninka Eremeeva đào đất trong vườn, Stepan Chernomyrdin vào rừng săn gấu non như mọi khi (4), còn ở trạm thú y gần ga metro Dynamo, chó vô chủ và chó có chủ bị bắt đang hấp hối rất lâu trong lò khí độc (5).

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, Taisia Selezniova nấu chè lê, tại lò sát sinh như thường lệ người ta giết bò làm xúc xích, trong phòng thí nghiệm Anton Sudarev đang chế tạo thêm một máy bay ném bom nữa, còn nhà thơ Kim Tin Pin đói meo đang sáng tác thêm một bài tụng ca về Đảng và người cầm lái vĩ đại của mình. Cậu Jakemba trẻ và đẹp đang ngắc ngoải chết dưới bụi cây jakava vì giẫm phải mìn chống bộ binh, còn ở nhà nuôi người già, bà cụ Sidorova hôi hám nằm trên mảnh đệm thối hoắc đang

khóc sụt sùi vì nhớ đến các con của cụ: thằng con trai Igor là nhà kinh doanh đi đây đi đó luôn trong chiếc ô tô Volvo màu xanh của nó và đứa con gái Klavka lẳng lơ, từ lâu bà chẳng được gặp chúng và chắc là không bao giờ gặp lại nữa.

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, cô Zoya Andreeva sinh con gái, thằng Vovka học lớp 5 ởBõ vừa được bố mẹ mua cho đôi giày patanh, còn cụ già Zakhar ở làng Ivanteevka trồng xong bốn bụi tử đinh hương trên mảnh đất hoang. Cụ nói: ởTôi sẽ không được thấy hoa của nó thì có sao đâu, các cháu của tôi sẽ thấyõ. Nhưng thực ra cụ không có con, mà cũng chẳng có cháu nào cả.

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, đã bắt đầu và đã kết thúc trận hủy diệt Trái đất. Nó kéo dài chỉ năm giây đồng hồ thôi và không ai kịp cảm thấy cái gì hết. Tất cả đã biến mất, cả Lariska, cả Nina, cả xe đạp, cả cô bé sơ sinh, cả bài tụng ca, cả máy bay ném bom, cả mấy bụi tử đinh hương.

Cả tôi lẫn các bạn cũng đều biến mất. Lúc 13 giờ ngày 16 tháng 6 năm 1999, tôi đang làm gì thì tôi không nhớ nữa. Còn lúc đó các bạn đang làm gì nhỉ ?

Inna Malkhanova

1. Truyện ngắn giả tưởng này viết bằng tiếng Nga, do T.M. dịch ra tiếng Việt. Nhan đề do người dịch tự đặt, vì tác giả dùng lối chơi chữ tiếng Nga không thể dịch được.

2. Địa danh có thật.

3. Địa danh giả tưởng.

4. Tác giả nhắc đến vụ xì căng đan: năm 1997, Thủ tướng Nga Stepan Chernomyrdin đi săn gấu bị các tổ chức bảo vệ động vật phản đối.

5. Tác giả nhắc đến việc bắt giết chó chạy rông trong thành phố mà các tổ chức bảo vệ động vật phản đối kịch liệt.

Bạn đọc đã từng theo dõi mục Tạp Ghi của nhà văn
Nguyễn Quốc Trụ
trên Văn Học gần hai năm qua, không thể bỏ qua cơ hội đọc nguyên cả tác phẩm của cây bút phê bình lý luận uyên bác này.
Nhà xuất bản Văn Mới đã phát hành khắp nơi
lần cuối, sài gòn
truyện, ký, tạp văn của Nguyễn Quốc Trụ
Giá 10 Mỹ kim. Văn Nghệ tổng phát hành

Bầy Chim Đen

THIÊN YÊN

gửi bố mẹ

Những con bò
hay những con chim đen
lặng lờ nhai cỏ
bên kia đồi
xuân xanh

trông các ngươi sao buồn bã
khi cuối cùng cũng đã trở về
ngập tràn bốn phía bên trong
là những chuyện riêng tư thầm kín
vết thương vô hình
hãi kinh và phản bội
những ngụm nước mặn mùi sông

trông các ngươi sao buồn bã
khi cuối cùng đã trở về
đen đúa bởi những chia cắt không cùng
đôi cánh quạ xếp lại lần cuối
lời nghẹn ngào đói khát
những hy vọng cong gẫy nát tan

ta nhận ra các ngươi
trong những bài ca
tuôn trào máu thơ từ những ngày xưa
vẫn đàn bò buồn
mãi mãi lang thang
qua những thành phố không tên
của quá khứ/hiện tại/tương lai.

Rốt cuộc các ngươi đã trở về
những con bò buồn bã
hay bầy chim đen đang đậu
không tiếng hát
nhai cỏ
bên kia đồi
xuân xanh.

Rồi cũng qua đi

Nhật Nguyễn

Nàng ngồi dũa móng tay. Móng tay nàng dễ gẫy vì nó mềm và mảnh. Mặc dù đã cố ý phết lên mặt một lớp sơn dày bóng, chăm chút cẩn thận nhưng không khi nào giữ được dài hơn như mong muốn. Nàng lại không thích đắp móng tay giả, có lẽ bởi bị ấn tượng những móng tay sơn đỏ chót, nhọn hoắt của mấy bà phù thủy trong truyện cổ tích mà nàng đã đọc khi còn nhỏ. Huân, chồng nàng, rất ghét cái công việc tẩn mẩn đàn bà mà anh cho là quá sức vô vị. Anh thường càu nhàu: "Chúa sinh ra đàn bà lại kèm theo đủ thứ rắc rối, tốn kém, mất thì giờ". Và để trêu ngươi chồng, mỗi khi rảnh rỗi, nàng lại bỏ ra hàng giờ săm soi mấy ngón tay của mình.

Nàng chẳng có công việc gì để phải bận rộn. Tiệm *grocery* của hai vợ chồng sang lại từ người quen, tuy khá lớn, nhưng mỗi ngày, nàng chỉ ngồi cashier vài tiếng. Khoảng trưa, sau giờ học, đứa con gái lớn ra coi tiệm. Giao phó mọi việc cho hai cha con, mua hàng, tính toán, nàng về nhà lo cơm nước cho bọn trẻ. Tính nàng lúc nào cũng mơ hồ về mọi vấn đề, ngay cả tiền bạc thu nhập. Nhưng bù lại, Huân siêng năng và rất chịu khó. Chỗ nào *sale* là có mặt anh chầu chực, khệ nệ ôm các thứ về cất để bán. *"Con giống cha nhà có phúc"*. Con gái lớn của hai người là bản sao chép thứ hai của Huân, nên thừa hưởng nơi bố đủ mọi thứ tính toán, lời lỗ, thiếu thừa không sót mảy may. Bạn bè nàng thường khen: "Mày thiệt có phước. Làm bà chủ mà không phải động đến móng tay". Nàng không hiểu thật sự mình có phước hay chăng, vì trong cuộc sống vợ chồng xưa nay vẫn bình thản như vậy. Với nàng, mọi thứ trên đời, có, không, thật tình chẳng nghĩa lý gì.

Cách trang trí, xếp đặt hàng hóa trong tiệm cũng giống như hầu hết các *grocery* khác. Đủ loại, từ cây kim, sợi chỉ đến...phi thuyền (đại khái như vậy) tức là muốn mua thứ gì cũng có. Nhưng chiếm nhiều nhất là thứ

nước uống giải khát, bia rượu vô số. Uống để quên sầu hay rầu hơn thì chẳng rõ. Không hiểu tại sao người Mỹ lại thích uống rượu bia nhiều đến vậy. Có hàng chục thứ nước uống có men, loại nặng, nhẹ, nói chung cỡ nào cũng được chiếu cố tận tình..

Lúc rảnh rang, nàng thích quan sát những kẻ ra vào mua hàng trong tiệm. Khách hàng đa số thuộc tầng lớp bình dân, tiền bạc không mấy nhiều, đôi khi lộn cả túi trong, ngoài chỉ để kiếm mấy *cents* lẻ. Mỹ trắng thường là những thanh niên trẻ, đầu hớt trọc, chỉ để một nhúm chỏm trên đầu hay xịt keo dựng ngược sơn xanh đỏ như tài tử xinê đóng phim cảnh đánh đấm, bụi đời. Mỹ đen hầu hết xài *Food Stamp*, đa số giống nhau, tóc quăn tít, mắt và răng trắng nhỡn, cũng khó phân biệt nếu không phải là khách quen. Đàn bà tóc tai cầu kỳ hơn, sấy gội đủ kiểu. Nhưng đặc biệt họ cùng có một mùi giống nhau, nó hăng hắc nồng nồng vị nước đái quỉ. Có lẽ họ thích thú cái mùi hơi rờn rợn đó cũng giống như nàng thích xài loại nước hoa Chanel N 5 hay Coryse Salomé vậy.

Nhan sắc nàng chắc ngó cũng tạm được, thêm chút đỉnh duyên dáng nên có những anh Mỹ đen khi vào tiệm, thường la cà hỏi han mấy câu vớ vẩn, chờ người đẹp ban phát vài nụ cười, hoặc những câu chào hỏi vô thưởng vô phạt mới chịu ra cửa. Ban đầu, nàng cũng hơi ngại, sợ nó phải lòng mình gây lắm nỗi phiền phức. Nhưng lâu dần, nàng thấy cũng thường, chẳng có gì mà phải bận tâm vô lý đến như vậy. Có một anh Mỹ đen, cũng khá đẹp trai, sạch sẽ. Nó có vẻ si tình bà chủ. Mấy ngày đầu, nó thường lân la nơi quầy liếc mắt cười cầu tài, nói chuyện mưa nắng... Hầu như ngày nào cũng thập thò ở tiệm hai, ba lần. Của đáng tội, tiếng Anh nơi nàng chỉ vừa đủ thu tiền và thối tiền, nên có lẽ, nói mãi đối tượng không hiểu, buồn tình nó ôm bình hơi lặn mất. Huân không mấy quan tâm đến những chuyện vặt vãnh, mà anh gọi là "ruồi bu". Đối với anh, tiền bạc, lời lỗ là trên hết. Vợ con sờ sờ ra đó rồi, hôn thú hôn thơ hẳn hòi, phép đạo, đời đủ lễ bộ, biến đi đàng nào mà sợ. Có lẽ Huân nghĩ rằng: Nếu không lấy anh thì cũng chẳng ai chịu nổi cái tính khí lãng đãng bất thường của nàng. Ngẫm nghĩ, nhiều khi lại đúng.

Thấy vợ cứ mãi cầm lên, bỏ xuống cái dũa móng tay, Huân sốt ruột:

- Bộ em không còn việc gì khác để làm sao ?

Lật qua lật lại bàn tay như chẳng quan tâm đến câu nói mát của chồng, nàng hờ hững:

- Biết làm gì ?
- Làm ơn kiểm lại hàng giùm anh. Coi thiếu gì để mua.
- Có con Linh lo rồi.
- Anh thật không biết em muốn gì.

Nàng ương ngạnh:

- Em còn không biết, làm sao anh hiểu được.

Nàng có vẻ muốn chấm dứt ngang mẩu đối thoại. Vì nếu lời qua tiếng lại thêm vài câu nữa, nàng có thể nổi cơn bất tử, đùng đùng bỏ ra về. Rồi lại tái diễn những màn giận hờn, đối với nàng, thật nhàm chán như người ta cứ ăn hoài một món, ví dầu có thêm mắm muối vào cũng chỉ tăng thêm vị chát cay, đắng lưỡi mà thôi.

Huân nói:

- Anh vừa mướn thêm người phụ bán hàng đó.

- Mỹ đen hay Việt nam ?

- Việt nam. Tên nầy mới qua, diện H.O

- Thì tùy anh thôi.

- 5 đồng một giờ. Một ngày làm mười tiếng. 50 đồng.

- Cũng được. Có thêm người phụ anh khuân vác, xếp dọn cũng đỡ mệt.

Giọng Huân nhát gừng khi nhìn mấy ngón tay sơn bóng của vợ:

- Thật ra, nếu em chịu khó như người ta thì mỗi ngày mình không mất 50 đồng.

Nàng định nói: "Thì anh kiếm cái bà nào như người ta mà ưng". Nhưng đổi ý, lặng thinh. Im lặng cũng chẳng mất mát gì. Những câu phàn nàn đại loại như vậy đã quá nhàm tai, quen thuộc với nàng, từ ngày lấy Huân. Công tâm mà xét, nếu Huân có được người vợ lanh lợi, giỏi giang, phụ một tay cùng nhau đỡ đần công việc, chắc anh không đến nỗi vất vả như bây giờ.

Nàng cũng thương chồng. Thương chứ không yêu tha thiết, nhớ nhung sầu não như mối tình đầu trong thời tuổi trẻ. Thời gian đã làm mai một dần những cảm xúc buồn vui mà trái tim nàng, dường như không còn quan tâm đến mọi thay đổi khung cảnh xung quanh. Quả tim mà ngày nào, một chút nắng gió, một cọng lá chao nghiêng cũng làm tâm hồn chợt bâng khuâng, xao xuyến. Có lẽ đời sống vợ chồng chỉ còn gắn bó nhau bởi tình nghĩa, trách nhiệm và bổn phận đối với con cái. Năm tháng, sự mỏi mòn trong đời sống không còn chất liệu để vun xới, nẩy nở mối cảm xúc ở nàng, giống như rễ cây đã khô nước, có cố tưới cách nào cũng chỉ thêm gắng gượng èo uột mà thôi. Hơn nữa, Huân không phải mẫu người đàn ông thật sự nàng cảm thấy sự hòa hợp, dù chỉ ở mức độ tương đối. Tâm hồn Huân cũng đơn điệu như khuôn mặt anh. Sáng sủa nhưng vô duyên, nhạt hơn nước ốc. Hiền lành, đôi khi cục mịch nhưng lại là mẫu người chồng tốt. Nghĩ cho cùng, người đàn bà khi lập gia đình cũng chỉ mong có được một người lo lắng cho mình, an phận thủ thường, không

rượu chè cờ bạc, chỉ biết vợ và con như Huân cũng là điều may mắn lắm rồi. Nàng bằng lòng với cuộc sống hiện tại, với những vật chất sẵn có, dù trong thâm tâm, rất mơ hồ, nàng vẫn cảm thấy một điều gì đôi khi dấy lên âm thầm lặng lẽ. Đó là nỗi buồn, nỗi cô đơn mà không rõ đến từ đâu. Tuy chỉ là thỉnh thoảng, nhưng nó cũng đủ làm nhoi nhói ở phần ngực bên trái, mỗi khi nàng ngồi một mình trong căn nhà yên ắng, hoặc nửa đêm cùng thao thức với tiếng mưa lướt thướt ngoài khung cửa. Một vài lần, mang điều ấy tâm sự với cô bạn, bạn nàng lại lên giọng dạy đời: "Mày đừng đứng núi nầy trông núi nọ". Thật sự, nàng có trông núi đợi non nào đâu. Cũng chẳng hề có tư tưởng thay đổi khác đi, chỉ thảng hoặc trong tận sâu kín đáy lòng, mơ hồ thoáng một khoảng không trống trải mà Huân khó thể lấp đầy, mà hầu như anh chẳng bao giờ quan tâm đến những "trò trẻ con", theo lời Huân thường nói. Tuồng như nàng chỉ là một con búp bê chưng bày trong tủ kiếng, được bảo vệ bởi những ống khóa chắc chắn. Có buồn vui, cảm xúc cũng chỉ quanh quẩn, loay hoay chừng đó trong khoảng không gian cố định, chẳng còn con đường nào khác để lựa chọn.

Huân không có bạn bè. Đối với anh, thì giờ để lo làm ăn buôn bán, kiếm thêm tiền bỏ vào trương mục còn ích lợi hơn là ngồi với nhau nói chuyện văn chương chữ nghĩa, chuyện sinh hoạt tổ chức hội đoàn nầy nọ hay kêu gọi đoàn kết chống cộng. Đôi khi thấy vợ tỏ vẻ bất mãn, Huân lập luận: "Đã bỏ nước chạy qua đây rồi mà còn chống, chèo gì nữa. Chỉ vẽ chuyện". Và là thôi. Sự bất đồng quan điểm giữa hai vợ chồng tuy không có gì rõ rệt, nhưng nàng biết rằng, mơ hồ một phần nào đó, con đường hai người vướng một khúc gấp gẫy làm nàng cảm thấy khó chịu.

Thời gian đầu khi mới qua Mỹ, Huân cũng có một vài người bạn khá thân. Họ nói với nhau về nhiều đề tài, cùng nhắc lại những ngày còn cầm súng chiến đấu, đêm đi kích nằm điểm chờ địch. Nhắc về bạn bè còn mất như một hồi ức quá khứ khó quên. Nhưng rồi, nhắc hoài chuyện cũ cũng lần lượt trùng lặp, nghe mãi đến phát thuộc lòng. Ngay cả tâm tính bất nhất như nàng cũng nhớ từng địa danh, diễn biến sự việc mà nàng chưa từng được tham dự. Giống như cái đĩa hát cũ, chỗ lập lại rên rỉ tiếng rè rè cọt kẹt và chỉ một âm thanh đều đều buồn tẻ đó, kim chưa nhích tới đã biết sẽ nghe tiếp theo những gì. Cho nên, lúc không còn đề tài để nhắc nhở, khi bình trà được châm tới châm lui đến nước thứ ba, nhạt lờ lợ hết mùi vị, họ chuyển hướng, xoay quanh vấn đề sinh hoạt cộng đồng của người Việt tại hải ngoại... Nhóm nầy bất đồng ý kiến tuyên bố ly khai nhóm kia, báo chí được dịp bươi móc đời tư ông nầy, bà nọ ra mổ xẻ, bêu riếu. Họ cùng phấn khởi khi thấy tình hình chính trị Việt nam rối tung, cùng hy vọng tương lai VN tươi sáng hơn nếu có sự đoàn kết, đóng góp

của mỗi người trong phong trào phục hưng Tổ quốc.

Đụng đến vấn đề nầy coi như không có mặt Huân. Anh ngồi nghe, chẳng ý kiến hoặc tỏ thái độ tán thưởng. Tuồng như mọi lời nói như gió lọt vào lỗ tai nầy bay qua lỗ tai kia. Nên, chỉ một vài lần, chẳng thấy ai bình luận gì thêm nữa. Bạn bè Huân, dần dần ít tới chơi, giảm số lần gọi điện thoại, nếu không muốn nói họ có vẻ xa cách anh, có lẽ vì họ không tìm thấy sự tương đắc nơi người bạn chiến đấu cũ. Và Huân, hình như không hề quan tâm về sự thay đổi thầm lặng đó. Có bạn bè hay không, đối với anh cũng bình thường như thời tiết mưa, nắng vậy thôi.

Huân hầu như không thích đọc sách, báo. Càng mù tịt về văn thơ. Nhưng lại hay nói về triết lý. *"Hãy hà tiện thời giờ, không nên lãng phí.* Nelson nói: Hầu hết những thành công của tôi trên đời đều luôn tùy thuộc vào tôi đã nhanh hơn 15 phút trong mọi việc". Do đó, nhanh hơn 15 phút của Huân là giành thời gian còn lại trong ngày, tập trung dí mũi vào mấy tờ báo quảng cáo rao bán sale ở các chợ . Vòng tròn lẩn quẩn giữa hai vợ chồng, mua hàng, buôn bán, kết toán lời lỗ của Huân dần dà lây cả sang nàng. Đôi khi, lúc rảnh rỗi, đọc một bài văn hay trang thơ trên báo, nàng không hiểu thật sự nó còn là một sở thích hứng thú xưa nay của mình, hay chỉ đơn thuần như một thói quen dùng để giết thời giờ.

Mở cửa tiệm lúc mười giờ sáng. Thường nàng đến sớm độ nửa tiếng và ngồi một mình ở chiếc ghế sau quầy tính tiền. Nó như thói quen cũng là nỗi thích thú riêng tư của nàng: Thả lỏng đầu óc thanh thản để nghe một đoạn nhạc cổ điển, nhâm nhi ly cà- phê pha đậm và ăn qua quít chút gì đó cho buổi sáng. Huân đến muộn hơn, sau khi ghé qua chợ mua vài thứ cần bán trong ngày.

Khoảng nửa tiếng sau, một người đàn ông bước vào tiệm. Thấp thoáng ngoài ô cửa kính, cái nón vải kiểu nhà binh đội sùm sụp coi không giống ai. "Chắc người làm mới đây". Cặp mắt liếc xéo. cố ý làm ra vẻ lơ đãng, nàng cũng muốn ngó một chút dung nhan kẻ mới đến xem mặt mũi, tướng tá có nhanh nhẹn, lanh lợi hay không . Thật ra, làm ở tiệm *grocery* chỉ là công việc tạm thời của những người mới qua, trong khi họ chờ đợi kiếm một việc khác tương đối căn bản hơn.

Khi gương mặt người đàn ông xuất hiện sát quầy, một màn chớp lóe sáng, phủ ập, rồi cuộn thành những vòng tròn tối sầm, choáng váng vụt che chắn trước mắt nàng. Mình mơ hay tỉnh đây. Hỡi trời ? Gương mặt nàng đang từ mầu hồng đổi sang mầu xanh tái mét. Mạch máu hai bên thái dương chợt giật từng hồi, gây cảm giác tức ngực, khó thở. Tứ chi dường như tê liệt, miệng ú ớ không thốt nên lời dù chỉ tiếng lắp bắp. Nàng còn nhìn thấy mấy đầu ngón tay mình đang run rẩy cố bám chặt mặt quầy.

Người đàn ông cũng rơi vào tình huống tương tự. Thời gian đứng sững. Hai người ngỡ ngàng nhìn nhau. Bàng hoàng. Tê tái....

Nàng tưởng rằng mình sẽ khóc òa, bởi trái tim dội lồng ngực vang vọng những âm thanh thổn thức, tức tưởi. Giọng nói người đàn ông gần như lạc đi:

- Là...em. Huyền.

Cặp môi tái xanh run run xúc động, nàng nghẹn ngào:

- Sao anh...lại ở đây ?

Vẻ bình tĩnh dần dần trở lại trên khuôn mặt người đàn ông. Chàng lắc đầu như cố xua đuổi những ý nghĩ nào đó, ánh mắt xa lạ dừng trên khuôn mặt nàng:

- Xin lỗi. Tôi đã đến đây làm từ chiều hôm qua. Bà là bà chủ ? Xin phép bà...

Tay nàng hốt hoảng chận ngang khi thấy chàng dợm quay lưng:

- Anh qua đây hồi nào ?

- Hơn một năm.

- Sao anh không tìm em ?

- Tìm bà ? - Nụ cười thoáng chút chua chát - Có cần thiết lắm không?

- Nhưng anh biết là em vẫn hỏi thăm anh mà!

Chàng quay lại, mặt đối mặt. Tuy không gần lắm nhưng nàng tưởng mình vẫn nghe lại hơi hướng quen thuộc từ chàng mà rất lâu, nàng vô tình bỏ quên đâu đó. Vẫn ánh mắt xa lạ ban đầu, chàng nhìn lướt nhanh khuôn mặt ngơ ngác của nàng:

- Bà vẫn vậy, không thay đổi bao nhiêu.

Giọng nàng không giấu diếm vẻ nôn nóng:

- Anh qua đây với ai, Vợ con anh đâu ?

- Tôi đi một mình.

"Tại sao anh không lấy vợ ? " Nàng ngậm ngùi:

- Bây giờ anh ở đâu ?

Một thoáng suy nghĩ, ngần ngừ chợp thoáng qua mắt chàng. Hình như có điều gì mơ hồ giằng co chớp nhoáng lướt vội trong giòng tư tưởng. Nàng tự hỏi không biết điều gì làm chàng phải khó xử như vậy.

- Cũng không xa đây lắm. Nhưng đâu có gì quan trọng, phải không bà ?

Nàng đau khổ, muốn khóc, nghe chừng như quả tim xót nhức nhối bởi mảnh sắt nhọn cứa xát:

- Anh vẫn còn giận em sao ? Thật ra, anh biết không, tuy em đã...

Ý chừng không muốn nghe tiếp lời phân trần của nàng, chàng gấp chiếc mũ bỏ vào túi quần rộng thùng thình, thái độ rất lịch sự:

- Xin lỗi bà. Tôi phải đi làm việc.

Đưa cặp mắt lạc thần, đau đớn nhìn dáng chàng bước vội về phía quầy bếp, giữa mơ hồ hư và thực, giữa sự gặp gỡ xảy ra quá đột ngột, nàng không biết phản ứng tiếp theo của mình sẽ phải làm gì. Chạy lại ôm chàng ư ? Như ngày xưa mỗi lần tìm đến nhau. Hay nói với chàng một lời xin lỗi? Nhưng thật sự mình là người có lỗi chăng ? Chàng kia, trước mắt nàng. Cũng vẫn y nguyên hình dáng quen thuộc, cô độc, lừng lững của người tình từ hơn hai mươi năm về trước. Nỗi nhớ chàng vẫn nằm sâu kín đâu đó tận trong tiềm thức, mối tình thời con gái, của một lần hứa hôn hạnh phúc, tưởng rằng sẽ đớn đau, vật vã nếu phải lìa nhau. Thế mà, nửa cuộc đời sau nàng lại thuộc về người khác "Anh có hiểu cho em không. Em nào đâu muốn vậy". Nước mắt ứa lặng lẽ vòng quanh làm nhòe nhoẹt hình ảnh chàng đang đứng cạnh *freezer*. Chàng vẫn cố tình quay lưng, không một lần ngó lui về phía đằng sau, dù thời khắc nầy thật thuận tiện cho cả hai người, để giải quyết những vướng mắc nợ nần, mà người tình xưa luôn là nỗi ám ảnh đè nặng trái tim nàng.

Xô ghế dợm đi tới, nàng nói vọng sau lưng chàng, âm thanh gần như tắt nghẹn:

- Dù anh có giận em...cũng cho em nói ...

Nhưng bất ngờ, Huân đẩy cửa bước vào. Nàng im bặt. Anh tiến về phía quầy khi thấy sắc mặt xanh tái của vợ:

- Sao đây, ốm hả ?

- Em hơi nhức đầu.

- Ai bảo đọc sách cho lắm vào. Giờ rảnh không chịu nghỉ ngơi cứ dúi đầu vào ba tạp chí lăng nhăng.

Thẫn thờ đi ra cửa như kẻ mất hồn, nàng quay mặt, quệt nhanh giọt nước mắt đang chực trào để chồng không thấy mình đang khóc:

- Em mệt. Em muốn về.

Và chẳng đợi câu trả lời cùng tiếng càu nhàu của Huân, nàng bước nhanh ra cửa như chạy trốn.

Lái xe loanh quanh con phố nhỏ và tìm một quán cà- phê vắng vẻ, nàng chọn chỗ ngồi khuất sâu trong góc nhìn ra đường. Nàng muốn có vài giây phút riêng tư để lấy lại bình tĩnh sau những sự việc vừa xảy ra. Cuộc gặp gỡ quá bất ngờ đột ngột, cho đến lúc nầy, nàng tưởng dường như chỉ là giấc mộng. Nàng nhớ lại. Ánh mắt lạnh lùng, xa lạ mới đây của chàng làm lòng mình tê điếng, khốn khổ. Nó còn nhức nhối, đau đớn hơn cả những lời nói thậm tệ nhất. Chẳng thà chàng trách móc, thậm chí đay nghiến, giận dữ, có lẽ còn thanh thản, nhẹ nhõm hơn. Cả một thời quá khứ, tưởng đã chìm lắng trong vô số những ký ức lộn xộn, lần lượt hiện ra

trước mắt nàng, như một khúc phim dài ngược chậm lại vòng quay dĩ vãng....

Trong gia đình nàng, ai cũng thích tính tình vui vẻ, phóng khoáng của chàng. Thời gian yêu nhau của hai người tuy không lâu nhưng dường như ngày tháng đối với những kẻ đang yêu trở thành vô tận. Nàng thích âm hưởng giọng nói ngọt ngào, thương tính đàn ông dịu dàng, ân cần và chịu đựng hết thảy những tính nết trái khoáy của nàng bằng mắt nhìn độ lượng. Nàng nhớ lại hình ảnh một thiếu nữ trẻ trung, mảnh mai trong chiếc áo lụa vàng ngày đính hôn."Anh chưa muốn lấy vợ bây giờ. Em biết không. Đời lính rày đây mai đó, đâu ai biết được những bất trắc nào đó sẽ.."

Nhưng nàng chấp nhận cuộc đời làm vợ lính, chịu đựng những rủi ro, thua thiệt bằng cái lắc đầu bướng bỉnh. "Nàng đang hạnh phúc, đang bơi trong áng mây đầy ngũ sắc đẹp đẽ. Không phải đó là điều nàng vẫn thường ao ước hay sao ?

Chàng trở lại mặt trận. Đó là đêm cuối cùng họ gặp nhau. Cuộc chiến đã đến giai đoạn khốc liệt, bắt đầu phơi bày bộ mặt thực tàn tệ của nó. Một tháng sau ngày chàng đi, nàng bàng hoàng khi nghe tin tức, nhiều thành phố miền Trung lần lượt thất thủ vào tay Cộng sản. "Em không tin, không tin đâu, anh ơi. Chúng ta không thể nào thua..." Nàng khóc như chưa từng bao giờ được khóc. Nỗi lo sợ sống, còn của chàng còn lớn hơn cả những mất mát chính bản thân mình. Tin tức ngày một xấu. Những kẻ thường vỗ ngực xưng tên yêu nước, kêu gào chiến đấu to mồm nhất lại là những kẻ chuồn lẹ nhất. Tướng Dương văn Minh lên TV tuyên bố đầu hàng, rước bọn CS vào dinh Độc lập. Nàng cuống cuồng chạy khắp nơi hỏi thăm về đơn vị chàng. Không ai biết. Chẳng ai hay. Tuồng như chàng đã biến mất không để lại một vết tích nào. Gia đình chàng từ miền Trung di tản vào Sài gòn tìm đường ra nước ngoài. Mẹ chàng, tóc bạc phơ như già thêm hàng chục tuổi, cầm tay nàng thương xót: "Tội nghiệp con tôi". Nàng ôm bà khóc nức nở, tưởng chừng ôm một phần thân thể chàng trong vòng tay yếu đuối, bất lực của mình. Thấy nàng dùng dằng có ý nán đợi chàng, mẹ nàng hối thúc: "Con phải đi thôi. Tình thế nầy biết nó đâu mà đợi". Rồi lần lượt từng nhà, từng người rời bỏ Tổ quốc. Họ trốn CS bằng đường máy bay, đường biển. Bị xô đẩy, ngơ ngác theo làn sóng người tỵ nạn với dòng nước mắt ràn rụa, nàng biết. Mình đã mất chàng. Mãi mãi.

Ba năm sau. Có tin từ phía họ hàng, rằng chàng đang ở tù tận U minh. Nàng gửi thư, quà nhờ người quen tìm kiếm nhưng tin tức vẫn bặt tăm. Không một dòng thư, chẳng lời nhắn gửi. Biết chàng còn sống là vẫn có ngày gặp lại, dù hy vọng thật mỏng manh. "Anh đang ở đâu. Giữ lại cuộc

sống cho em, anh ơi! ." Nàng vẫn thì thầm điều đó khi nhớ đến người tình mà nàng ngỡ rằng, cuộc sống mình sẽ chẳng còn tồn tại nếu mất chàng.

Rồi Huân đến. Nàng nhận lời lấy Huân mà không hiểu tại sao. Có lẽ cuộc sống xứ người quá mệt mỏi, niềm chờ đợi về người tình đã lụi tàn theo năm tháng, và cũng có thể bởi nàng muốn an phận. Nhưng chắc rằng không cần phải giải thích thêm về điều này vì nó chỉ là sự ngụy biện cho hàng động vội vã của nàng. Huân hội đủ điều kiện để trở thành một người chồng tốt. Mẹ nàng muốn vậy. Và nàng cũng quá chán chường để nói chuyện yêu đương. Đã qua rồi thời tuổi trẻ, cái thời thơ mộng mà trái tim lúc nào cũng thổn thức vì nhớ và khắc khoải mong đợi người tình. Chấp nhận cuộc đời làm vợ như một định luật sẵn có mà con đường nầy người đàn bà nào cũng phải một lần bước qua. Nhưng tự trong thâm tâm, con tim nàng vẫn còn trọn vẹn những nhịp đập run rẩy, tha thiết khi nghĩ đến chàng trong giấc ngủ thoảng giật mình nửa đêm. Dường như nỗi nhớ và niềm hy vọng luôn bám riết, cút bắt không ngừng trong nhịp sống buồn tẻ, dù rằng, nàng không biết mình còn có thể hy vọng được điều gì khác ngoài con đường mình đã tự lựa chọn.

Ly cà-phê đã cạn. Nguội ngắt. Quán vắng vẻ, một vài người khách đang lơ đãng đọc báo. Nàng nhìn đồng hồ. Lờ mờ không nhớ rõ mình đang hiện hữu ở khoảng khắc nào trong ngày. Buồn bã thả cặp mắt ngó mông lung ngoài cửa, nàng ước ao được thở trong cơn mưa đột ngột, vào lúc nầy, có lẽ sẽ làm tâm hồn mình thanh thản, dễ chịu hơn. Nàng nhớ những chiều tắm mưa ở Sài gòn. Mưa ướt lạnh thấm đẫm tóc tai, len lỏi sâu tận tế bào, lay động buốt từng thớ thịt. Tiếng cười nàng thuở ấy, trong trẻo hồn nhiên làm sao! Niềm vô tư đó, bao năm qua tưởng đã dần chìm khuất trong sóng gió cuộc đời. Vậy mà bây giờ nó trở mình quay lại, thôi thúc nào khác gì những cơn mưa bão đang đổn dập kéo về.

Đột nhiên, một ý nghĩ chợt loé nhanh qua trí tưởng. Hốt hoảng đứng bật dậy gần như vô thức, nàng hấp tấp đẩy cạnh bàn, bước vội vàng ra cửa. "Tại sao mình lại không nghĩ đến điều đó, sớm hơn ? Rằng, chàng có thể bỏ đi, tránh mặt. Chẳng phải cặp mắt xa lạ, lạnh lùng khi nãy đã muốn nói điều đó hay sao ?"

Tức tốc quay trở lại tiệm, khổ sở với ý nghĩ không được gặp chàng một lần nữa, nàng muốn khóc. Tiệm vắng. Huân đang ngồi hút thuốc chỗ quầy tính tiền. Đứa con gái lớn chưa ra tiệm. Một vài người khách mua hàng qua lại. Nàng nghe rõ tiếng máy lạnh chạy ù ù và âm thanh chói tai của điệu nhạc Rock vang từ cặp loa ngay góc cửa. Hối hả đưa cặp mắt gần như tuyệt vọng đảo quanh. Phía trong. Cạnh bếp.. Nàng kêu thầm. "Anh đâu? Anh đâu? Đừng bỏ đi, nghe anh". Hy vọng chàng đang đứng khuất

đâu đó sau mấy quầy hàng, nàng phăng phăng bước tới. Nàng thật tha thiết muốn thấy chàng. Rõ ràng, bằng xương bằng thịt, dù thái độ chàng có lãnh đạm, lạnh nhạt tới đâu.

"Anh. Em muốn bù đắp lại cho anh những gì mà mình đã mất từ hơn hai mươi năm về trước. Anh hiểu không. Em sẵn sàng từ bỏ tất cả..." Nàng thổn thức. Đau đớn. Chàng không có ở đó.

Huân dụi đầu tàn thuốc, ngạc nhiên khi thấy nét mặt hớt hãi của vợ:

- Chuyện gì vậy. Sao nói nhức đầu ?

- Gì đâu. Hết rồi.

Huân không hỏi tiếp cũng chẳng quan tâm đến khuôn mặt khác thường của nàng. Anh tiếp tục mồi điếu thuốc khác và cắm cúi đọc bảng danh sách mua hàng cần order cho ngày mai. Đầu bút chì trong tay anh gõ lóc cóc, nhịp từng chập tong tong không ngớt trên mặt bàn làm nàng cảm thấy khó chịu. Nàng quay đầu, tuyệt vọng nhìn lại một lần nữa, phía sau, thầm mong từ góc nào đó, chàng sẽ hiện ra như một phép lạ. Trái tim tê tái, nàng hỏi chồng, giọng nói ra vẻ vô tình mà nước mắt chực trào:

- Cái ông người làm mới của anh đâu rồi ?

Đầu bút chì vẫn gõ cồm cộp:

- Tên "dở hơi" đó hả ?

- Anh nói ai dở hơi ? - Nàng gần như nổi nóng -

- Thì tên HO đó. Khi em về một chút, hắn nói không hợp với công việc nầy và đi một mạch ra cửa...

Nàng hấp tấp ngắt lời chồng:

- Ông đó ở đâu ? Anh có số phôn chứ hả ?

- Phôn phiếc gì. Hắn đến xin việc. Anh nhận rồi làm luôn. Đâu có giờ mà hỏi.

Huân ngẩng đầu nhìn vợ, vẫn giọng đều đều:

- Mấy ông Việt nam mới qua là vậy mà. Ôi, không người nầy thì kiếm người khác. Thời buổi nầy thiếu gì người làm...

"Ờ phải. Thiếu gì người...". Nàng bước dần ra cửa với cõi lòng nặng trĩu. Thiếu gì người ở trái đất nầy nhưng kiếm đâu ra một người như chàng. Thiếu gì đàn ông xung quanh nhưng tìm ở đâu một khuôn mặt yêu thương mà nàng quen thuộc từng cái nheo mắt hóm hỉnh, từng nụ cười khinh bạc. Người tình đến một thời nhưng đã vĩnh viễn ở lại một đời trong cuộc sống còn lại của nàng "Anh.. Sao anh lại bỏ đi". Bờ vai nhỏ run nhè nhẹ với tiếng nấc tủi thân. "Sao không cho em một lời giải thích ". Nàng biết , mình đã mất chàng. Một lần nữa. Dù rằng quả đất tròn, vẫn có thể gặp lại nếu thật sự muốn tìm kiếm. Nhưng để làm gì. Chàng đã trả lời bằng thái độ im lặng và bước quay lưng. Hình phạt đó còn nặng nề, tàn

nhẫn hơn những lời nói làm đau đớn lòng nhau.

Đứng lạc lõng, cô đơn bên lòng đường, nàng ngơ ngác níu kéo những dòng suy nghĩ mà lúc nầy tư tưởng rối bời, xô lệch lộn xộn. "Em biết tìm anh ở đâu". Điệp khúc ấy vang từng hồi, đau đớn, tha thiết tuôn chảy đến tận từng mạch máu nhỏ. Nàng hiểu con người chàng không phải hẹp hòi, cố chấp đến vậy. Chàng bỏ đi vì không muốn làm nàng khó xử, muốn trả nàng yên tâm với cuộc đời làm vợ, làm mẹ mà nàng đã chấp nhận như một số phận. Có lẽ trái tim chàng cũng đau đớn đâu khác chi nàng. "Anh nghĩ rằng. Đó là cách tốt nhất để em quên anh sao?". Nàng khóc rấm rức. "Anh đâu cần phải làm như vậy. Dù thế nào chăng nữa em vẫn yêu anh mà!"

Đứng lẻ loi trong dòng xe cộ ngược xuôi, mặc những giọt nước mắt lặng lẽ lăn dài nối tiếp. Nàng nhớ. Hơn hai mươi năm về trước, bầu trời cũng khan nắng như hôm nay, trong không khí trĩu nặng cô quánh, nàng đứng một mình bơ vơ, hốt hoảng giữa làn sóng người xô đẩy, thất thanh tìm con đường sống. Nước mắt tuôn từng bước rời xa đần chàng. Lòng hỏi lòng biết có ngày còn gặp lại. Bây giờ, hơn hai mươi năm sau, cũng nắng khô, bầu trời thấp, nàng đứng một mình lạc loài giữa lòng phố rộng, cũng từng giòng nước mắt nhạt nhòa theo từng bước chàng xa đần. Gặp lại một lần và đành đoạn bỏ đi. Cuộc đời chia cắt hai người như những ngã rẽ định mệnh, khắc nghiệt. Nàng và chàng tựa như những con thoi chạy trong cỗ máy ngược chiều, biết rằng vẫn sinh tồn, vẫn hiện hữu nhưng ở hai phía khác nhau, máy vẫn chạy, bánh xe nhịp nhàng vận hành theo thứ tự sắp đặt tuần hoàn, nhưng dòng thoi thì lăn mỏi mòn, chìm đắm trong muôn mặt cuộc đời, khó cởi bỏ vòng luân lý trói buộc. Đến khi nhắm mắt xuôi tay, từ giã cõi trần gian lắm tục lụy đảo điên, nàng đã vĩnh viễn mất chàng. Mãi mãi, không cách nào níu kéo, thay đổi được.❐

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

Bìa Khánh Trường, Tựa của Nguyễn Mộng Giác

Giá 10 Mỹ kim. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Liên lạc Văn Nghệ: PO Box 2301 Westminster, CA 92683
USA
Phone: (714) 527-5761

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Bạn đã đọc Don Quixote chưa?

Đối với độc giả Tây-phương, một câu hỏi như vậy có thể làm họ "bực mình". Nhưng số phận của Cervantès cũng giống như của Homer, Dante, hoặc Goethe: họ vừa nổi tiếng vừa bị lãng quên, như thể hào quang của tác phẩm làm cho độc giả (phải) bỏ chạy!

Một nghịch lý đáng yêu như thế đã khiến nhà xb Seuil đưa ra một bản dịch mới nhất tác phẩm khổng lồ này (nữ dịch giả Aline Schulman, 1997).

Đi trước Tartarin de Tarascon của Alphonse Daudet, Don Quixote đã từng võ trang "đến tận răng" để chiến đấu với mấy con sư tử.. ở trong chuồng. Cũng may sư tử không thèm chấp mấy trò trẻ con; khi cửa chuồng mở ra, con vật hào hoa phong nhã, được "ăn học" đàng hoàng (le noble animal, fort bien élevé) nhìn ngang, nhìn dọc rồi quay đít về phía Don Quixote, tiếp tục dỗ giấc ngủ trưa của nó. Và Don Quixote đáng yêu của chúng ta quay qua Sancho, người hầu: Tới Madrid, nếu Đức Vua có hỏi tên ta, mi hãy nói, ta là Hiệp Sĩ Sư Tử, không còn là Hiệp Sĩ Mặt Buồn nữa.

Tạp chí *Văn Học Pháp*, số Oct, 1997, đặc biệt về Cervantès: *Don Quixote hay là sự phát minh tiểu thuyết hiện đại*. Có Carlos Fuentès, một nhà văn lão thành người Mexico, với bài viết: *Cervantès hay là phê bình việc đọc* (sách). Liên hệ giữa tác giả và đất nước Tây-ban-nha, là đầy "trăn trở, xung đột": "Họ là kẻ khác, của chính chúng tôi. Tây-ban-nha, mặt trời và bóng đêm, nửa yêu thương nửa hận thù. Gọi một tên thôi: Đam mê." Trả lời câu hỏi: liệu Don Quixote chết cô đơn? Ông nói: Marthe Robert đã đưa ra câu trả lời chung quyết: Don Quixote chết ngay khi anh ta trở thành có lý.. nhưng cuốn sách của anh ta không chết, nó tiếp tục sống, như một bảng chỉ dẫn, tham khảo về những điều khả thể... Lần đầu tiên trong lịch

sử văn chương, một nhân vật biết (rằng) người ta đang viết (về anh) cùng lúc anh "sống" những cuộc phiêu lưu giả tưởng. Đây là một nạn nhân kép: Don Quixote mất lý trí, không phải một, mà tới hai lần; lần đầu, khi anh ta đọc, lần thứ nhì, bị đọc.

Juan Benet, một tác giả khác, trong cùng số báo, cho rằng Cervantes quyết định tự ban cho mình một huyền thoại riêng, không vay ai, không mượn lịch sử, truyền thuyết, tôn giáo, huyền thoại học.. Nói ngắn gọn: ông ta phát minh ra cái gọi là: Phát minh văn chương.

Trong những hiện tượng hậu *Don Quixote* (xin coi hồi sau sẽ rõ), có một, thật đáng yêu: Từ trưa 23 đến trưa 24 tháng Tư, năm 1996, nhân Ngày Hội Sách, hàng ngàn người, giầu cũng như nghèo, ngoại quốc cũng như bản xứ, đã tụ họp tại Madrid để nghe đọc *Don Quixote*.

Sự bắt chước Đức Ông Don Quixote của chúng ta, là nhan đề bài viết của Simon Leys trên NYR 11 June 1998. Theo ông, qua những cuộc tranh luận này nọ, từ "quixotic" gần như có nghĩa, một sự sỉ nhục, và điều này làm ông ngỡ ngàng. Cung cách mọi người khi nhắc tới, làm cho bạn tự hỏi, không hiểu người đó đã (thực sự) đọc tác phẩm hay chưa. Thật cũng thú vị, nếu có ai đó bỏ công tìm hiểu, Don Quixote có được đọc một cách "đại trà", như tính "bình dân" của nhân vật này. Nhưng chớ đụng đến những con người "có học", bởi vì theo họ, có một số tác phẩm mọi người (phải) đọc, đây là một bổn phận, do bắt buộc của tri thức. Leys thú nhận, chỉ đọc vì thích thú.

Theo ông, người ta có cảm tưởng những nhà phê bình thực sự không thích văn chương: họ không "enjoy" cái thú đọc sách. Tệ hơn nữa, họ thường tỏ ra nghi ngờ, nếu không muốn nói là dè bỉu, những cuốn ăn khách. Dưới mắt họ, cái gì vui, gây cười thường không quan trọng, hoặc không nghiêm túc. Buồn một nỗi, thái độ của họ đã tiêm nhiễm vào chúng ta, một cách vô thức, đưa đến hậu quả: chúng ta quên đi rằng, cho tới nay, những đại tác phẩm đều được viết ra, cho đại chúng, và để mua vui cho họ: Từ Rabelais, Shakespeare và Molière của thời cổ điển tới những tiểu thuyết gia khổng lồ thế kỷ 19 - Balzac, Dumas, Hugo, Dickens, Thackeray - quan tâm chính của những nhà sáng tạo văn chương không phải là để được sự chấp nhận của giới kinh viện, của những chuyên viên thưởng ngoạn, (một việc làm tưởng khó tuy dễ), nhưng mà là để sờ mó tới người ngoài phố, làm cho anh ta cười, khóc, và đây là một "nhiệm vụ" khó khăn vô cùng. Nhìn theo cách đó, *Don Quixote* đã đạt tới mức tối hảo, của thể loại văn chương cổ điển: viết cho nhiều người đọc, càng nhiều bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Và nếu thu được lợi nhuận, càng nhiều bao nhiêu,

càng vui bấy nhiêu!

Bản thân Cervantes chẳng có gì làm người đọc liên tưởng tới những nhà sáng tạo đại tác phẩm. Nguyên là một anh lính quèn, bị thương và trở thành đô bỏ; bị hải tặc tóm, đem bán làm nô lệ ở Bắc Phi, cuối cùng lê về được cố hương Tây-ban-nha, chắc chắn chỉ để chết trong nghèo khổ. Đã từng nếm mùi nhà tù vài lần, đời ông đúng là một cuộc tranh đấu để sinh tồn. Đã từng "dòi phen" viết lách để kiếm ăn, nhưng không thành công: nào kịch, tiểu thuyết đồng quê, hầu hết đã mất dạng, chút còn lại cũng chẳng ghê gớm gì. Chỉ đến gần chót đời, khi đã 59 tuổi, với *Don Quixote*, xuất hiện vào năm 1605, ông mới vớ trúng mỏ vàng: liền lập tức, cuốn sách là một best seller. Tác giả của nó chết, một năm sau khi phần nhì, và là phần cuối của cuốn sách được xuất bản (1615).

Tìm hiểu động cơ khêu gợi trí tưởng tượng của Cervantes, chúng ta ngỡ ngàng: ông đã coi cuốn sách, như *bộ máy chiến tranh (une machine de guerre)*, nhằm chống lại nền văn chương hiệp sĩ, vốn thời thượng lúc đó, và dã dồn hết cả sức lực vào mục tiêu này. Như chúng ta biết, toàn thể cấu trúc của cuốn sách thật giản dị, và được "đề ra" ở ngay vài trang đầu, Chương Một; hàng ngàn trang tiếp theo, chỉ lập đi lập lại "những ứng dụng của nó, vào trong những tình huống khác biệt"; hàng trăm biến điệu (variations), cũng một đề tài. Tác giả, một trưởng giả nhà quê, tốt tính, khôn ngoan, có học, có ít tiền, nhưng thừa thì giờ, cho nên đã "mắc nghiền" văn chương hiệp sĩ lang thang, như lời ông nói: "Ông ta chẳng việc gì để làm, đành chúi mũi vào văn chương hiệp sĩ lang thang, nó làm ông say mê, quên cả việc săn bắn, chăm sóc nhà cửa, đến nỗi cứ bán dần cơ ngơi để mua sách... (cuối cùng) chết đắm chết đuối trong mớ sách vở, đọc "đêm quên ăn, ngày quên ngủ", não bộ khô kiệt, mất luôn sự hiểu biết, túi khôn.. Rồi ông quyết định, biến chính mình, thành một hiệp sĩ lang thang, quên một điều, thời đại hiệp sĩ lang thang đã qua từ lâu rồi. Sau cùng, ông thức giấc, từ cơn mộng, khám phá ra rằng, tất cả những cuộc phiêu lưu tận cùng bằng thất bại, chúng biến ông thành nạn nhân của sự độc ác; điều ông săn đuổi như một chủ nghĩa anh hùng phi lý, thật sự chỉ là ảo mộng! Khám phá sau cùng là tận cùng của thất bại: ông chết vì vỡ tim."

Cái chết của Don Quixote ở trang cuối là tuyệt đỉnh, của không khí toàn câu chuyện. Tôi (Leys) đố bạn đọc đến đây mà không rớt nước mắt. Điều làm ông ngạc nhiên, một tác phẩm lớn lao như thế, tại sao lại bắt nguồn từ một "thông điệp chật hẹp" như vậy: viết chỉ để chống lại thứ văn chương "kiếm hiệp" ba xu, rẻ tiền? Và Leys nhớ đến câu chuyện về Hemingway, khi trả lời một ký giả, về những thông điệp trong tác phẩm của ông: Chẳng có thông điệp nào ở trong đó. Khi cần gửi thông điệp, tôi

đến Bưu điện.

Sẽ có người bực mình thốt lên: Sao? Không có thông điệp trong những tác phẩm lớn của văn chương thế giới? Lẽ dĩ nhiên, nhiều nhà văn, thi sĩ nghĩ rằng, họ có những thông điệp để truyền đi, nhưng thường thường, sau cùng họ đều nhận ra: những thông điệp như thế chẳng quan trọng chi, như thoạt đầu họ nghĩ. Hầu hết những độc giả bây giờ chẳng thèm để ý đến thần học thời Trung Cổ, khi say mê Dante. Và đây là lời khuyên của D. H. Lawrence: Đừng bao giờ tin tưởng nghệ sĩ. Hãy tin câu chuyện kể. Chức năng chính hiệu của một phê bình gia, đó là cứu vớt (save) câu chuyện, ra khỏi nghệ sĩ, kẻ tạo ra nó.

Một trong những phê bình gia bị "dội", khi đọc Cervantes, đó là Nabokov. Thoạt đầu, khi phải soạn cours, ông tính dựa vào hồi ức khi còn trẻ, ông rất mê cuốn sách. Nhưng ông thấy cần phải trở lại với bản văn. Và ông hết sức phẫn nộ, về những sự độc ác, tàn nhẫn, dã man của cách kể chuyện. Ông so sánh sự độc ác dã man với sự sỉ nhục Christ, với những trò tra tấn bách hại của những mật vụ nhà thờ người Tây-ban-nha (Spanish Inquisition), với trò đấu bò hiện đại. Ông tỏ vẻ hết sức thích thú, khi kể tội Cervantes, "làm thịt" cuốn sách, trước thính giả là những sinh viên của ông; khiến đồng nghiệp bực mình, và cảnh cáo: Harvard nghĩ khác. Vài năm sau, ông xin chân giảng dạy, bị bác đơn, ông cảm thấy thật cay đắng, chua chát vì "cái tát gió" này. Chắc còn nhiều nguyên nhân, nhưng không thể loại trừ thái độ của ông đối với Cervantes. Trong những nghiên cứu của ông về tác phẩm, có một, thật thú vị: Nabokov chứng minh rằng, giải pháp cho từng cuộc phiêu lưu của Don Quixote, là gần như không thể tiên đoán được; ông còn so sánh những cú làm bàn và bị ghi bàn - những chiến thắng và thất bại của Don Quixote - với trò chơi quần vợt, thật nghẹt thở: 6-3, 3-6, 6-4,5-7. Nhưng ván chót chẳng bao giờ xảy ra: Cái chết đã xoá sạch tất cả.

Sự "ghê tởm" đã khiến ông "nghỉ chơi" với cuốn sách trong suốt thời gian dậy đại học Cornell: ông không dám đề cập tới nó nữa. Nhưng thái độ thù nghịch này, thực ra là do sự ngưỡng mộ đối với nhân vật của Cervantes, như đoạn cảm động sau đây: (Don Quixote) đã rong ruổi 350 năm xuyên qua những rừng rậm, những hoang địa khô cằn, là tư tưởng nhân loại; và anh ta đã có được sự sống động, và phong thái. Chúng ta đừng cười anh ta nữa. Huy hiệu của anh ta, đáng thương, lá cờ của anh, đẹp. Anh ta là hiện thân của tất cả những gì dịu dàng, trinh nguyên, không một chút vị kỷ, và thói nịnh đầm.

Theo Kundera, Nabokov đã đưa ra một nhận định tiêu cực, đầy tính

gây hấn về Don Quixote: quá lố, ngây ngô, lập đi lập lại, đầy những sự độc ác không thể chịu nổi, không thể tin được; cuốn sách cay đắng, chua chát, dã man nhất cho tới nay đã được viết ra. Nhưng chúng ta không ở trong thế giới của Zola, khi một hành động độc ác nào đó, được miêu tả thật tỉ mỉ, trở thành một tài liệu chính xác của thực tại xã hội. *Don Quixote* bị chèn ép, trở nên không thể hiểu được, khi đụng phải tinh thần Zola, hoặc Mỹ học Lãng mạn, vốn đòi hỏi sự xác tín.

Trong những tác giả tắm đẫm văn hóa Tây-ban-nha là nhà văn Pháp Henry de Montherlant; ông sống ở đó, rành rẽ ngôn ngữ Tây-ban-nha, và đã từng học nghề đấu bò. Ông đọc đi đọc lại bốn lần nguyên tác, và rất khó chịu vì sự "thô bỉ" của Cervantes, khi ông đụng tới một nhân vật "cao cả", kiểu "thánh nữ" của tiểu thuyết lãng mạn. Ngoài ra theo ông, cuốn truyện quá dài, nhiều câu chuyện diễu vô vị, và độc ác. Phản ứng của ông tương tự như của Nabokov, và điều ông bực nhất, đó là Cervantes chẳng hề đưa ra một lời cảm thông nào cho nhân vật, cũng chẳng hề kết tội, về những trò độc ác nhắm vào anh. Nhưng đây chính là nghệ thuật của Cervantes: Những điều chỉ trích ông chính là sức mạnh nghệ thuật của ông: sự bí mật của cái điều giống như chính cuộc đời: Ai trong số chúng ta dám tin rằng cuộc đời vốn thiện vốn mỹ, vốn không hề có sự độc ác? Chúng ta càng thù tác giả bao nhiêu, chúng ta càng tin vào thực tại thế giới của ông, và những nhân vật ông tạo ra.

"Ông chủ hãy coi kìa," Sancho nhắc đi nhắc lại, "những vật trông giống như những người khổng lồ ở dưới kia thực sự không phải là những người khổng lồ, nhưng mà là những cối xay gió." Nhưng ông chủ của anh không nhìn: Don Quixote đọc, và cái đọc của anh nói rằng, đây là những người khổng lồ. Cuốn sách đưa ra một vấn nạn, về tác phẩm lớn: lớn là lớn với đời sống, hay với những cuốn sách?

Trong những ngụ ngôn về Quixote, có một của Jorge Luis Borges: *Một Bài Toán*. Sau đây là tóm tắt:

Chúng ta hãy tưởng tượng, người ta tìm thấy ở Toledo một bản văn bằng tiếng Arabic, được coi như thủ bản của Cide Hamete Benengeli, tác phẩm của Cervantes đã thoát thai từ đó. Qua bản văn chúng ta đọc thấy vị anh hùng (vốn nổi tiếng, đã lang thang khắp xứ Tây-ban-nha, trang bị với cây gươm và ngọn giáo, gặp ai cũng thách đấu, chẳng cần lý do gì hết), vị anh hùng khám phá ra rằng, sau một trong những cuộc chiến đấu như thế, anh ta đã giết chết một người.. Tới đây bản văn đứt đoạn, và bài toán đặt ra là: hãy thử đoán coi Don Quixote xử sự ra sao?

Theo như tôi được biết, có thể có ba câu trả lời. Câu đầu có tính tiêu

cực, nghĩa là, chẳng xảy ra chuyện gì hết; bởi vì trong thế giới hoang tưởng của Don Quixote, cái chết cũng tầm phào như chuyện huyền hoặc, và sự kiện giết chết một người chẳng làm phiền cá nhân đang chiến đấu, hoặc tin rằng anh ta đang chiến đấu, với những quái vật huyền hoặc, và với đám phù thuỷ.

Câu trả lời thứ nhì thuộc về bệnh lý. Don Quixote không hề bao giờ quên một điều, anh ta chỉ là phóng bản của Alonso Quijano, độc giả của những chuyện huyền hoặc; sự kiện nhìn thấy cái chết, hiểu rằng giấc mơ đã đẩy anh ta tới tội ác của Cain, điều này đã đánh thức anh ta, có lẽ hoài hoài, ra khỏi cơn điên khùng.

Câu trả lời thứ ba có lý hơn cả. Một khi người đàn ông chết, Don Quixote không thể cho rằng hành động giết người ghê tởm chỉ là sản phẩm của cơn điên rồ... thế là Don Quixote không làm sao ra khỏi cơn điên của anh.

Câu trả lời chót lại đẩy chúng ta trở về điểm xuất phát: thế nào là tác phẩm lớn? Lớn là lớn với văn chương, hay với cuộc đời?

● Kundera: Áo em trắng quá nhìn không ra..

Viết, trước hết là cho con mình. (Lê Minh Hà, phỏng vấn). Tức là cho một thế hệ sau. Nhưng còn những đứa con "bỏ đi"?

Hạnh về làng, gặp Đoan, người bạn học cũ, và những giấc mơ bình thường của bạn. *"Đoan kể và cười. Nụ cười bình thản của Đoan tôi không hiểu.. Hay là không còn cảm xúc. Hay là Đoan cam chịu đến không còn mặc cảm?..Rồi đứa con của Đoan xuất hiện. "Thằng bé lại nhẩy đánh phốc từ trên thềm xuống sân, làm bầy gà đang lục tục bới rơm táo tác cả lên. Tôi ngạc nhiên thấy nụ cười của Đoan đổi khác. Vẫn lặng lẽ nhưng như có ánh sáng ùa vào. Không dưng tôi lại xúc động. Với cả hai đời chồng, tôi đều không có con. Đã một lần tôi có mang. Nhưng lần đó chồng tôi khuyên bỏ, để không lỡ chuyến đi Pháp.*

Một năm đi Pháp bằng một giáp đi Nga... Người ta nói, Con trong bụng cả bầy, muốn gọi ra lúc nào mà chẳng được, chồng tôi bảo."

Sau đó cô gái không làm sao có mang lại...

Áo em trắng quá nhìn không ra. Vẫn nàng, mà không nàng: la même est un autre. Tác phẩm mới nhất của Kundera (*Identité*, Gallimard, 1998) là một cuộc truy tìm căn cước. Nàng, Chantal, có địa vị trong giới quảng cáo. Chàng, Jean-Marc, là một huấn luyện viên trượt tuyết, khi họ quen nhau. Họ có một cuộc tình hài hoà, tuy khác biệt về income, thu nhập

nàng gấp năm chàng; và về tuổi, chàng trẻ hơn bốn niên. Một bữa, chàng nhìn thấy nàng, từ xa, trên bãi biển. Chàng ra dấu, nàng không nhận ra. Chàng tới gần, hoá ra là một người khác. Một bà xấu xí, và già. Chuyện lầm lẫn một người mà mình yêu thương nhất trên đời, với một "kẻ lạ", là không thể chấp nhận được! Hình như chàng quên đi rằng, khi thực sự yêu ai, người ta có cảm tưởng, nhìn thấy người yêu ở khắp chốn. Trong khi đó, nàng đi bên chàng, nhận ra một điều, những người đàn ông "kém" nhìn nàng, "lười" ngoái cổ lại. Điều này chẳng thú vị gì. Rồi chàng nhận thấy "mặt nàng già cằn, cái nhìn độc ác"; thế là cặp tình nhân, từ yêu nhau suốt đời chuyển qua nghi ngờ, dò xét lẫn nhau.

Chuyện thường thôi, nhưng tác giả đẩy xa hơn, tới "tuyệt vọng của tuyệt vọng". Nguyên nhân chính (chi tiết-chìa khoá): Chandal đã mất một đứa con năm tuổi. Gia đình, bạn bè, ngay cả chồng, "dám" bảo nàng: cứ mang bầu đi, và đứa mới làm quên đứa cũ. Con cả đống ở trong bụng! Người mẹ sau cùng thú tội với đứa con "bỏ đi": *"Bằng cái chết, con đã đem tự do đến cho mẹ. Tự do nhìn thẳng vào thế giới mà mẹ hết còn yêu thương. Nếu mẹ cho phép mẹ, không yêu thương cuộc đời này nữa, chính bởi vì không còn có con. Giờ này, sau bao năm tháng con rời mẹ, mẹ hiểu ra một điều, cái chết của con là một món quà, và cuối cùng mẹ chấp nhận, món quà khủng khiếp đó"*.

Những lời nói của bà mẹ, âm điệu của chúng, là sức nặng, bề dầy của cuốn truyện.

● Nhân một tập truyện: Sự trở về của tiếng nói.

"Bói không ra một cuốn hồi ký trong văn chương Hy-lạp", Virginia Woolf nhận xét. Rồi bà tự hỏi, mấy bà vô công rồi nghề đó (the ladies of the race) làm gì cho hết những buổi sáng "ướt trời", những giờ dài dằng dặc giữa lần uống trà và bữa cơm chiều?

"Ở Athens chẳng sáng nào mưa", một bà bạn giải thích. "Và họ cũng chẳng có thói quen uống trà". A! Vậy là hiểu rồi. Từ những kinh nghiệm về thời tiết như thế, Woolf đưa ra những chẳng giống ai của văn chương Anh - đặc biệt thể hồi ký: Mây mù, hoàng hôn, trời đất con người mệt nhoài thở hắt, cái khí hậu về chiều, *tẩm vào người nỗi chết*. Bà la lên: *Nghệ thuật chết tiệt!*

Đọc *Trăng Góa* của Lê Minh Hà, tôi bỗng nhớ thời thơ ấu của mình, những ngày đông dài dằng dặc, trời đất mù mù ảo ảo, trời chỉ chực sa xuống đất, và con người như chết nghẹt, kẹt cứng giữa trời và đất.

Nhưng tập truyện thực sự không nói về chuyện đó. Nó cũng không

khẳng định thế "thượng phong" của văn chương "viết", của một miền đất vốn là hậu quả tất yếu của một khí hậu; so với văn chương "nói", của một miền đất (khác). Nó đề nghị những ý nghĩ, những tư tưởng - những tư tưởng đến với chúng ta như là những tiếp nối của thống khổ, và sau đó, là hy vọng.

Nguyễn Mộng Giác, trong bài Tựa, sững sờ khi đọc *Trăng Góa*, bởi vì ông vẫn nghĩ *Trăng Góa* tiếp nối truyền thống văn chương "tố cáo", kèm với nó vẫn là một sự thừa nhận, cho dù thế nào đi chăng nữa, "chúng ta" vẫn thắng, trong cả hai cuộc chiến, ở trong (văn chương) lẫn ở ngoài (cuộc đời). Người ta đã chẳng từng cho rằng, hiện tượng cởi trói là "giả đò", và chỉ xảy ra cho những người "tự nguyện". Tác giả Lê Minh Hà viết về mình: Tôi không thuộc lứa người ra trận nhưng lại biết khá nhiều về chiến tranh, bằng những trải nghiệm hoàn toàn trẻ con, đó là sợ hãi nhiều hơn là tự hào. (Phỏng vấn Lê Minh Hà, trong *Văn Học*, tháng Bảy 1998). Cũng trong bài phỏng vấn, tác giả viết "trong nỗi lo sợ", rằng tương lai (các cháu) hoàn toàn xa lạ với những trăn trở ngậm ngùi của bố mẹ.. ở đây, có thể có sự "không được hài lòng" về thời đại của mình ("ngu", như "các cháu" nói...). Liệu có thể nhìn ra, một *thời đại thức tỉnh*: sự không hài lòng (về thời đại "ngu" của mình) có thể làm phiền tới sáng tạo, nhưng nó có thể làm điều ngược lại, tác động như một kích thích tố, bởi vì sau cùng người ta cảm thấy hài lòng khi nghĩ rằng một trong những giai đoạn đáng ghét đáng chán nhất (ngoài ra còn có hận thù?) đã đóng lại. Tác phẩm không là một cố gắng làm giảm bớt gánh nặng của cái gọi là tội tổ tông, cũng không là lời xin lỗi của tác giả trong việc làm vô ích: sửa chữa quá khứ..

(Liệu có quá chăng khi nói "như thế" về một tập truyện đầu tay? Bởi vì người ta vẫn thường "khuyên" hãy chờ xem, thái độ "nuông chiều", ca ngợi có thể "không tốt" cho một tác giả mới "vào nghề". Tôi nghĩ ngược lại: chỉ sợ không kiếm ra lời khen, nhất là với một tác phẩm gây "sững sờ". Nếu một tác giả bị "hư hỏng", vì những lời khen, thì đó không phải lỗi của người điểm sách, như một người thưởng ngoạn văn chương. Hãy khen chê cho đúng, cho hết lời, để mở ra một tác phẩm, một số mệnh văn chương, thay vì đóng nó lại, với truyền thống. Vả chăng có những người viết, chẳng có gì là "non trẻ" khi mới xuất hiện: như trong bài phỏng vấn, Lê Minh Hà cho biết, bà đã say mê viết từ lâu, và đã có gì "riêng" để đọc, từ khi mười lăm, mười bảy. Roland Barthes tin rằng, mỗi nhà văn khi xuất hiện là mở ra trong người đó, một vụ án văn chương, là vậy).

Trăng Góa là một tập truyện ngắn, nhưng nó là một hồi ký, đối với

riêng tôi, về một miền đất. Bên cạnh cô bé ở tỉnh, có một thằng bé nhà quê (là tôi ngày xửa ngày xưa). Nhân vật chính của tập truyện, hình như có một nhân vật (cô gái), trải dài đời mình theo những con chữ. Cô học ở thành phố, nhưng có một làng quê để về, trước khi bỏ đi hẳn. Kỷ niệm về một làng quê, là những gì cô muốn mang theo. *Những câu chuyện như từ trong bóng tối chun ra, như dẫn bóng tối về xóm nhỏ (Về làng).* Nhưng không chỉ có thế. Còn những kỷ niệm của một cô bé mười lăm tuổi, với một "ông chú họ" nhà quê, lần cô về trong dịp sơ tán. Cô theo ông chú ra bờ sông, có những doi cát. *"Phú dẫn tôi đi, dặn luôn miệng: Cẩn thận đừng bước trệch. Thùng đấu đấy.. Sa vào là không cứu được đâu.. Nắng buổi chiều giọi từ sau gáy.. tôi thỉnh thoảng thích chí rùn chân dìm người xuống nước.. một lúc nhô lên, thấy Phú chống xẻng, đứng sững. Tôi phát hoảng lại dìm vội xuống nước, nghĩ đến đôi vú bé chũm cau... chợt biết mình đã lớn. "Ông chú cụt cẳng sau hòa bình, đâu như bị lựu đạn khi bảo vệ điểm bầu cử gì trong Sài goòng.. Phú điềm đạm quá. Sao Phú điềm đạm thế. Phú ngày xưa của tôi.* (Những triền xưa ai đi).

(Nhưng thật cũng khó mà gọi đây là hồi ký, hoặc truyện ngắn. Hay gọi là essay, như Susan Sontag đề nghị: essay không phải là một "bài viết" (article), không phải một suy tư (meditation), không phải một bài điểm sách, không phải một hồi ký, không phải một độc thoại nội tâm (monologue), một chuyện kể du lịch (travel narrative). Không, nó là bất cứ một, trong những thứ đó; là bao gồm, vài thứ đó. Nó tận cùng, ở trong một cuốn sách, nhưng khởi đầu, trên những tạp chí. Cái nó cần, sự thông minh, như là đức hạnh văn chương. Nó là một bài tập nho nhỏ về hoài niệm (nostalgia) của con người, về một miền khí hậu.. Và đây là nỗi "khó khăn" của người viết bây giờ, phải gọi sáng tác của mình là cái gì, gọi (tên) mình là ai? Không một nhà thơ gặp vấn đề khi nói: tôi là một thi sĩ; không một người viết giả tưởng nào lại phải ngần ngại khi nói: tôi đang viết một câu chuyện. Essay không phải là một thể loại (genre). Những mẩu (pieces), tản mạn về.. như giới chủ báo thường gọi? Nhưng có một điều chắc chắn: Tất cả những essay "lớn" đều bắt đầu bằng "Tôi", ngôi thứ nhất. Chính vì vậy chất tự thuật là yếu tính của văn chương hiện đại.

Liệu chúng ta có thể đọc *Trăng Góa*, một thể loại hồi ký, như Woolf đã đọc những *Memoirs* về thời đại Victoria? Tôi nghĩ có thể lắm. Nếu bạn không chọn *Trăng Góa*, đề nghị bạn cuốn khác: *Cát Bụi Chân Ai*, của Tô Hoài. Cũng khối chuyện mù mù ảo ảo, *như người đi đêm*, ở trong đó. ở giữa hai tác phẩm là một khoảng trống khá lớn, phân biệt hai dòng văn chương, hai thế hệ người viết.

Nguyễn Mộng Giác, trong bài Tựa, đã tìm ra những ảnh hưởng của Thạch Lam, Nam Cao trong *Trăng Góa*. Có đấy, mà cũng khác đấy: với những tác giả tiền chiến, là khoảng trống ở trước mặt, một *no man's land,* mà dòng văn chương Tự Lực Văn Đoàn đã "để lỡ", nhường lại cho văn chương hiện thực; là địa ngục - chiến tranh - (sắp sửa) mở ra toang hoác. Ở *Trăng Góa*, một nhà văn vừa đi ra khỏi. Bà viết để tố cáo nó? Không đâu, và đây là thành công của tập truyện, theo tôi. Ngay ở trong địa ngục, người ta vẫn có thể viết về thiên đàng! Trong *Trăng Góa*, chúng ta nhận thấy những chi tiết cực kỳ quí hiếm đó, những chi tiết cực kỳ thơ, về một thế giới cực kỳ không thơ mà Kundera đã nhặt ra cho chúng ta, khi đọc Kafka. Có thể coi, *Trăng Góa* là một kinh nghiệm văn chương về một thất bại (dòng văn chương Tự Lực Văn Đoàn), được thể nghiệm lại: nếu *"Thạch Lam lại dồn hết tài hoa và tâm hồn tinh tế để say mê hương vị cốm mới, vẻ đẹp của gió đầu mùa, đời sống trầm lặng của cô gái ở một phố huyện đìu hiu".. "viết như một người phất phơ đứng ngoài không khí đấu tranh bừng bừng của một gia đình, của thời đại"*, như Nguyễn Mộng Giác nhận định trong bài Tựa, nếu như vậy, những nỗi đau thầm *không thể* bị những tiếng la hét lấn lướt, và nhà văn *chẳng thể nào* yếu thế trước các chiến sĩ! Sự khác biệt giữa Thạch Lam, hoặc Nam Cao với một nhà văn như Lê Minh Hà, theo tôi là như thế này: người ta có thể *đọc* - thật sự là *đọc lại*, *rereading*, một tác phẩm cổ điển như những tác phẩm Tự Lực Văn Đoàn, và đây là lý do, chúng được đưa vào trong sách giáo khoa - như những hình thức chết (dead forms), nhưng người ta đón đọc, chờ đợi, những tác phẩm tiếp theo *Trăng Góa*, của Lê Minh Hà.

Đêm đó tôi mơ thấy cụ nội tôi - Người tôi chưa bao giờ biết mặt
(Nhà ở phố).

Bắt đầu lại từ đầu ở xứ người vào tuổi ngoài ba mươi như thế nào tôi không hình dung được. Biết là chẳng dễ dàng. Biết là sẽ vất vả
(Về làng).

Nhưng, viết là viết cho con mình (Phỏng vấn).

Cho tôi một đời khác, và tôi sẽ hát
ở Caffe Rafaella. Hay giản dị chỉ ngồi ở đó.
Hay đứng ở đó, như cái bàn cái ghế, ở một góc phòng,
trong trường hợp cuộc đời đó không được rộng lượng như cuộc đời trước (Joseph Brodsky: Gửi Con Gái Tôi).

Trong bài viết "K", về Kafka, trong Ngôn Ngữ và Im Lặng (1967), George Steiner khẳng định: "Lò Thiêu Auschwitz vượt ra khỏi lời nói, cũng như vượt ra khỏi lý trí. Nói về "điều không thể nói được" là đụng

chạm tới sự sống còn của ngôn ngữ, như là kẻ sáng tạo và cưu mang sự thực thuần lý, mang tính người. Những từ bị bão hòa bởi những điều dối trá, và sự độc ác không thể gói trọn cuộc đời". Liệu có thái quá không, khi so sánh chế độ toàn trị, với chế độ Nazi, không phải là vấn đề ở đây, khi viết về một tập truyện ngắn mỏng manh của một tác giả mới xuất hiện, nhưng quả thực là trong đó có sự "trở về của một tiếng nói", về một điều "có thể nói được": Hy vọng. Viết là viết cho..

● **Phê bình gia: Những kẻ đứng bên lề.**

Chẳng ai thích tụi mình, *we are not liked, we critics*; một nhà phê bình nước ngoài than thở. Phê bình gia, một thứ cùi hủi, thứ mạt rệp cùng đinh trong xã hội (*The Critic as Pariah*). Tại sao vậy? Ông giải thích: đám sáng tạo nghệ thuật, cũng như người đường phố đều không khoái chúng ta. Với giới sáng tạo, phê bình gia chỉ là một kẻ ăn bám, ăn theo, một kẻ làm không được mà lại lắm mồm, ưa lên lớp về việc viết lách. "Di chúc" của Nguyễn Tuân: khi ta chết nhớ chôn theo một thằng phê bình. Với người ngoài phố, họ có thể, hoặc háo hức, hoặc tò mò muốn học được một điều gì đó, từ nhà phê bình. Nhưng cơn "đói ăn khát đọc" đó không bắt buộc phải "yêu ông thầy".

Hesiod kể chuyện, vào thời trị vì của Kronos, thần "Đêm" đã cho ra đời một số con, trong số đó có Momus, vị thần của những trò đùa cợt, chọc quê. Momus sau trở thành nhà phê bình, cư dân của Olympus. Một vị thần "ngoài biên chế", lẽ dĩ nhiên; nhưng có giấy phép hành nghề (licence) do Zeus ban cho: để kể những sự thực không vui. Thí dụ như chuyện này: sự kiện các bà mụ nặn ra con bò, sẽ "tuyệt vời, hoàn hảo" hơn, nếu sừng của con vật ở dưới con mắt của nó. Như vậy mỗi lần húc ai, nó có thể nhìn thấy "nỗi đau" của nạn nhân. Đây có lẽ là nhà phê bình đầu tiên, ông tổ của ngành phê bình.

"Khi nhìn lại, nhà phê bình thấy cái bóng của viên quan hoạn. Ai muốn làm phê bình gia, nếu kẻ đó "dư sức" làm nhà văn?" (George Steiner). Theo ông, phê bình gia thực sự, là một người đầy tớ của nhà thơ. Nhưng bây giờ, anh ta lại cứ muốn làm chủ, hoặc "bị" người ta bắt đóng vai ông chủ. Anh ta quên "phán", bài học cuối cùng của Zarathrusta: "Bây giờ hãy làm không cần ta." (Now, do without me)

Như vậy, cần chăng, một đội ngũ phê bình? Theo người viết, văn học hải ngoại cần những nhà điểm sách chuyên môn, chân thật và lương thiện. Có được một Thánh Thán, âu đành cầu trời!❐

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Quan Dương, ***Ruột đau chín khúc***, thơ Quang Dương, bìa Vũ Đức Thanh, phụ bản Vũ Đức Thanh, Dương Lê Trầm Quế, tác giả tự xuất bản với sự trợ giúp của thân hữu, tựa của Trần Hoài Thư. Thơ Quang Dương độc đáo ở cách dùng ngôn ngữ mộc đời thường để diễn tả những ý tưởng khác thường của kinh nghiệm đời lính, đời tị nạn. Sách dày 114 trang. Giá 10 MK

Liên lạc: Quang Dương
294 Wright Ave # 297
Gretna LA 70056
Phone: (504) 367-2335

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Nguyễn Đại Bằng, ***Đi tìm Kinh Dịch nguyên thủy***, tập biên khảo trình bày các nghiên cứu sâu sắc và khoa học của giới học giả Trung-hoa-học quốc tế, vừa giới thiệu các phép giải đoán của môn bói Dịch nguyên thủy, đặc biệt là phép đoán thời tiên Tần, chưa từng được ghi ở bất cứ quyển sách Việt ngữ nào. Sách do Làng Văn xuất bản, với lời giới thiệu của Trần văn Tích, dày 270 trang, giá 15 MK.

📖 Cao Xuân Lý, ***Nắng muộn thu vàng***, tập truyện ngắn do Làng Văn xuất bản, gồm 17 truyện của một cây bút chủ lực của Làng Văn, cũng là tác phẩm thứ ba được xuất bản của tác giả, sau "Tan Rã" (1991),

và "Vết thương ngày cũ" (1997). Văn và truyện của Cao Xuân Lý đơn giản, hiền lành, đề cập đến những cảnh ngộ xã hội hoặc tâm lý thường ngày của đời sống. Muốn mua sách liên lạc nhà xuất bản Làng Văn. Tác giả còn có riêng một website trên Internet, địa chỉ: http://members.aol.com/caoxuanly

📖 ***Văn Hóa Việt Nam***, Số 1, Mùa Hè 1998, tạp chí bảo tồn phát huy văn học nghệ thuật xuất bản ba tháng một số tại Houston TX, chủ nhiệm Phạm Quang Tân, Chủ bút Lê Cẩn Thơ, Ban biên tập gồm: Phạm Mộng Chương, Doãn Quốc Sĩ, Xuân Tước, Xuân Vũ, Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhàn, Nguyễn Tấn Hưng, Trần Bang Thạch, Phạm Quang Tân, Lê Cẩn Thơ, Diễm Phượng, Hồng Lan. Đa số những người chủ trương Văn Hóa là những cây bút miền Nam, chú trọng nhiều đến phong tục văn hóa miền Nam. Tạp chí trình bày đẹp, ban chủ trương kêu gọi độc giả chỉ cần đóng góp 3 Mk bưu phí để nhận báo biếu gửi đến tận nhà.

Địa chỉ liên lạc:
PO Box 683276 Houston TX 77268
Phone/Fax: (281) 580-5263
Tel: (626) 288-2696. Fax: (626) 288-2033

📖 ***Đặc san Đại hội Ái hữu Công chánh***, đặc san 1998, của Hội Ái hữu Công chánh nhân dịp đại hội thường niêndo Nhóm phụtrách chuẩn bị đại hội biên soạn (Hoàng Đống, Nguyễn Xuân Hiếu, Nguyễn văn Phổ, Mai Thanh Truyết). Đặc san gồm bốn phần: Ý kiến, Kỹ thuật công chánh, Văn thơ, Thuyết trình Anh ngữ.

Địa chỉ liên lạc: Hoàng Đống, 32 Vista Del Valle, Aliso Viejo, CA 92656-6041

📖 ***Việt số 2***, tập san sáng tác, phê bình & lý luận văn học xuất bản ở Úc mỗi năm hai kỳ vào đầu năm và đầu tháng 7, chủ nhiệm Phan Việt Thủy, chủ bút Nguyễn Hưng Quốc. Chủ đề số 2 là: Sống và Viết ở hải ngoại có bài đóng góp của rất nhiều người cầm bút uy tín thuộc nhiều thế hệ khác nhau, có cả những bài của những người viết lý luận phê bình trong nước. Việt số 1 đã ra đầu năm 1998 với chủ đề: Thơ. Số 3 sắp ra đầu năm 1999 sẽ có chủ đề: Cái mới trong văn chương. Nhìn chung, với khả năng và uy tín của chủ nhiệm chủ bút, tạp san Việt đã qui tụ được nhiều người viết cả Úc châu, Mỹ châu, Âu châu lẫn quốc nội, khiến Việt trở thành một tạp san văn học đáng tin cậy của người Việt tại Úc.

Xem phần quảng cáo để biết địa chỉ liên lạc và giá mua báo.

🕮 ***Doãn Quốc Sỹ Toàn tập***, tập III: Truyện vừa: Dòng sông định mệnh, U hoài, Cúi đầu, Văn Hóa (Houston TX) xuất bản. Theo dự tính của nhà xuất bản Văn Hoá, Doãn Quốc Sỹ Toàn tập sẽ được ấn hành và phát hành trong vòng ba năm từ 1997-1999. Ba tập đã in và phát hành gồm tập III vừa ra và hai tập I (Truyện cổ tích: Sợ Lửa, Hồ Thùy Dương), tập II (Truyện dài: Đi). Giá bán tập I là 15MK, tập II 12MK, tập III 15 MK. Bạn đọc nên liên lạc ngay với nhà xuất bản Văn Hoá để có đầy đủ Doãn Quốc Sỹ Toàn tập. Địa chỉ liên lạc:

Văn Hoá: 2606 Main St. # 112, Houston, TX 77002, USA
Phone & Fax: (713) 528-2606

🕮 ***Nói thầm với đá***, Lệ Hằng:tập truyện ngắn, Tân Thư xuất bản, bìa Khánh Trường, lời giới thiệu của Trần văn Ân, sách dày 180 trang, giá tại Mỹ 10 MK. Như vậy là nhà văn nữ "chuyên trị tình yêu" của thời Sàigòn xưa đã xuất bản được bốn tác phẩm ở hải ngoại: Nghề làm vua, Sa tăng dịu dàng, Năm 2100 và Bên kia là núi. Chủ đề chính các truyện Lệ Hằng viết gần đây vẫn là tình yêu, nhưng như Trần văn Ân nhận xét, tình yêu đã "được lồng vào những chủ đề lớn, và văn phong cũng vì vậy trở nên ngắn gọn, hàm súc". Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa có thể liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 ***Sóng từ trường***, Thụy Khuê: Tiểu luận phê bình, sưu tập những bài viết về các văn nghệ sĩ đủ mọi ngành: Thái Thanh, Bảo Ninh, Trần Anh Hùng, Lê Phổ, Phạm Tăng, Phạm thị Hoài, Lê thị Lựu, Trần Vũ, Võ thị Hảo, Phạm Duy, Bùi Hoàng Vị, Lê Bá Đảng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Huy Thiệp, Bé Ký, Lê Đạt. Nghĩa là đủ cả các ngành hội hoạ, điện ảnh, ca nhạc, thi ca, tiểu thuyết. Thụy Khuê luôn luôn đi tìm một cách hiểu mới, một cách thưởng ngoạn mới trước các tác phẩm nghệ thuật, mà cái mới nào cũng có khả năng gây sốc.

Nhờ không theo lối mòn, nhận định của Thụy Khuê về tác phẩm và tác giả luôn luôn có một vẻ độc đáo riêng, nhất là các nhận định về thơ.

Sách dày 224 trang, Văn Nghệ xuất bản và phát hành, giá 12 MK.

Hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Quy Truong (Silver Springs MD), Trung Viet Bookstore (Montréal Canada), Nguyễn Đỗ Mai (San Jose CA), Lâm Minh Tài (San Jose CA), Người Việt San Diego, Nguyễn Tấn Ich(San Jose CA), Trần Đức Hoan (Westminster CA), Hoàng Trọng Lân (Calgary Canada), Vince Le (San Diego CA), Lê thị May (Amsterdam Netherland), Diem D. Nguyen (Seattle WA), Nhan H. Tran (San Jose CA), Dr. Huỳnh Hữu Cửu (Fountain Valley CA), Lâm Nhung (Sarasota FL), Lê Trung Lập (Orlando, FL), Nguyễn Như Khuê (Springfield VA), Cao T. Nga (Alexandria VA), Nguyễn văn Ký (New Orleans LA), Dr. Nguyễn Tường Giang (Falls Church VA), C.T.T.N. Bích Ngọc (New Orleans LA), Ngô văn Bình (Falls Church VA), Dương Phước Luyến (đổi địa chỉ), Trịnh văn Đáng (Rohnert CA, đổi địa chỉ), Đoàn Nhật (Springfield VA, ngưng mua báo), Chapman Branch Library (Utah, khiếu nại báo thất lạc), Hoà Nguyễn (Newton KS), Võ Hồng San (Campsie, NSW Australia), Nguyễn Ngọc Anh (North Hills CA), Nguyễn Thị Ngọc Chi (Tustin CA), Trần Hoài Thư (New Jersey), Đàm Quang Lâm (Philadelphia, PA), Dieu Le (Bellflower CA), Trương văn Thanh (Elk Grove CA), Nguyễn Huy Thứ (Las Vegas NV), Nguyễn văn Minh (Mission Viejo CA)

● Bài nhận được trong tháng:

"Bài lục bát cho nhau", "Huế vẫn gần đây", "Chiều gặp nhau ở một góc đường" gửi từ San Diego CA, "Ở cùng Như Lai" gửi từ Midleburg FL, "Hẹn ngày chiến thắng", "Tình thơ cho mẹ", "Tưởng niệm Nguyên Sa" gửi từ Rialto CA, Thư Ô. Nguyễn Tường Tứ, (Ottawa, Canada), "Thúy Kiều tái ngộ Kim Trọng" gửi từ Gold River CA, "Đôi lời với TBN & NNT" gửi từ Redmond WA, "Người buổi chiều, họ Hoàng", "Hà đồ sau Trọng Thủy" gửi từ Roxboro, Canada; "Mưa rừng miền Đông" gửi từ Dorchester MA, "Mãn thiên hoa vũ" gửi từ Montréal Canada, "Colombre" gửi từ Milano Italia, "Sân khấu thơ" gửi từ Fountain Valley CA, "Trăng rằm ở Cửa Thuận" gửi từ Rosemead CA, "Nhà văn thích xuề xòa mà viết tinh tế" gửi từ San Gabriel CA, "VP: Nhìn và Thấy" gửi từ Royal Palm Beach FL, "Nhớ rượu", "Thư cuối gửi Duy Xuyên" gửi từ Memphis TN, "Chờ hoa" Đá xanh" gửi từ Fremont CA, "Mảnh tình" gửi từ Anaheim CA, "Tâm khúc biển", "Một mình" gửi từ Raleigh NC, "Truyện H.M.D.:

Huế, Tình, Thực tại hay Dĩ vãng" gửi từ St Laurent Canada, "Trời mây", Căn gác kỷ niệm", "Kiếp sau nguyện hóa thành thân bướm" gửi từ Roslindale MA, "Truyện thơ Nôm Triệu Ngũ Nương" gửi từ McArthur TX, "Người Việt trong tiếng nói" gửi từ Sacramento CA, "Điểm vô lý trong Đ.T." gửi từ Hawthorne CA, "Lancang Jiang Mây bão từ phương bắc" gửi từ Long Beach CA.

Nhắn tin cùng quí văn hữu tặng sách cho Văn Học:

Lâu nay, Văn Học vẫn thường quảng cáo miễn phí cho những sách mới các văn hữu gửi tặng, theo mẫu các bạn gửi về. Số vừa qua, bưu điện buộc Văn Học phải trả thêm một số bưu phí, với lý do: Vì có quảng cáo, nên Văn Học không được xem là BOOK, do đó không được hưởng hạng bookrate. Văn Học có khiếu nại là các quảng cáo trên Văn Học đều miễn phí, như một cách ghi ơn những cộng tác viên đã viết bài cũng miễn phí cho Văn Học, nhưng chưa thuyết phục được nhân viên phụ trách ở bưu điện. Vì thế, từ nay Văn Học chỉ giới thiệu sách của quí văn hữu trong mục "Giới Thiệu Sách Mới", chứ không dành những khung quảng cáo như đã làm từ lâu nay. Mong quí bạn thông cảm.

việt

tập san sáng tác, phê bình & lý luận văn học
xuất bản một năm hai kỳ tại Úc
Chủ nhiệm: **Phan Việt Thủy**
Chủ bút: **Nguyễn Hưng Quốc**
Phát hành vào đầu năm và đầu tháng Bảy

Giá dài hạn:
Tại Úc: một năm 12 Úc kim. Hai năm : 20 Úc kim
Các nước khác:
Một năm : 16 Mỹ kim (máy bay), 10 Mỹ kim (đường thủy)
Hai năm: 30 MK (máy bay), 18 MK (đường thủy)
Ngoài Úc xin trả bằng International Money Order
Ghi trả cho **TAP CHI VIET** và gửi về địa chỉ;
P.O. Box 64, Altona, VIC 3018 Australia
Tel: (03) 9315 0561, (03) 9688 4308, (03) 9688 4049
Email: tuannguyen@vut.edu.au hoặc viet@vietnet.com.au
Địa chỉ trên Internet: http://www.vietnet.com.au/viet/
Số 2 chủ đề: **Sống và Viết ở hải ngoại** đã phát hành

Bạn đọc đã từng theo dõi mục Tạp Ghi của nhà văn
Nguyễn Quốc Trụ
trên Văn Học gần hai năm qua, không thể bỏ qua cơ hội đọc nguyên cả tác phẩm của cây bút phê bình lý luận uyên bác này.
Nhà xuất bản Văn Mới đã phát hành khắp nơi

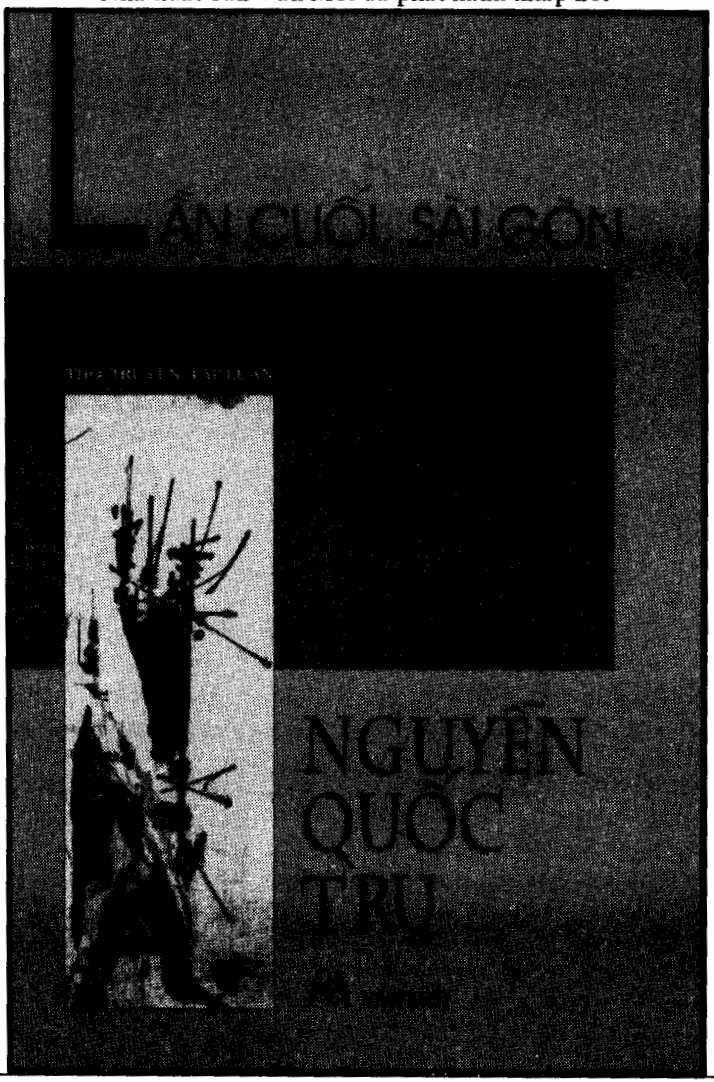

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối (Hết)
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00
Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Lời Của Quá Khứ (Hết)
Tập truyện Khế lêm, giá $7.00
Sống Và Viết (Hết)
Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện Hoàng Thị Bích Ti, giá $8.00
Dấu Quê
Thơ Khế lêm, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích Dấu Huyền
Tạp bút Đặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Lần cuối, Sài Gòn
Thơ, truyện, tạp luận Nguyễn Quốc Trụ, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,

từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

nguyễn xuân thiệp
tôi cùng gió mùa

Văn Học

Sau khi xuất bản tập *Thơ Khoa Hữu*, tạp chí Văn Học lại sắp xuất bản tác phẩm đầu tay cho một nhà thơ hàng đầu khác từng đăng nhiều thơ trên Văn Học: Nguyễn Xuân Thiệp.

Xin bạn đọc đón đọc:

tôi cùng gió mùa

thi phẩm của

Nguyễn Xuân Thiệp

Bìa Đinh Cường. Tạp chí Văn Học xuất bản

NXB VĂN NGHỆ
P.O.BOX 2301,
WESTMINSTER, CA 92683. USA
TEL: **(714)527-5761**

SÁCH MỚI

SÀIGÒN TRONG MẮT TÔI, *Biên Khảo* Phụng Nghi 12MK
DÒNG THAMES THÌ THẦM, *Phiếm Luận* Vĩnh Phúc 12MK
THỰC PHẨM RAU ĐẬU
QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *Biên Khảo* Tâm Diệu 12MK
LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện* Võ Đình 11MK
CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *Tiểu Luận Chính Trị* Nguyễn Minh Cần 18MK
THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL., *Truyện* Lê Tất Điều 11MK
ĐẠO ĐỨC KINH LÃO TỬ, Cựu Luật sư Đinh Sĩ Trang
dịch chú thích dễ hiểu, gồm Anh Việt Hán 20MK
NHÌN CÂY THẤY RỪNG, 16 cuộc phỏng vấn liên quan Việt Nam
nhiều khám phá lý thú, Đỗ Quyên 18MK

SÁCH PHÁT HÀNH

TRẮNG GÓA, *Tập Truyện* Lê Minh Hà
nhà văn nữ trẻ tị nạn ở Đức 10MK
ĐỊNH NGHĨA CUỘC ĐỜI, Trần Văn Điền 12MK
KHÍ CÔNG PHƯƠNG PHÁP BS Trần Huỳnh Huệ
DƯỠNG SINH & TRƯỜNG THỌ BS Nguyễn Xuân Hùng 13MK
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN Đặng Trần Huân 10MK

** Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK, thêm 3MK cho sách 19MK đến 28MK. Riêng Đêm Giữa Ban Ngày thêm 5MK.*

** Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.*

Giá:$4.00